

Hội tập Kinh: Đại lão Cư sĩ Hạ Liên Cư
Chủ giảng: **Lão pháp sư TỊNH KHÔNG**
(Lần giảng thứ 10 - Năm 1998)

THUYẾT GIẢNG
PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA
VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM
THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

TẬP 6
(VCD 051-VCD 060)



Cản dịch: **Vọng Tây Cư sĩ**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Phật Lịch 2559-Dương Lịch 2015

MỤC LỤC

PHẦN THỨ III: CHÁNH KINH.....	15
(VCD 051)	15
PHẨM THỨ BA: ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI.....	15
CHÁNH KINH: “Nhĩ thời Thế Tôn oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sớng biểu lý, hiện đại quang minh sở thiên bách biến”	15
Thứ nhất: “Nhĩ thời”	16
Thứ hai: “Oai quang hách dịch”	16
Thứ ba: “Như dung kim tụ”	17
Thứ tư: “Hựu như minh kính”	17
Thứ năm: “Ảnh sớng biểu lý”	17
Thứ sáu: “Hiện đại quang minh, sở thiên bách biến”	21
CHÁNH KINH: “Tôn giả A Nan tức tự tư duy: “Kim nhật Thế Tôn sắc thân chư căn duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, từng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến”. Hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm”	21
Thứ nhất: “Tôn giả A Nan tức tự tư duy: “Kim nhật Thế Tôn”	22
Thứ hai: “Sắc thân chư căn duyệt do thanh tịnh”	22
Thứ ba: “Quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm”	23
Thứ tư: “Từng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến”	23
Đại thừa A La Hán là địa vị gì vậy?	25

Vậy những người chân thật có thể tin tưởng được là loại người nào?	27
Vậy thế giới do đâu mà loạn vậy?	28
Thứ năm: “Hi đăc chiêm ngưỡng, sanh hi hữu tâm”.....	29
CHÁNH KINH: “Tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, trường quy hiệp chuông”	30
Thứ nhất: “Tức tùng tọa khởi”	33
Thứ hai: “Thiên đản hữu khiên”	33
Thứ ba: “Trường quy hiệp chuông”	36
CHÁNH KINH: “Nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo”.	37
(VCD 052)	38
Thứ nhất: “Nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định”	38
“Đại tịch định”	38
Tại vì sao phải buông bỏ?	42
Thứ hai: “Trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo”	44
Một là “Kỳ đặc pháp”	44
Hai là “Trụ chư Phật sở trụ”	45
Tâm Bồ Đề là gì?	46
Cái gì gọi là “Trực tâm” (hay “Chí thành tâm”)?	46

Cái gì gọi là Thâm tâm?.....	46
Sau cùng “Hồi hướng phát nguyện tâm”?	47
Cái gì gọi là niệm?	48
Ba là “Đạo sư chi hạnh”	58
Bốn là “Tối thắng chi đạo”	58
(VCD 053)	63
CHÁNH KINH: “Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm, vị niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết”.	64
Thứ nhất: “ Khứ, lai, hiện tại, Phật Phật tương niệm ”	66
“Văn ngôn văn” là gì?.....	69
Một là “ Khứ, lai, hiện tại ”	71
Hai là “ Phật Phật tương niệm ”	72
Ai là Phật vậy?	72
Vậy cái không gian này rốt cuộc có bao nhiêu độ? .	73
Không gian làm thế nào tạo thành?	73
Cái gì gọi là phổ độ chúng sanh?	77
Người thế nào gọi là vô duyên?	78
Người thế nào có duyên?	78
Giáo học của Thiên tông như thế nào?.....	80
Giáo học của Giáo hạ như thế nào?.....	80
Trong Phật pháp gọi Phật là ai?	81

Trong nhà Phật gọi ma là gì vậy?.....	81
Thứ hai: “Vị niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da”	81
Thứ ba: “Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ”	82
Thứ tư: “Nguyện vị tuyên thuyết”	84
CHÁNH KINH: “Ư thị Thế Tôn cáo A Nan ngôn: Thiện tai, thiện tai! Nhữ vị ai mẫn lợi lạc chư chúng sanh cố, năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa”	84
Thứ nhất: “Ư thị Thế tôn cáo A Nan Ngôn”	85
Thứ hai: “Thiện tai, thiện tai”	85
Thứ ba: “Nhữ vị ai mẫn lợi lạc chư chúng sanh cố”	86
Hòa thượng là ai?.....	87
(VCD 054)	89
Thứ tư: “Năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa”	90
CHÁNH KINH: “Nhữ kim tư vấn, thắng ư cúng dường nhất thiên hạ A La Hán, Bích Chi Phật, bố thí lũy kiếp chư thiên nhân dân, quyền phi nhuần động chi loại, công đức bách thiên vạn bội”	92
Thứ nhất: “Thắng ư cúng dường, nhất thiên hạ A La Hán, Bích Chi Phật”	94
Một là “Thắng ư cúng dường”	94
Hai là “Nhất thiên hạ”	95

Ba là “A La Hán, Bích Chi Phật”.....	96
Thứ hai: “ Bồ thí lũy kiếp ”.....	97
Một là “Bồ thí”.....	97
Hai là “Lũy kiếp”.....	107
Thứ ba: “ Chư thiên nhân dân, quyền phi nhuyển động chi loại ”.....	108
Thứ tư: “ Công đức bách thiên vạn bội ”.....	109
CHÁNH KINH: “Hà dĩ cố? Đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh, giai nhân nữ vấn nhi đắc độ thoát cố.”.....	110
Thứ nhất: “ Hà dĩ cố ”.....	110
Thứ hai: “ Đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh ”.....	110
Một là “Đương lai”.....	110
Hai là “Chư thiên nhân dân”.....	110
Ba là “Nhất thiết hàm linh”.....	111
Thứ ba: “ Giai nhân nữ vấn nhi đắc độ thoát cố ”.....	111
(VCD 055)	115
CHÁNH KINH: “A Nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi, cắng ai tam giới, sở dĩ xuất hưng ưu thế, quang xiển đạo giáo, dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi”.....	117
Thứ nhất: “ A Nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi ”.....	118
Một là “A Nan”.....	118
Hai là “Như Lai dĩ vô tận đại bi”.....	118

Thứ hai: “ <i>Cãng ái Tam giới</i> ”	120
Cái gì gọi là thời tiết nhân duyên?	120
Thứ ba: “ <i>Sở dĩ xuất hưng u thế</i> ”	123
Thứ tư: “ <i>Quang xiển đạo giáo, dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi</i> ”	124
Một là “Quang xiển đạo giáo”.	124
Hai là “Dục chứng quần manh”.	124
Tiêu chuẩn của thiện ác:	125
Vậy làm thế nào đột phá không gian duy thứ?	129
Ba là “Huệ dĩ chân thật chi lợi”.	130
 (VCD 056)	 134
Tâm Bò Đê Làm thế nào để phát?	139
Chúng ta học Phật như thế nào?	140
CHÁNH KINH: “Nan trị nan kiến, như Ưu Đàm hoa, hy hữu xuất hiện. Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiều ích”.	141
Thứ nhất: “Nan trị nan kiến”	141
Thứ hai: “Nhu Ưu Đàm hoa, hy hữu xuất hiện”	144
Thứ ba: “Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiều ích”	144
CHÁNH KINH: “A Nan! Đương tri Như Lai Chánh Giác, kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại, năng ư niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp, thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm”.	145
Thứ nhất: “ <i>A Nan! Đương tri Như Lai Chánh Giác</i> ”	145
Một là “A Nan đương tri”.	145

Hai là “Như lai chánh giác”.....	147
Thứ hai: “ <i>Kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại</i> ”.....	148
Một là “Kỳ trí nan lượng”.....	148
Hai là “Vô hữu chướng ngại”.....	149
Thứ ba: “ <i>Năng w niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp</i> ”.....	149
Làm thế nào mới có thể siêu việt không gian và thời gian?.....	151
Thứ tư: “ <i>Thân cập chur căn, vô hữu tăng giảm</i> ”.....	154
(VCD 057)	156
CHÁNH KINH: “Sở dĩ giả hà? Như Lai Định huệ, cứu sống vô cực. Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tự tại cố”.....	156
Thứ nhất: “ <i>Sở dĩ giả hà</i> ”.....	157
Thứ hai: “ <i>Như Lai định huệ, cứu sống vô cực</i> ”.....	157
Tám tướng thành đạo là địa vị gì vậy?.....	158
Phản Chứng Tứ Phật bao gồm những vị thứ nào?.....	159
Một là “ <i>Như Lai định huệ</i> ”.....	159
Phật của mười pháp giới tương đương quả vị gì của Viên Giác?.....	160
Hai là “ <i>Cứu sống vô cực</i> ”.....	161
Nguyên nhân dựng công không có lực?.....	162
Làm thế nào để xây dựng tín tâm?.....	162
Cam lộ là gì?.....	163
Liễu sanh tử là gì?.....	164

Thứ ba: “ <i>Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tự tại cố</i> ”....	165
Một là “ <i>Ư nhất thiết pháp</i> ”	166
Là tất cả pháp, chính là tất cả pháp thể xuất thế gian....	166
Hai là “ <i>Tối thắng, tự tại cố</i> ”	166
“Vô tứ tướng” là gì vậy?.....	169
Chánh niệm, vọng niệm từ chỗ nào mà phân biệt?	170
Mười loại Tự tại	174
Loại thứ nhất: “ <i>Mạng tự tại</i> ”	174
Phương pháp chuyển đổi đoạn mạng thành vô lượng thọ	
ở chỗ nào vậy?	175
Cách chuyển từ nghiệp lực sang nguyện lực như thế	
nào vậy?	177
(VCD 058)	178
Loại thứ hai: “ <i>Tâm tự tại</i> ”	180
Loại thứ ba: “ <i>Đời sống vật chất tự tại</i> ”	183
Loại thứ tư: “ <i>Nghiệp tự tại</i> ”	186
Loại thứ năm: “ <i>Thọ sanh tự tại</i> ”	190
Loại thứ sáu: “ <i>Giải tự tại</i> ”	193
Loại thứ bảy: “ <i>Nguyện tự tại</i> ”	197
Loại thứ tám: “ <i>Thần lực tự tại</i> ”	200
Loại thứ chín: “ <i>Pháp tự tại</i> ”	2001
Cái sau cùng, thứ 10: “ <i>Trí tự tại</i> ”	202

(VCD 059)	203
CHÁNH KINH: “A Nan đế thánh, thiện tư niệm chi, ngô đương vị nữ, phân biệt giải thuyết”	203
Thứ nhất: “A Nan đế thánh”	203
Thứ hai: “Thiện tư niệm chi”	203
PHẨM THỨ TƯ: PHÁP TẠNG NHÂN ĐỊA	215
CHÁNH KINH: “Phật cáo A Nan: Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp. Thời vị chư thiên cập thế nhân dân thuyết kinh, giảng đạo.”	215
Thứ nhất: “Phật cáo A Nan”	219
Thứ hai: “Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị, vô ương số kiếp” ...	220
Thứ ba: “Hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian tự tại Vương Như Lai”	221
Tại vì sao Phật ở thế gian này xưng là Thích Ca Mâu Ni?222	
(VCD 060)	225
Thứ tư: “ <i>Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn</i> ”	225
Đức hiệu thứ nhất: “ <i>Như Lai</i> ”	226

Bạn hỏi nếu như không nghe kinh chỉ dựa vào niệm Phật để thành tựu có được không?.....	237
“Như” là cái gì vậy?.....	238
Đức hiệu thứ hai: “ <i>Ứng Cúng</i> ”	240
Đức hiệu thứ ba: “ <i>Đẳng chánh giác</i> ”.....	243
Chú giải:.....	248

KHAI KINH KỆ

Phật pháp cao siêu rất thẳm sâu,
Trăm ngàn muôn kiếp khó tìm cầu.
Con nay nghe thấy chuyên trì tụng,
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa nhiệm mầu.

NAM MÔ BỔN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT! (3 lần)

PHẦN THỨ III: CHÁNH KINH (tiếp theo)

(VCD 051)

PHẨM THỨ BA ĐẠI GIÁO DUYÊN KHỞI

Phẩm này là phát khởi (là Phần tựa của bốn kinh) nói rõ bộ kinh này là nhân duyên phát khởi lần pháp hội này.

Ở trong chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vận dụng cả 5 loại nguyên bản dịch, quý vị có thể tham khảo đối chiếu lại xem, đó là một việc rất tốt. Bây giờ mời xem kinh văn.

CHÁNH KINH: “Nhĩ thời Thế Tôn oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sướng biểu lý, hiện đại quang minh sở thiên bách biến.”

[Dịch nghĩa: Lúc bấy giờ đức Thế Tôn oai quang rạng rỡ như khối vàng nung, lại cũng như gương

sáng trong ngoài sáng tỏ, hiện quang minh lớn, biến hiện ra mấy trăm ngàn thứ.]

Đoạn này là nói Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành, đây là dẫn khởi nhân duyên thù thắng của lần pháp hội này.

Thứ nhất: **“Nhĩ thời”** [Lúc bấy giờ]

Trong “Phần tựa” chúng tín đã nói ra rất nhiều, tán thán trí tuệ, đức năng của Bồ Tát đến dự hội, chúng ta cũng đã từng nói qua, nói rất tỉ mỉ với các đồng tu. Sau khi giới thiệu phần chúng tín xong, “Nhĩ thời” chính là lúc pháp hội bắt đầu, đại chúng tụ hội đến tham dự pháp hội mọi người đều đã đến đầy đủ (giống như thánh chúng chúng ta). Chính vào ngay lúc này Thế Tôn “Oai quang hách dịch”.

Thứ hai: **“Oai quang hách dịch”** [Oai quang rạng rỡ]

“Oai” là oai đức, oai thần của Thế Tôn; “Quang” là quang minh; “Hách” là rất tường tận; “Dịch” là ý nghĩa tươi tốt.

Chính là nói, lúc này dáng vẻ của Thích Ca Mâu Ni Phật hiển lộ rất thù thắng, rất là khác thường so với lúc khác. Mỗi một đại chúng dự hội đều nhận ra được rất rõ ràng. Phía sau nêu ra một thí dụ.

Thứ ba: **“Nhu dung kim tụ”** [Nhu khối vàng nung]

Thí dụ này rất hay. Chúng ta đọc được ở trên kinh thường dùng sắc vàng để hình dung sắc tướng của Phật. Vàng là một trong bảy báu, vàng sở dĩ được người thông thường xem rất là quý trọng bởi vì vàng ở trong bất cứ tình huống nào, nó không biến sắc, màu sắc của nó vĩnh viễn là tươi đẹp, nhất là khi vàng ròn tan chảy trong nhiệt độ cao, màu sắc đó càng đẹp. Dùng cái này để thí dụ cho vẻ mặt của Phật hôm đó. Vẻ mặt của Phật có thể nói còn thù thắng tươi đẹp hơn cái thí dụ này, không tìm ra một chút kém khuyết nào, chính là lấy cái ý này.

Thứ tư: **“Hựu như minh kính”** [Lại cũng như gương sáng]

“Minh cảnh” là trong ngoài phát sáng. Phía sau nói tiếp.

Thứ năm: **“Ảnh sớng biểu lý”** [Trong ngoài sáng tỏ]

“Ảnh” là quang ảnh. Quang ảnh là nói ở bên ngoài, biểu thị bên ngoài của Phật.

“Sớng” là biểu thị bên trong một chút chướng ngại cũng không có.

Từ biểu thị bên ngoài này có thể thấy được bên trong, đây là nói sắc tướng của Phật.

Chúng ta thường nói sắc tướng của người này là trong suốt, cái thân thể này trong suốt, đích thực là như vậy. Vậy thì cái tướng này tốt, nếu dùng lời thông thường hiện tại mà nói thì đó là hình tướng rất là khoẻ mạnh.

Phàm phu vì sao trong và ngoài không thấu suốt? Là bởi vì phàm phu có vọng tưởng, có phiền não, có lo lắng, có vướng bận, cho nên trong sắc tướng của phàm phu là tối tăm, một mảng mờ mịt.

Chư Phật Bồ Tát đã đoạn hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên trong ngoài của các Ngài trong suốt. Phàm phu thông thường chúng ta, trong chính mình là một mảng bòn chòn cho nên không có năng lực thấy được người khác. Thế nhưng thế gian này có một số người tu hành, tu hành có được chút định lực, cũng chính là nói họ có năng lực hàng phục được phiền não. Tuy rằng những người này chưa phải là đoạn được, mới chỉ hàng phục, cũng là thông thường chúng ta gọi là công phu thành khối. Loại người này tâm thanh tịnh, phiền não ít, phiền não rất nhẹ nên họ liền có năng lực xem thấy tất cả sắc thân của chúng sanh, cũng có thể xem thấy bên trong của sắc thân. Hiện tại chúng ta gọi họ là có công năng đặc

biệt, hoặc giả có người gọi họ là có cặp mắt X quang, đều thuộc về loại này. Trong Phật pháp cũng gọi là “Thiên nhãn thông” nên họ liền có thể xem thấy bên trong của một người. Cho nên thân thể của bạn có phải là trong suốt hay không, họ vừa nhìn là liền biết được. Nếu như là trong suốt thì công phu tu hành rất cao, chí ít phiền não đã không còn khởi hiện hành, thân tâm trong suốt, đó nhất định không phải là người phạm vì phạm phu không làm được cái thân thể này là trong suốt.

Năm xưa khi tôi giảng kinh ở Maiami - Hoa Kỳ, đã từng thấy có một người Mỹ, ông ấy có thiên nhãn, đây cũng chính là công năng đặc dị. Khi tôi giảng kinh ông ấy cũng đến nghe, ông xem thấy cuốn “Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải”, đây là chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, phía trước có một tấm hình của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, chúng ta in ở trên quyển kinh. Người này thấy ảnh tượng này của lão cư sĩ Hạ Liên, ông ấy nói thân thể của lão cư sĩ là trong suốt. Ông nói với tôi:

- Con người này không phải là người bình thường.

Cho nên chúng tôi cảm thấy kỳ lạ, vì nếu như ông ấy thấy được thân thể thực của Hạ lão là trong suốt thì còn có thể nói được thông, nhưng ông ấy chỉ

thấy được một tấm hình, nói hình ở trên tấm hình là trong suốt, chúng ta rất khó mà hiểu được. Thế nhưng ông ấy nói về lão Hạ Liên (con người của Hạ Lão này, ông cũng chưa từng thấy mặt, cũng chưa từng nghe nói qua, từ trước đến giờ chưa từng nghe nói qua), nói sơ qua trên tổng thể thì rất là chính xác. Ông ấy nói:

- Con người này hiện tại không còn ở đời, con người này là người tái sanh.

Ông còn nói là:

- Năm xưa khi còn ở đời, con người này cũng gặp phải một số khó khăn.

Những điều ông nói ra đều là rất gần với sự thật, cho nên ở ngay trong lời nói này, có thể phán đoán lời của họ nói ra là đáng tin, không phải là giả.

Nếu đạt đến “*Ảnh sướng biểu lý*” [Ảnh thông ra ngoài], vậy thì có công phu tương đối rồi, đó là hình dung thân thể của Thích Ca Mâu Ni Phật trong ngoài trong suốt, ánh sáng phát ra “*Oai quang hách dịch*” [Oai quang rạng rỡ], bên ngoài thì biến chiếu pháp giới, bên trong còn chiếu đến tự tánh. Đó là ý nghĩa biểu thị của “Ảnh sướng”: “Ảnh” là biểu hiện bên ngoài, “Sướng” là nói lý, nói bên trong.

Thứ sáu: “**Hiện đại quang minh sở thiên bách biến**” [Hiện quang minh lớn, biến hiện ra mấy trăm ngàn thứ]

Ngay trong quang minh biến hoá vô lượng, nó là biến động. Chỗ này khiến cho chúng ta thể hội Phật quang phổ chiếu pháp giới, ở pháp hội này không hề khác nhau với cảnh giới trên “Kinh Hoa Nghiêm” cũng là biến chiếu pháp giới. Pháp giới, thể tánh, hiện tướng, sự lý, nhân quả, chuyển biến vô lượng vô biên. Cái cảnh giới này là ở ngay trong “*Đại quang minh*” hiển lộ ra. Đó là cảnh giới không thể nghĩ bàn.

Phật hiện ra loại cảnh giới này, nhất định không phải là ngẫu nhiên, mà quyết định là có đại nhân duyên, nếu không thì Phật sẽ không hiện ra cảnh giới thù thắng như vậy, cái cảnh giới này rất là hy hữu.

Năm xưa ngay trong hội này Tôn giả A Nan đã thấy được.

CHÁNH KINH: “Tôn giả A Nan tức tự tư duy: “Kim nhật Thế Tôn sắc thân chư căn duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, tùng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến”. Hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm”.

[Dịch nghĩa: *Tôn giả A Nan liền tự suy nghĩ: “Hôm*

nay Thế Tôn sắc thân, các căn vui sướng thanh tịnh, quang nhan vòi vọi, cõi báu trang nghiêm, từ xưa đến nay ta chưa từng thấy”, mừng rằng mình được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu.]

Thứ nhất: **“Tôn giả A Nan tức tự tư duy: Kim nhật Thế Tôn”** [Tôn giả A Nan liền tự suy nghĩ: “Hôm nay Thế Tôn]

Tôn giả A Nan là thị giả của Thế Tôn, cũng là người thường hay ở bên cạnh Thế Tôn, nhiều năm như vậy. Chưa từng thấy qua dung nhan của Thế Tôn như ngày hôm nay, thị hiện ra như vậy. “Tức tự tư duy”, đó là nói trong lòng A Nan, Ngài đang nghĩ tưởng.

Thứ hai: **“Sắc thân chư căn duyệt dự thanh tịnh”** [Sắc thân, các căn vui sướng thanh tịnh]

Hai câu này khiến cho người rất ngưỡng mộ. Khiến cho người sau khi thấy rồi, liền có thể rất rõ ràng thể hội được toàn thân Thế Tôn đều là an vui.

“Sắc thân” là nói thân tướng của Thế Tôn; “Chư căn” là nói riêng sáu căn nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; “Duyệt do” là an vui, nên gọi là lỗ chân lông cũng mỉm cười, đều hiển lộ tươi cười; “Thanh tịnh” không gì bằng. Cái “thanh tịnh” này là nói “tâm thanh tịnh”. Còn “căn thân” thì an vui (duyệt do). Hai câu phía sau là hình dung Ngài.

Thứ ba: **“Quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm”** [Quang nhan vôi vôi, cõi báu trang nghiêm]

“*Nhan*” là dung nhan, diện mạo, dáng vẻ dung mạo ngày nay, đức tướng của Thế Tôn; “*Nguy nguy*” là hình dung cao, thù thắng, ý là cao lớn thù thắng, đó là cực kỳ hình dung; “*Bảo sát trang nghiêm*”, chính là câu phía trước đã nói “Hiện đại quang minh, số thiên bách biến”; Phật phóng quang, trong hào quang hiển thị mười phương tất cả cõi nước chư Phật, đều là hiển bày ngay trong Phật quang. Cho nên đây là việc hi hữu.

Thứ tư: **“Tùng tích dĩ lai, sở vị tăng kiến”** [Từ xưa tới nay ta chưa từng thấy]

A Nan nghĩ lại, từ lúc xuất gia theo Phật làm thị giả nhiều năm đến nay, từ trước đến giờ chưa từng thấy qua Thế Tôn có tướng lạ như ngày hôm nay, chưa thấy qua.

Ở trong kinh điển ghi chép: Hôm Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo ở dưới cội Bồ Đề, đêm nhìn sao sáng, đại triệt đại ngộ, thì chính vào lúc này A Nan sanh ra đời. Tin tức này thông báo đến vua Tịnh Phạn, vua Tịnh Phạn nghe nói em trai ông sanh được một con trai, lại nghe nói hôm nay thái tử thành Phật, song hỉ lâm môn. Vua Tịnh Phạn liền đặt tên cho con trai của người em là A Nan. A Nan dịch

thành ý Trung văn chính là “khánh hi”, song hi lâm môn, tên của A Nan là do vua Tịnh Phạn đặt cho. A Nan 20 tuổi xuất gia, điều này cũng chính là nói Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh nói pháp 20 năm trước ông chưa được nghe. Sau khi ông xuất gia làm thị giả của Phật, Phật nói pháp 49 năm, nên 29 năm sau đó thì tôn giả A Nan được nghe, không bỏ sót một hội nào, nhất là Ngài đa văn đệ nhất, sức ghi nhớ rất là tốt, nghe qua một lần thì vĩnh viễn không thể quên đi. Khi A Nan xuất gia, ông yêu cầu Thế Tôn một số điều kiện, trong đó có một điều, chính là Thế Tôn giảng kinh nói pháp 20 năm trước, 20 năm đó ông không có nghe được, nên yêu cầu Thế Tôn tìm thời gian rảnh trùng tuyên lại một lần cho ông nghe. Thế Tôn đồng ý với ông. Cho nên những kinh giảng vào ngày trước Thế Tôn lại giảng lại một lần cho A Nan nghe. Do đó pháp mà Thế Tôn đã nói trong 49 năm A Nan đều được nghe, không sót một hội nào.

Cho nên sau khi Thế Tôn diệt độ, A Nan trở thành nhân vật quan trọng để kết tập kinh điển. Chúng ta biết được tất cả kinh điển, đều là do A Nan giảng lại. Khi A Nan giảng lại, phía dưới có đồng tu ghi lại cho ông, như vậy mới biên thành kinh sách. Thế Tôn năm xưa giảng kinh nói pháp tuyệt nhiên không có ghi chép, vậy A Nan giảng lại có giảng sai hay không? Cái điểm này chúng ta không cần hoài nghi vì Thế Tôn sớm đã biết rõ việc này nên khi A Nan giảng trùng tuyên lại có 500 A La Hán làm tác

chứng cho Ngài. 500 vị A La Hán này nghe A Nan giảng lại, nên việc giảng lại cần phải thông qua sự đồng ý của 500 A La Hán rằng không hề sai, Thế Tôn nói đúng như vậy, vậy mới có thể được ghi chép lại. Nếu còn có một người đưa ra ý kiến không đồng ý, vậy thì câu này không thể ghi lại. Cho nên kết tập kinh tạng không phải số ít phục tụng số nhiều, chỉ cần một người nêu ra ý khác thì không được, thì không thể ghi chép lại, nhất định phải cả 500 vị này, mỗi mỗi đều gật đầu đồng ý, đều khẳng định là Thế Tôn nói như vậy, vậy mới ghi chép lại. Đó là chánh tín, để người sau khi mở kinh điển ra đều có thể đoạn nghi sanh tín.

A Nan trùng tuyên lại, cũng chính là Thế Tôn năm xưa đã nói không hề khác biệt. Cho nên ngày trước kết tập kinh tạng nghiêm túc như vậy, thậm trọng như vậy. A Nan thực tế mà nói cũng là Pháp Thân Đại Sĩ thừa nguyện tái lai thị hiện. Chúng ta xem thấy ngay trong kinh điển mà Phật nói, nhất là kinh điển Đại thừa những đệ tử của Phật đều là Đại A La Hán, không phải Tiểu thừa A La Hán. Chữ “Đại” này chính là Đại thừa.

Đại thừa A La Hán là địa vị gì vậy?

A La Hán là tiếng phạn, dịch thành ý Trung văn là “Vô học”, vô học chính là tốt nghiệp rồi.

Tiểu thừa A La Hán là tốt nghiệp xong tiểu thừa giáo, cái họ đã học đều đã học xong, không còn thứ gì để học nữa mới gọi là quả A La Hán, chính là tốt nghiệp rồi.

Trong pháp Đại thừa gọi A La Hán cũng là tốt nghiệp rồi, nhưng đó là quả vị gì vậy? Bồ Tát Pháp Vân Địa (chính là Bồ Tát thập địa), đó là tốt nghiệp rồi.

Trên kinh thường nói “ba A Tăng Kỳ kiếp” viên mãn thành Phật¹. Ba A Tăng Kỳ kiếp là nói thành tựu tới Bồ Tát Thập Địa (Bồ Tát Pháp Vân Địa)². Nếu như là trên kinh đã nói, những người này đều là A La Hán, hay nói cách khác, vị thứ của họ thấp nhất đều là Bồ Tát Đại thừa Pháp Vân Địa. Đó là ở vết tích mà nói, là bốn lai diện mục của họ bộc lộ cho chúng ta xem, còn hiện tại là họ là đang biểu diễn ở trên vũ đài, cái họ biểu diễn là một Tiểu thừa sơ quả Tu Đà Hoàn. Tôn giả A Nan vào lúc này là địa vị như vậy, còn trên thực tế những vị này họ đều là Pháp Thân Đại Sĩ.

Cho nên đó là chúng ta hiểu rõ cái đạo lý này, hiểu rõ những chân tướng sự thật này, thì đối với việc kết tập kinh điển sẽ không hoài nghi.

Thế nhưng những lời nói này đối với người hiện tại mà nói họ khó mà tin tưởng “Anh tin tưởng,

nhưng tôi không tin tưởng”. Người như vậy quá nhiều, việc này chẳng thể trách. Chỗ này trên “Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện” đã nói: “*Chúng sanh cõi Ta Bà, đặc biệt là chúng sanh Mạt pháp cứng đầu khó dạy*”, nên làm gì có chuyện họ dễ dàng tin tưởng được.

Vậy những người chân thật có thể tin tưởng được là loại người nào?

Trong lúc giảng kinh chúng ta cũng thường nói qua có hai loại người: Một loại người là người căn tánh thông minh lanh lợi, bạn vừa nói thì họ liền thông hiểu, họ sẽ tin sâu không nghi; Ngoài ra một loại người nữa là người trong đời quá khứ thiện căn phước đức sâu dày, nên khi bạn giảng cho họ nghe họ có thể tiếp nhận, khi vừa nhắc đến thì dẫn khởi thiện căn phước đức trong đời quá khứ của họ, họ tin tưởng họ không hoài nghi. Hai loại người này có thể được lợi ích, hai loại người này chính là trong Phật pháp gọi là chúng sanh căn tánh chín muồi, căn tánh của họ chín muồi, có thể được độ.

Còn những chúng sanh đã không phải thượng căn lợi trí, lại không phải là thiện căn phước đức chín muồi thì họ làm sao mà không hoài nghi? Cho nên họ nhất định sẽ hoài nghi. Loại hoài nghi này ở trong Phật pháp nói đến rất nhiều, nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát, đó là đại phiền não. Tham, Sân, Si,

Mạn, phía sau chính là Nghi, không thể tin tưởng, không thể tiếp nhận, là phiền não chướng, cái nghi này là chướng ngại rất lớn, cho dù họ có nghi, nhưng tri kiến của họ quyết không phải là chánh tri chánh kiến, tri kiến của họ là tri kiến sai lầm, họ chấp trước tri kiến sai lầm của chính mình, vậy thì liền biến thành “thiên kiến”. Ở trong Phật pháp có thể quy nạp trong 5 loại kiến hoặc³, 5 loại kiến hoặc này mọi người đều biết: Loại thứ nhất: “Thân kiến”, chấp trước cái thân này là ta; Loại thứ hai: “Biên kiến”, biên kiến chính là thiên kiến; Loại thứ ba là “Kiến thủ kiến”; Loại thứ tư: “Giới thủ kiến”; Loại thứ 5 là “Tà kiến”: Phạm hễ thuộc về tất cả kiến giải sai lầm của bốn loại trước đều gọi là “Tà kiến”, tà kiến là kiến giải sai lầm.

Chúng ta nghĩ lại xem lời nói của Phật rất có đạo lý, thế giới ngày nay tại vì sao loạn thành một mảng? Ngày trước nếu nói rằng “Thế giới đại loạn” thì chúng ta rất khó thể hội, hiện tại nói thế giới đại loạn thì có ai mà không biết chứ? Người người đều có thể xem thấy, mỗi người đều đích thân cảm nhận được là loạn thế nào.

Vậy thế giới do đâu mà loạn vậy?

Từ thiên kiến mà ra, nên Phật dạy chúng ta phải đoạn trừ, Phật dạy chúng ta kiến giải phải viên mãn.

Phật pháp nói “Viên”: Tín phải viên tín, giải phải viên giải, hành phải viên hành, chứng phải viên chứng, giác ngộ phải viên giác, tu hành phải viên tu, đều là nói “viên” mà không nói “thiên”, vừa thiên thì hỏng. Chúng ta từ ngay chỗ này, liền rất rõ ràng thể hội được thể giới ngày nay, người đời ngày nay cái chú trọng cũng là thiên kiến. “Thiên” ở khoa học kỹ thuật, “thiên” ở tài phú, cho nên ở trong cả thầy văn hoá, trong cả thầy đời sống, nó không “huân bình”, mà nghiêng ở một bên thì tâm bệnh xảy ra.

Chúng ta quay đầu xem lại giáo huấn của Phật Bồ Tát, rồi lại xem giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, so cùng với người hiện tại đã dạy đã học đích thực là không giống nhau. Nho, Phật đều chú trọng đến toàn diện, chính thể của vũ trụ nhân sanh, không phải nghiêng trọng ở một bộ phận nào, không phải xem thường một bộ phận nào. Nếu mất đi sự cân bằng thì cũng giống như địa cầu hiện tại đã mất đi sự cân bằng, vậy thì trong đây có nguy cơ rồi, có tai nạn rồi. Những đạo lý này rất sâu, không dễ gì thể hội. Hiện tại chúng ta trước mắt đã nhận chịu rồi, khi mở kinh Phật ra chúng ta bỗng nhiên hiểu được, bỗng nhiên tường tận.

Thứ năm: **“Hi đắc chiêm ngưỡng, sanh hi hữu tâm”** [Mừng rằng mình được chiêm ngưỡng, sanh tâm hy hữu]

Ở trong hội này tôn giả A Nan cũng là như vậy, là từ trước đến giờ chưa từng thấy qua Thế Tôn có tướng lạ đặc biệt đến như vậy, từ xưa đến nay chưa từng thấy qua. Sau khi xem thấy rất là hoan hỉ, sanh hi hữu tâm.

Quá hi hữu, “Hi hữu” tướng lạ thì nhất định Thế Tôn sẽ nói pháp môn hi hữu. Việc Ngài hiện tướng lạ cùng việc Ngài giáo học nhất định có liên quan với nhau. Thời gian A Nan theo Phật rất lâu nên mỗi lần Phật giảng kinh nói pháp đều phóng quang hiện tướng. Cho nên mọi người vừa nhìn thấy Phật có tướng lạ liền biết được Phật sắp nói pháp, thế nhưng tướng lạ hôm nay hi hữu không gì bằng.

CHÁNH KINH: “Tức tùng tọa khởi, thiên dẫn hữu kiên, trường quy hiệp chưởng”

[Dịch nghĩa: Ngài liền từ tòa đứng dậy, trật áo vai phải, quỳ dài, chắp tay]

Đây là lễ tiết, “*Lễ tán, trần từ*” chính là hiện tại chúng ta gọi là thỉnh pháp. Trước khi thỉnh pháp nhất định phải hành lễ, lễ đại biểu chính mình trọng pháp. Người Trung Quốc chúng ta gọi là “tôn sư trọng đạo” cho nên lễ không thể phé bỏ. Người hiện tại tuy là không nói lễ, thế nhưng khi gặp người có lễ phép thì mọi người đều hoan hỉ. Điều này có thể thấy được đích thực là có thể thuận theo tánh người, xem thấy

người có lễ mạo luôn là hoan hi.

“Lễ” thực tế mà nói nhất định phải học. Ngày trước tôi ở Đài Trung thân cận với lão cư sĩ Lý Bình Nam, Ngài giảng cho chúng tôi nghe “Lễ Ký”. Biên độ của “Lễ Ký” rất rộng, ông tuyên giảng cho chúng tôi nghe, khi giảng “Lễ Ký” vừa mở đầu, ông liền nói với chúng tôi:

“Tôi giảng Lễ Ký không phải là muốn các người học lễ vì học lễ rất khó, chỉ là dạy các vị hiểu được thường thức của lễ, hy vọng tương lai bạn đối nhân xử thế tiếp vật, đừng để người khác chán ghét bạn”.

Bài khoá này rất có ý nghĩa với chúng tôi, bạn liền có được thành tựu, không cầu quá cao, trình độ không quá cao, mà trình độ rất thấp để bạn khi ra ngoài tiếp xúc với đại chúng người ta sẽ không chán ghét với bạn. Cho nên lão sư Lý dạy chúng tôi “Lễ Ký”, mức độ ở chính ngay chỗ này, cái điểm này tương đối quan trọng.

Người xưa đã nói: “*Bất học lễ, vô dĩ lập*”⁴, nghĩa là bạn không hiểu được lễ mạo thì bạn sẽ không có chỗ đứng trong xã hội, bởi vì Trung Quốc từ xưa đến nay là nước chú trọng lễ nghĩa. Lễ giáo là giáo học của Lễ, vào thời xưa là khoá trình mà trẻ thơ cần phải học, bắt đầu học từ lúc nào? Bảy tuổi đến

trường thì bắt đầu học, có thể nói là quá trình giáo dục tiểu học chính là học lễ, chính là dạy bạn qui củ đối nhân xử thế tiếp vật. Đến đầu năm Dân Quốc vẫn còn giữ được một môn học, dạy cái gì? Tu thân. Môn học này tôi cũng chưa được học qua, đại khái phải lớn hơn tôi 5 tuổi thì mới có được học qua, đến tuổi tác như tôi khi đi học thì môn học này đã không còn. Cái môn học này, tôi đã được xem qua quyển sách khoá trình học tu thân trong tiểu học, sách giáo khoa tu thân đã tôi xem qua, thế nhưng khi chúng tôi đi học thì bài khoá này đã bị phế bỏ, đã không còn, mà đổi thành công dân, tu thân đổi thành công dân. Thời tôi còn có môn học như vậy, nhiều ít còn dạy được một ít. Hiện tại e rằng trường học đã không còn dạy môn học này nữa.

Hiện tại đề xướng “Dân chủ, tự do, mở rộng, nhân quyền”, những thứ này thì rất thời trang, quyết định không thể phản đối, thời đại trào lưu này có thể phản đối được sao? Nhưng kỳ thực đó là “thiên kiến”, những khẩu hiệu này tuyệt nhiên không thể mang đến an định hoà bình cho cả thế giới, phồn vinh hưng vượng, không hề có được. Bạn tử mĩ mà suy nghĩ khẩu hiệu này dường như còn mang đến tai nạn. Chúng ta vẫn không phản tỉnh hay sao? Vẫn không giác ngộ hay sao? Cái khẩu hiệu này là chân lý sao? Rất đáng được chúng ta sâu sắc phản tỉnh. Đây là chúng ta từ trên lễ tiết mà nghĩ đến.

Thứ nhất: **“Tức tùng toạ khởi”** [Ngài liền từ tòa đứng dậy]

Khi nghe kinh mỗi người ngồi ở nơi vị trí của chính mình, nếu như cần phải thỉnh giáo thời trước qui củ lớn hơn một chút, nhất định phải từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước mặt của Phật hành lễ. Hiện tại thì rất thuận tiện, muốn thưa hỏi không cần phải rời chỗ ngồi mà chỉ cần đưa tay lên thì được, ta có vấn đề nêu lên thì được rồi.

Thứ hai: **“Thiên đản hữu kiên”** [Trật áo vai phải]

Hiện tại chúng ta đắp trên mình Ca Sa, vai phải mọi người đều xem thấy (thiên đản). Thế nhưng Ca Sa hiện tại của chúng ta đã cải tiến. Ca Sa đúng cách năm xưa khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn ở đời là Ca Sa mà Tiểu thừa mặc bây giờ, đây chính là Ca sa mặc vào thời đó. Bạn thấy nó là một tấm vải quấn trên thân, thông thường hai vai đều không lộ ra, quần lấy bên trong, khi hành lễ mới để lộ vai phải ra. Thế nhưng Ca Sa hiện tại của Tiểu thừa mặc màu sắc cũng không đúng, vì hiện tại họ mặc màu vàng hoặc màu đỏ, có người mặc màu vàng, cũng có người mặc màu đỏ, vậy thì không đúng, phải là nhiễm sắc mới đúng, còn màu vàng và màu đỏ nó không phải nhiễm sắc.

Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc,

Cương Vực của Trung Quốc ở phía Bắc của Ấn Độ (các vị xem bản đồ thì biết được), khí hậu của Trung Quốc phải lạnh hơn so với Ấn Độ, nên ba y nhất định không đủ dùng. Cho nên Phật giáo truyền đến Trung Quốc, y phục, ăn uống rất nhiều thứ đều phải Trung Quốc hoá, việc này chúng ta thường nói hiện đại hoá cùng bản thổ hoá, chúng ta nhất định phải tương tận, tuyệt nhiên không phải là giữ nguyên không đổi. Phật giáo sau khi đến Trung Quốc thì y phục của Trung Quốc hiện tại chúng ta mặc là áo tràng. Áo tràng là y phục của người thời nhà Hán, ở nhân gian hiện tại đã không còn mặc nữa. Tuy nhiên, người xuất gia còn có một kỷ niệm này là chúng ta mặc y phục của thời nhà Hán, gọi là áo tràng.

Điểm khác biệt của tại gia cùng xuất gia là áo tràng của người xuất gia mặc, trên áo tràng không có thêu hoa, còn áo tràng của người tại gia mặc có thêu hoa, ít nhất là trên cổ trên ống tay áo có thêu hoa, còn người giàu sang có địa vị thì toàn thân đều thêu hoa văn. Hoa văn đó cũng là có quy định, không phải tùy tiện mà thêu, nó đại biểu thân phận của bạn, đại biểu địa vị của bạn, cho nên gọi là “chương phục”. Thân phận của bạn như thế nào, sĩ, nông, công, thương, phân ra rất rõ ràng, y phục không thể mặc sai. Bạn mặc khi đi ra ngoài để tiện việc hành lễ thì liền biết được bạn là thân phận gì, người dưới chí kính trước với người trên, phải hành lễ. Mão (mũ) cũng là như vậy, hoa văn thêu trên mũ đều có tiêu chí của địa vị

thân phận. Người xuất gia thì thuần sắc hoàn toàn không có thêu hoa văn, hoàn toàn không có, khác biệt ở ngay chỗ này.

Thế nhưng y, ba y của Phật chúng ta vẫn là có, chỉ có ở ngay trong pháp hội. Giảng kinh là pháp hội, khi giảng kinh, nghe kinh phải đắp y. Thế nhưng y này không cần phải lớn như nguyên gốc, vì lớn như vậy nếu đắp ở bên ngoài thì rất phiền phức, cho nên liền đem cái y này cắt bớt đi phân nửa, chúng ta đã gút gọn đi phân nửa, chỉ còn lại phân nửa so với nguyên gốc, lúc trước chỗ này không có móc y, thì giờ làm cái móc, móc hai cái mí lại, về sau không biết người nào phát minh ra cái móc này rất là thuận tiện, thuận tiện hơn nhiều so với buộc. Đây gọi là Trung Quốc hoá, bản thổ hoá. Đây là nói đến “thiên đản hữu khiên”.

Thế nhưng sau khi Phật giáo truyền đến Nhật Bản, người Nhật Bản còn giỏi hơn chúng ta, cái Cà Sa của họ rút gọn lại chỉ còn 3 tác, bạn thấy Cà Sa của pháp sư Nhật Bản, họ có một sợi dây màu đỏ quàng ra phía sau cổ, một miếng 3 tác thì để ở phía trước, thì là họ đắp y lên rồi, họ còn đơn giản hơn chúng ta nhiều, không có phiền phức như chúng ta. Bình thường họ mặc tây phục, họ không mặc áo tràng, họ mặc đồ tây, Cà Sa của họ để ở trong túi áo đồ tây, khi làm pháp hội họ mới mang nó ra.

Cho nên đây chính là tính chất của kỷ niệm, chúng ta đáp y là kỷ niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, kỷ niệm tình hình pháp hội thời đó, khiến chúng ta mỗi niệm không quên ân đức của Phật Đà. Ý nghĩa chính ngay chỗ này, đây là thuộc về tri ân báo ân, báo ân cội nguồn, niệm niệm không quên ân đức của lão sư.

Cho nên Thiên Đản Hữu Kiên (trật áo vai phải), vì sao phải Thiên Đản Hữu Kiên? Khi hành lễ không quên hầu hạ lão sư, lão sư có việc gì dặn bảo bạn làm, động tác của bạn phải nhanh nhẹn, tay phải làm việc thì thuận tiện, cho nên thừa sự cúng dường, vì vậy khi hành lễ không phải ở một chỗ đó mà chí kính, còn phải tùy thời nghe dặn bảo, tùy thời phục vụ.

Thứ ba: **“Trường quy hiệp chưởng”** [Quy dài, chấp tay]

“Trường quy” thông thường là quy một chân, để khi đứng dậy dễ dàng, đứng dậy được nhanh hơn.

Người Trung Quốc quy là hai đầu gối đều quy xuống. Trong Phật kinh cũng thường nói “Hồ quy”. “Hồ quy” là cách quy người nước ngoài. Cách quy của người nước ngoài cùng cách quy của người Trung Quốc không như nhau, người Trung Quốc quy hai cái đầu gối, còn người nước ngoài quy một đầu gối gọi là “Hồ quy” chính là một đầu gối chầm đất, để đứng dậy được nhanh. Vai trái lộ ra làm việc được

nhanh, đó chính là lúc nào cũng chuẩn bị hầu hạ trưởng giả, vì trưởng giả phục vụ, đó là rất lễ kính.

“*Hiệp trưởng*” cũng là chí kính, biểu thị một lòng cung kính. Mười ngón tay biểu thị tán loạn, tâm bình thường hay tán loạn, nghĩ tưởng xằng bậy nên hiện tại khi hành lễ, biểu thị ta một lòng cung kính, đem tất cả vọng niệm đều buông bỏ, chuyên tâm chí kính, chuyên tâm để nghe giáo huấn của tôn trưởng, cho nên chấp tay là biểu thị cái ý này. Hiểu được cái ý nghĩa cái chấp tay này, chấp phải cho khít lại mới là một. Nếu như chấp mà ở giữa phình ra, thì là hai chứ không phải là một, cho nên nhất định chấp tay phải khép lại, nó biểu thị nhất, biểu thị nhất tâm, biểu thị cái ý này. Phía sau là lời thỉnh pháp của tôn giả A Nan.

CHÁNH KINH: “**Nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo.**”

[Dịch nghĩa: Mà bạch Phật rằng: Thế Tôn ngày nay nhập đại tịch định, trụ pháp kỳ đặc, trụ hạnh đạo sư của chư Phật trụ, là đạo tối thắng.]

Trong lời thỉnh giáo này có hai đoạn, cái đoạn này trước tiên tán thán Thế Tôn thị hiện tướng lạ.

(VCD 052)

Thứ nhất: “**Nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định**” [Mà bạch Phật rằng: Thế Tôn ngày nay nhập đại tịch định]

Là A Nan, Ngài nói “Bạch đức Thế Tôn, hôm nay Thế tôn vào Đại tịch định”

“Đại tịch định” là gì ?

“Đại tịch định” chính là thiền định, thiền định sâu thẳm.

Tiểu định: Các vị phải nên biết, “định” không phải là như hiện tại là ngồi xếp bằng quay mặt vào vách nhắm mắt lại, chúng ta đều xem thấy hình thức này cho là thiền định. Loại nhập định này là tiểu định chứ không phải đại định, tiểu định sau khi vào định thì không khởi được tác dụng.

Đại định: Đi đứng nằm ngồi đều là định. Thích Ca Mâu Ni Phật vì mọi người giảng kinh nói pháp đều đang ở trong định, ý nghĩa của định này là: “*Ngoài không dính mắc, trong không động tâm*”.

Đây không phải nói là sáu căn không được tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, mà vẫn là tiếp xúc. Thích Ca Mâu Ni Phật mắt cũng vẫn thấy, tai cũng vẫn nghe tiếng, sáu căn vẫn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần, nhưng trong tâm như bất động, không bị cảnh giới bên ngoài nhiễu loạn.

Phàm phu chúng ta thấy sắc, nghe tiếng... sẽ bị cảnh giới bên ngoài nhiễu loạn, bị cảnh giới xoay chuyển, vậy thì rất khổ. Phật và đại Bồ Tát các Ngài có công phu, thật có định lực, các Ngài có thể thấy như không thấy, nghe như không nghe... Mặc dù sáu căn tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài nhưng tâm thanh tịnh của các Ngài không hề có chút ô nhiễm, loại định này gọi là Đại Tịch Định, trong định có thể thành tựu tất cả sự nghiệp.

Ngoài danh từ “thiền định” ra còn có một danh từ tiếng Phạn gọi là Tam muội, Tam muội cũng chính là Tịch định.

Còn Đại Tịch định này người xưa thường gọi là “Bảo Vương Tam Muội”, hay còn nói “Phổ Đẳng Tam Muội”. “Phổ” là phổ biến, “đẳng” là bình đẳng tất cả các pháp. Phật Bồ Tát đã chứng được bình đẳng, tất cả các pháp không những là trên lý bình đẳng, trên tánh bình đẳng, thực tế mà nói trên sự cũng bình đẳng, khi ứng dụng cũng bình đẳng. Cái cảnh giới này rất sâu.

Chúng ta ngày nay nói trên lý bạn nói bình đẳng, trên tánh bình đẳng, chúng ta sẽ gặt đầu; Còn nói trên tướng bình đẳng, trên sự bình đẳng, chúng ta sẽ không đồng ý. Rõ ràng năm ngón tay đưa ra dài ngắn không đều nhau thì làm sao là bình đẳng? Mỗi một người dáng dấp cao thấp không như nhau, mặt mũi không như nhau, thì làm sao bình đẳng? Hiện tại chúng ta chỉ mới biết được trên sự này bình đẳng là ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đó là trên Kinh Vô Lượng Thọ nói ở đây sự là bình đẳng, sanh đến Thế Giới Cực Lạc dáng dấp của mỗi người là cao như nhau, tướng mạo hoàn toàn giống nhau, thân tướng mỗi một người đều giống như “Phật A Di Đà”, Thế Giới Tây Phương gọi là thế giới bình đẳng. Còn thế giới này của chúng ta ngày nay nói bình đẳng thì mọi người rất khó tiếp nhận, nhưng trên thực tế vẫn là bình đẳng, chúng ta chưa phát hiện ra tại sao lại nói là bình đẳng?

Trên “Kinh Bát Nhã” nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”⁵.

Cho nên hảo tướng cũng là hư vọng, mà ác tướng vẫn là hư vọng, hư vọng cùng hư vọng chẳng phải là bình đẳng hay sao, làm gì mà không bình đẳng?

Lại nói: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh*”⁶.

Tất cả pháp đều là như mộng, như mộng thì là bình đẳng. Cho nên nói cái tướng thật cũng là bình đẳng, sự cũng bình đẳng. Bạn vào cảnh giới bình đẳng, tâm của bạn sẽ định, ở trong tất cả pháp bạn tuyệt đối sẽ không khởi tâm động niệm, quyết định không có tốt xấu, quyết định không sanh phân biệt chấp trước. Vì sao vậy? Vì biết được tất cả pháp đều không thể có được, biết được tất cả hiện tượng không thể sở hữu. Cái sự thật này, các nhà khoa học hiện đại dần dần đang chứng thực được, dần dần họ cũng đang phát hiện sẽ chứng thật những điều trên kinh Phật nói là sự thật.

Tiếp sau chúng ta ở phía sau “Kinh Hoa Nghiêm”, phải nói rõ cái chân tướng sự thật này. Tâm của Phật tại vì sao là định? Vì Phật hiểu rõ chân tướng của tất cả pháp nên tâm Phật là như như bất động, tuy là Phật vẫn cứ tùy loại hoá thân, tùy cơ nói pháp, nhưng chân thật là: *“Nói mà không nói, không nói mà nói”*, đó chính là tướng của Đại Tịch Định, hiện tướng, bao gồm tất cả hoạt động đều đang ở trong định. Chính là trên kinh Đại Thừa thường nói: *“Na Già thường tại định, vô hữu bất định thời”*⁷.

“Na Già” là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó là Rồng, Voi. Rồng chúng ta chưa thấy qua, nhưng voi thì chúng ta đã thấy qua. Bạn đến vườn thú xem thấy voi lớn, voi lớn một ngày từ sớm đến tối cái dáng vẻ của nó dường như đang ở trong định vậy, đi đứng rất

chậm rãi, không vội không khẩn trương, thái độ của nó giống như đang ở trong định vậy. Cho nên dùng cái này để làm thí dụ cho đời sống của Phật Bồ Tát đều đang ở trong định, cho dù động tác rất là nhanh nhẹn nhưng nếu bạn tỉ mỉ mà quan sát vẫn là đang ở trong định. Vì sao vậy? Vì tâm của các Ngài là thanh tịnh, không hề dao động, cho nên mặc dù trong khi thân đang nhanh nhẹn nhưng bạn quan sát thấy vẫn đều là đang ở trong định, là đại tịch định mà chỗ này nói. Quy về bản kinh này của chúng ta mà nói:

Đại tịch định: Chính là “Niệm Phật Tam muội” cùng phía với sau A Nan đã nói, trước sau hợp nhau, đích thực nói là niệm Phật Tam muội.

Cái điểm này chúng ta phải học, học bằng cách nào vậy? Nhìn thấu, buông bỏ! Bạn buông bỏ tâm liền định. Xin nói với các vị, phải buông bỏ hết tất cả.

Tại vì sao phải buông bỏ?

Vì tất cả đều là giả, không có thứ nào là thật. Không chỉ tất cả pháp thế gian phải buông bỏ, mà Phật pháp cũng phải buông bỏ. Buông bỏ là tuyệt đối không nên để ở trong lòng, để ở trong lòng thì sai rồi, bạn chính là phạm phu, để ở trong lòng thì bạn liền có tích chứa, bạn liền có vương bận, bạn liền có lo lắng, có phiền não.

Bạn phải nên biết những thứ này thầy đều là giả, không có thứ nào là thật. Nếu bạn nói bạn thật lòng không thể buông bỏ, là giả thôi, vì sao? Vì đến lúc chết rồi thì liệu bạn có phải buông bỏ hay không? Cho nên Đại sư Ấn Quang thường hay nhắc nhở chúng ta “*Mỗi giờ mỗi phút phải dán cái chữ chết ở trên trán*”. Cho nên cái gì bạn cũng đều có thể buông bỏ, còn có thứ gì đáng nghĩ ngợi nữa, làm gì không buông bỏ được chứ? Vì bạn mê chấp, si mê, chấp trước, bạn không thể buông bỏ. Bạn phải nên biết nếu bạn không thể buông bỏ thì phải sanh tử luân hồi trong sáu cõi. Vậy cái mà bạn không thể buông bỏ đó là gì? Không thể buông bỏ sanh tử luân hồi. Còn như tất cả thầy bạn đều buông bỏ rồi, chúc mừng bạn, bạn đã siêu việt sáu cõi luân hồi. Thành thật mà nói chỉ đơn giản như vậy thôi, mấu chốt là xem bạn có bằng lòng làm hay không?

Không chỉ thế gian pháp phải buông bỏ, Phật pháp cũng phải buông bỏ, trên Kinh Kim Cang chẳng phải đã nói rồi hay sao: “*Pháp còn nên xả, hướng hô phi pháp*”. Cái “Pháp” đó chính là Phật pháp, đó chính là Phật dạy cho chúng ta, Phật pháp cũng phải buông bỏ. Vì sao vậy? Làm gì có Phật pháp? Phật pháp là nhân duyên sanh, không phải là thật. Vì sao? Ở trên kinh Phật nói: “*Chúng sanh có bệnh, Phật pháp là thuốc*”. Bạn hết bệnh rồi thì thuốc cũng phải bỏ luôn, còn nếu bệnh bạn hết rồi mà còn phải uống thuốc thì sẽ uống ra bệnh. Cái đạo lý này thì mọi

người dễ hiểu “*Pháp còn nên xả hướng hồ phi pháp*”. Hiện tại chúng ta có bệnh nên cần phải có Phật pháp, ngày ngày ở nơi đó giảng cho bạn nghe vì đó là cần thiết, đến khi nào bạn vào được cảnh giới này thì Phật pháp này sẽ không cần nữa, nếu cần nữa thì bạn lại bị bệnh, thì bạn lại không bình thường. Cho nên các vị phải nên biết, sau khi giác ngộ rồi thì bạn sẽ giống như người xưa đã nói, Thích Ca Mâu Ni Phật 49 năm nói pháp là một đồng lời thừa, một bộ “Đại Tạng” gọi là một đồng giấy vụn. Đó là nói khi đã vào được cảnh giới rồi, còn nếu chưa vào được thì Phật pháp còn có lợi ích, ngộ nhập rồi thì không cần nữa, phải hiểu rõ cái đạo lý này.

Ý nghĩa của những lời nói này chính là dạy chúng ta đối với tất cả pháp thế xuất thế gian, không nên phân biệt nó, không nên chấp trước nó thì bạn liền được tự tại. Pháp không phải không có chỗ dùng, có chỗ dùng thì đời sống của bạn được rất tự tại, đời sống sẽ được rất an vui, không có lo lắng, không có phiền não, không có vướng bận, không có vọng tưởng, bạn được nhiều an vui.

Thứ hai: “**Trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo**” [Trụ pháp kỳ đặc, trụ hạnh đạo sư của chư Phật trụ, là đạo tối thắng]

Một là “**Kỳ đặc pháp**” [Trụ pháp kỳ đặc].

Là chỉ cái gì? “Kỳ” là kỳ diệu, “đặc” là đặc thù, (là pháp đặc biệt kỳ diệu). Ba câu phía sau này là đem “Kỳ đặc pháp” cụ thể nói ra cho chúng ta nghe chính là phía sau đây đã nói “Trụ chư Phật sở trụ, đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo”. Đây đều là chúng ta phải nên học tập.

Hai là “Trụ chư Phật sở trụ” [Chỗ chư Phật trú].

Chúng ta ở “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói qua Thập trụ, Thập hạnh, hiện tại đang bắt đầu giảng đến Thập Hồi Hướng, kinh văn chưa giảng đến, đó là biểu pháp của đại chúng trong hội lộ ra một tin tức.

Đệ tử của Phật phải biết “Trụ Phật sở trụ, hành Phật sở hành”. Cái “Trụ” và “Hành” này trên thực tế chính là áp dụng tâm Bồ Đề. Là thế nào? Bạn xem trên kinh Đại thừa, bốn kinh này là kinh Đại thừa, bốn kinh dạy bảo chúng ta tu hành quan trọng nhất chính là tám chữ “Phát tâm Bồ Đề, một lòng chuyên niệm”. Đây là cương lĩnh tu hành của bốn kinh, tám chữ này hợp lại là viên tu, viên chứng. Bạn thiên về một phía thì không được: Nếu như bạn thiên ở phát tâm Bồ Đề, mà không có một lòng chuyên niệm, vậy không đúng; Nếu bạn một lòng chuyên niệm, nhưng không có tâm Bồ Đề thì cũng không thể vãng sanh. Cho nên “Phát tâm Bồ Đề” cùng “Một lòng chuyên niệm” phải kết hợp lại thì bạn quyết định được sanh Tịnh Độ.

Tâm Bồ Đề là gì?

Kinh luận hợp lại xem thì ý nghĩa rất là rõ ràng: Trong “Quán Kinh” đã nói, đó là: “Chí thành tâm, Thâm tâm, Hồi hướng phát nguyện tâm” đó là tâm Bồ Đề; Còn trong “Khởi Tín Luận” đã nói, đó là: “Trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm”.

Cái gì gọi là “Trực tâm” (hay “Chí thành tâm”)?

Kinh luận hợp lại xem thì trực tâm chính là tâm chí thành, cái tâm này chân thành đến tột đỉnh.

Cái gì gọi là tâm chân thành? Không có một vọng niệm nào, cái tâm này mới là chân thành. Trước nhà Thanh, tiên sinh Tăng Quốc Phiên ở trong “*Độc Thư Bút Ký*” của ông, ông giải thích cái chữ “thành” này, ông nói được rất hay, cái gì gọi là thành? Một niệm không sanh gọi là thành. Cách giải thích này rất gần với định nghĩa của Phật đã nói, bạn có một niệm thì không thành, một niệm không sanh là chân thành đến cùng tột, đó chính là trực tâm. “Đại tịch định” chính là tâm chân thành đến tột đỉnh.

Thực tiễn ngay ở “Trụ Phật sở trụ”, cho nên “Tâm chí thành” trong tâm Bồ Đề chính là “Trụ Phật sở trụ”.

Cái gì gọi là Thâm tâm?

“Thâm tâm” chính là “Hành Phật sở hành”. Thâm tâm người xưa đã nói cho chúng ta nghe, đó là kinh luận đều nói thâm tâm là hiếu thiện, hiếu đức. Thiện và đức đều tương ứng với chân thành, đó mới gọi là thâm, còn thiện, đức và chân thành không tương ứng, đó là giả không phải là thật.

Cho nên đại sư Thiện Đạo nói “*Nhất thiết giai tùng chân thật tâm trung tác*”⁸. Lời khai thị này rất có đạo lý, khởi tâm động niệm đối nhân xử thế tiếp vật, tất cả phải từ trong tâm chân thật mà làm, một chút hư ngụy cũng không có. Hiếu thiện, hiếu đức, đó là tự hành, tự thọ dụng, tự thành tựu.

Sau cùng “Hồi hướng phát nguyện tâm”?

Cũng chính là tâm đại bi.

Đó là lợi tha, cũng chính là nói chúng ta dùng tâm chân thành. Chân tâm thì đối với chính mình là thâm tâm, còn dùng chân tâm đối với người khác là tâm đại từ bi, cũng chính là tâm hồi hướng phát nguyện, hay cũng chính là câu “Tối thắng chi đạo”. Ngay chỗ này nói ba câu: Một là “Trụ Phật chi sở trụ” đó là “tâm chí thành”; Hai là “Đạo sư chi hạnh” đó là “thâm tâm”; Ba là “Tối thắng chi đạo” là “Tâm đại bi”.

Tâm hồi hướng phát nguyện, khởi tâm động

niệm đều là lợi ích tất cả chúng sanh, đó là chúng ta hợp lại trên tâm Bồ Đề mà nói, đó là thực tiễn tâm Bồ Đề. Nếu như chỉ ở trên sự tướng mà nói, chúng ta đều phải dụng tâm để học tập, Phật trụ ở đâu vậy? Phật trụ ở chân thành, chân thành chính là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật cái danh hiệu này đại đức xưa nói với chúng ta, đó là danh từ của tánh đức, đức hiệu của chân như bốn tánh.

Cho nên gọi là “*Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”, Di Đà là Tự tánh Di Đà. Trong tâm có A Di Đà Phật chính là “Trụ Phật sở trụ”, mười phương ba đời tất cả Chư Phật Như Lai, không có một vị Phật Như Lai nào mà không niệm A Di Đà Phật. Tôi nói cái niệm này, mọi người không nên hiểu lầm, không nhất định là niệm trong miệng, niệm trong miệng thì không xem đó là niệm.

Cái gì gọi là niệm?

Tâm phải tương ưng. Bạn xem thấy danh hiệu A Di Đà Phật này là tiếng Phạn, toàn là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó là “Vô Lượng Giác”. “A” dịch thành nghĩa trung văn là “Vô”, “Di Đà” dịch thành nghĩa Trung văn là “Lượng”, “Phật” dịch thành “Giác”. Các vị thử nghĩ xem có vị Phật nào không cùng tương ưng với “Vô Lượng Giác”? Tương ưng với “Vô Lượng Giác”, không lìa khỏi “Vô Lượng Giác” thì gọi là niệm Phật, đó là thật niệm A Di Đà Phật. Bạn phải

hiểu được cái đạo lý này. Nếu không bạn vừa nghe đến câu: “Tất cả chư Phật đều niệm A Di Đà Phật” liền cảm thấy kỳ lạ, “Tại sao các chư Phật phải niệm A Di Đà Phật? Không hề nghe nói Phật niệm A Di Đà Phật”. Sau khi bạn đem lý hiểu cho tường tận, thì bạn sẽ hiểu tại sao tất cả chư Phật chân thật là niệm A Di Đà Phật, chưa từng gián đoạn bao giờ.

Ngày nay chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật là đang học Phật, chân thật gọi là học Phật, một chút cũng không giả, đang học Phật 100%. Cho nên khi các đồng tu từ nơi khác đến, tôi nhất định khuyên họ đến Niệm Phật Đường để niệm Phật. Nếu họ không đến, vậy thì tôi không hề khách sáo nói với họ rằng họ đã uổng một chuyến đi đến Singapore rồi. Cư sĩ Khang Quốc Thái Đạt La Tư tối hôm nay quay về, sáng sớm hôm nay khi ăn cơm sáng, tôi hỏi ông:

- Ông có đến Niệm Phật Đường niệm Phật hay không?

Ông nói:

- Không có!

Tôi nói:

- Ông đã uổng phí khi đến đây rồi.

Cho nên khi ăn cơm trưa xong ông liền đến đó niệm Phật hai giờ đồng hồ, sau khi niệm hai giờ đồng hồ ông đến nói với tôi, ông nói:

- Đích thực là thật khác thường.

Ông còn nói với tôi rằng khi ông quay về muốn học làm theo. Tôi thành thật nói với ông:

- Học không được đâu.

Ông lại nói tôi ông sẽ mang máy niệm Phật ở đây về, tôi nói:

- Cũng không được, máy niệm Phật cũng không được, âm thanh hoàn toàn không giống như ở đây, thậm chí động tác cũng không giống như ở đây, vẫn là không giống nhau.

Rốt cuộc không giống nhau ở chỗ nào? Tôi nói rõ cho ông ấy nghe, đó là từ trường không như nhau, đó là thật. Vì sao nói từ trường không giống nhau? Chúng ta người niệm Phật ở nơi đây, có Phật Bồ Tát ở nơi đây niệm Phật, còn đạo tràng đó của bạn không tìm được Phật Bồ Tát đến niệm Phật, đó là chỗ không giống nhau. Cho nên bạn ở nơi đây khi niệm Phật không nên nghĩ tưởng xằng bậy chỉ cần bạn đem tâm định lại. Khi tâm định lại, bạn ở trong đó niệm một khoảng thời gian, chính bạn liền có cảm thọ. Còn tôi có nói cho bạn nghe cũng không tác dụng, nhất định

phải đích thân thể nghiệm, chỗ này bạn không cách gì có thể thể hội được ở nơi khác, không thể làm được. Nếu bạn muốn truy hỏi tại sao vậy? Thì tôi xin thành thật nói với bạn:

- Chủ nhân của Niệm Phật Đường này là cư sĩ Lý Mộc Nguyên, đó là một Bồ Tát, hoàn toàn không có lòng riêng tư, hoàn toàn vì chúng sanh, còn đạo tràng đó của bạn có thể tìm được người như Lý Mộc Nguyên hay không? Bạn tìm không được.

Bồ Tát Lý là thiên hạ hiếm có, đó là “*Kỳ đặc pháp*”, không có được. Ông thật nhìn thấu, thật buông bỏ, mỗi niệm vì chúng sanh, mỗi niệm vì Phật pháp, không có chút lòng tư riêng nào. Cho nên ông xây dựng đạo tràng liên cảm động Phật Bồ Tát đến gia trì, vì đó là tương ưng với tâm Phật, tương ưng với nguyện của Phật, tương ưng với hạnh của Phật, đạo lý chính ngay chỗ này.

Ngay trong đồng tu tham gia niệm Phật ở trong Niệm Phật Đường này, có đồng tu đích thực có tâm Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, niệm Phật. Bạn phải biết loại người này hiếm có, cho nên khi bạn đến nơi này niệm Phật, niệm được vài ngày, nhờ vào lực của họ, tiếp nhận từ trường của họ huân đạo thì cảm thọ không như nhau, đạo lý chính ngay chỗ này. Còn như đạo tràng khác người niệm Phật có nhiều hơn, nhưng trong đó không có một người tâm thanh tịnh,

không có người chân thật phát tâm niệm Phật, thì từ trường đó sẽ không như nhau, không có cảm ứng.

Tôi rất rõ ràng đối với tình hình của Niệm Phật Đường này, Phật Bồ Tát ở trong đó, thần hộ pháp ở trong đó, hơn nữa thần hộ pháp rất nhiều xếp hàng. Cho nên cái đạo tràng này người thông thường thế gian chúng ta nói: “Không khí không giống như nơi khác”, còn người nước ngoài gọi là “Từ trường không như nhau”, đích thực là không như nhau. Hy vọng bạn ở nơi đây có thể cảm thọ, có thời gian đến Niệm Phật Đường này, thời gian bạn niệm được càng lâu càng tốt, đó là nhân duyên ngay trong cả đời này hi hữu khó gặp. Bạn đi đến nơi khác, tâm của bạn là tán loạn, tạp loạn, bạn ở nơi đây tâm được thanh tịnh, vô cùng là đáng quý. Chỉ cần bạn chân thật hiểu rõ, bạn mới biết trân trọng.

Cho nên nơi đây “*Trụ chư Phật chi sở trụ*”, chính là trụ Di Đà chi sở trụ. “*Đạo sư chi hạnh*” là hành Di Đà chi hạnh.

“Trụ Di Đà chi trụ”: Lại nói được rõ ràng hơn một chút, niệm Phật pháp môn, niệm Phật Tam muội, thân tâm thế giới vạn duyên buông bỏ, một lòng niệm Phật. Bạn ở Niệm Phật Đường này niệm Phật chính là tự hành hoá tha, hai thứ này thấy đều có đủ. Bạn ở ngay nơi đây niệm Phật là tự hành, đồng thời ở ngay nơi đây biểu diễn chính là hoá tha. Bạn làm cho các

đồng tu đến từ các nơi, đích thân nhận được cảm thụ, đó chính là hoá tha, bảo họ đến nơi đây tiếp nhận sự huân đào của từ trường này, khiến cho họ chân thật có thể có được cảm động. Còn cảm động được sâu cạn là ở căn tánh của mỗi người, cũng chính là chúng ta thường nói “Thiện căn, phước đức, nhân duyên” khác nhau. Thiện căn, phước đức dày thì cảm thọ sâu, Thiện căn, phước đức mỏng thì cảm thọ cạn. Thế nhưng nếu như người thiện căn phước đức mỏng cũng không sợ, chỉ cần họ thời gian niệm dài thì được rồi, cái đạo tràng này lực huân tu rất là mạnh, có thể ở nơi đây liên tục không ngừng niệm được ba tháng, thiện căn mỏng cũng biến thành dày, nhân duyên ít cũng biến thành đầy đủ, không thể nghĩ bàn. Giảng kinh ở đây hai giờ cũng bằng ở Niệm Phật Đường giảng khai thị. Ở Niệm Phật Đường không nên giảng khai thị, mà đem thời gian khai thị tập trung vào nơi đây, vì mọi người nói rõ công đức lợi ích của niệm Phật không thể nghĩ bàn. Cho nên “Tín - Giải - Hành - Chứng” đều đang thực hiện ở Niệm Phật Đường.

Việc này rất không dễ dàng, chân thật là “Đặc kỳ pháp”, đặc kỳ pháp chính là chỉ pháp môn này, chính là chỉ nghi thức này, cái hình thức này, cái kiểu dáng này.

“Di Đà chi sở hạnh”: Cũng chính là trong kinh thường nói, cái phương pháp này, có thể khiến cho

người ngũ thừa bình đẳng đồng vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cái ý nghĩa này chúng ta có thể nói rõ hơn một chút, đó là có thể khiến cho người ngũ thừa bình đẳng thành Phật, vì cái ngũ thừa này là không bình đẳng (Ngũ thừa là “Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ Tát thừa” là không bình đẳng). Ở tất cả pháp môn khác, người ngũ thừa phương pháp không bình đẳng, thành tựu quả báo không bình đẳng. Thế nhưng bạn niệm Phật sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thì bình đẳng, người người đều là Pháp Thân Đại Sĩ, người người đều là Bồ Tát Đẳng Giác, đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc đều là như vậy. Trên kinh Thế Tôn nói với chúng ta, trong phẩm thứ sáu A Di Đà Phật cũng đích thân nói với chúng ta, sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc đều là A Duy Việt Chí Bồ Tát, chẳng phải đã nói được rõ ràng rồi hay sao?

A Duy Việt Chí là gì? Viên Chứng Tam Bất Thoái. Đại đức xưa chú giải cho chúng ta A Duy Việt Chí là từ Thất địa trở lên. Cho nên có rất nhiều đồng tu đến hỏi, họ đem “Quán Vô Lượng Thọ Kinh” nói với tôi:

- Hạ hạ phẩm vãng sanh, trên kinh nói phải 12 đại kiếp mới hoa nở thấy Phật. Vậy chúng ta sanh đến cõi Phạm Thánh Đồng Cư phẩm vị đều không cao, nghiệp chướng quá nặng chính mình biết được, có phải là sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, ở

trong Hoa sen còn phải đợi 12 đại kiếp hay không?

Ngay chỗ này các vị tu Tịnh Độ nhất định phải nên hiểu, 48 nguyện là pháp cơ bản của Tịnh Độ, bất cứ cách nói nào đều không thể so được với nó, có so cũng không thể so bằng, 48 nguyện là tối thắng nhất, đó là pháp cơ bản. Vậy “Quán Vô Lượng Thọ Kinh” nói có phải là sai không? Không sai! Thực tế mà nói không có xung đột, nói hạ hạ phẩm vãng sanh phải 12 đại kiếp là không nói Phật lực gia trì, 48 nguyện là A Di Đà Phật oai thần bốn nguyện gia trì. Trên kinh nói “Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh”, đó là địa vị gì? Là đặng địa, Bồ Tát Sơ địa, “Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh” là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Thế nhưng trên thực tế, mỗi một người hạ hạ phẩm vãng sanh, sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc đều ở cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cái đặc biệt của Tây Phương Tịnh Độ, là “Kỳ Đặc Pháp”, bốn độ đó là một chỗ, cõi Đồng Cư, cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, cõi Tịch Quang là ở một nơi, không như các thế giới chư Phật khác, bốn cõi không chung nhau.

Như hiện tại chúng ta ở cái thế gian này là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, tuy là cõi Phàm Thánh Đồng Cư nhưng người phàm chúng ta không thấy được thánh nhân. Cái thí dụ rõ ràng nhất, Bồ Tát Văn Thù là thánh nhân đang ở núi Ngũ Đài, bạn đến núi Ngũ Đài để tìm Bồ Tát Văn Thù, không thể tìm ra. Vào thời xưa có pháp sư Pháp Chiếu, ông rất may mắn

ông tìm được đạo tràng của Bồ Tát Văn Thù bảy báu trang nghiêm ở núi Ngũ Đài, ông tìm được còn vào trong đạo tràng để tham bái, nghe Bồ Tát Văn Thù giảng kinh, còn nghe giảng được một hội. Khi rời khỏi, ông đi đến đâu còn làm ký hiệu, sợ lần sau quên mất đường. Đi được không bao xa, quay đầu lại nhìn thì không thấy, là một mảng núi hoang, muốn nhìn lại cũng không nhìn thấy. Cho nên cõi Phạm Thánh Đồng Cư phàm phu vẫn là không thể thấy được thánh nhân.

Trong “Tam muội Thủy Sám” các vị đã đọc qua, quốc sư Ngô Đạt gặp được Ca Nặc Ca Tôn giả ở Tứ Xuyên, đó là đạo tràng của A La Hán. Cũng là ông có duyên, sau khi rời khỏi đạo tràng, quay đầu lại nhìn cũng không thấy gì, cũng chỉ là mảng núi hoang, đó là do có chướng ngại. Cõi Đồng Cư mà còn như vậy, thì cõi Hữu Dư, cõi Thật Báo chúng ta làm sao có thể thấy được!

Thế nhưng ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thì không như vậy, bốn cõi cùng ở một nơi, cho nên nói “Ngũ thừa cùng vào báo độ”, cái Báo Độ đó chính là cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Cho nên bạn đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, bạn liền thấy được Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, liền thấy được Văn Thù, Phổ Hiền. Những vị Bồ Tát Đẳng Giác này, ngày ngày cùng ở chung với mọi người, cùng nhau sinh hoạt, cùng nhau nghe Phật nói pháp, bạn vào cái đoàn thể

này của các Ngài. Việc này là như thế nào vậy? Đó là oai thần của A Di Đà Phật gia trì, gia trì bạn, bạn mới vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Vậy thì cách nói đó trong “Quán Kinh” là có ý nghĩa gì? Đời sống của bạn như vậy, sinh hoạt đến sau 12 kiếp, đến 12 kiếp là bản nguyện của A Di Đà Phật không gia trì, bạn cũng vào được, bạn cũng ở được nơi đó, chính là cái ý như vậy. Hay nói cách khác trước 12 kiếp, bạn cùng với những vị Đại Bồ Tát này một ngày từ sớm đến tối cùng đứng, cùng ngồi, nắm tay mà đi, nhờ Phật lực gia trì, còn nếu dựa vào chính bạn thì phải sau 12 kiếp bạn mới có thể vào được cảnh giới này. Đây là cái ý như vậy, thấy đều không có nói sai, nói ra đều là đúng. Từ 12 kiếp bạn liền sẽ cảm thấy rất là kinh ngạc, vì sao vậy? Quá nhanh! Nếu như chiếu theo thông thường Đại thừa mà nói, bạn muốn vào được cảnh giới này, vào được cảnh giới này chỉ ít phải mãn một A Tăng Kỳ kiếp, một A Tăng Kỳ kiếp bạn tu xong Tam Hiền vị; A Tăng Kỳ kiếp thứ hai mới vào Sơ địa đến Thất địa. Bạn thấy tu hành ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc chỉ cần 12 kiếp, còn bạn ở các thế giới phương khác tu hành phải qua một A Tăng Kỳ kiếp. Do nguyên nhân gì vậy? Ở thế giới phương khác có thoái chuyển, còn ở Thế Giới Tây Phương không có thoái chuyển, bất thoái, viên chứng “Tam Bất Thoái”⁹, đạo lý chính ngay chỗ này. Cho nên Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thù thắng không gì bằng. Đây chính

là nói “Đạo sư chi hạnh”.

Ba là “Đạo sư chi hạnh” [Trụ Hạnh Đạo sư].

“Đạo sư” chính là A Di Đà Phật, Phật mới xưng là Đạo sư. Hai câu nói này là “Trụ Phật sở trụ, hành Phật sở hạnh”.

Bốn là “Tối thắng chi đạo” [Là đạo tối thắng].

Tối thắng chi đạo đó chính là khiến cho tất cả chúng sanh vãng sanh bất thoái thành Phật.

Vậy thì “Đạo” chính là chỉ pháp môn Tịnh Độ, Thành Phật Chi Đạo mà trong pháp môn Tịnh Độ đã nói, đó là thù thắng không gì bằng. Bạn tu học bất cứ pháp môn nào, bạn chưa đoạn kiến tư phiền não thì bạn không thể chứng được quả A La Hán. Hay nói cách khác chính là trong Viên Giáo Đại Thừa đã nói (Tịnh Tông cũng là Viên Giáo Đại Thừa), người xưa nói pháp môn này là Đại thừa ngay trong Đại thừa, Nhất thừa ngay trong Nhất Thừa, Phật pháp cứu cánh viên mãn, tán thán đến mức độ này.

Lấy “Hoa Nghiêm” để nói, trong “Hoa Nghiêm Kinh” Bồ Tát sơ tín vị là quả vị thấp nhất. Sơ tín là trong Thập Tín Vị, Bồ Tát Sơ Tín vị, công phu đoạn phiền não của họ bằng với Tu Đà Hoàn của Tiểu thừa là Sơ quả Tiểu thừa. Cho nên nếu bạn chứng được Bồ Tát Sơ Tín Vị thì bạn là “Vị bất thoái”, bạn nhất định

sẽ không còn thoái chuyển trở lại phạm phu, sẽ không còn. Cái vị thứ này trên kinh nói được rất rõ ràng, Kiến Tư phiền não 88 phẩm kiến hoặc đoạn tận, bạn mới có thể chứng được. Thế nhưng điểm khác của Bồ Tát Viên giáo Sơ Tín Vị so với Tu Đà Hoàn Sơ Quả Tiểu thừa là trí tuệ rất cao, trí tuệ của Tu Đà Hoàn không thể so được với họ, thần thông đạo lực đều không thể sánh được với họ, mà chỉ là đoạn phiền não thì bằng nhau mà thôi, đoạn phiền não thì việc này là bình đẳng, Bồ Tát Sơ Tín vị cũng là đoạn 88 phẩm kiến hoặc, Tu Đà Hoàn cũng đoạn 88 phẩm kiến hoặc, chỗ này thì là bình đẳng, còn các cái khác thì không bình đẳng. Trí tuệ của thánh giả Tiểu thừa không thể so được với trí tuệ của Bồ Tát, nhưng kiến tư phiền não thấy đều đoạn tận.

Trong Tứ quả Tiểu thừa, phải đến A La Hán mới thoát khỏi sáu cõi, siêu việt sáu cõi luân hồi, tương đương với Bồ Tát Thất Tín vị của Viên giáo. Thất Tín Vị cũng chính là công phu đoạn chứng giống y như A La Hán, nhưng trí tuệ, thần thông, đức năng, đạo lực, siêu việt hơn rất nhiều so với A La Hán, A La Hán không thể nào so sánh được với họ. Qua đây bạn liền biết được khó đến cỡ nào. Chúng ta không cần nói đến các thứ khác, chỉ cần là sơ quả Tu Đà Hoàn bạn đều không cách gì có được. Vì sao? Bạn có năng lực đoạn phiền não hay không? Cho nên thời kỳ Mạt pháp, thành thật mà nói ngoài pháp môn

này ra, không có người nào có thể được độ. Pháp môn không tẻ, mà chính là chúng ta không làm được, đó là sự thật.

Còn pháp môn này thì như thế nào? Pháp môn này một phẩm phiền não cũng không cần phải đoạn. Việc này chúng ta có được rồi, nắm được phần rồi, không cần phải đoạn phiền não, thế nhưng phải phục phiền não. Cái điểm này cần phải chú ý, phiền não bạn có thể chưa đoạn được, nhưng bạn phải có năng lực không chế được nó, làm cho phiền não không khởi tác dụng. Vậy thì được! Đây chính là: “*Tối thắng chi đạo*” [Đạo tối thắng].

Cho nên Tịnh Tông chỉ cần phục phiền não thì có thể đời nghiệp vãng sanh, sanh cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Bạn không phải sợ, cõi Phạm Thánh Đồng Cư hạ hạ phẩm vãng sanh, cũng cùng Văn Thù Phổ Hiền dắt tay cùng đi, cũng cùng những vị Bồ Tát Đẳng giác này, cùng ngồi cùng đứng thì được rồi. Cho nên Đại sư Ngẫu Ích nói:

“Những người này nếu bạn nói họ là Bồ Tát, thì không phải vậy, mà là phàm phu, vì họ một phẩm phiền não vẫn chưa đoạn. Nhưng nếu bạn nói họ là phàm phu, thì cũng không phải vậy, vì họ cùng với những vị Bồ Tát Đẳng giác cùng đứng cùng ngồi, nên không thể nói họ là phàm phu, nhưng cũng không thể nói họ là Bồ Tát”.

Thật là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Đây chính là “Kỳ Đặc pháp” [Pháp Kỳ Đặc], đây chính là “Tối thắng chi đạo” [Đạo tối thắng]. Chúng ta ngay đời này may mắn gặp được, nhưng sau khi gặp được rồi chúng ta có thể có được thành tựu hay không? Rất khó nói, bao nhiêu người ở ngay trong đời này gặp được, kết quả vẫn là luống qua, vẫn là phải sanh tử luân hồi, bạn nói xem thật là đáng tiếc. Trong vô lượng kiếp khó gặp được một lần, sau đó bạn mới biết được cơ duyên này thật khó, cái cơ duyên này thật thù thắng.

Ngày nay chúng ta chỉ là may mắn ở ngay trong đại vận, gặp được Bồ Tát Lý Mộc Nguyên xây dựng Niệm Phật Đường cho chúng ta, xây dựng Thôn Di Đà. Chỉ cần có cái đạo tràng như vậy, người thành tựu sẽ quá nhiều quá đông, phạm hễ bước vào đạo tràng này, thân tâm thế giới tất cả buông bỏ, ba năm quyết định vãng sanh. Vì sao vậy? Chúng ta xem thấy ở trong “*Tịnh Độ Thánh Hiền Lục*”, xem thấy ở trong “*Vãng sanh truyện*”, họ ba năm công phu thành tựu, không phải họ mạng chung, thọ mạng của họ có thể vẫn còn, tuổi thọ vẫn còn rất dài. Vậy họ là như thế nào vậy? Họ không muốn ở nơi đây, Thế Giới Tây Phương Cực Lạc quá tốt, họ xem thấy được, họ nhìn thấy được, họ di dân qua đó sớm một chút, không ở nơi đây chịu khổ. Đến nơi đó không gian hoạt động của họ lớn, tận hư không khắp pháp giới là không gian hoạt động của họ, bạn thấy đời sống đó

thật an vui. Có như vậy bạn mới biết được đạo tràng này là hi hữu khó gặp dường nào, bạn đến nơi đâu để mà tìm? Có thể gặp, nhưng không thể cầu.

Tôi giảng kinh nhiều năm đến như vậy, ngày ngày đang mộng tưởng, huyền tưởng sẽ có một nơi như vậy, nhưng làm gì dám nghĩ đến tương lai sẽ thành sự thật? Không hề nghĩ đến. Vậy mà đến nơi đây gặp được, chân thật gọi là “*Có thể gặp không thể cầu*”. Thực tế mà nói rất khó được, đây cũng là chư Phật Bồ Tát an bài cho chúng ta, mọi người chúng ta thiện căn, phước đức, nhân duyên vào ngay lúc này chín muồi, cho nên chư Phật Bồ Tát đến. Có rất nhiều đồng tu hỏi tôi: “*Thôn Di Đà phải lúc nào thì mới có thể xây xong?*”. Ở ngay trong tưởng tượng của tôi, cư Sĩ Lý làm việc tốc độ rất nhanh, nhanh tới mức chúng ta không cách gì tưởng tượng, nhưng tôi thấy ít nhất cũng phải là hai năm nữa, còn nhiều nhất là ba năm nữa ông cũng sẽ làm xong. Năng lực của ông rất mạnh, tốc độ rất nhanh, từ lúc Niệm Phật Đường khai trương đến nay, ông ngày đêm đều nghĩ đến Thôn Di Đà, ngoại trừ Thôn Di Đà ra, ông nói một vọng niệm khác cũng không có. “*Kiên thành chuyên chú*”¹⁰, tất được chư Phật Bồ Tát gia trì, cho nên cảm ứng tương thông không thể nghĩ bàn. Các vị phải xem mấy câu kinh văn này, ý nghĩa sâu rộng vô tận, chúng ta phải từ ngay chỗ này mà xây dựng tín tâm, xây dựng nguyện tâm.

Tốt rồi, hôm nay thời gian đã hết chúng ta học
đến đây thôi. A Di Đà Phật!



(VCD 053)

CHÁNH KINH: “Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm, vị niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết.”

[Dịch nghĩa: Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật nghĩ đến nhau. Ngài nghĩ đến quá khứ vị lai chư Phật hay chẳng? Ngài nghĩ đến chư Phật hiện tại ở phương khác hay chẳng? Vì sao Ngài lại oai thần sáng đẹp, tướng lành trong quang minh tuyệt vời đến mức như thế? Xin tuyên nói cho.]

Đoạn kinh văn này là tiếp theo đoạn trước, vẫn là A Nan tôn giả ở trong pháp hội thay chúng ta thỉnh pháp Thế tôn. Ngôn từ thỉnh pháp trước tiên là xưng tán đối với Thế Tôn, trong xưng tán chúng ta cũng đã học được rất nhiều. Cái đoạn văn này là Tôn giả A Nan trong lòng chính mình đang phán đoán bởi vì hình tướng của Thích Ca Mâu Ni Phật quá hi hữu. A Nan là thị giả của Thế Tôn, thường hay ở bên cạnh đức Phật nên trong kinh nghiệm của ông từ trước đến giờ chưa từng thấy qua Thích Ca Mâu Ni Phật sắc tướng oai quang như vậy, loại quang sắc này thù thắng đặc biệt như vậy, từ trước không hề thấy qua mà ngày nay người thông thường chúng ta gọi là

phong thái. Cho nên trong lời xưng tán của ông nói: “*Thế Tôn kim nhật, nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở, trụ đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo*” [Thế Tôn ngày nay nhập đại tịch định, trụ pháp kỳ đặc, trụ hạnh đạo sư của chư Phật trụ, là đạo tối thắng].

Cái trụ này là trong tâm an trụ, cũng như chúng ta thường hay nói “tâm tư ý niệm ở trong lòng”, tâm niệm này của ông thù thắng, ý niệm này quá tốt, cho nên hiện ra cái tướng rất đặc thù.

Người thế gian chúng ta thường nói tướng tùy tâm chuyển, cho nên tướng sẽ thay đổi theo tâm, quyết định không phải đi làm đẹp, đi hoá trang, cái đó thì không thể thay đổi được, đi hóa trang biến đổi còn phải khởi tác dụng phụ, còn mang đến rất nhiều phiền não. Còn “*Tướng tùy tâm chuyển*”¹¹, nên tâm của bạn đổi rồi thì tướng liền đổi, không những tướng thay đổi thể chất cũng thay đổi.

Ở Trung Quốc chúng ta thường hay nghe nói có một số người có công năng đặc dị, đó là thật không phải là giả. Tôi có gặp qua ở nước Mỹ, có người họ có năng lực thấy được vận khí trên con người. Chúng ta gọi là khí công, gọi là khí, còn trong Phật pháp gọi là quang, hiện tại trong khoa học gia gọi là năng lượng (sóng). Thực tế đều là nói một sự việc, đó là có thể thấy được ánh sáng trên thân mình hoặc là khí

lực. Đây tuyệt nhiên không phải là việc khó làm, mà chỉ cần có lòng nhẫn nại, đại khái bạn có công phu khoảng một hai tháng, bạn liền có loại năng lực này. Khi loại năng lực này mạnh hơn, bạn cũng có thể thấy được ánh sáng trên thân của người khác phát ra, hoặc là thấy được khí lực của người khác, phạm vi này lớn nhỏ không như nhau, màu sắc không như nhau, hoàn toàn từ trong tâm niệm của bạn phát ra.

Thực tế cái nguyên lý này chính là giao động của ý niệm sanh ra hiện tượng của sóng động. Thông thường người tâm ý thô thiển thì không thấy được, chỉ cần bạn hơi tinh tế một chút, tâm thanh tịnh một chút thì không khó phát hiện.

Tôn giả A Nan xem thấy Thích Ca Mâu Ni Phật, quang sắc hôm nay quá kỳ diệu, quá thù thắng, cho nên nói ra mấy câu nói trước. Mấy câu nói này lần trước đã giải thích qua với các vị. Hôm nay tiến thêm một bước nữa là ông nghĩ đến cái gì?

Thứ nhất: “Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm”
[Quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật nghĩ đến nhau]

Cái ý niệm tư tưởng đạt đến thù thắng nhất, viên mãn nhất không thể nào vượt qua được niệm Phật, cho nên như phía trước đã nói qua trong lòng ông nghĩ Thế Tôn hôm nay “*Oai quang hách dịch, như dung kim tự*” [Oai quang rạng rỡ như khối vàng

nung], vậy có phải là Phật đang niệm Phật chăng? Nếu không mà nói làm sao có thể hiện ra tướng lạ đến như vậy?

Từ cái hiện tướng bên ngoài này có thể thấy được tư tưởng của một người, cho nên sóng động của tư tưởng có thể thấy được, nếu cái tướng tốt thì nhất định là sóng động của tư tưởng tốt, bạn phải biết tốt đến tốt đỉnh không gì hơn chính là niệm Phật. Cho nên các vị thường hay đến Niệm Phật Đường để niệm Phật, khi có người hỏi bạn niệm Phật có cái gì tốt? Thì bạn phải biểu hiện cho người khác xem, Thích Ca Mâu Ni Phật niệm Phật “*Oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh cảnh, ảnh sớng biểu lý*” [Oai quang rạng rỡ như khối vàng nung, lại cũng như gương sáng trong ngoài sáng tỏ]. Còn bạn ở trong Niệm Phật Đường này niệm được như thế nào? Nếu như bạn ở trong Niệm Phật Đường niệm Phật được dung nhan phát sáng, quang sắc hơn người, làm cho người vừa thấy bạn liền sanh tâm hoan hỉ thì chính là công phu niệm Phật của bạn biểu hiện ở bên ngoài, càng niệm càng trẻ trung, càng niệm thân thể càng khoẻ mạnh. Vốn dĩ trên thân thể có rất nhiều bệnh tật, cái niệm này bất cứ bệnh gì cũng đều không có. Lời nói này là thật không phải là giả.

Bệnh của bạn từ đâu mà ra? Bệnh từ nơi vọng tưởng mà ra. Phật ở trên kinh nói với chúng ta Tham - Sân - Si, đây là ba độc, còn dùng lời hiện đại mà nói

gọi là bệnh độc. Trong lòng bạn có bệnh độc, còn hoàn cảnh bên ngoài trược ác (trên kinh Phật nói: “trược” là cái gì vậy? Ô nhiễm, hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm; “ác” chính là ý niệm không tốt, khởi tâm động niệm không phải thiện niệm), ngoài có trược ác chính là có ô nhiễm, bên trong có ba độc, trong ngoài giao cảm, thì bạn làm sao mà không bị bệnh? Mức độ phát bệnh của bạn, cùng với mức độ giao cảm trong ngoài của bạn, quyết định thành ra vấn đề. Nếu như hiểu rõ ra vấn đề này rồi, bạn ở bên trong tẩy sạch hết bệnh độc, trừ bỏ hết Tham - Sân - Si, trong tâm trừ hết Tham, Sân, Si rồi, thì xin nói với các vị, hoàn cảnh bên ngoài lập tức liền thay đổi. Cho nên chúng ta cần phải hiểu rõ, phải khẳng định, tâm địa thanh tịnh quang minh thì bạn không bị ô nhiễm, sẽ không tiếp nhận ô nhiễm, tuyệt đối sẽ không gặp phải những độc hại này.

Nhà Phật dạy người phải sanh tâm đại từ bi, tâm đại từ bi có thể giải độc, có thể hoá giải hết thảy tất cả độc tố. Trong đây có đạo lý rất sâu, cho nên niệm Phật chân thật mà niệm thì công phu có lực. Ở trong giảng đường đã nói qua rất nhiều lần, niệm Phật quan trọng nhất là tâm miệng phải tương ứng. Cho nên các vị thấy chữ “Niệm” này trong văn tự Trung Quốc cũng có nghĩa là như vậy.

Văn tự của Trung Quốc, toàn thế giới bất cứ một quốc gia dân tộc nào cũng đều không có, văn tự

Trung Quốc là một loại chữ phù hiệu. Lão tổ tông chúng ta thông minh tuyệt đỉnh, đối với con cháu đời sau, thương yêu đến cùng tột, nên lão tổ tông chúng ta nghĩ xem phải làm thế nào đem trí tuệ của họ, kinh nghiệm của họ truyền lại cho con cháu đời sau mà không bị mất đi. Nên họ đã nghĩ ra một công cụ để truyền đạt lại, công cụ này chính là văn tự, lại đặc biệt phát minh ra một công cụ hi hữu “Văn Ngôn Văn”.

“Văn ngôn văn” là gì?

Những đại đức xưa nay họ biết ngôn ngữ sẽ tùy theo thời đại mà thay đổi, nếu như “ngữ” cùng “văn” là như nhau thì sau khi thời đại thay đổi, loại văn tự này người xem sẽ không có người hiểu được. Người phương Tây phạm phải cái lỗi này, văn La Linh của Âu châu hiện tại không có người xem hiểu, ngay cả Phạn văn của Ấn Độ hiện tại cũng không có người xem hiểu. Lão tổ tông chúng ta thông minh, biết được cái tình hình này liền phát minh ra Văn Ngôn Văn, chính là Văn cùng Ngữ phân khai, ngôn ngữ sẽ thay đổi, Văn thì vĩnh viễn không thay đổi.

Không Lão Phu Tử cách chúng ta hơn 2500 năm nhưng ngày nay chúng ta đọc “Luận Ngữ” vẫn là y như thông tin mặt đối mặt với Không Lão Phu Tử vậy, chúng ta có thể xem hiểu được Ngài, có thể lý giải ý nghĩa của Ngài, đó chính là chỗ tốt của Ngữ

cùng Văn phân ra, chỗ này là không thể tìm được ở bất cứ dân tộc quốc gia nào trên toàn thế giới như vậy, chúng ta mới thể hội được tổ tiên yêu thương đến thế nào đối với hậu thế, quan tâm đến thế nào, chân thật có trí tuệ.

Văn tự cũng là tràn đầy trí tuệ, cho nên bạn thấy cái chữ “Niệm” này là ý gì vậy? Bạn thấy chữ “Niệm” này trong văn tự Trung Quốc bên trên là “Kim” phía dưới là “Tâm”. Có thể thấy được niệm không phải là miệng niệm, chỉ miệng niệm thì không được, trong tâm hiện tại chân thật có mới gọi là niệm, niệm là cái ý như vậy. Còn nếu như trong tâm hiện tại của bạn không có, chỉ là ngoài miệng “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật...” thì như người xưa gọi là “Đau mồm rát họng cũng chỉ uống công”. Bạn phải nhớ, trong tâm bạn thật có.

Bạn xem chúng ta thường hay thấy rất nhiều bà cụ, thương yêu con cháu của họ, trong lòng thật có con cháu của họ. Nhưng họ không phải một ngày từ sớm đến tối gọi “Cháu ơi! cháu ơi!” Không gọi ở ngoài miệng, nhưng trong lòng của họ thật có, không luận vào bất cứ lúc nào, họ đều luôn nghĩ đến con cháu của họ, đó gọi là niệm. Nếu có thể đem cái niệm này chuyển đổi thành A Di Đà Phật, vậy thì tốt vấn đề liền được giải quyết rồi.

Mấy năm trước có một bà cụ đến thăm tôi, bà

nói với tôi công phu niệm Phật của bà cũng niệm được rất tốt, nhưng bà nói: “Su phụ! Con thứ gì cũng đều buông bỏ, chỉ là không thể buông bỏ được đứa cháu nội thì phải làm sao?” Tôi liền dạy cho bà, bảo bà nên đem đứa cháu của bà đổi thành A Di Đà Phật, vấn đề của bà liền được giải quyết rồi. Cho nên niệm phải là trong tâm thật có.

Trong mười pháp giới thì Phật là thù thắng không gì bằng, công phu tu hành của Phật viên mãn, “Phước, huệ nhị túc tôn”: “Trí tuệ” của Ngài viên mãn, “Phước đức” của Ngài cũng viên mãn, hai loại này viên mãn chúng ta gọi là nhị túc tôn. “Túc” chính là đầy đủ, một chút kém khuyết cũng không có, đó là người có trí tuệ có phước đức tối tôn tối quý, chúng ta ngày nay gọi là tôn kính nhất, chân thật đáng được người tôn kính. Bồ Tát có Phước có Huệ thể nhưng chưa viên mãn, phải là Phật mới đạt đến cứu cánh viên mãn.

Tôn giả A Nan liền nghĩ “*Có phải Thích Ca Mâu Ni Phật cũng đang niệm Phật hay không?*” Chân thật là Thích Ca Mâu Ni Phật đích thực đang niệm Phật. Cho nên Tôn giả A Nan, Ngài nói:

*Một là “**Khứ lai hiện tại**”* [Quá khứ, vị lai, hiện tại].

“Khứ” là quá khứ, “Lai” là vị lai, “Hiện tại”.
Chỗ này chính là nói ba đời “Quá khứ, Hiện tại, Vị

lai”.

Hai là “Phật Phật tương niệm” [Chư Phật nghĩ đến nhau].

Tất cả chư Phật đều là “Phật Phật nhớ nhau”. Hay nói cách khác trong lòng của Phật thường hay nhớ lấy tất cả chư Phật. Phật dạy chúng ta niệm Phật có đạo lý rõ ràng, bởi vì chính Ngài niệm Phật.

Ai là Phật vậy?

Phật niệm Phật, niệm Phật quá khứ chúng ta dễ dàng hiểu được, niệm hiện tại Phật, hiện tại mười phương thế giới Chư Phật Như Lai số lượng đó cũng không thể tính đếm được, cái thế giới này quá rộng quá lớn.

Ngày nay chúng ta nhờ vào thiết bị khoa học, thăm dò được tinh cầu cách ngoài trăm vạn năm ánh sáng (tinh cầu chính là thế giới) đã cảm nhận được không gian là lớn vô hạn. Trên thực tế không luận khoa học kỹ thuật phát triển đến thế nào, không luận thăm dò ra sao, cũng chỉ là một bộ phận rất nhỏ ở trong thái hư không. Lời nói này là ý gì? Là khoa học gia hiện tại hiểu được rằng chúng ta có thể quan sát, có thể thăm dò được chỉ là cùng đồng một không gian với chúng ta mà thôi. Ngày nay chúng ta gọi là không gian ba độ (ba chiều), nhiều nhất là đạt đến bốn độ

không gian. Cùng đồng một không gian bạn có thể quan sát được, nhưng năm độ không gian, sáu độ không gian trở lên, thì bạn không cách gì đi, thiết bị khoa học cũng không thể đạt đến.

Vậy cái không gian này rốt cuộc có bao nhiêu độ?

Ở trên lý luận mà nói là vô lượng, đó là thật. Trong Phật pháp nói mười pháp giới, mười pháp giới là mười cái không gian duy thứ khác nhau, cách nói này của Phật pháp đó là khác biệt lớn mà nói, nói thành mười loại là phương tiện mà nói, mười không phải là chữ số. Chỗ này lão đồng tu đều rất rõ ràng, mười đại biểu vô lượng, không gian là vô lượng.

Không gian làm thế nào tạo thành?

Việc này trên “Kinh Hoa Nghiêm” nói được rất rõ ràng làm thế nào có thể đột phá nó?

Khoa học gia hiện tại đã chứng minh có mười độ không gian tồn tại. Đó là một loại số học cao thâm suy tính mà phát hiện ra, thế nhưng hiện tại khoa học gia không biết được làm thế nào để đột phá nó, cái này họ không tìm ra được.

Phật nói với chúng ta sự hình thành của không gian duy thứ khác nhau là từ trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà biến hiện ra cảnh giới. Vọng

tưởng, phân biệt, chấp trước của mỗi một người khác nhau, cho nên không gian duy thứ là vô lượng vô biên, vậy phải làm thế nào đột phá? Nếu bạn có thể đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thấy đều buông bỏ, thấy đều xả bỏ thì liền đột phá. Sau khi đột phá trong Phật pháp gọi là “Pháp giới nhất chân”. Trong pháp giới nhất chân rất rõ ràng trình hiện ra vô lượng vô biên không gian đời sống của chúng sanh. Ở ngay chỗ này bạn đối với tình hình sinh hoạt của tất cả chúng sanh tận hư không khắp pháp giới, chân tướng của sự thật, bạn liền hoàn toàn thông đạt tường tận, thấu hiểu rõ ràng, vậy thì bạn liền có năng lực giải quyết vấn đề.

Ngày nay chúng ta có rất nhiều vấn đề tại vì sao không thể giải quyết được? Vì mê hoặc nên không biết được vấn đề này vì sao mà xảy ra? Cũng không biết được tương lai nó thay đổi thế nào? Vì bạn là dựa vào ý thức của chính mình, dựa vào phán đoán của chính mình, rồi ở đó mà xử lý sự việc thì làm gì không phạm phải sai lầm chứ.

Phật pháp dạy chúng ta trí tuệ cao độ, chỉ có trí tuệ cao độ bạn mới có thể trải qua được hạnh phúc. Trí tuệ liền triển hiện ngay trong cuộc sống của bạn, chính ngay trong công việc của bạn, ngay trong thông thường bạn đối nhân xử thế tiếp vật. Cho nên chúng ta nghĩ xem thông thường là chúng ta dùng cái tâm

gì?

Chư Phật Như Lai tâm của các Ngài là tâm niệm Phật. “Phật” là gì? Cái chữ Phật này là từ tiếng Phạn dịch ra ý nghĩa của nó là trí tuệ, hay nói cách khác niệm Phật chính là niệm trí tuệ, niệm giác ngộ. Trí tuệ Ngài nói ra là không gì không biết, giác ngộ mà Ngài nói ra là không gì không giác. Ngay trong khái niệm thông thường của chúng ta “trí tuệ” cùng “giác ngộ” phạm vi không lớn đến như vậy, cũng không sâu đến như vậy. Cho nên Ngài là trí tuệ cứu cánh viên mãn, giác ngộ cứu cánh viên mãn, đó là Phật. Hay nói cách khác:

“Phật Phật nhớ nhau” phải thực tiễn ngay trong đời sống hiện thực của chúng ta là mỗi niệm đều không mê.

Vậy thì cái chữ “Phật” này là có thể dịch, vì sao người xưa không dịch? Họ không dịch là có cái đạo lý của họ. Thế lệ ngày xưa dịch kinh có 5 loại không dịch, trong đó có một loại là tôn trọng mà không dịch, chữ “Phật” này chính là như vậy. Chúng ta rất tôn trọng cái chữ “Phật” này mà không dịch, chỉ dịch âm ra mà thôi.

Các đồng tu học Phật, trước tiên phải tiếp nhận truyền thụ Tam Quy. Ý nghĩa quan trọng nhất của truyền thụ Tam Quy chính là đem cương lĩnh giáo

học của Phật pháp truyền thụ cho bạn. Đó là ba cương lĩnh lớn: Cái thứ nhất chính là Giác mà không mê, cái thứ hai Chánh mà không tà, cái thứ ba Tịnh mà không nhiễm, đó gọi là Tam Bảo, đây gọi là Phật Pháp Tăng.

Chúng ta ở ngay trong cuộc sống, mỗi ngày từ sớm đến tối, tiếp xúc với tất cả mọi người, tất cả mọi vật, tất cả mọi việc, có phải là làm đến được giác mà không mê không?

Chúng ta có phải làm đến được Chánh mà không tà không? Chánh chính là tư tưởng chuẩn xác, tư duy chính xác, tà là sai lầm.

Chúng ta có làm đến được Tịnh mà không nhiễm không? Không hề bị cảnh giới bên ngoài ô nhiễm. Chúng ta, phàm phu mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thuận theo tâm ý của mình thì khởi lên tham ái, tham ái là ô nhiễm, không hợp với ý của chính mình thì chán ghét, chán ghét cũng là ô nhiễm, khởi tâm động niệm đều bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển là ô nhiễm. Phật dạy chúng ta phải Tịnh mà không Nhiễm. Bạn thấy được rõ ràng là trí tuệ, còn như như bất động thì không nhiễm trước, tâm phải làm đến được thật thanh tịnh. Thật thanh tịnh rồi, bạn ở trong tất cả pháp không phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, không động niệm, thì đúng. Phật dạy chúng ta như vậy. Bạn muốn hỏi vậy con người này có phải

biến thành gỗ đá hay không? Người ta cười cũng tro tro cái mặt, người ta khóc cũng cái mặt tro tro, giống y như người gỗ vậy. Hiểu như vậy thì học Phật sai rồi, người ta cười mình cũng cười, người ta khóc mình cũng khóc, đó là “*Hằng thuận chúng sanh*”. Họ cười, họ khóc là xúc động tình cảm, còn cái khóc của ta, cái cười của ta là trí tuệ không phải là tình cảm. Khác biệt ở ngay chỗ này, họ có cười có khóc, là họ bị ô nhiễm rồi, còn ta thì có khóc có cười mà không bị ô nhiễm, giúp đỡ họ dẫn dắt họ vượt qua ô nhiễm, đó là Phật Bồ Tát.

Đại sư Vĩnh Gia nói “*Phân biệt cũng không phải ý*”¹². Ý thì ô nhiễm rồi, Phật Bồ Tát phân biệt là trí tuệ không phải là ý. Chỗ cao minh của người là ở ngay chỗ này, đó chính là “*Phật Phật nhớ nhau*”. Chúng ta muốn học là học ngay chỗ này, đại học vấn, thật công phu.

Cách nói này vẫn còn sợ các đồng tu nghe không được rõ ràng, nếu bạn không làm cho rõ ràng thì bạn không có chỗ nào để bắt tay vào, không biết từ chỗ nào đề mà học. “Chư Phật nhớ nhau”, nếu như dùng lời hiện tại mà nói chính là “Trí quang phổ chiếu”. Tất cả chư Phật trong lòng chỉ nghĩ đến một sự việc, phổ độ chúng sanh, đó là Phật nghĩ tưởng. Chúng ta phải nên học tập.

Cái gì gọi là phổ độ chúng sanh?

Quan tâm tất cả chúng sanh, thương yêu tất cả chúng sanh, tùy lúc tùy nơi tận tâm tận lực giúp đỡ tất cả chúng sanh. “Phật thị môn trung bất xả nhất nhân”¹³. Đây chính là chỗ chúng ta phải nên học tập.

Nhưng nếu chúng ta giúp đỡ người khác, người khác không chịu tiếp nhận sự giúp đỡ của chúng ta. Vậy thì phải làm sao? Vậy thì không cần phải giúp đỡ họ nữa. Cho nên nhà Phật thường nói “*Phật không độ người vô duyên*”.

Người thế nào gọi là vô duyên?

Họ không thể tin tưởng, họ không có lòng tin đối với bạn, hơn nữa thậm chí còn hoài nghi đối với bạn, không bằng lòng tiếp nhận bạn. Vậy thì quyết định không nên miễn cưỡng, Phật độ người có duyên.

Người thế nào có duyên?

Chịu tin tưởng, chịu thân cận, chịu học tập, đó là người có duyên. Thế nhưng duyên tương đối không dễ dàng, duyên của mỗi một người đều khác nhau, chúng ta quyết định không nên xem thường. Người gặp duyên có sớm có muộn, chúng ta có thể sớm gặp được duyên, nhưng sớm mà chưa thành tựu, tuy nhiên có người gặp duyên rất trễ, nhưng họ vừa gặp thì liền thành tựu, nên chúng ta làm sao có thể xem thường họ.

Cho nên Phật dạy chúng ta phải dùng tâm bình đẳng mà đối với người, dùng tâm thanh tịnh mà đối đãi người, dùng tâm chân thành mà tiếp xúc với người, vậy thì đúng, nhất định có cái tốt đối với chính mình. Chúng ta phải nên học tập mỗi niệm quan tâm chúng sanh, mỗi niệm thương yêu tất cả chúng sanh, còn phải tận tâm tận lực giúp đỡ tất cả chúng sanh, có như vậy mới gọi là bạn chân thật học Phật, học làm Phật, học đời sống của Phật, học đời nhân xử thế tiếp vật của Phật.

Phật giáo, đó là một môn đại học vẫn, các vị đồng tu phải nên biết, Phật giáo quyết định không phải tôn giáo. Người xưa Trung Quốc thích đơn giản, không thích phiền phức, ngôn ngữ văn tự đều rất giản lược, mọi người đều rất ưa thích, người Trung Quốc chúng ta gọi Phật giáo, ý nghĩa hai chữ Phật giáo mọi người đều hiểu “Giáo dục của Phật Đà”, đều hiểu được cái ý này, tuyệt đối sẽ không đem nó xem thành tôn giáo gì đó.

Vào thời xưa không có cái danh từ tôn giáo này, danh từ tôn giáo là từ bên ngoài đến, từ phương tây truyền đến Trung Quốc. Tôn giáo phương Tây truyền đến Trung Quốc là vào đầu nhà Thanh cuối nhà Minh, thế là đem Phật giáo cũng liệt vào tôn giáo, thật là oan uổng. Phật giáo liệt vào tôn giáo, cái khái niệm này là có nhiều nhất cũng là trước hơn 200 năm qua, vào đầu nhà Thanh không có cách nói này. Thế nhưng

nhà Phật bản thân có cách nói tông giáo này, nhưng cùng định nghĩa tôn giáo hiện tại của chúng ta là không như nhau. Nhà Phật chúng ta gọi “tông” là chỉ Thiên tông, gọi “giáo” ngoài thiên tông ra bao gồm tất cả những hệ phái khác đều gọi là giáo, gọi là “Tông môn, Giáo hạ” là như vậy, giản lược đi gọi là “Tông giáo”, là cái ý này, hoàn toàn khác nhau với cách gọi tôn giáo của chúng ta hiện nay. Tại vì sao trong nhà Phật phải phân Tông môn, Giáo hạ? Vì phương pháp giáo học của họ hoàn toàn không như nhau.

Giáo học của Thiên tông như thế nào?

Không dùng sách giáo trình, không có sách vở, không có quyển kinh, vừa mở đầu liền dạy bạn ngồi thiền, liền dạy bạn “Minh tâm kiến tánh”, sau khi khai ngộ mới đọc kinh. Đương nhiên phương pháp đó đến được nhanh, trước khi chưa khai ngộ quyết định không được tiếp xúc kinh sách. Đây là một phương pháp giáo học đặc thù.

Giáo học của Giáo hạ như thế nào?

Ngoài Thiên tông ra không luận Đại thừa, Tiểu thừa, không luận tông phái nào đều phải có sách giáo trình. Kinh điển chính là sách giáo trình, từ cạn mà vào sâu, theo bộ mà xếp lớp để học tập. Cũng giống như các bạn lên lớp học vậy, từ năm thứ nhất, năm thứ 2, năm thứ 3 dần dần mà hướng lên trên cao, cái

này gọi là Giáo hạ. Cho nên Tông môn, Giáo hạ, là chỉ phương thức giáo học khác nhau mà nói, chỗ này phải nên hiểu.

Trong Phật pháp gọi Phật là ai?

Phật là chân như bản tánh của chính mình, chính là chân tâm của chính bạn gọi là Phật.

Trong nhà Phật gọi ma là gì vậy?

Ma là vọng tâm của chính bạn, là dầy vò chính mình, bạn có khổ não, bạn có phiền não, từ nơi vọng tâm mà sanh ra.

Cho nên nói Ma, Phật không hai, bạn dùng chân tâm thì gọi bạn là Phật, bạn dùng vọng tâm thì gọi bạn là Ma. Phật là nói tánh đức của chính mình, Bồ Tát là nói tu đức. Tất cả chư Phật đều là đức hiệu của tự tánh chính mình, tất cả Bồ Tát là tên gọi tu đức của chính mình, ngoài chính mình ra không có một pháp nào có thể được. Đó là Phật Phật nhớ nhau. Cho nên câu kinh văn phía sau nói:

Thứ hai: “Vị niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da?” [Ngài nghĩ đến quá khứ vị lai chư Phật hay chăng? Ngài nghĩ đến chư Phật hiện tại ở phương khác hay chăng?]

Vào lúc này, Thích Ca Mâu Ni Phật là niệm Phật “Quá khứ chư Phật”? Hay là niệm “Vị lai chư Phật”? Hay là “Niệm hiện tại tha phương chư Phật”?

Nếu như niệm hiện tại Phật, đương nhiên Phật hiện tại tuyệt đối không phải là thế giới này của chúng ta. Mọi người đều biết một thế giới chỉ có một vị Phật, giống như một trường học chỉ có một vị hiệu trưởng, Phật là đạo sư nên một thế giới chỉ có một vị Phật. Nhưng thế giới vô lượng vô biên, cho nên hiện tại chư Phật cũng là vô lượng vô biên. Phật phải niệm Phật, nếu như niệm Phật hiện tại, nhất định là niệm chư Phật thế giới phương khác. Cho nên đặc biệt chỉ “Chư Phật thế giới phương khác” là thật.

Thứ ba: **“Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ”** [Vì sao Ngài lại oai thần sáng đẹp, tướng lành trong quang minh tuyệt vời đến mức như thế?]

Tại vì sao oai đức của Ngài hôm nay lại “Oai thần hiển diệu”. Chữ “Thần” là nói thần kỳ, chữ “Diệu” là nói kỳ diệu đến cùng tột.

“*Quang thụy*”: Hôm nay Ngài phát ra tướng mạo sáng lạn, ánh sáng đặc biệt rõ ràng, gọi là “Quang thụy”. “Thụy” là tướng lạ, tướng tốt; “*Thù diệu*”: “Thù” là thù thắng, “Diệu” là vi diệu, đến mức độ như vậy.

A Nan mỗi ngày thân cận với Phật, theo Phật thời gian lâu như vậy, từ trước đến giờ chưa từng thấy qua tướng lạ như ngày hôm nay. Cho dù tôn giả A Nan nói được không sai, những điều nghĩ đến cũng không sai, thế nhưng ông không hề nghĩ đến rằng hiện tại Thích Ca Mâu Ni Phật đang nhớ đến A Di Đà Phật cho nên mới hiện ra tướng tốt đến như vậy.

Vừa rồi tôi nhắc đến với mọi người, các vị ngày ngày ở Niệm Phật Đường niệm A Di Đà Phật, tướng hảo quang minh của các vị có thể so sánh được với Thích Ca Mâu Ni Phật hay không? Không thể như nhau. Tại vì sao không như nhau? Thích Ca Mâu Ni Phật thật niệm, còn bạn ở nơi đây giả niệm, khác biệt chính ngay chỗ này. Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật, một vọng tưởng cũng không có, còn bạn ở nơi đây niệm A Di Đà Phật, vẫn là xen tạp rất nhiều vọng tưởng ở ngay trong đó, cho nên tướng lạ của bạn không như Thích Ca Mâu Ni Phật, đạo lý chính ngay chỗ này. Chúng ta phải nên học với Thích Ca Mâu Ni Phật, nếu như bạn có thể như Thích Ca Mâu Ni Phật dùng cái tâm không có vọng tưởng đó mà niệm A Di Đà Phật, thì tướng lạ mà bạn hiện ra quyết định giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, làm gì có sự khác biệt chứ. Cho nên khi chúng ta niệm Phật không thể niệm được cho dung nhan phát sáng, thì chính mình phải sám hối, đọc kinh này chúng ta phải lấy làm hổ thẹn. Thích Ca Mâu Ni Phật niệm vì sao mà niệm được loại tướng này, còn hiện tại chúng ta vì sao mà ra như thế

này. Bạn phải thường hay phản tỉnh nhắc nhở chính mình, hy vọng chính mình đồng mãnh tinh tấn, cho nên cái ý này rất hay.

Thứ tư: “**Nguyện vi tuyên thuyết**” [Xin tuyên nói cho]

Sau khi A Nan nói rồi, thì sau cùng thỉnh cầu với Thích Ca Mâu Ni Phật “Nguyện vi tuyên thuyết”, là hy vọng Thế Tôn vì mọi người chúng ta nói ra, tướng mạo của Ngài hôm nay vì sao đẹp đến như vậy? Tại vì sao có quang sắc đẹp đến như vậy? Mọi người chúng ta đều muốn nghe. Ngôn từ thỉnh giáo của ông đến đây là hết một đoạn. Phía sau là Thích Ca Mâu Ni Phật vì ông mà nói rõ ra “*Tán thỉnh, hứa thuyết*”.

CHÁNH KINH: “U’ thị Thế Tôn cáo A Nan ngôn: Thiệt tai, thiệt tai! Nhữ vị ai mãn lợi lạc chư chúng sanh cố, năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa.”

[Dịch nghĩa: Khi ấy, đức Thế tôn bảo A Nan rằng: Lành thay! Lành thay! Ông vì thương xót, lợi lạc các chúng sanh nên có thể hỏi nghĩa vi diệu như vậy.]

Thích Ca Mâu Ni Phật trước khi trả lời ông, thì tán thán ông trước, cái ý nghĩa này rất sâu.

Thứ nhất: **“U thị Thế Tôn cáo A Nan ngôn”** [Khi ấy, đức Thế tôn bảo A Nan rằng]

“Cáo” là Thế tôn nói với ông, “cáo” là trên đối với dưới. Lão sư đối với học trò thì dùng là “cáo”, học trò đối với lão sư thì dùng “bạch”. Bạn thấy phía trước “Nhi bạch Phật ngôn”, đó là kính từ, ngữ khí tôn kính;

Thứ hai: **“Thiện tai, thiện tai”** [Lành thay! Lành thay!]

Dùng hai lần “thiện tai”, chính là nói ông hỏi được rất hay, hỏi được rất hay, liên tục tán thán 2 lần. Trong hai lần này vẫn là có ý nghĩa rất sâu:

Một lần là bạn có thể thể hội được ý của lão sư, tâm tư của lão sư bạn đã thấy ra được, cho nên tán thán bạn “Thiện tai”;

Ngoài ra một lần thiện tai nữa là nghĩa cơ duyên chúng sanh chín muồi, câu hỏi này của bạn hỏi được rất hợp thời, Phật phải đem pháp môn vi diệu này nói với mọi người, cho nên dùng hai chữ “thiện tai” này.

A Nan đã hỏi Phật: Cái thứ nhất là “Xưng cơ” - Cơ duyên của chúng sanh đã chín muồi; Cái thứ hai là “Đương cơ” - Pháp môn này chính ngay lúc phải nên

nói cho chúng sanh nghe; Cái thứ ba là rất “Khế hợp thời cơ”: “Khế cơ”, hợp thời cơ. Thời tiết nhân duyên, ba cái điều kiện này đầy đủ, cho nên Phật tán thán ông.

Thứ ba: **“Nhữ vi ai mẫn lợi lạc chúng sanh cố”**
[Ông vì thương xót, lợi lạc các chúng sanh]

Ông là vì lòng “Ai mẫn”. “Ai mẫn” là chỉ chúng sanh từ vô lượng kiếp đến nay quên mất đi sự việc này, xem thường bỏ qua, mê mất đi, mê mất đi tự tánh. Người giác ngộ họ thấu suốt, cho nên sanh khởi tâm đồng cảm vô hạn, cho nên gọi là “Ai mẫn”; “Lợi lạc” chính là giúp đỡ họ. “Lợi” là lợi ích! Là phải cho chúng sanh lợi ích thù thắng nhất, lợi ích viên mãn nhất, là phải giúp cho họ lìa khổ được vui.

Giáo học của Phật pháp tông chỉ mục tiêu có tám chữ *“Phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui”*. Cho nên Phật giáo vì sao có thể gọi là mê tín? Nó phải phá trừ mê tín, dạy bạn trí tuệ hiện tiền, giúp cho bạn khai ngộ, đó là ở trên nhân mà nói. Trên quả thì lìa khổ được vui! Phật biết được khổ từ đâu mà ra? Khổ từ mê mà ra, bạn không hiểu được chân tướng đối với vũ trụ nhân sanh nên bạn mới có khổ.

Vũ trụ là hoàn cảnh đời sống của chúng ta, nhân sanh chính là bản thân ta. Nhân sanh không phải chỉ đại chúng mà là chỉ bản thân chính ta, còn những đại chúng ở bên ngoài đều là hoàn cảnh sinh hoạt của

chúng ta, trong hoàn cảnh có hoàn cảnh nhân sự, có hoàn cảnh vật chất, tất cả chúng sanh hữu tình này là hoàn cảnh nhân sự của chúng ta. Từ ngữ chữ nghĩa sử dụng trong đây, ý nghĩa chân thật chúng ta phải nên hiểu rõ. Cho nên nói “Vũ trụ nhân sanh”, chính là nói chân tướng của chính chúng ta và hoàn cảnh sinh hoạt của chính chúng ta. Bạn không hiểu rõ, vì bạn mê rồi, cho nên bạn mới có khổ. Sau khi bạn hiểu rõ rồi, thì bạn liền vui. Cho nên lìa khổ được vui là việc của chính chúng ta, lão sư có thể giúp cho chúng ta, Phật Bồ Tát là lão sư của chúng ta.

Cho nên từ trên những xung hô này, các vị cũng có thể thể hội được. Phật giáo không phải là tôn giáo, quan hệ của chúng ta với Phật Bồ Tát là quan hệ thầy trò. Thầy trò đó là quan hệ ở trong giáo dục, chúng ta gọi Ngài là lão sư, là “bổn sư” (là lão sư căn bản).

Hòa thượng là ai?

Hiện tiền người thông thường gọi người xuất gia là Hoà Thượng, gọi như vậy kỳ thật đã sai rồi, Hoà Thượng là cung kính vượt quá rồi, họ căn bản không phải là hoà thượng của bạn, thì bạn làm sao có thể gọi họ là hoà thượng, đây đều là không hiểu rõ ý nghĩa đối với danh từ.

“Hoà Thượng” là từ tiếng Phạn Ấn Độ dịch âm ra, ý nghĩa là Thân Giáo Sư, nên nếu là người trực

tiếp dạy bảo ta thì vị lão sư này gọi là Hoà thượng, hiện tại trong Đại học chính là “Giáo thọ” chỉ đạo, trực tiếp chỉ đạo ta, ta mới gọi họ là Hoà Thượng. Lão sư dạy học trong trường của ta rất nhiều, nhưng nếu không phải trực tiếp chỉ đạo ta thì không gọi là Hoà thượng, không có cái quan hệ này. Ngoài ra có một danh từ gọi là A Xà Lê, gọi A Xà Lê không gọi là Hoà Thượng. Hoà Thượng là xưng hô tôn kính nhất, quan hệ rất là mật thiết, còn nếu chúng ta không có quan hệ này với họ, thì làm sao có thể gọi họ là Hoà thượng. Từ ngay chỗ này các vị liền có thể thể hội được, Phật pháp đích thực là giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhất định không phải là tôn giáo.

(VCD 054)

Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa khi còn ở đời vì mọi người giảng kinh nói pháp, nếu dùng lời hiện tại mà nói chính là giáo học, thân phận của Ngài là một người làm công tác giáo dục xã hội, hơn nữa hoàn toàn là giáo học nghĩa vụ, tuyệt nhiên không lấy học trò một xu học phí, không hề có học phí. Phật tiếp nhận cúng dường của học trò rất đơn giản, ba y một bát, mỗi một ngày chỉ ăn một bữa cơm, đi ra ngoài khát thực. Trải qua đời sống vậy, cho nên Ngài chân thật là làm một người công tác giáo dục nghĩa vụ, mục đích giáo dục của Ngài chính là nói rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh, hay nói cách khác nói rõ chính chúng ta cùng chân tướng hoàn cảnh đời sống của chúng ta, như vậy mà thôi. Ngày nay lưu lại nhiều kinh điển đến như vậy sách giáo trình của giáo học, sách giáo khoa không phải là Ngài viết, mà chính là chính Thế Tôn Ngài năm xưa Ngài nói. Sau khi Phật diệt độ (sau khi qua đời), học trò của Ngài từ trong ký ức đem nó chỉnh lý viết ra, nên đó mới gọi là kinh điển. Cả đời Ngài giảng được quá nhiều, những gì lưu lại rất là phong phú, hiện tại thế gian không luận một đại học nào, một khoa hệ nào đó có thể hoàn bị hơn. Thực tế ra mà nói, tập hợp tất cả khoa hệ lại vẫn không thể viên mãn được như kinh Phật đã nói.

Đó là thật không phải là giả.

Tôi thường đi lại rất nhiều nơi trên thế giới, tôi thích nhất là đến thăm trường học, mỗi lần đến một địa phương nào, tôi nhất định đến thăm trường học tốt nhất của khu vực đó. Khi tôi đến Bắc Kinh trước tiên liền đi thăm Đại học Bắc Kinh, Đại Học Sư Phạm Bắc Kinh, gần Bắc Kinh là Đại Học Nam Khai Thiên Tân. Ở nước ngoài những trường đại học nổi tiếng tôi thường hay đến thăm viếng. Chân thật chỉ có Phật pháp Đại thừa có thể đích thực giải quyết được vấn đề ngày nay. Trong Phật pháp Đại thừa tinh hoa nhất chính là “Kinh Vô Lượng Thọ” và “Kinh Hoa Nghiêm”, chân thật có thể giúp cho chúng sanh lìa khổ được vui. Lìa khổ được vui nhất định phải từ phá mê khai ngộ mà bắt tay vào.

Thứ tư: **“Năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa”** [Nên có thể hỏi nghĩa vi diệu như vậy]

Vậy thì Ngài A Nan hôm nay hỏi, mục đích cũng chính ngay chỗ này, là vì chúng sanh mà hỏi, không phải vì chính mình. Phật vì mọi người nói rõ, cũng không phải vì chính mình, cũng là vì chúng sanh. Cho nên phía Phật sau tán thán ông *“Năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa”* [Nên có thể hỏi nghĩa vi diệu như vậy.]

“Nhu thị vi diệu chi nghĩa” chính là bộ kinh

này đã nói ra, cũng chính là phía trước nói “Phật Phật nhớ nhau”. Phật Phật nhớ nhau, nhớ là cái gì? Chính là một bộ Kinh Vô Lượng Thọ này, “Kinh Vô Lượng Thọ” chính là tất cả chư Phật “Phật Phật nhớ nhau”.

Nếu như đem “Kinh Vô Lượng Thọ” triển khai ra chính là “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh”. Hiện tại “Kinh Hoa Nghiêm” giảng được “Phật Phật nhớ nhau” rất tường tận, rất không dễ dàng. “Kinh Vô Lượng Thọ” khai giảng lần này, cũng giảng tỉ mỉ với mọi người, bởi vì hiện tại chúng ta không bị hạn chế bởi thời gian.

Năm xưa mỗi lần tôi đến Singapore, đại khái đều là một tháng, nên một tháng là một hạn chế ngay trong một tháng này nhất định phải giảng một bộ kinh, cho nên không thể giảng tỉ mỉ được. Lần này không bị hạn chế bởi thời gian, có thể giảng tỉ mỉ, thế nên thời gian sẽ rất dài để giảng tỉ mỉ, phối hợp để giảng Kinh Hoa Nghiêm. Bộ Kinh Vô Lượng Thọ này cũng có thể giảng qua được, thế nhưng Kinh Hoa Nghiêm trước mắt theo cách nói này thì tôi cũng rất lo lắng. Vì sao? Ban đầu tôi nghĩ trong 5 năm phải giảng xong nó, nhưng xem cách giảng như hiện tại thì Kinh Hoa Nghiêm 10 năm cũng giảng chưa xong. Tôi cũng hỏi thử xem ý kiến của các đồng tu nghe kinh, họ đều thích cách nói này của tôi, tôi nói: “*Vậy thì tốt rồi, các vị mọi người đều là Vô Lượng Thọ*”. Chiều

theo cách giảng hiện tại này, thì giảng Kinh Hoa Nghiêm nhất định vượt qua 10 năm, nhưng giảng tỉ mỉ có cái tốt của tỉ mỉ, vì đích thực là chúng ta mê đã quá lâu rồi, nên nếu không tường tận giải thích rõ ràng, hàm hồ giảng qua loa thì không có lợi ích, ý niệm của chúng ta vẫn là không thể chuyển đổi được.

Cái chuyển đổi này là từ mê chuyển đến ngộ, từ tà chuyển đến chánh, từ nhiễm chuyển đến tịnh, đó gọi là chuyển đổi. Ngày trước chúng ta là Mê - Tà - Nhiễm, trải qua đời sống Mê - Tà - Nhiễm, hiện tại thật chuyển đổi rồi, chúng ta trải qua đời sống Giác - Chánh - Tịnh. Giác - Chánh - Tịnh đó chính là đời sống của Bồ Tát, chúng ta trải qua đời sống của Phật Bồ Tát. Mê - Tà - Nhiễm là phàm phu, tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Chuyển đổi lại chính là Phật Bồ Tát, siêu phàm nhập thánh.

A Nan hỏi đó là vi diệu chi nghĩa. Cái đoạn phía sau là Thế Tôn dùng thí dụ tán thán ông công đức của vấn đề nêu ra này quá lớn.

CHÁNH KINH: “Nhữ kim tư vấn, thắng ư cúng dường nhất thiên hạ A La Hán, Bích Chi Phật, bồ thí lũy kiếp chư thiên nhân dân, quyên phi duyên động chi loại, công đức bách thiên vạn bội.”

[Dịch nghĩa: Ông nay hỏi như thế hơn cả công đức cúng dường một thiên hạ A La Hán, Bích Chi Phật,

bồ thí suốt nhiều kiếp cho chư thiên, nhân dân, các loài ngọ nguậy, bay lượn, bò trườn đến trăm ngàn vạn lần.]

Sau khi chúng ta vừa nghe lời tán thán này của Thích Ca Mâu Ni Phật có phải là quá đáng hay không? Nêu ra vấn đề này có thể có được công đức lớn đến như vậy sao? Đó là thật hay là giả?

Thê Tôn đã nói qua trong Kinh Kim Cang “*Phật thị chân ngữ giả*”¹⁴. “Chân” thì không “Giả”, lời nói của Phật là chân ngữ; “Thật ngữ giả”: Thật thì không hư; “N hư ngữ giả”: “N hư” là thích hợp vừa vặn.

Lời của Phật nói nhất định là tương ứng với chân tướng sự thật, quyết không quá đáng cũng không bất cập, hoàn toàn phù hợp với chân tướng sự thật, đó gọi là “N hư ngữ”; “Không vọng ngữ, không cuồng ngữ”: Cuồng ngữ là khoa trương. Phật không khoa trương.

Đó là Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời tuân theo nguyên tắc này, Ngài cũng dạy bảo chúng ta như vậy, nên lời nói này chính là lời chân thật. Chân thật chúng ta phải nghĩ thử xem công đức của ông ở trong pháp hội nêu ra vấn đề này được tính như thế nào vậy?

Thứ nhất: **“Thắng u cúng dường, nhất thiên hạ A La Hán, Bích Chi Phật”** [Hơn cả công đức cúng dường một thiên hạ A La Hán, Bích Chi Phật]

Một là “Thắng u cúng dường” [Hơn cả công đức cúng dường].

“Thắng” là siêu thắng, siêu quá, siêu quá cúng dường một thiên hạ A La Hán, Bích Chi Phật, công đức này thực tế là quá lớn. Phật thường hay nói “A La Hán” cùng “Bích Chi Phật”, đó là phước điền chân thật của người thế gian chúng ta, chúng ta vì sao phải cúng dường họ? Cúng dường, đơn giản mà nói là chăm sóc đời sống đi lại của họ, không để họ bị kém khuyết trên đời sống vật chất. Cúng dường này trong Phật pháp, Phật nói qua bốn sự việc, ăn uống, y phục, ngọa cụ, thuốc thang, đây gọi là bốn loại cúng dường. A La Hán cùng Bích Chi Phật đều là người tu hành đã có thành tựu thù thắng, có học vấn, có đạo đức, có năng lực, có thể gánh vác được sứ mạng giáo hoá chúng sanh, hay nói cách khác họ chân thật làm đến được *“Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”*¹⁵. Ngôn hạnh, tư tưởng, hành vi của họ, có thể làm gương mẫu mô phạm cho tất cả mọi người trong thế gian mà người thông thường chúng ta gọi là chân thiện tri thức. Họ là thầy giáo tốt của xã hội, họ cũng đều là người từ nơi công tác giáo dục xã hội, đáng được người tôn kính, cho nên bạn phải cúng dường

đối với họ, cúng dường cho đời sống của họ. Đời sống của họ tuyệt đối không hề phung phí, không hề trải qua đời sống phù hoa, nhất định là rất đơn giản chất trực, toàn tâm toàn lực cống hiến xã hội, vì xã hội đại chúng mà phục vụ. Cho nên chúng ta có thể cúng dường vị lão sư này, thân cận vị lão sư này, công đức này liền sẽ rất lớn. Một người chân thật có học vấn có đạo đức ở ngay nơi này, ảnh hưởng cả khu vực này, vô hình chung thay được được phong tục, có nhiều cái tốt như vậy, vậy thì bạn cúng dường họ công đức của bạn sẽ lớn.

Hai là “Nhất thiên hạ” [Một Thiên Hạ].

Bạn cúng dường bao nhiêu A La Hán Bích Chi Phật? Là “Một thiên hạ”! Một thiên hạ là số tự, một thiên hạ này ở trong kinh Phật gọi là Nam Thiện Bộ Châu, đây gọi là một thiên hạ. Nam Thiện Bộ Châu chính là chỉ địa cầu của chúng ta.

Pháp sư Giác Hoa hôm trước nói Nam Thiện Bộ Châu chính là thế giới Ta Bà chúng ta là nói sai rồi, thế giới Ta Bà là Đại thiên thế giới, còn Nam Thiện Bộ Châu là cái địa cầu này. Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện vào 3 ngàn năm trước thì nhân khẩu thế giới này không nhiều đến như vậy, hiện tại nhân khẩu thế giới này sắp gần 6 tỉ người. Vào thời đại 3 ngàn năm trước, chúng ta đem số tự đó rút lại nhỏ hơn, đương nhiên chúng ta cũng không cách gì thống

kê qua nhưng nhân khẩu của toàn thế giới lúc đó, chúng ta tưởng tượng mấy ngàn vạn thì chắc là có, nhân khẩu của toàn thế giới chắc là có đến một hai ngàn vạn. Điều này cũng có nghĩa là bạn đã cúng dường một hai ngàn vạn vị A La Hán, Bích Chi Phật. Vậy thì còn gì bằng? Phước báo đó đến bao lớn? Nhiều lão sư tốt đến như vậy, nhiều thánh hiền đến như vậy.

Ba là “A La Hán, Bích Chi Phật” [A La Hán và Bích Chi Phật].

Ba cái chữ này là dịch âm từ tiếng Phạn, “Bích chi” dịch thành Độc, “Phật” là ý nghĩa của “Giác ngộ”. Ngoài ra “Bích chi” cũng dịch là Duyên, Bích Chi Phật dịch là “Duyên Giác”, hoặc là dịch thành “Độc Giác”.

Thế gian này phần nhiều không có Phật xuất hiện, cũng không có Phật pháp ở thế gian này, độc giác, những người này họ rất thông minh, họ ở cái thế gian này, chính họ cũng có thể tự giác ngộ, trình độ giác ngộ của họ là bình đẳng với A La Hán, thậm chí còn siêu việt hơn so với A La Hán. A La Hán là theo Phật học tập, là học trò của Phật, do tiếp nhận giáo học mà giác ngộ. Trong Bích Chi Phật có 2 loại: Duyên giác, nếu như là theo Phật tu học mà khai ngộ, thì gọi là Duyên giác, không theo Phật học tập mà chỉ là chính mình tự giác ngộ thì gọi là Độc giác. Đây

đều là lão sư tốt của người thế gian, tấm gương tốt nhất của người thế gian, chúng ta cung kính cúng dường đối với họ, học tập với họ, công đức này thì lớn, đó là nêu ra một thí dụ. Phía sau lại nói:

Thứ hai: “**Bồ thí lũy kiếp**” [Bồ thí suốt nhiều kiếp]

Đó là thí dụ thứ hai, cũng có thể đem cái này liên tục mà xem đều được.

*Một là “**Bồ thí**”* [Bồ thí].

“Bồ thí” đây là một đề tài tu học quan trọng nhất trong Phật pháp. Phật dạy mọi người chúng ta, nếu bạn muốn cầu giác ngộ thì bạn phải học tập từ đâu? Từ bồ thí mà bắt tay vào, phải học từ bồ thí. Vì sao vậy? Phật biết được tại vì sao bạn không giác ngộ? Tại vì sao bạn mê hoặc điên đảo? Là bởi vì bạn có lòng tham, bạn có lòng bòn xén, keo kiệt. Chính mình không có chịu cho người khác, không có thì ưa thích, tham muốn mà không biết chán, đó là mê, đó là không giác. Nếu bạn chân thật muốn giác ngộ, bạn phải vứt bỏ lòng tham, vứt bỏ bòn xén, với cả thế gian pháp và xuất thế gian pháp đều không có lòng tham, chính mình có thể cùng cộng hưởng với tất cả chúng sanh, đó là người giác ngộ.

Cho nên Phật dạy cho chúng ta việc đầu tiên là phải học bồ thí. Trong bồ thí có tài bồ thí, có pháp bồ

thí, có vô úy bồ thí, phân ra ba loại lớn này. Bồ thí tài thì nhất định có tiền tài, bồ thí pháp thì được thông minh trí tuệ, bồ thí vô úy thì được khoẻ mạnh sống lâu. Vậy thì bạn nghe rồi, bạn sẽ biết rằng ta vì muốn có tiền tài, muốn phát tài, muốn thông minh, muốn khoẻ mạnh sống lâu, ta mới tu ba loại bồ thí này. Vậy bạn làm ra những loại bồ thí này có đúng hay không? Không đúng! Bạn làm không được viên mãn. Tuy rằng không được viên mãn thế nhưng cách làm của bạn như vậy thử hỏi xem, tiền tài, thông minh, khoẻ mạnh sống lâu có thể có được hay không? Khẳng định bạn có thể đạt được. Có thể đạt được, vậy tại vì sao nói bạn không viên mãn?

Hiện tại cái thế gian này của chúng ta có rất nhiều người phát tài to, họ cũng rất thông minh, cũng khoẻ mạnh cũng sống lâu, nhưng đó đều là nhân trong đời quá khứ họ đã tu, nên hiện tại có được quả báo. Chúng ta hãy tỉ mỉ mà quan sát, sau đó bạn liền biết được tại vì sao nói không viên mãn, vì họ vẫn là một phàm phu, họ vẫn là mê hoặc điên đảo, phước báo trong đời này họ hưởng hết rồi, đời sau thì phải làm sao? Vấn đề này sẽ lớn.

Cho nên Phật dạy chúng ta phải bồ thí, bồ thí nhất định được cái quả báo này. Bạn được cái quả báo này rồi thì phải làm sao? Sau khi được rồi vẫn phải đem nó xả hết, quyết định không thể để hưởng thụ, khi vừa hưởng thụ thì hỏng rồi, liền mê rồi. Cho

nên nhà Phật dạy chúng ta xả thì được, nếu bạn chịu xả. Xả cái gì? Bạn có được rồi thì phải mau xả ra, vậy thì bạn thật cao minh, bạn xả được càng nhiều thì bạn có được càng nhiều, bạn đạt được càng nhiều thì phải mau đem số lượng nhiều đó thả đều xả hết, không nên lưu lại. Vậy thì tài vật của bạn thọ dụng, trí tuệ thêm lớn, khoẻ mạnh sống lâu, là vĩnh hằng, là chân thật. Đây là Phật nói ra cái ý nghĩa này, chúng ta phải có thể thể hội.

Trên kinh Phật thường hay nói, các đồng tu lớn tuổi đều hiểu, không những hiểu, bạn cũng biết giảng. Thế nhưng phải như thế nào? Bạn không làm được. Tại vì sao không làm được? Tôi không dễ gì kiếm được ra tiền, vậy mà bạn bảo tôi xả bỏ hết, ngày mai thì ai cho lại tôi? Hay nói cách khác dường như trên kinh Phật nói cũng không tệ, nhưng không làm được. E rằng có vấn đề, nếu chẳng may có thể những điều trên kinh không phải là thật, thì nhờ tôi bố thí rồi, ngày mai không có cơm ăn thì phải làm sao? Cho nên không dám bố thí. Đây là đối với tài, còn đối với pháp cũng đều bần xén, bạn không dám làm.

Cho nên ở ngay chỗ này, đương nhiên là chúng ta có kinh điển để làm căn cứ. Chúng ta nói chúng ta có lòng tin đối với Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng kỳ thật cái lòng tin này là nửa tin nửa ngờ, không phải thật đã tin, nên bạn không chịu làm.

Lão sư có quan hệ rất lớn đối với việc tu học của chúng ta, quá lớn. Khi tôi còn trẻ, thành thật mà nói rất là ngoan cố. Tôi đối với các tôn giáo, hoàn toàn không thể tiếp nhận. Nếu có một vị pháp sư nào đến giảng kinh cho tôi nghe, thì họ không có cửa để vào, ông ấy chẳng làm sao có thể khuyên tôi? Nếu tôi biện luận với ông ấy, chỉ cần mấy câu thì xô ngã ông ấy, thì ông ấy làm sao có thể khuyên tôi? Quan hệ của lão sư rất lớn với việc tu học của chúng ta. Chúng ta ở ngay trong một đời, lão sư mà ta kính ngưỡng nhất, bội phục nhất, thì chúng ta thân cận ông ấy, học tập với ông ấy, những cái mà lão sư giới thiệu với chúng ta, thì ấn tượng sẽ hoàn toàn khác với những người khác, tín tâm liền sẽ không như nhau.

Phật pháp của tôi là do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu cho tôi, nếu như không phải ông thì bất cứ một người nào cũng không thể bảo tôi tin theo Phật, không thể nào có việc này. Khi tôi còn trẻ có ấn tượng rất tốt đối với KiTo giáo, X-Lam giáo, còn phản đối nhất chính là Phật giáo, chỉ riêng đối với Phật giáo là có thành kiến, vì sao vậy? Cho là mê tín, cho là nói không ra được đạo lý. Tôi ở Đài Loan học triết học với lão sư Phương, ông giới thiệu cho tôi một cách rất có hệ thống, từ triết học phương Tây nói đến cổ đại Trung Quốc. Triết học sớm nhất của Trung Quốc là “Kinh Dịch”, sau đó nói đến Chu tử, nói đến Nhị Trình, triết học Dương Minh. Sau khi giảng xong khoá trình này, Phương tiên sinh lại giới thiệu cho tôi

triết học Ấn Độ, từ triết học Ấn Độ sau cùng giới thiệu cho tôi đến triết học Phật kinh. Ông nói với tôi:

- Triết học Phật kinh là đỉnh cao nhất của triết học trên toàn thế giới, đây mới là hương thụ cao nhất của nhân sanh”.

Tôi nghe lời nói này của ông rồi mới đến chùa để tìm kinh Phật để xem. Tôi xem Phật kinh nhưng không chào hỏi với người xuất gia, tôi đem kinh Phật xem thành triết học để xem, mà coi như không hề có liên quan gì với người tin theo nó. Đây là tâm trạng ban đầu đến học Phật của tôi, cho nên Phương tiên sinh chỉ ít ảnh hưởng tôi 3 năm.

Sau khi học Phật rồi, về sau này tôi thân cận với đại sư Chương Gia, đại sư Chương Gia kéo tôi trở lại, tôi mới biết được mình đã đem kinh Phật thành triết học để xem, nhưng thực tế triết học trong Phật kinh chỉ là một bộ phận ở trong kinh Phật thôi, không phải là toàn diện, toàn diện thì còn cao minh hơn nhiều so với triết học. Việc này Phương tiên sinh cho đến tận cuối đời ông cũng khế nhập được, cho nên cuối đời chúng tôi gặp nhau rất là vui vẻ, cuối đời ông mới khế nhập được. Khi tôi học với ông, ông mới hơn 40 tuổi, vào lúc đó tôi 26 tuổi.

Cho nên thiện tri thức là một nhân vật then chốt, nếu không phải là một lão sư mà ngay trong mắt

bạn kính phục nhất thì bạn sẽ rất khó tiếp nhận giáo huấn của ông ấy. Nếu không có lão sư chỉ điểm, không phải lão sư nhắc nhở, chúng ta làm sao biết được thế gian này còn có thứ tốt đến như vậy, không biết được. Vậy thì cả đời chúng ta có được lợi ích thù thắng, cả đời có được cái hay của Phật pháp, cảm ân đội đức với lão sư.

Sau khi thân cận đại sư Chương Gia, đại sư Chương Gia liền dạy tôi bố thí. Tôi cũng thật chịu nghe lời, ông dạy tôi làm như thế nào thì tôi làm như thế đó. Tục ngữ thường nói “Cảm ứng không thể nghĩ bàn”. Chân thật là càng thí càng nhiều, càng nhiều càng thí, quyết không giữ lại. Tôi hiện tại trong mấy năm gần đây thu nhập của mỗi năm tôi khái lược tính sơ qua cũng có hơn 1 triệu Mỹ kim, thế nhưng trên người tôi không có bất cứ thứ gì, đến rồi liền cho đi, đến được nhanh thì đi cũng được nhanh, không lưu lại. Lưu lại thì sanh phiền não, vì lưu lại rồi thì bạn phải xem giá cả ngoại tệ gì đó, đó không phải là việc thật phiền não hay sao? Phải giống như một dòng nước không ngừng chảy. Cho nên các vị đồng tu tử tử mà quan sát xem, bạn có thể ở ngay chỗ này có được lòng tin, chứng minh lời Phật nói không sai.

Bạn thấy gần đây suy thoái kinh tế, gần như mỗi một người đều bị ảnh hưởng, chỉ có đạo tràng Cư Sĩ Lâm là không bị ảnh hưởng. Cư Sĩ Lâm không những không bị ảnh hưởng, trái lại thu nhập còn tăng

thêm. Vì sao có thể tăng thêm? Bồ thí quá nhiều! Thí được nhiều thì cái được càng nhiều. Chỗ này là một chứng minh rất lớn để cho chúng ta thấy. Chúng ta thấy được cái hiện tượng này, bạn phải chân thật quan sát kỹ lưỡng thì bạn sẽ tin tưởng, bạn liền đoạn dứt lòng nghi hoặc, bạn liền dám làm. Mới đầu năm nay cư sĩ Lý Mộc Nguyên vẫn còn lo lắng ảnh hưởng suy thoái của kinh tế, những thính chúng của Cư Sĩ Lâm thấy đều bị ảnh hưởng, theo lý mà nói thì thu nhập của Cư Sĩ Lâm cũng sẽ phải giảm đi phân nửa. Thế nhưng khi chúng ta khai giảng “Kinh Hoa Nghiêm”, khi Niệm Phật Đường hoạt động, thu nhập bỗng chốc tăng cao, thu nhập còn nhiều hơn so với năm trước, cho nên lần này chúng ta đối với việc cứu trợ Trung Quốc Đại lục, với số lượng này tương đối khả quan. Cư Sĩ Lâm chịu xả, chịu bố thí, tài pháp vô uý bố thí thấy đều đang làm. Bạn thấy mỗi ngày cúng dường ba bữa cơm, bình đẳng cúng dường, phổ biến cúng dường, bất cứ người nào đến đây ăn cơm đều hoan nghênh, không hỏi bạn học Phật hay không học, bạn có tin Phật hay không tin Phật, không hỏi, bất cứ người nào đều có thể đến ăn cơm. Tôi nghe nói cũng có tín đồ của Ki Tô giáo, cũng có tín đồ Hồi Giáo, thậm chí còn có người huỷ báng Phật pháp, họ cũng đến ăn cơm, chúng ta đều hoan nghênh, cũng hoan hỉ, chỉ cần đến ăn cơm thì chúng ta đều hoan hỉ, cung ứng không điều kiện, một phân tiền cũng không lấy. Cư sĩ Lý nói với tôi:

- Cư Sĩ Lâm từ lúc khai trương cúng dường mọi người ăn cơm, một năm 360 ngày, mỗi ngày ba bữa cơm, một ngày cũng không thiếu, năm xưa thì ngày mừng một Tết nghỉ một ngày.

Tôi nói với ông:

- Không nên nghỉ, ngày mừng Tết không có cơm ăn thì phải làm sao? Vậy thì ăn Tết cái gì?

Cho nên ngày mừng một Tết cũng cúng dường theo thường lệ, như vậy mới là viên mãn. Ông nói từ trước đến giờ đạo tràng chưa từng phải mua gạo, chưa từng mua rau, chưa từng mua dầu, bởi vì mọi người đều biết, người tặng gạo, tặng dầu, tặng rau, hoan hỉ vui vẻ mà đưa đến, tặng đến ăn không hết vì quá nhiều. Cho nên nơi đây không sợ người đến ăn cơm, càng nhiều càng tốt, càng nhiều càng hoan hỉ, ăn không hết. Ăn không hết thì chúng ta liền tặng đến Viện Dưỡng Lão, tặng cho Cô Nhi Viện, chăm sóc những đoàn thể này, càng thí càng nhiều. Thậm chí cư sĩ Lý nói:

- Chúng ta ra bên ngoài mua đồ, người ta đưa hàng đến Cư Sĩ Lâm, vừa thấy Cư Sĩ Lý thì không lấy tiền liền đi, họ không lấy tiền thì bỏ đi.

Tôi ở nơi đây rất ít ngồi xe công cộng, có mấy lần đi từ Nha Long đi đến nơi đây, ngồi xe công cộng

cũng không lấy tiền của tôi. Cho nên bạn không sợ bố thí, chân thật là càng thí càng nhiều. Cư Sĩ Lâm bên đây in kinh, đĩa ghi hình, đĩa tiếng CD, bạn xem mỗi năm đem tặng, cho không biết là bao nhiêu, tặng cho toàn thế giới, toàn bộ là miễn phí không lấy một xu nào, thật chịu bố thí. Đó chính là bố thí pháp, thí pháp thì khai mở trí tuệ, cho nên hiện tại Cư Sĩ Lâm người làm công quả từ trên xuống dưới, mỗi mỗi đều thông minh, mỗi mỗi đều có trí tuệ, từ do đâu mà có? Do bố thí pháp đó mà, càng thí càng nhiều, nhất là khi Niệm Phật Đường hoạt động. Niệm Phật Đường hoạt động không lâu, từ lúc bắt đầu đến nay chưa đầy 3 tháng, bạn thấy thù thắng cỡ nào, chứng minh lời của Phật nói cho chúng ta nghe một chút cũng không sai.

Bố thí, cho nên bố thí xếp vào hàng thứ nhất, đó là Bồ Tát hạnh, đó là hành vi đời sống của người giác ngộ, xếp vào đầu thứ nhất. Chịu bố thí, chịu giúp đỡ người khác, hoan hỷ vui vẻ mà giúp người khác. Nếu chính mình không có không sợ, không nên vì chính mình mà lo lắng, không đáng để lo lắng, tất cả vì xã hội, tất cả vì nhân dân, tất cả vì chúng sanh, không nên vì chính mình, nghĩ đến cũng không nên nghĩ, không luận bạn từ nơi cương vị công tác nào. Ôm lấy loại tâm trạng này phục vụ mọi người, phục vụ chúng sanh, bạn nói xem bạn có hoan hỷ có an vui không, quyết định không có một chút ý niệm tự tư tự lợi, đời sống của bạn sẽ rất an vui.

Bồ Tát hạnh, điều thứ hai là trì giới. Ý nghĩa của trì giới chính là thủ pháp, tuân thủ những điều Phật giáo huấn đối với chúng ta, tuân thủ pháp luật của quốc gia, pháp qui của địa phương, nhân tình, phong tục, tập quán, khái niệm đạo đức thầy đều phải tuân thủ, thủ pháp là công dân tốt của quốc gia, đó là học trò tốt của Phật.

Nhẫn nhục là có lòng nhẫn nại, không luận làm bất cứ việc gì, phải có lòng nhẫn nại bạn mới có thể thành tựu.

Tinh tấn là cầu tiến bộ, không ngừng đổi mới, không ngừng cầu tiến bộ.

Thiền định là chính mình có chủ tể, không bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc, không bị cảnh giới bên ngoài dao động, đó gọi là Thiền định.

Trí tuệ là tất cả mọi việc, tất cả lý, rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, đó gọi là trí tuệ Bát Nhã.

Phật nói cho chúng ta nghe người giác ngộ ở ngay trong cuộc sống thường ngày cần phải tuân thủ sáu nguyên tắc này. Tuy nhiên, bố thí ở chỗ này đều hàm chứa hết 5 điều còn lại, bởi vì trì giới, nhẫn nhục là thuộc về bố thí vô úy, tinh tấn, thiền định, trí tuệ là thuộc về bố thí pháp. Cho nên dùng một cái bố thí là

bạn đã đem tất cả hành môn của Bồ Tát thấy đều bao gồm hết. Vậy thì bố thí bao lâu?

Hai là **“Luỹ kiếp”** [Suốt nhiều kiếp].

Cái thời gian này quá dài, “kiếp” là đơn vị thời gian trong Phật pháp dùng để tính đếm. Trên kinh Phật nói có đại kiếp, có trung kiếp, có tiểu kiếp.

Tiểu kiếp thì cách tính thế nào vậy? Các kinh đã nói thì không như nhau, có rất nhiều cách nói khác nhau, thế nhưng những cách nói này đều là Phật nói. Phật giảng kinh không phải ở một nơi, năm xưa khi Phật còn ở đời, du hoá thế gian, vân du đến khắp nơi, cho nên Ngài giảng kinh có thể là tùy theo tập quán của mỗi địa phương, tri thức trình độ của người mỗi địa phương không như nhau, do đó nói ra số tự cũng không như nhau.

Ngày trước lão cư sĩ Lý Bình Nam, nói pháp ở trong trường học Đại Chuyên nêu ra một thí dụ rất đơn giản, việc này mọi người đều biết, gọi là tăng giảm kiếp, vậy thì dễ tính. Phật nói thọ mạng của con người thời kỳ lâu nhất là 84.000 tuổi. Tám vạn bốn ngàn tuổi là đến đỉnh, mỗi một trăm năm giảm đi một tuổi, như vậy mà cứ giảm lần, giảm đến mười tuổi, mười tuổi là ít nhất, chuỗi thời gian như vậy gọi là giảm kiếp. Sau đó từ mười tuổi lại mỗi một trăm năm tăng thêm một tuổi, lại tăng đến tám vạn bốn ngàn

tuổi, chuỗi thời gian như vậy gọi là tầng kiếp. Một Kiếp Tăng, một Kiếp Giảm như vậy gọi là một Tiểu kiếp, là đơn vị của thời gian; 20 Tiểu Kiếp là một Trung Kiếp; bốn Trung Kiếp là một Đại Kiếp¹⁶. Cái số tự này thì có thể tính ra được, rất dài. Ngày nay gọi là số tự thiên văn, cái số tự này quá lớn.

“Bồ thí luỹ kiếp”, luỹ kiếp mà chỗ này nói, thông thường đều là nói Đại kiếp. Bồ thí cho ai?

Thứ ba: **“Chư thiên nhân dân, quyên phi nhuyển động chi loại”** [Cho chư thiên, nhân dân, các loài ngọ nguậy, bay lượn, bò trườn]

Hợp hai câu này lại là chúng sanh sáu cõi. Bạn có thể bồ thí cho một người, giúp cho một người, thì cái phước này cũng đã là không nhỏ. Còn nếu bạn có thể giúp cho tất cả chúng sanh sáu cõi vậy thì phước báo này quá to quá lớn.

Đồng tu học Phật, đại khái đều có thể tiếp nhận cách nói định luật nhân quả, đó là sự thật, việc này tuyệt đối không phải là giả, trồng thiện nhân nhất định được thiện quả, cho nên bạn bồ thí nhất định được quả báo. Bạn bồ thí tài là nhân, được tiền của là quả, trồng nhân như thế nào quyết định sẽ có quả báo, quả báo thông cả ba đời. Người quyết định có đời quá khứ, có đời hiện tại, có đời vị lai, đó chính là nói cho

bạn nghe chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Con người không phải một đời.

Sáu cõi luân hồi do đâu mà có? Là do khởi tâm động niệm của chúng ta mà biến hiện ra. Tuyệt đối không phải do người khác tạo ra sáu cõi để cho bạn đến thọ dụng, để cho bạn đi luân hồi, mà là do chính mình biến hiện ra, chính mình chế tạo ra.

Thứ tư: **“Công đức bách thiên vạn bội”** [Đến trăm ngàn vạn lần]

Chỗ này trong kinh Đại thừa, Phật phân tách cho chúng ta nghe rất rõ ràng. Cho nên bạn làm những việc tốt này “công đức” sẽ rất lớn. “Công” là nói bạn làm việc, bạn đang làm thiện, “đức” là nhận được báo ứng, bạn nhất định được quả thiện. Ở trong cái đạo tràng này của chúng ta hiển lộ ra rất là rõ ràng.

Ngày nay chúng ta tu loại công đức bổ thí này kém quá xa so với trên kinh đã nói. Tỉ mỉ mà nói, mà tư duy, bình lặng mà quan sát, chúng ta ngày nay trên thực tế cũng chân thật đang làm, cho nên công đức này thành thật mà nói cũng không thể nghĩ bàn. Sau khi Phật đem cái thí dụ này nói ra, thực tế mà nói sợ người đời sau nghe rồi hoài nghi không tin tưởng, cho nên phía sau tiếp tục giải thích cho chúng ta nghe. *“Công đức này của ông, siêu việt hơn cả việc*

cúng dường một thiên hạ A La Hán, Bích Chi Phật, công đức bố thí lũy kiếp chư thiên nhân dân”. Giải thích lý do vì sao được như vậy:

CHÁNH KINH: “Hà dĩ cố? Đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh, giai nhân nữ vấn nhi đắc độ thoát cố.”

[Dịch nghĩa: Vì có sao? Vì chư thiên, nhân dân, hết thấy hàm linh trong tương lai sẽ đều do lời hỏi của ông mà được độ thoát!]

Thứ nhất: **“Hà dĩ cố”** [Vì có sao?]

Vì sao vậy? Tại vì sao ông vừa hỏi mà có công đức to lớn đến như vậy? “Hà dĩ cố”, là vì sao vậy?

Thứ hai: **“Đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh”** [Vì chư thiên, nhân dân, hết thấy hàm linh trong tương lai]

Một là “Đương lai” [Tương lai].

Là nói tương lai. Phật vào thời gian đó nói tương lai, tức là bao gồm chúng ta hiện tại, vì sau khi Phật qua đời, đó đều là Ngài đã nói “đương lai”.

Hai là “Chư thiên nhân dân” [Chư thiên, nhân dân].

Không chỉ có người y theo pháp môn này có

thể thành tựu, mà còn cả “Chư thiên”. Nói “Chư thiên” phải bao gồm cả quỷ thần.

Ba là “Nhất thiết hàm linh” [Hết thảy hàm linh].

Chính là hết thảy chúng sanh cũng đều được độ thoát nhờ theo pháp môn này. Ngày nay chúng ta gọi là động vật, chúng có linh tánh, chúng có cảm tình, vào hiện tại là chỉ động vật, còn ở trong Phật kinh nói là chúng sanh chín pháp giới.

Thứ ba: **“Giai nhân nữ vấn nhi đắc độ thoát cố”**
[Sẽ đều do lời hỏi của ông mà được độ thoát]

Đều bởi do A Nan hỏi lần này, mọi người đều có thể giải quyết được vấn đề. Vừa rồi mới nói là khổ được vui, họ chân thật là khổ, chân thật được an vui. Cái là khổ được vui này không phải là nhất thời, mà là vĩnh hằng, không phải cục bộ, mà là toàn diện. Cho nên công đức là “Trăm ngàn vạn lần”.

Câu nói này là đối xứng, một chút cũng không giả, do vì A Nan vừa hỏi câu này là dẫn khởi đề Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta nói ra bộ kinh này. Cái phương pháp đạo lý này, tất cả Phạm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ Tát những thánh giả này, thảy đều được lợi ích, nên gọi là *“Phàm thánh tề thọ, lợi đôn tất bị, hoành siêu tam giới, kinh đặng tứ độ”*¹⁷. Ngày trước Phật đã nói ra những lý luận phương pháp này.

Chúng ta tu học đều là có giai đoạn, đều là có tầng lớp. Giống như đi học vậy, từ tiểu học, trung học, đại học, năm thứ nhất, năm thứ hai, năm thứ ba... nhất định phải dùng thời gian rất dài bạn mới có thể tốt nghiệp, bạn mới có thể đem bài khoá của bạn học cho xong. Cứ như vậy bạn có thể thấy siêu việt sáu cõi rất khó.

Thế nhưng ngày nay Phật nói cho chúng ta nghe một phương pháp rất đặc biệt này, không cần phải phiền não như vậy, phương pháp rất đơn giản, rất dễ dàng, rất ổn định, lại rất là mau chóng. Phương pháp này, không chỉ Thích Ca Mâu Ni Phật chính mình nói, tất cả chư Phật Bồ Tát đều nói là “*Nan tín chi pháp*”¹⁸. Thật khó tin, làm gì mà dễ dàng như vậy? Thực tế mà nói lý quá sâu. Phương pháp tuy là rất đơn giản, rất dễ dàng, nhưng lý rất sâu, ai có thể tin tưởng? Nếu như lý không thể thấu triệt, chúng ta luôn là hoài nghi đối với pháp môn này, nhất là đối với phần tử tri thức của thời hiện đại. Chúng ta đều là phần tử tri thức nên nếu nói các pháp đại thừa khác chúng ta dễ dàng tiếp nhận, nhưng lại hoài nghi không tin tưởng pháp môn này.

Tôi năm xưa khi mới học Phật, Phương tiên sinh giới thiệu cho tôi, còn đại sư Chương Gia chỉ dẫn cho tôi. Tôi đối với tánh tướng hai tông có hứng thú nồng hậu, đối với pháp môn niệm Phật vãng sanh thì tôi không tin tưởng. Lão sư của tôi là lão cư sĩ Lý

Bình Nam, đó là chuyên tu Tịnh Độ, chuyên hoằng Tịnh Độ, tôi ngưỡng mộ đạo đức của ông, theo ông học giảng kinh, ông khuyên tôi tu Tịnh Độ, dạy tôi đọc “Ấn Quang Đại Sư Văn Sao”. Tôi đọc rồi, sau khi đọc rồi tôi rất bái phục, không phản đối Tịnh Độ, nhưng chịu học hay không? Không chịu học! Lão sư khuyên tôi khuyên rất là khẩn thiết, ông nói:

“Từ xưa đến nay nhiều tổ sư đại đức như vậy, người có học vấn, có đạo đức đều tu pháp môn này, nếu như thật tu sai rồi thì cũng không thua thiệt gì, vì ông có lỗi một lần cũng có quan hệ gì đâu?”

Ông khuyên tôi như vậy, hết lòng hết dạ, thế nhưng tôi vẫn là không chịu nỗ lực học tập. Cho nên nếu tôi không đem thứ này hiểu cho rõ ràng tường tận thông suốt thấu đáo, mà bạn lại bảo tôi đi làm, rất khó.

Vào lúc nào tôi hiểu cho rõ ràng? Là năm xưa tôi giảng “Kinh Hoa Nghiêm”, tôi giảng qua 17 năm, tôi ở trên “Kinh Hoa Nghiêm” tường tận thấu hiểu, tôi đang giảng kinh này, có một hôm bỗng nhiên nghĩ ra, Văn Thù, Phổ Hiền học pháp môn gì? Thiện Tài Đồng Tử học pháp môn gì? Các Ngài đều niệm Phật cầu sanh Thế Giới Cực Lạc. Việc này đích thực đối với tôi mà nói, có một chấn động rất lớn, tôi không hề nghĩ đến các Ngài lại là niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh Độ. Sau đó tôi từ trong kinh này từ đầu đến cuối tỉ mỉ mà quan sát, hiểu rõ cái đạo lý này, khẳng định

pháp môn này, thấy tất cả chư Phật đều tán thán, thiên kinh vạn luận chỉ qui. Người xưa giảng kinh này gọi là: “*Nhất thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng qui, bất khả tư nghì*”¹⁹, tôi mới khẳng định cách nói này là đúng, mới không hoài nghi.

Cho nên tôi học Phật thực tế mà nói đã sắp gần 30 năm, tôi mới khẳng định pháp môn này, chân thật không dễ dàng. Nếu tôi không có những lão sư tốt này, có thể nói tôi gặp được ba vị thầy này, đều là cao thủ nổi tiếng thời cận đại, tôi học Phật có thể nói là vô cùng may mắn, không đi qua con đường oan uổng, thế nhưng do vì phiền não tập khí của chính mình đã bỏ lỡ rất nhiều năm. Thế nhưng thành thật mà nói, nếu như năm xưa lão sư Lý giảng “Kinh Di Đà” cho tôi nghe, giảng cho tôi nghe “Kinh Vô Lượng Thọ” nếu cũng như tôi hiện tại giảng được rõ ràng tường tận như vậy, thì tôi sớm đã tin tưởng rồi. Họ nói thật ra là bao quát chung chung, không có tường tận như vậy, không có thấu triệt như vậy, nên làm cho tôi phải mất hết thời gian 20-30 năm, tôi mới tìm ra được lối đi này, mới tin tưởng rằng lão sư Ngài đã hết lời khuyên bảo. Thật là tương đối không dễ dàng.

Hôm nay thời gian hết rồi. A Di Đà Phật!

(VCD 055)

Lần trước nói đến chỗ này, ý nghĩa vẫn chưa nói hết, hơn nữa rất quan trọng, cần phải bổ sung một chút. Đoạn này đây là nói rõ, công đức thỉnh pháp không thể nghĩ bàn. A Nan nhìn thấy Thế Tôn ngày hôm nay hiện thị tướng hảo thù thắng không gì bằng liền thỉnh giáo với Thế Tôn.

Mọi người chúng ta điều biết tướng tùy tâm chuyển, cái tướng này đạt đến trang nghiêm cực độ, tâm nhất định cũng chuyển đến tốt đẹp không gì bằng, cho nên tướng mới có thể cùng chuyển theo. Trong tất cả tướng hảo trang nghiêm, không thể có tướng nào hơn tướng của Phật, trong tất cả ý niệm không ý niệm nào thù thắng hơn niệm Phật.

Cho nên A Nan vừa đoán thì đã đoán trúng. Thế Tôn vào lúc này quả nhiên đang niệm A Di Đà Phật, cho nên được Di Đà và tất cả Chư Phật Như Lai gia trì. Phật cũng phải được chư Phật gia trì, cho nên tướng của Phật đặc biệt tốt đẹp. Tôn giả A Nan ngày ngày ở ngay bên cạnh Phật, nhưng từ trước đến giờ chưa từng thấy qua tướng Phật đẹp như vậy. Cái điểm này khai thị cho chúng ta rất lớn, nếu như chúng ta hy vọng tướng hảo, thân thể của chính mình tốt, thì ngay chỗ này là nói với chúng ta phải nên niệm Phật thì tất

nhiên có thể mãi nguyên.

A Nan không vì tư lợi, mà vì lợi ích tất cả chúng sanh thỉnh giáo với Phật. Cho nên Phật nói với ông “*Lời ông vừa hỏi công đức rất thù thắng*”. Người thế gian chúng ta thỉnh pháp, cư sĩ, trưởng giả, đại đức ở ngay nơi đây diễn giảng Phật pháp lợi ích chúng sanh, công đức đó cũng giống như A Nan vừa hỏi. Đặc biệt là ở ngay trong thời kỳ Mạt pháp, nếu bạn có thể vì tất cả chúng sanh thỉnh pháp, thì cái lợi ích này thực tế mà nói là quá lớn, nhất là ở thời đại hiện tại này. Vì sao? Vì thời đại này cùng thời quá khứ không hề như nhau. Khác nhau ở chỗ nào? Ngày trước khoa học kỹ thuật chưa phát triển nên việc mời pháp sư giảng kinh nói pháp chỉ có thính chúng ở hiện trường được lợi ích, còn thính chúng ngoài hiện trường thì không cách gì được lợi ích. Cho dù ngay trong thính chúng có số ít người phát tâm ghi chép lại những gì pháp sư đã nói ra, in thành sách để lưu thông ở đời, số lượng cũng vẫn là rất có hạn, cho nên sức ảnh hưởng không thể nào mở rộng. Còn hiện tại khoa học kỹ thuật tiến bộ nên có thể ghi âm thu hình, càng ngày càng thuận tiện, hiện tại chúng ta gần như mỗi một đạo tràng, mỗi một trường hợp, đều xem thấy có những thiết bị này, máy móc càng ngày càng tiến bộ, giá cả càng ngày càng rẻ tiền, càng ngày càng đại chúng hoá. Cho nên dù chúng ta chỉ ở một nơi giảng kinh, nhưng toàn thế giới đều có cơ hội tiếp xúc nghe được. Hiện tại đường truyền quốc tế

internet còn có hình ảnh, âm thanh, văn tự, gần như đồng thời đều có thể xem thấy, cho nên công đức thỉnh kinh so với quá khứ thật không biết là phải mở rộng đến bao lớn. Ngay chỗ này chúng ta có thể thể hội được.

Phật nói pháp nên mặt ảnh hưởng càng lớn, mức độ ảnh hưởng càng sâu, chúng sanh ảnh hưởng càng nhiều, tất cả chúng sanh nhờ pháp môn này mà được độ thì công đức của A Nan sẽ càng lớn. Cho nên khi Ngài A Nan vừa hỏi thì công đức chân thật như Thế Tôn đã nói không thể nghĩ bàn. Việc này chúng ta phải nên biết, công đức của người thỉnh pháp này sẽ rất lớn, chỗ này chúng ta cần phải nên học tập.

Phía trước đã nói Thế Tôn tán thán đối với ông hai chữ “Thiện tai” có nghĩa là câu hỏi này “Quá hay”, khi vừa hỏi thật là hợp với bản hoài của Phật. Mời xem đoạn kinh văn phía sau:

CHÁNH KINH: “A Nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi, cãng ai tam giới, sở dĩ xuất hưng ư thế, quang xiển đạo giáo, dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi.”

[Dịch nghĩa: A Nan, Như Lai do vô tận đại bi, xót thương tam giới, cho nên xuất hiện trong đời,

quang xiển đạo giáo, muốn cứu vớt quần manh, ban cho điều lợi chân thật.]

Thứ nhất: “**A Nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi**” [A Nan, Như Lai do vô tận đại bi]

Một là “A Nan”.

Chúng ta xem trước hai đoạn nhỏ này, Thế Tôn gọi tên của A Nan, đó là nhắc nhở ông chú ý, nhưng thực tế ra là nhắc nhở mọi người chúng ta chú ý vì phía sau có lời rất quan trọng cần nói.

Hai là “Như Lai dĩ vô tận đại bi” [Như Lai do vô tận đại bi].

Trước tiên nói ra “Như Lai” ứng hoá ở thế gian này, mục đích là gì? Phật nói “Như Lai”, mà không nói “Thế Tôn” là cái ý gì? Cái ý nghĩa này rất rộng, đây là nói mười phương thế giới có rất nhiều Chư Phật Như Lai, có rất nhiều pháp thân đại sĩ, mỗi giờ mỗi phút ứng hoá ở thế gian này. Đúng như trong “Phẩm Phổ Môn” đã nói đáng dùng thân gì để độ, thì Phật Bồ Tát liền hiện ra thân đó để độ, chúng sanh có thể nghe được những pháp môn nào, Phật liền vì chúng sanh nói ra những pháp môn đó, đó gọi là ứng cơ nói pháp.

Tại vì sao Phật phải đến thị hiện? Tại vì sao

phải đến nói pháp? Cái đạo lý này ở ngay chỗ này viên mãn tròn đầy vì chúng ta nói ra, Như Lai dùng “*Vô tận đại bi thương xót ba cõi*”, đó là tám cái chữ này. Tám chữ này nói rõ Phật Bồ Tát tại vì sao ứng hoá ở thế gian này.

Còn vì sao phàm phu đến thế gian này? Đó là không cách nào khác, đều là quả báo của nghiệp chiêu cảm, nghiệp đời quá khứ đã tạo cảm được quả báo, nên không thể không đến, đến thế gian này là chịu quả báo mà đến, đó là phàm phu.

Chư Phật Bồ Tát, Thanh văn, Duyên Giác, các Ngài đã thoát khỏi sáu cõi luân hồi, các Ngài không cản trở lại, vậy tại vì sao vẫn còn đến? Các Ngài đến thế gian này không phải để chịu quả báo, vì các Ngài sau khi thoát khỏi sáu cõi rồi, không còn tạo ra nghiệp luân hồi nữa, các Ngài đến là vì nguyện lực mà đến (không phải nghiệp lực như phàm phu) như nhà Phật thường nói “*Thừa nguyện mà đến*”, thừa nguyện tái lai. Nguyện gì vậy? Các Ngài trước đây học Phật đã từng phát ra nguyện “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Họ đã phát ra cái nguyện này, nguyện đã phát ra rồi, hôm nay họ có trí tuệ rồi, có năng lực rồi, nếu bạn không quan tâm đến chúng sanh thì chỉ là nói suông, chỉ nói mà không làm thì làm sao được. Thế gian một người thiện nhân quân tử đều giữ chữ tín “*Ngôn nhi hữu tín*”²⁰, hưởng hô là thánh nhân xuất thế gian làm gì còn có thể vọng ngữ được chứ,

quyết định không có vọng ngữ, quyết định giữ chữ tín, vĩnh viễn giữ chữ tín, chính là cái nguyện lực này. Cái nguyện lực này chính là “Vô tận đại bi”, tâm bi mẫn với chúng sanh không có cùng tận.

Thứ hai: **“Căng ái Tam giới”** [Xót thương tam giới]

“Căng ái”: “Căng” là thương tiếc, “Ái” là ai mẫn, chính là thương xót chúng sanh ba cõi.

“Tam giới” là ba cõi, là nói Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, đây cũng chính là nói sáu đường, nói ba cõi sáu đường là một ý nghĩa. Trong ba cõi sáu đường những chúng sanh trong đây rất khổ, không có cơ hội thoát khỏi, còn nếu thoát khỏi ba cõi là thoát khỏi sáu nẻo luân hồi, nhưng chúng sanh không có cơ hội thoát khỏi. Cái cơ hội này nhất định phải nhờ Phật xúc tiến cho họ. Vậy thì Phật vào lúc nào vì những chúng sanh này mà xúc tiến? Phải chờ vào lúc thời tiết nhân duyên. Đúng như Phật pháp thường nói “Phật không độ người vô duyên”, cho nên Phật phải đợi thời tiết nhân duyên.

Cái gì gọi là thời tiết nhân duyên?

Chính là như trên “Kinh Di Đà” đã nói “Thiện căn, phước đức, nhân duyên”, căn phải đầy đủ điều kiện này Phật mới xuất thế. Ở trong đây then chốt nhất chính là “Thiện căn, phước đức”, nếu như chúng

sanh thiện căn phước đức chín muồi, Phật đến xúc tiến nhân duyên. Cho nên có thể thấy được trong ba điều kiện này thì chính bản thân chúng ta phải có đủ hai điều, còn Phật đến giúp chúng ta một điều. Ba điều kiện này đều đầy đủ rồi thì ngay đời này quyết định thoát khỏi. Thoát khỏi chính là ra khỏi sáu cõi luân hồi, bạn chứng được quả vị như thế nào? Sau khi thoát khỏi quả vị cao thấp không như nhau, hoặc là chứng A La Hán, hoặc Bích Chi Phật, hoặc Bồ Tát, hoặc thành Phật. Sự việc này cũng giống như trên “Kinh Địa Tạng” đã nói với chúng ta: “*Chúng sanh trong Nam Diêm Phu Đề tu phước, quả báo mà họ chiêu cảm không như nhau*”.

Trong đây có nguyên nhân như thế nào vậy? Đại sư Thiện Đạo nói với chúng ta rất hay: “*Chỉ ở gặp duyên khác nhau*”. Tóm lại mà nói quả báo này của bạn có khác biệt đều là ở gặp duyên không đồng. Nhưng duyên cũng không phải là ngẫu nhiên, “*Duyên kết đa sanh*”, chính mình nhất định phải kết thiện duyên với mọi người.

Nhà Phật nói rất hay: “*Phật không độ người vô duyên*”.

Năm xưa khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn ở đời đã làm chứng minh cho chúng ta, chứng minh cái gì? Đó là nếu như một người không có duyên với Thích Ca Mâu Ni Phật, thì dù Phật đi tìm họ, họ thấy Thích

Ca Mâu Ni Phật, họ vẫn là lác đầu liền bỏ đi, không thèm để ý đến Ngài. Vì sao thế? Vì không có duyên! Phật có thần thông lại biến một cái thân khác, Phật đi về bên kia, từ bên kia chặn đường anh ta, anh ta lại nhìn thấy liền xoay mình chạy đi mất, Phật liền hiện rất nhiều thân, vây quanh hết anh ta lại, anh ta làm thế nào vậy? Khóc oà lên, nằm trên đất mà khóc, vẫn là không thèm ngó đến Phật. Đó là nói rõ cho chúng ta thấy không có duyên với Thích Ca Mâu Ni Phật, Phật không thể độ được anh ấy, anh ấy không tin không thể tiếp nhận. Cho nên chúng ta phải hiểu rõ cái đạo lý này.

Ngày nay chúng ta có thể có được cái duyên ở ngay trong pháp hội này, mọi người cùng nhau học tập Kinh Vô Lượng Thọ, tức là nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp đã chín muồi, làm gì có chuyện ngẫu nhiên. Thế gian không có chuyện ngẫu nhiên, đích thực có câu là “*Một bát cơm, một ngụm nước đều do tiền định*”²¹, không có chuyện ngẫu nhiên. Cho nên chư Phật Như Lai cũng phải xem khu vực này có duyên với mình hay không, nếu có duyên với vị Phật nào thì vị Phật đó liền đến thị hiện giáo hoá, còn không có duyên với những vị Phật, Bồ Tát này thì họ chỉ có thể cùng với vị Phật Đà giáo hóa thị hiện đến kết duyên với đại chúng, giúp đỡ vị Phật có duyên giáo hoá chúng sanh. Đó chính là kết duyên với đại chúng, vị Phật nào có duyên thì họ dẫn đầu, không có

duyên thì chúng tôi cùng theo phía sau, thấy đều là kết thiện duyên.

Chỗ này chúng ta phải nên học tập, chúng ta phải xem “Thiện căn, Phước đức” của chúng sanh đến lúc nào chín muồi? Xem thế nào? Chỉ cần họ có một ý niệm cầu giải thoát, mà thông thường chúng ta gọi là ghét bỏ thế gian, không còn có tâm ưa thích thế gian này nữa, chỉ cần có ý niệm này sanh khởi, thì Phật, Bồ Tát có duyên với bạn sẽ liền đến, họ sẽ đến giúp cho bạn. Đây là nguyên do chư Phật Bồ Tát ứng hiện ở thế gian này. Họ vì cái gì vậy? Vì “*Vô tận đại bi, thương xót ba cõi*”.

Thứ ba: “**Sở dĩ xuất hưng ư thế**” [Cho nên xuất hiện trong đời]

Vì việc này “Cho nên xuất hiện ở đời”, đến thế gian này hiện thân nói pháp. Hiện thân, không phải hiện một loại thân, vô lượng vô biên thân, Phật Bồ Tát có cái năng lực này giúp cho chúng ta giác ngộ. Họ có thể đồng thời đồng nơi, hoặc là đồng thời khác nơi, hoặc là đồng nơi khác thời mà thị hiện. Thị hiện của họ cũng rất tự tại, không hề có chút chướng ngại.

Chính là chỗ này như trên “Kinh Hoa Nghiêm” nói “Sự sự vô ngại”, Phật thị hiện thân tướng tự tại, Phật nói pháp tự tại, cho nên các Ngài có thể ở trong xã hội dùng rất nhiều thân phận khác nhau, các loại

hình tướng khác nhau, làm cho sáu căn chúng ta tiếp xúc sẽ giác ngộ. Sau khi chúng ta tiếp xúc có sự cảm động, có sự lĩnh ngộ. Thấy đều là Như Lai, Bồ Tát thị hiện.

Vậy các Ngài thị hiện ở thế gian làm những việc gì? Ba câu phía sau này là nói chung họ đến thế gian này là để làm việc gì. Họ đến đây là:

Thứ tư: **“Quang xiển đạo giáo, dục chứng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi”** [Quang xiển đạo giáo, muốn cứu vớt quần manh, ban cho điều lợi chân thật]

Ba câu này có thể nói ra hết sự nghiệp cả đời của Thích Ca Mâu Ni Phật.

Một là **“Quang xiển đạo giáo”** [Quang xiển đạo giáo].

“Quang” là quang đại, “Xiển” là xiển dương. Còn “Đạo”, ý nghĩa trong chữ “Đạo” rất nhiều, trong Phật pháp nói có thể phân làm 5 loại lớn, Phật đạo, Bồ Tát đạo, Thanh Văn đạo, Duyên Giác đạo, Thiên đạo, Nhân đạo. Đây là chánh thuyết, còn nếu như nói một cách chung chung thì có thể nói là tất cả pháp môn.

Hai là **“Dục chứng quần manh”** [Muốn cứu vớt quần manh].

“*Quần manh*” là chúng sanh trong sáu cõi, đặc biệt là ở trong ba đường. Chúng sanh ở trong ba đường quá khổ, tại vì sao phải trải qua đời sống khổ cực như vậy? Do vì mê mất đi chân tướng của vũ trụ nhân sanh, nên khởi tâm động niệm, lời nói, việc làm đều trái ngược với chân tướng sự thật. Đó chính là tạo nghiệp mà nhà Phật thường nói, đó là không tương ứng với chân tướng sự thật. Nghiệp mà họ tạo tác nhất định sẽ biến hiện ra quả báo, hiện tượng của sáu cõi là do nghiệp lực biến hiện ra. Nghiệp lực có thiện, có ác, thiện nghiệp biến hiện ra ba đường thiện, ác nghiệp biến hiện ra ba đường ác.

Tiêu chuẩn của thiện ác:

Nói tóm lại chính là tự lợi và lợi tha.

Nếu như ngay trong cuộc sống thường ngày chúng ta tạo tác ra chỉ vì tự lợi không màng đến lợi tha, thậm chí đến tổn hại người khác chỉ cầu tự lợi, đó là ác nghiệp.

Còn nếu như có thể tự lợi đồng thời cũng có thể quan tâm đến lợi tha, đó là tiêu thiện.

Nếu có thể xả mình vì người, chỉ cần xã hội đại chúng có được lợi ích, hy sinh chính mình cũng cam tâm tình nguyện, đó là đại thiện.

Thiện nghiệp chiêu cảm phước báo trời, người.

Ác nghiệp chiêu cảm địa ngục, súc sanh, ngã quý. Sáu cõi là do vậy mà có, những thứ này đích thực là có, không phải không có.

Có người hỏi địa ngục ở đâu vậy? Thiên đường ở nơi đâu vậy? Người hiện tại nói khoa học không đem ra được chứng cứ họ sẽ không tin tưởng. Nếu chúng ta hỏi bạn có cha mẹ, bạn có tin tưởng không? Tin tưởng, vì bạn thấy qua. Nói bạn có tổ phụ, bạn có tin tưởng hay không? Cũng tin tưởng, vì có lẽ bạn thấy qua, hoặc là cha mẹ bạn thấy qua; Hỏi ông cố ông sơ của bạn bạn có tin tưởng không? Bạn có tin tưởng. Lại hỏi bạn còn có lão tổ tông mấy mươi đời, mấy trăm đời trước, bạn có tin hay không? Bạn không hề thấy qua, không thấy qua thì không tin tưởng. Vậy tại sao bạn lại tin tưởng?

Vào thế kỷ trước, có người ban đầu đưa ra ý kiến cái địa cầu này quả đất là động, quả đất là tròn, nhưng không có người tin tưởng. Sau đó còn đem những người nói lời nói này đi treo cổ, xử tử hình, nói họ nói năng xằng bậy. Hiện tại khoa học hoàn toàn đã chứng minh đúng như họ nói rồi, người đó bị chết thật oan uổng.

Cũng vậy, Địa ngục đích thực có người thấy qua, cũng có người đã đi qua. Họ đi qua rồi, về nói với bạn, nhưng bạn vẫn là không tin tưởng, bạn vẫn cho rằng là họ đang gạt bạn. Vì bạn nhất định phải

chính mình đích thân thấy được mới tin tưởng, còn chính bạn không đích thân thấy được thì bạn không tin tưởng. Vậy thì con người này thì khó độ. Nếu như có một chút thường thức khoa học, có một chút đầu óc khoa học, họ có tư duy hợp lý, thì từ trên lý luận để xây dựng tín tâm.

Gần đây khoa học gia nói ra tầng không gian khác nhau, khoa học gia gọi là ba độ không gian, bốn độ không gian. Duy thứ không gian càng cao, cảnh giới càng không thể nghĩ bàn.

Thực tế ra mà nói, không gian địa ngục, ngạ quỷ, chư thiên, không cùng ở trên không gian duy thứ với chúng ta, quyết định không phải là ở trên không gian ba độ, cho nên chúng ta không thể nhìn thấy họ. Hiện nay những năm gần đây có không ít truyền thuyết, có người ngoài thái không đến, người ngoài hành tinh đến địa cầu của chúng ta, vậy những người này được xem là người cõi trời không? Không thể! Họ vẫn là cõi người! Vì sao vậy? Vì những người ngoài hành tinh này đến địa cầu chúng ta, họ vẫn còn phải nhờ vào công cụ phi hành của họ. Còn nếu như là thiên nhân thì không cần dùng công cụ phi hành, quỷ thần cũng không cần, không hề nghe nói khi thiên nhân đến nơi đây là nhờ vào phi cơ, nhờ vào phi thuyền, không hề nghe nói qua, quỷ thần đến nơi đây cũng không nghe nói qua. Cho nên phạm hễ chế tạo những máy móc công cụ phi hành, không luận tốc độ

của nó nhanh bao nhiêu, thậm chí họ có thể vượt qua tốc độ ánh sáng, bay đến cái địa cầu này, họ vẫn là con người, vẫn là thuộc về cõi người. Đã là cõi người, thì dù khoa học phát triển đến như vậy, nhưng họ không biết Phật pháp, họ không biết được niêm Phật, thì những người đó vẫn là có Sanh - Lão - Bệnh - Tử, vẫn là không thể giải quyết được vấn đề.

Chư Phật, Bồ Tát, những bậc thánh hiền nhân này, họ có năng lực siêu việt không gian duy thứ. Họ có thể tự do tự tại bước vào không gian bốn độ, không gian năm độ, thậm chí đến không gian vô hạn độ, họ tự tại bước vào. Họ liền có thể rộng độ chúng sanh. Theo cách nói này khoa học nghe được, tuy là không thể hoàn toàn tin tưởng, nhưng trên lý luận mà nói là có thể. Ngày nay khoa học tuy là đang tiến bộ, tuy là không ngừng đang phát triển, mong cầu tìm được một phương pháp có thể đột phá không gian duy thứ nhưng hiện tại vẫn chưa tìm ra. Nếu như tìm ra được, vậy thì tốt quá, vậy là có thể chứng minh, chí ít có thể chứng minh được có sáu cõi luân hồi, sẽ rõ ràng.

Phật pháp dùng phương pháp gì để đột phá? Sự việc này chỉ có Phật biết, không gian duy thứ làm thế nào để hình thành? Có phải là không gian duy thứ vốn dĩ đã có? Phật nói với chúng ta vốn dĩ không có. Nguyên bản Phật nói: *“Pháp giới chỉ là nhất chân, làm gì có nhiều thời không cách biệt lớn đến như vậy,*

không hề có”.

Thế nhưng ngày nay nó là sự thật đang tồn tại. Phật nói với chúng ta, nó là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của những chúng sanh này biến hiện ra. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng sanh là vô lượng vô biên, cho nên không gian duy thứ sẽ có vô lượng vô biên.

Ở trên kinh Phật nói với chúng ta mười pháp giới, đó chính là mười không gian duy thứ khác nhau. Điều này giống như chúng ta xem kênh đài của truyền hình vậy, mười cái kênh đài khác nhau, kỳ thật kênh đài là vô lượng vô biên. Mười là đại biểu cho vô tận, không phải là số tự thật, đại biểu vô lượng vô biên, mười cái trong đó lại có mười cái, lại biến thành 100 cái, trong 100 cái mỗi cái lại có mười cái, mười mười vô tận, là lấy cái ý này, đại biểu vô tận, đó mới là chân tướng sự thật.

Vậy làm thế nào đột phá không gian duy thứ?

Dem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta buông bỏ thì đột phá. Thế là chín pháp giới tất cả hàm linh, bạn thấy đều thấy hết, tận hư không khắp pháp giới bạn cũng thấy đều tiếp xúc được. Sinh mạng của mỗi một chúng sanh đều là vĩnh hằng, sinh mạng không phải là mấy mươi năm, có đời quá khứ vẫn có đời vị lai, quá khứ vô cùng vị lai vô tận. Trong

vô thi vô chung, chúng ta quan hệ với tất cả chúng sanh, thật là quá mật thiết. Nếu bạn nói chúng ta với tất cả mọi người, với tất cả chúng sanh không có quan hệ thì nói như vậy không thông, trong quan hệ có sâu cạn dày mỏng khác nhau, quyết định có quan hệ, cũng chính là nói rõ quyết định có duyên phận, chỉ là duyên có dày mỏng khác nhau.

Duyên chín muồi rồi, bạn xem thấy họ sanh tâm hoan hỷ, tin tưởng những gì bạn đã nói, lý giải những điều bạn đã nói, cũng chịu y theo phương pháp bạn dạy cho họ mà học tập, đây gọi là duyên chín muồi. Duyên chín muồi, Phật Bồ Tát nhất định đến giúp đỡ họ, nên gọi là: “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*”²², bạn mới biết được Phật Bồ Tát từ bi đến tột đỉnh. Cha mẹ đối với con cái có lúc còn chăm sóc không chu đáo, Phật Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh, đều là chăm sóc chu đáo, họ đến vì tất cả chúng sanh giảng kinh nói pháp. Giúp cho chúng sanh giải thoát, thỏa nguyện vọng của bạn.

Ba là “*Huệ dĩ chân thật chi lợi*” [Ban cho điều lợi chân thật].

“Chân thật chi lợi”, câu nói này cũng là sâu rộng vô hạn. Hai chữ “chân thật” biểu thị nhất định tương ứng với chân như thật tánh, cái lợi ích này mới là chân thật, còn nếu như không thể tương ứng với chân như tự tánh, cái lợi ích này không phải chân

thật, hay nói cách khác là lợi ích không viên mãn.

Thí dụ bạn chịu khổ ở đường ác, Phật Bồ Tát giúp bạn thoát khỏi đường ác sanh đến nhân thiên, vậy là có lợi ích rồi. Nhưng cái lợi ích này không chân thật, tại vì sao vậy? Vì con người chết rồi vẫn phải luân hồi, vẫn phải đọa lạc, nên cái lợi ích này không phải là chân thật. Hoặc nhân gian gặp được Phật pháp, gặp được Đại thừa, bạn có thể y giáo phụng hành, thoát khỏi ba cõi sáu đường, chứng quả A La Hán, chứng quả Bích Chi Phật, chứng quả Bồ Tát, có phải là lợi ích chân thật hay không? Vẫn không phải là chân thật, mặc dù đó là lợi ích, lợi ích rất lớn, nhưng không thể xem là lợi ích chân thật.

Lợi ích chân thật nhất định phải tương ưng với tự tánh, hay nói cách khác nhất định phải giúp đỡ bạn “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”, thì cái lợi ích này mới xem là chân thật. Cho nên trong câu nói này lại thêm vào hai chữ “Chân thật”, quyết định là Đại thừa, quyết định giúp đỡ bạn đoạn Kiến tư phiền não, đoạn Trần sa phiền não, lại phá Vô minh phiền não, cái lợi ích này là lợi ích chân thật.

Người Trung Quốc may mắn, hai ngàn năm trước Phật pháp từ Ấn Độ truyền đến Trung Quốc, Trung Quốc tiếp nhận được là Phật pháp Đại thừa, hay nói cách khác là “Lợi ích chân thật”. Trung Quốc không tiếp nhận Tiểu thừa, lợi ích chân thật của Phật

pháp Đại thừa, trình độ chân thật cũng không như nhau, việc này chúng ta cần phải nên biết. Bồ Tát có 41 giai đoạn, phía trước là “thập tín” không nói, vì sao vậy? “Thập tín” chưa phải chân thật, chưa phá vô minh. Khi bạn đạt quả vị thập tín vị, Viên giáo Thập tín vị, có thể nói là đã được đại lợi ích, nhưng không phải là lợi ích chân thật. Phải từ Sơ trụ đến Đẳng Giác, 41 ngôi thứ, chân thật có lớn nhỏ không như nhau, chân thật cứu cánh viên mãn là Viên giáo Phật quả, đó mới gọi là chân thật cứu cánh viên mãn. Cho nên bốn chữ “Chân thật chi lợi” nghĩa rộng mà nói là phá một phẩm vô minh chúng một phần pháp thân, còn nghĩa hẹp mà nói chính là Viên giáo Phật quả, đây mới là lợi ích chân thật.

Thích Ca Mâu Ni Phật có cho chúng ta hay không? Đích thực là có cho chúng ta, nhưng chúng ta có chịu tiếp nhận hay không? Chúng ta có y giáo phụng hành hay không? Đây lại là việc của chính mình. Thích Ca Mâu Ni Phật đem lợi ích chân thật cứu cánh viên mãn dâng hai tay tặng cho chúng ta. Bạn hỏi “Sao tôi chưa thấy tiếp nhận được, đưa cho tôi hồi lúc nào mà tôi không biết?” Ngài đã đưa cho bạn rồi mà bạn còn không biết thì bạn làm sao có được thọ dụng, có được lợi ích chân thật này? Đó chính là một bộ “Kinh Vô Lượng Thọ”, một bộ “Kinh Vô Lượng Thọ” này là dạy bạn ngay trong một đời này thành tựu Phật quả cứu cánh viên mãn. Đây không giống như pháp Đại thừa, vì pháp Đại thừa bạn

không làm được.

Ngày nay bốn kinh này của chúng ta, theo tôi tính một cách quyết đoán thì số lượng hiện tại lưu thông, tính một cách quyết đoán cũng vượt qua con số mười triệu quyển. Đây là tính chung một cách quyết đoán. Khi bạn có được bốn kinh này rồi, chính là Thế Tôn đem lợi ích chân thật này tặng cho bạn, cúng dường bạn. Phía trước nói qua với các vị, bạn đem kinh này từ đầu đến cuối đọc qua một lần, chính là mười phương tất cả chư Phật Như Lai quán đánh cho bạn một lần. Mỗi ngày đọc qua một biến, mỗi ngày nhận chư Phật quán đánh một lần, bạn nói xem bạn có bao nhiêu phước báo?

Tôi nói như vậy nhưng bạn nghe rồi cũng có không tin tưởng: “Phật quán đánh cho tôi? Tôi không hề có cảm giác?” Không sai! Bạn không có cảm giác được, Phật quán đánh cho bạn nhưng bạn không có tiếp nhận. Phải làm thế nào mới có thể tiếp nhận? Bạn phải có tín tâm, bạn phải có nguyện tâm, bạn phải có thể lý giải. “Tín - Giải - Hành - Chứng” cái chứng này chính là tiếp nhận, chính là cảm nhận được, cảm nhận được từ bi của chư Phật Bồ Tát, cảm nhận được thương yêu của chư Phật Bồ Tát đối với chính mình, gia trì đối với chính mình, bạn liền có thể thể hội lợi ích chân thật.

Cho nên chỗ này lợi ích chân thật, chúng ta

đem nó tổng kết lại chính là như bốn kinh Di Đà đã nói “Đại nguyện độ sanh”. Đại sư Thiện Đạo nói rất hay: “*Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*”²³. Đó chính là “Huệ dĩ chân thật chi lợi”. Đây mới là Như Lai ở trên quả địa thực hiện đại nguyện “Chúng sanh vô biên thế nguyện độ” của Ngài. Ngài không nói sông câu nói này.



(VCD 056)

Chư Phật Như Lai xuất hiện ở thế gian nếu như không nói bộ kinh này thì trái với bốn nguyện của Ngài. Các kinh khác có thể không giảng, nhưng bộ kinh này không thể không giảng. Vì sao vậy? Các kinh khác thì pháp môn trong kinh đó, mức độ ứng cơ không rộng, chỉ có thể phù hợp với một số đối tượng đặc thù.

Thí dụ như Thiên tông, bạn thấy Đại sư Huệ Năng đã nói ở trong “Đàn Kinh”, đối tượng của Ngài là người thượng thượng căn, hay nói cách khác người trung hạ không có phân. Chính là nói khi gặp được rồi thì cứ y theo phương pháp này mà tu hành, nhưng cũng không thể thành tựu vì căn cơ thích ứng của họ với phạm vi rất nhỏ hẹp, không phải là pháp môn phổ độ. Hơn nữa thành tựu cũng không phải là cứu cánh viên mãn. Họ có thể giúp đỡ bạn, họ là chân thật pháp, không sai, có thể giúp bạn “Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật” nhưng cao nhất cũng chẳng qua là Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh vị, chỉ cao đến như vậy, không viên mãn, không cứu cánh, không phải là bốn hoài của Phật độ chúng sanh.

Tất cả chư Phật độ chúng sanh luôn là hy vọng chúng sanh mau mau thành Phật, giống y như các Ngài vậy, đó là bốn hoài của Phật. Bốn nguyện của

Phật không như người thế gian, người thế gian thì thành tựu của tôi, tôi cũng hy vọng bạn thành tựu, nhưng thành tựu của bạn phải kém hơn tôi một chút, không thể nào vượt qua tôi. Đó chính là phàm phu muốn giúp đỡ người, luôn là không thể nào giúp cho người vượt qua hơn chính mình, đó là tâm luân hồi. Chư Phật Như Lai không phải như vậy, không những các Ngài hy vọng bạn có thành tựu, mà còn chân thật hy vọng bạn vượt qua các Ngài. Vì sao vậy? Bạn vượt qua các Ngài thì các Ngài tự tại. Tôi cũng là mong muốn học trò của chúng ta mau mau thành tựu, đều có thể vượt qua tôi, được vậy thì tôi nghỉ hưu được rồi, ngày ngày du sơn ngoạn thủy, bạn nói xem tự tại dường nào, thật an vui. Tôi luôn là hy vọng mọi người vượt qua tôi, tôi đã nghĩ đến mười mấy năm rồi, nếu tôi biết được có người vượt qua hơn tôi thì tôi liền được tự tại, tôi liền hưởng phước.

Cho nên chư Phật Bồ Tát hy vọng tất cả chúng sanh đều làm Phật, hơn nữa là bình đẳng làm Phật. Chỗ này thật là trác tuyệt, bình đẳng làm Phật chỉ có pháp môn này. Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói ra vô lượng vô biên pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có pháp môn này là bình đẳng thành Phật. Chỗ này các vị nhất định phải ghi nhớ, cổ đức nói pháp môn này: *“Có thể khiến cho người Ngũ thừa vào được Thật báo trang nghiêm độ”*.

Đó là tán thán cực độ đối với pháp môn này,

hơn nữa tán thán không chút nào khoa trương, tán thán rất hay. “Ngũ thừa” là Nhân thừa, Thiên thừa, Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Đây là nói rõ trình độ của chúng sanh dù cho có khác biệt nhau rất lớn nhưng pháp môn này có thể dạy những người này bình đẳng kẻ nhập cõi Thật Báo Trang Nghiêm, hiển thị rõ pháp môn không thể nghĩ bàn. Thế Tôn ở trên kinh này nói, A Di Đà Phật ở trên kinh này cũng nói, chỉ cần sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, không luận bạn là chúng sanh ở tầng lớp nào, bạn đều hiểu rõ Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, đều là A Duy Việt Chí Bồ Tát.

“A Duy Việt Chí” đại đức xưa chú giải cho chúng ta được rất rõ ràng là Bồ Tát Thất Địa trở lên. Cho nên pháp môn này gọi là pháp môn khó tin, pháp môn này mới là lợi ích chân thật, vì sanh đến Tây Phương liền bằng với Bồ Tát Thất địa, Bồ Tát Thất địa thật rất khó được, chúng ta chân thật là vô lượng kiếp tu hành, đời đời kiếp kiếp tu tập chuyên cần mới có thể chứng được quả vị Sơ Trụ, từ Sơ trụ đến Thất địa phải đủ hai A Tăng Kỳ kiếp. Bạn thấy thông thường những người tu các pháp môn khác, thật khó cỡ nào! Khổ cực cỡ nào. Phải dùng thời gian không cách gì tính đếm được, mới có thể tu đến Thất địa. Trong khi Niệm Phật Đường này của chúng ta, người căn tánh lanh lợi, niệm mấy ngày thì liền thành tựu, người căn tánh có chậm lụt niệm 3 năm 5 năm cũng quyết định thành tựu. Bạn thấy đây chỉ cần thời gian

3 đến 5 năm thì vượt qua pháp thân đại sĩ hai A Tăng Kỳ kiếp, những thứ khác thì không cần phải nói. Trong mười pháp giới của Tạng giáo là Phật, Bồ Tát, Thanh văn, Duyên Giác không nói đến chúng ta cũng vượt họ quá xa rồi, nhưng kể cả Pháp Thân Đại Sĩ trong hội Hoa Nghiêm chúng ta cũng là siêu vượt họ hai A Tăng Kỳ kiếp. Đây mới gọi là chân thật chi lợi.

Phật dùng phương pháp gì vậy? Phương pháp quá huyền diệu, hồng danh sáu chữ, dạy bảo bạn “*Phát Tâm Bồ Đề, Một Lòng Chuyên Niệm*” thì được rồi. Một lòng chuyên niệm thì đồng tu có, còn phát tâm Bồ Đề thì đồng tu không nhiều. Thế nhưng các vị phải nên ghi nhớ, cần phải cả phát tâm Bồ Đề và một lòng chuyên niệm mới có thể thành công. Nếu như bạn chỉ một lòng chuyên niệm mà không phát tâm Bồ Đề, thì ngay trong một đời này không thể thành tựu, chỉ là kết thiện duyên với Phật A Di Đà mà thôi. Nhưng nếu như bạn có phát tâm Bồ Đề, còn niệm Phật bạn niệm được ít cũng vẫn có thể vãng sanh. Đây là đúng như Đại sư Ngẫu Ích ở trong “*Kinh A Di Đà Yếu Giải*” nói với chúng ta: “*Người niệm Phật có thể vãng sanh hay không quyết định ở việc có tín nguyện hay không, còn sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc phẩm vị cao thấp, quyết định ở công phu niệm Phật sâu cạn*”.

Tín nguyện là tâm Bồ Đề, công phu niệm Phật của bạn cạn thì phẩm vị vãng sanh thấp, công phu

niệm Phật sâu thì phẩm vị vãng sanh cao. Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay, lời của đại sư Ngài đã nói chính là ý của Phật A Di Đà. Chúng ta làm sao biết được đây là ý của Phật A Di Đà? Ấn Tổ nói với chúng ta “Kinh A Di Đà” mà Đại sư Ngẫu Ích chú giải, đích thực là bốn ý của Phật A Di Đà. Cho nên tâm Bồ Đề nhất định phải phát.

Tâm Bồ Đề Làm thế nào để phát?

Trước tiên phải biết cái gì gọi là tâm Bồ Đề? Đại sư Ngẫu Ích đã nói trong “Di Đà Yếu Giải” rất hay, chúng ta nghe rồi dễ hiểu. Đại sư Ngài nói: “*Một lòng chuyên chú cầu sanh Tịnh Độ, cái tâm này chính là tâm vô thượng Bồ Đề.*”

Lời nói này dễ hiểu, hay nói cách khác chúng ta chỉ một lòng một dạ cầu sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, chỉ cầu thấy Phật A Di Đà, còn tất cả thứ khác thầy đều buông bỏ, quyết định không còn để ở trong lòng nữa, thì con người này đầy đủ viên mãn tâm Bồ Đề.

Nếu như đối với thế gian này bạn còn có những việc vướng mắc bận lòng thì tức là tâm Bồ Đề của bạn chưa phát, bạn chưa triệt để buông bỏ đối với thế gian này.

Cho nên người phát tâm Bồ Đề cả thế lẫn xuất

thể gian pháp thủy đều buông bỏ, tâm địa trí tuệ một trần không nhiễm; Sau đó một lòng chuyên niệm, trong lòng chỉ có một câu A Di Đà Phật, rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, cứ như vậy mà niệm Phật liên quyết định vãng sanh. Đó là lợi ích chân thật cụ thể áp dụng ở tất cả chúng sanh. Chỉ có phương pháp này mới chân thật mãn hoằng nguyện của tất cả chư Phật cứu độ chúng sanh, bồn hoài phổ độ chúng sanh.

Chúng ta học Phật như thế nào?

Chân thật phát nguyện làm đệ tử Như Lai, chúng ta phải học Phật, hướng tới Phật học tập, học cái gì? Chỉ học ba câu này, ba câu này quy nạp lại chính là bốn chữ này “Hoằng pháp, lợi sanh”. Ba câu này là: “Quang xiển đạo giáo” chính là “Hoằng pháp”, còn “Dục chứng quần minh”, “Huệ dĩ chân thật chi lợi” chính là “Lợi sanh”. Quyết định không vì chính mình, chính mình tất nhiên được lợi ích lớn, cái lợi ích lớn này cũng chính là chỗ này nói lợi ích chân thật, có thể lợi ích tất cả chúng sanh mới là chân thật lợi ích chính mình, mỗi niệm vì quang đại Phật pháp. Chúng ta biết được chỉ có Phật pháp mới có thể cứu độ tất cả chúng sanh mười pháp giới, đây là nói rõ chúng ta phải làm thế nào quang đại Phật pháp? Tại vì sao phải hoằng dương Phật pháp? Chỉ có Phật pháp mới có thể độ chính mình, mới có thể độ chúng sanh.

Chúng ta phát tâm xuất gia, xuất gia là vì cái

gì? Chính là vì cái sự việc này, nhất định phải làm tốt cái sự việc này. Làm thế nào mới có thể làm được tốt? Nhất định phải “*Y giáo phụng hành*”, nói cụ thể một chút là “*Năng tín, năng giải, năng nguyện, năng hành*”, bạn liền có thể làm được rất tốt. Trên kinh Phật dạy chúng ta làm, chúng ta nhất định phải cố gắng nỗ lực làm, dạy chúng ta không nên làm, chúng ta nhất định phải nên nghe lời. Những điều Phật dạy không nên làm, không những thân không thể làm, ngay đến ý niệm cũng không thể có, vậy mới gọi là học Phật, học Phật chính là học tập với Phật. Tiếp theo chúng ta xem đoạn phía sau này:

CHÁNH KINH: “Nan trị nan kiến, như Ưu Đàm hoa, hy hữu xuất hiện. Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiêu ích.”

[Dịch nghĩa: Khó gặp, khó thấy, như hoa Ưu Đàm ít khi xuất hiện. Nay lời hỏi của ông gây lợi ích rất nhiều.]

Thứ nhất: “**Nan trị nan kiến**” [Khó gặp khó thấy]

“Nan trị”: Trị là gặp được. Phật không thường hay xuất hiện ở thế gian, chúng ta từ trong “*Di Lặc Hạ Sanh Kinh*” có thể xem thấy: Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, sức ảnh hưởng của Ngài vẫn là tương đối lớn, cái sức ảnh hưởng này trong Phật pháp gọi là “Pháp vận”, trên kinh Phật nói

là 12 ngàn năm. Thế Tôn năm xưa ở đời giảng kinh nói pháp 49 năm, sức ảnh hưởng có thể ảnh hưởng đến 12 ngàn năm sau. Căn cứ theo ghi chép của người Trung Quốc, Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến ngày nay là 3041 năm, như vậy pháp vận của Ngài (chính là sức ảnh hưởng của Ngài) phải còn đến khoảng 9.000 năm nữa. Sau 9.000 năm này, thế gian này không còn Phật pháp, mãi đến khi Bồ Tát Di Lặc hạ sanh đến nhân gian thị hiện thành Phật, giống như Thích Ca Mâu Ni Phật vậy đến để biểu diễn một lần. Thời gian khoảng trống đó quá dài, ở trên kinh Phật nói với chúng ta cũng gần 57 ức vạn năm (gần 570 triệu năm). Bạn thấy gần 57 ức vạn năm thế gian này không có Phật pháp, pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni là 12.000 năm so với 570.000.000 năm, không thể nào so sánh.

Chúng ta đến nhân gian thế gian này để đầu thai, vậy ta làm thế nào khi vừa đầu thai đến thì gặp được Phật pháp? Nhưng làm gì có việc trùng hợp đến như vậy? Cho nên nói “Khó gặp, khó thấy”, thật khó. Chúng ta ở trong sáu cõi luân hồi đời đời kiếp kiếp xả thân, thọ thân, không thể nói mỗi lần được thân người đều nghe được Phật pháp, làm gì có được cơ hội tốt đến như vậy. Nếu như có được cơ hội tốt như vậy thì bạn sớm đã thành Phật rồi, thì bạn sẽ không còn làm phàm phu nữa, cơ hội này rất khó mà gặp được.

Cho nên Phật thường nói: “*Thân người khó được,*

Phật pháp khó nghe”, chính là nói cơ hội này quá ít. Do đó nếu như khi vừa gặp được rồi, thì nhất định phải trân quý cái cơ hội này, quá hi hữu. Ngay đời này chúng ta đã gặp được rồi, thật không dễ dàng gì, ngay đời này chúng ta được thân người lại được nghe Phật pháp, không chỉ nghe Phật pháp mà hơn nữa nghe Phật pháp chân chính được lợi ích chân thật. Đó chính là “Kinh Vô Lượng Thọ” là pháp môn Tịnh Độ.

Nếu như bạn đối với sự việc này nhận biết không được sâu, không đủ thấu triệt, thì bạn làm sao biết được trân trọng cái cơ hội này? Chỉ có chân thật thấu triệt, chân thật hiểu rõ, thì bạn mới biết nắm chặt cơ hội này không để lỡ qua, biết được đây là cơ hội hi hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, làm sao có thể để nó lỡ qua chứ! Chúng ta giảng kinh nói pháp ở nơi đây, nhất định sẽ không để lỡ một lần nào.

Khi tôi học Phật, hiểu rõ được cái sự thật này. Tôi theo lão cư sĩ Lý Bình Nam mười năm, mỗi một lần ông lên lớp, mỗi một lần giảng kinh, tôi chưa từng để lỡ qua lần nào. Tỉnh thoảng bên ngoài mời ông đi giảng kinh, chúng tôi cũng cùng đi theo, chúng tôi phát tâm làm tùy tùng, làm chúng thường tùy của lão sư Lý. Đại khái chúng tôi có gần 2-3 chục người, 2-3 chục người này không vắng mặt buổi giảng nào, nên chúng tôi sâu sắc hiểu rõ cơ hội này hi hữu khó gặp, chỉ trừ khi bị bệnh thì không còn cách nào, còn bất cứ nhân duyên nào cũng đều không thể trở ngại.

Đúng là “Khó gặp, Khó thấy”. Hai câu phía sau là nêu thí dụ.

Thứ hai: **“Nhu Ưu Đàm hoa, hy hữu xuất hiện”**
[Nhu hoa Ưu Đàm ít khi xuất hiện]

Chỗ này nói là “Hoa Ưu Đàm”, hoa Ưu Đàm cùng hoa Đàm mà thông thường chúng ta nói đại khái phẩm loại thì không như nhau, thời gian nở đều là rất ngắn. Loại hoa Đàm này của thế gian chúng ta khi nở là vào nửa đêm, thời gian không lâu, khoảng từ hai đến ba giờ đồng hồ thì úa tàn. Cho nên nếu bạn muốn xem hoa Đàm nở thì nhất định phải vào nửa đêm, bạn mới có thể xem thấy được. Đây đều là hình dung rất khó thấy được, rất hi hữu xuất hiện.

Cho nên phải đầy đủ rất nhiều điều kiện, thiện căn phước đức của chúng sanh phải chín muồi và Nhu lai cùng những chúng sanh này duyên phận chín muồi, đây quyết không phải là sự việc đơn giản.

Trước khi Phật nói với họ cái chân tướng sự thật này, thì trước tiên Phật nói ra những lời này cho chúng ta nghe, nhắc nhở chúng ta lưu ý pháp môn này. Pháp môn này thực tế như Ngài A Nan đã nói *“Rất hi hữu, rất khó được”*. Hai câu phía sau là tán thán việc Ngài A Nan đã hỏi:

Thứ ba: **“Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiều ích”** [Nay

lời hỏi của ông gây lợi ích rất nhiều]

“Khi ông vừa hỏi, mang đến vô lượng vô biên lợi ích phong phú cho tất cả chúng sanh”.

Sự việc này thực tế ra mà nói là Thế Tôn quan sát thấy nhân duyên đã chín muồi, A Nan cũng không phải là người thông thường, đều là Pháp Thân Đại Sĩ thừa nguyện tái sanh, giúp đỡ Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hoá chúng sanh, làm gì có chuyện là người thông thường. Cũng giống như diễn kịch trên sân khấu, Thích Ca Mâu Ni Phật diễn ở vai chính, tôn giả A Nan diễn vai phụ, mục đích giúp tất cả chúng sanh giác ngộ. Phật đã nói “Đa sở nhiều ích” là chính xác, lợi ích vô lượng vô biên. Mời xem kinh văn phía sau:

CHÁNH KINH: “A Nan! Đương tri Như Lai Chánh Giác, kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại, năng ư niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp, thân cập chur căn, vô hữu tăng giảm.”

[Dịch nghĩa: A Nan nên biết: Chánh giác của Như Lai là trí khó lường chẳng có chướng ngại, có thể trong một niệm trụ vô lượng ức kiếp, thân và các căn chẳng bị tăng, giảm]

Thứ nhất: “A Nan! Đương tri Như Lai Chánh Giác” [A Nan nên biết, Chánh Giác của Như Lai]

Một là “A Nan đương tri” [A Nan nên biết].

Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta chế định giới luật, đó là quyết định cấm kỵ chúng ta tự khen mình chê người, Phật dạy chúng ta chính mình phải khiêm nhường, phải khiêm tốn. Vậy thì tại vì sao ở chỗ này Thích Ca Mâu Ni Phật chính mình tán thán chính mình? Thực tế ra là bắt đặ́c dĩ mà nói, lo cho bạn không tin tưởng chính bởi vì sự việc này không có người nào có thể biết. Vậy phải làm sao? Phật đành phải chính mình tán thán chính mình vài câu để hy vọng bạn hiểu rõ mà sanh khởi tín tâm kiên định đối với Phật, chúng ta mới có thể được lợi ích chân thật, đó là từ bi đến tột đỉnh. Nếu như tín tâm đối với Phật không đủ, thì dù có đại pháp có tốt hơn quyết định cũng sẽ lỡ qua ngay trước mặt. Đó mới là việc thật đáng tiếc.

Cho nên Phật gọi A Nan mà nói: “*Ông phải nên biết*”. A Nan là thị giả của Phật, bình thường Phật giảng kinh, ông không hề bỏ sót một buổi giảng nào, nghe kinh ông nghe được rất nhiều. A Nan cũng có trí tuệ tương đối, ngay trong mười đệ tử của Phật ông là đa văn đệ nhất.

Cho nên Phật nói với ông “A Nan đương tri” chính là “*Ông phải nên biết*” “*Như Lai chánh giác, kỳ trí nan lượng*”. Kỳ thực cách nói này của Thế Tôn, tuy là chính mình tán thán chính mình, vẫn còn mang mấy phần khiêm tốn. Phật không hề nói bảo chúng ta

nên biết, mà chỉ gọi A Nan, người khác không hề biết nhưng “A Nan ông phải nên biết”.

Hai là “Nhu lai chánh giác” [Chánh giác của Như Lai].

Câu “Như Lai chánh giác” này, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không hề nói về riêng một mình Ngài, mà nói “Như Lai”. Như Lai là bao gồm mười phương tất cả chư Phật, nên Phật nói “Như Lai” chỗ này không chỉ riêng một người. Bạn xem chỗ này chính mình tán thán, có kỹ thuật cao minh đến như vậy, tất cả Chư Phật Như Lai chánh giác.

“Nhu” là chân như, thành đạo chân như mà đến thị hiện làm Phật, nên gọi là Như Lai. Ở chỗ này chúng ta cũng có thể nói, nương vào đại đạo nhất như của A Di Đà Phật mà đến thị hiện thành Phật nên gọi là Như Lai, Như lai này là ứng thân của Như Lai. Đến một phẩm sau có mười hiệu của Phật, sẽ giảng giải tỉ mỉ với các vị. Như Lai có Pháp thân, có Báo thân, có Ứng hoá thân, chỗ này là nói Ứng thân.

“Chánh giác” chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chỗ này ở trên văn tự đã tỉnh lược bớt, thị hiện thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Cũng giống như Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở đời thị hiện cho chúng sanh vậy.

Thứ hai: “**Kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại**”
[Trí khó lường chẳng có chướng ngại]

*Một là “**Kỳ trí nan lượng**”* [Trí ấy khó lường].

Trí tuệ của Phật, vô lượng vô biên không có chướng ngại. Trong bốn kinh, chúng ta từ phía trước một đoạn kinh văn lớn có thể xem thấy Thích Ca Mâu Ni Phật vào lúc đó trụ “Niệm Phật Tam Muội”. Niệm Phật Tam Muội là Tam Muội trung vương, Tam muội cũng dịch là Thiền định. Sức định của niệm Phật là bao gồm ngay trong tất cả Thiền định đều không thể so sánh được với nó.

Trong “Đại Tập Kinh” Phật cũng đã nói: “*Niệm Phật chính là Thâm diệu thiền*”. Đây không phải là thiền thông thường, mà cao minh hơn rất nhiều so với thiền thông thường. Vì sao vậy? Thiền định thông thường có ra có vào, khi vào định thì cảnh giới thiền định hiện tiền, khi xuất định rồi thì định cảnh này mất hết. Còn người niệm Phật chỉ riêng một câu Phật hiệu, buông bỏ vạn duyên, đi đứng nằm ngồi đều đang ở Phật định, cho nên gọi nó là Thâm diệu thiền.

Chúng ta biết được thiền định thì sanh trí tuệ, Tam Vô lậu học thường nói: “Nhân giới được định, nhân định khai trí tuệ”. Thiền định có thể khai mở trí tuệ, thiền định cực diệu sanh khởi ra chính là diệu huệ. Cho nên “Kỳ trí nan lượng”, vượt hơn trí tuệ

thông thường của Bồ Tát, không phải định huệ của tất cả Bồ Tát có thể so sánh được với nó, không phải trí tuệ của tất cả Bồ Tát có thể xứng lượng. Đó gọi là “Nan Lượng”! Cái xung lượng này chính là nói không ra được, không thể nghĩ bàn. Xung là xung nói, lượng là cân đo, thông thường Bồ Tát không làm được. Chỗ này cũng là trên kinh thường nói “*Duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu cánh chư pháp Thật Tướng*”²⁴, ngay đến Bồ Tát Đẳng giác cũng không cách nào hoàn toàn hiểu rõ được nó. Câu sau cùng chính là nói tác dụng, họ khởi tác dụng.

Hai là “Vô hữu chướng ngại” [Chẳng có chướng ngại].

Không có chướng ngại, thông đạt tất cả pháp. Chúng ta ở cái đoạn tựa đề trên, tổng tiêu đề là “Pháp báo đức dụng”. Pháp thân, báo thân của Phật, tác dụng của các Ngài. Cái đoạn nhỏ này là “Giác trí nan lượng”, bao gồm trong đây nói “Bát Nhã Đức”; Đoạn phía sau là nói “Đức Dụng Viên Dung”. Trên văn kinh nói:

Thứ ba: “**Năng ư niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp**” [Có thể trong một niệm trụ vô lượng ức kiếp]

Đó là nêu ra một thí dụ: “Niệm khoảnh” là thời gian rất ngắn. Như trên “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói: “*Tri vô lượng kiếp thị nhất niệm, tri nhất niệm tức vô*

lượng kiếp”²⁵.

Cổ đức nói với chúng ta, cảnh giới này là “Sự sự vô ngại”, diễn biến đồng thời, đó là đột phá được hiện tượng thời gian. Chỗ này nói với chúng ta là nói ra là chân tướng sự thật, nếu như chúng ta đột phá được hiện tượng thời gian, đột phá được hiện tượng không gian, thì đó chính là vô lượng thọ mà Thế Giới Tây Phương Cực Lạc đã nói. Không chỉ tuổi thọ vô lượng, mọi thứ khác không có thứ nào không là vô lượng, mỗi thứ đều là vô lượng, trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, thần thông vô lượng, biến hoá vô lượng, thị hiện vô lượng, nói pháp vô lượng, hiện tại mọi người đều ưa thích vàng bạc tiền của nên vàng bạc của cải cũng vô lượng, không có thứ nào không là vô lượng.

Nếu bạn hiểu rõ được sự thật này, nếu bạn muốn có được tất cả vô lượng, chính ở ngay trong pháp môn này mà học, hơn nữa ở ngay trong đời sống của chúng ta quyết định có thể đạt được. Pháp môn khác thì chưa chắc, cái bạn được là có hạn. Trong pháp môn này bạn có được là vô lượng viên mãn, mỗi câu đều là chân thật.

Cho nên họ có thể ở trong khoảng một niệm, thời gian ngắn đến như vậy “Trụ vô lượng ức kiếp”. Thời gian ngắn có thể kéo dài nó ra, một sát na, khoảng một niệm, có thể đem nó biến thành vô lượng

kiếp, đương nhiên cũng có thể đem vô lượng kiếp biến thành một niệm, biến thành một sát na, sự sự vô ngại.

Chỗ này hiện tại khoa học gọi là siêu việt thời không. Con người có thể siêu việt thời không thì liền có thể tùy ý quay về quá khứ, tùy ý bước vào tương lai, quá khứ, hiện tại, tương lai đều không có, đó là siêu việt thời gian, đồng thời cũng siêu việt không gian, chúng ta liền ở ngay hiện tiền nếu muốn nghe Phật A Di Đà giảng kinh nói pháp, hiện trường của thế giới Cực Lạc Phật A Di Đà đang giảng kinh nói pháp, chính ngay ở trước mặt ta, cự ly rất gần, đó gọi là siêu việt không gian, đó gọi là *“Thập vạn ức cõi Phật, bất cách hào đoạn”*²⁶.

Làm thế nào mới có thể siêu việt không gian và thời gian?

Là tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì siêu việt. Bạn bị trùng trùng chướng ngại của không gian thời gian, không tự do, không tự tại, nguyên nhân chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên cái thứ này nhất định phải buông bỏ, tưởng tận biết rõ thì phải mau buông bỏ cho sớm, mau mau buông bỏ. Quả nhiên buông bỏ thì bạn niệm Phật sẽ hoàn toàn khác, vào lúc đó niệm Phật thì sẽ một niệm tương ưng một niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật, bạn mỗi một danh Phật hiệu tương ưng với tâm

tánh của chính mình, tương ưng với Phật A Di Đà, tương ưng với mười phương Như Lai.

Do đây có thể biết nếu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta chưa buông bỏ, thì cảnh giới này này liền không thể hiện tiền. Sự việc này thực tế là đáng được chúng ta tỉ mỉ mà suy xét, chúng ta có thể hy vọng hiện tại được lợi ích chân thật hay không? Bạn phải chính mình giúp đỡ chính mình. Phật đích thực là từ bi, đem những phương pháp, lý luận, cảnh giới này nói với chúng ta, nhưng chúng ta có thể được lợi ích chân thật hay không, phải xem chính mình có chịu tiếp nhận hay không, nếu bạn chính mình không chịu tiếp nhận, thì Phật cũng không có cách nào.

Do đây có thể biết chính mình chịu tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận chính là Phật độ người có duyên. Còn chính mình nghe rồi mà vẫn không chịu buông bỏ, vẫn còn hoài nghi, vẫn do dự, vẫn tham luyến thế gian này, thì việc này liền tạo thành chướng ngại to lớn, chướng ngại bạn kiến tánh, chướng ngại bạn tương ưng, tuy là bạn niệm Phật mà không tương ưng. Thế gian vạn sự vạn vật này, chỉ cần tham luyến một việc thì không được, huống hồ bạn còn tham luyến rất nhiều. Nếu như chịu buông bỏ tất cả thân tâm thế giới, thì tâm của bạn chính là tâm thanh tịnh, tâm của bạn chính là tâm bình đẳng, tâm của bạn chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Thanh tịnh, bình

đẳng, giác chính là A Di Đà Phật, bạn niệm Phật bạn niệm ra được tự tánh Di Đà rồi, vào lúc này đương nhiên tương ứng với Thế Giới Tây Phương Cực Lạc của Phật A Di Đà. Đó mới gọi là “*Một niệm tương ứng một niệm Phật*”. Câu nói này mọi người nghe nhiều rồi, nghe đã quen tai, thế nhưng có nghĩ qua không? Ta có lúc nào tương ứng không? Ta có mấy phần tương ứng? Chỉ cần bạn có thể có được cái ý niệm này khởi lên, tốt! Bạn bắt đầu giác ngộ rồi, bạn đã chú ý đến việc này, đây là việc tốt.

Tiếp theo thế nào vậy? Cái giác ngộ này không thể gián đoạn, phải nên càng nỗ lực, càng cố gắng hướng về phía trước mà đột phá, thì cảnh giới của bạn càng ngày càng cao, càng ngày càng tốt. Cảnh giới càng ngày càng tốt, bạn càng ngày càng có tín tâm, càng ngày nguyện lực của bạn càng mạnh. Chân thật như trên kinh đã nói đồng mãnh tinh tấn, quyết định không thoái chuyển. Chỗ này đều là tin được sâu, giải được thấu triệt. Cho nên giảng kinh nói pháp chính là vì mọi người giải thích giảng giải, hy vọng mọi người hiểu rõ thấu triệt đối với những chân tướng sự thật này. Sau đó ở trong hành môn không có trở ngại, bạn sẽ học được rất đúng pháp, ở ngay trong đời sống của bạn, ngay trong công việc của bạn, đối nhân xử thế tiếp vật mọi thứ đều tự tại, mọi thứ đều như pháp. Hai câu phía sau lại nêu lên một thí dụ.

Thứ tư: **“Thân cập chur căn, vô hữu tăng giảm”**
[Thân và các căn chẳng bị tăng, giảm]

“Thân” là thân thể, “Chur căn” là sáu căn. “Căn, thân không tăng không giảm”. Các vị thử nghĩ xem đó là gì vậy? Là Vô Lượng Thọ! Chúng ta đã đọc qua trong kinh này, người Thế Giới Tây Phương Cực Lạc quyết định không có già yếu. Còn chúng ta có già yếu, già yếu chính là có tăng có giảm. “Tăng giảm” hai chữ này, ý nghĩa chính là biến hoá. Căn thân chúng ta có biến hoá, mỗi năm không như nhau, năm sau già yếu hơn năm trước, già đi rất nhanh. Bạn tưởng tượng xem chính chúng ta xem thấy các bạn trẻ thanh niên hiện tại, ngày trước tôi cũng y như họ vậy, cũng rất trẻ trung, rất hoạt bát, dường như chính là sự việc của ngày hôm qua, bỗng chốc thì già rồi. Ngay trong bạn bè, ngay trong bạn học, hiện tại vừa gặp lại thì tóc đã bạc trắng. Chúng ta, những người xuất gia cạo đầu thì không thấy, nhưng vừa nhìn thấy những bạn bè cũ đó, tuổi tác cùng gần như nhau, bạn học cùng lớp tuổi tác gần bằng nhau, nhìn mỗi người đầu tóc đều bạc, thì mới biết được đã già rồi. Nghĩ lại chỉ là việc của ngày trước ngày hôm qua, thay đổi quá lớn. Con người ở thế gian này đích thật là say sống mộng chết, mơ mơ hồ hồ mà trải qua ngày tháng, thời gian qua được nhanh như vậy, cơ hội này nếu không nắm lấy thì phải làm sao? Nắm lấy, phải mau nắm lấy, nếu bạn không mau nắm lấy, qua vài ngày thì bạn già rồi, thế lực tất cả đều suy giảm, bạn muốn làm cũng không làm được,

bạn không có thể lực. Đó là nói tu hành.

Ngay làm việc tốt cũng phải nắm lấy cơ hội, nếu cơ hội đi qua rồi, thì duyên bị cắt đứt, bạn muốn tu một ít phước cũng không có cơ hội để tu. Vậy bạn nói xem loại người đó có đáng thương hay không? Chúng ta thường xem thấy trên Phật kinh “Kẻ đáng thương”, chúng ta phải nghĩ nhiều đến ý nghĩa của câu nói này.

Căn thân của Như Lai, một chính là ba, ba chính là một. Cái ba này là nói ba thân “Pháp thân, Báo thân, Ứng thân”, cho nên tướng của các Ngài là đại viên mãn. Chúng ta xem ở đoạn vừa mở đầu của “Kinh Địa Tạng”, chúng ta liền xem thấy “Đại quang minh vân”. Phía sau lại nêu lên *mười* loại, thứ nhất chính là “Đại viên mãn”, căn thân của Phật triển hiện ra là đại viên mãn.

Nếu như chúng ta niệm Phật vãng sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, cả bốn câu này mỗi người chúng ta đều có phần “*Năng u niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp, thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm*” [Có thể trong một niệm trụ vô lượng ức kiếp, thân và các căn chẳng bị tăng, giảm]. A Di Đà Phật như vậy, Thế Giới Tây Phương Cực Lạc mỗi một người vãng sanh cũng đều như vậy, rất không thể nghĩ bàn.

Hôm nay thời gian hết rồi. A Di Đà Phật!

(VCD 057)

CHÁNH KINH: “Sở dĩ giả hà? Như Lai Định huệ, cứu sống vô cực. Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tự tại cố.”

[Dịch nghĩa: Vì có sao thế? Định, huệ của Như Lai đã trọn vẹn cùng tột đến vô cực, do với hết thấy pháp đều được tự tại tối thắng.]

Đoạn kinh văn này là nói đến đức dụng Pháp thân và Báo thân của Như Lai. Lý sự ở trong đây không phải Bồ Tát thông thường có thể lý giải được, hướng hồ là phạm phu. Cho nên Thế Tôn ở ngay chỗ này gọi A Nan nói với ông, như trên kinh văn phía trước đã nói rõ: “*Như Lai Chánh giác, kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại, năng ư niệm khoảnh, trụ vô lượng ức kiếp, thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm*” [Chánh giác của Như Lai là trí khó lường chẳng có chướng ngại, có thể trong một niệm trụ vô lượng ức kiếp, thân và các căn chẳng bị tăng, giảm.]

Đây là vô cùng tán thán đức dụng Pháp thân, Báo thân vô biên.

Ở ngay trong Phật pháp, ngay trong giới kinh Phật dạy chúng ta, không được tự khen mình chê người. Vậy khi chúng ta xem đoạn kinh văn này, chỗ

này Thế Tôn chẳng phải chính mình đã tán thán chính mình hay sao? Tại vì sao Thế Tôn phải dùng loại phương pháp này để nói pháp? Cái đạo lý này rất sâu, chính bởi vì sự việc này không có người nào có thể biết, cho nên gọi là “*Chỉ Phật cùng Phật mới có thể cứu cánh*”²⁷. Nên ở trong tình hình này, Phật đành phải tự mình nói, sau khi nói xong phải giải thích với chúng ta.

Thứ nhất: “**Sở dĩ già hà**” [Vì có sao thế?]

Đây là một câu hỏi, ý nghĩa chính là “Vì sao vậy”, tại vì sao Phật phải dùng cách nói này? Phía sau lại giải thích:

Thứ hai: “**Như Lai định huệ, cứu sống vô cực**” [Định, huệ của Như Lai đã trọn vẹn cùng tột đến vô cực]

Chỗ này ở trong khoa văn, các vị có thể xem thấy được câu này là giải thích (cho câu hỏi trước). “Như Lai”, cái danh hiệu này ở phẩm sau cùng, chúng ta sẽ giải thích tỉ mỉ, bởi vì phía sau có mười hiệu, trong mười hiệu cái thứ nhất chính là Như Lai. Còn nếu nói theo nghĩa rộng, đó là người kiến tánh mới có thể được gọi là Như Lai.

Do đây có thể biết trên quả địa Như Lai, mười loại đức hiệu này Bồ Tát cũng có, là Bồ Tát như thế

nào vậy? Phá một phẩm vô minh chứng một phần pháp thân, thì họ liền đầy đủ mười hiệu. Tuy là đầy đủ mười hiệu, nhưng chưa đạt đến cứu cánh viên mãn. Cái điểm này chúng ta cần phải hiểu rõ. Cho nên Viên giáo Sơ trụ Bồ Tát liền có năng lực tùy loại hiện thân, như trong Phổ Môn Phẩm đã nói “*Đáng dùng thân gì để độ thì Ngài liền hiện ra thân đó để độ*”.

Thích Ca Mâu Ni Phật ba ngàn năm trước giảng sanh ở Bắc Ấn Độ, thị hiện tám tướng thành đạo.

Tám tướng thành đạo là địa vị gì vậy?

Trong bốn giáo của Thiên Thai thuộc về Tạng giáo Phật, tám tướng thành đạo là Tạng Giáo Phật. Hay nói cách khác Viên giáo Sơ trụ Bồ Tát thị hiện, liền có năng lực làm việc “thị hiện” này, cũng được gọi là “Nhu Lai”, cũng gọi là “Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác, Phật, Thiên Nhân sư”, cũng gọi như vậy, không giả, là thật không phải giả. Nhưng từ đó mãi đến cứu cánh quả vị, mười hiệu mới viên mãn.

Nếu như các vị không thể thể hội đối với ý nghĩa này, thì hãy xem người xưa thường dùng ánh trăng để làm thí dụ, đại khái mừng 2 mừng 3, chúng ta xem thấy trăng lưỡi liềm, thì cũng đã có thể thấy được ánh sáng của trăng, bạn nói xem đó có phải ánh sáng thật của trăng hay không? Là thật không phải

giả, là trăng thật, thế nhưng ánh trăng của ngày 15 tròn đầy viên mãn cũng là trăng thật, quyết định không phải là giả, Bồ Tát Viên Giác Sơ Trụ nhị trụ cũng giống như trăng non, còn quả vị cứu cánh viên mãn cũng giống như ánh trăng của ngày 15, họ là thật không phải là giả. Cho nên Bồ Tát sơ trụ là Phật thật không phải Phật giả.

Đại sư Thiên Thai nói “Lục Túc Phật”²⁸, thì cái địa vị này gọi là “Phần Chứng Túc Phật”, họ là thật không phải là giả, thế nhưng chân thật là họ chỉ chứng được mấy phần, chứng được bộ phận mà chưa chứng được viên mãn, cho nên là “Phần Chứng Túc Phật”.

Phần Chứng Túc Phật bao gồm những vị thứ nào?

Viên Giác Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác 41 ngôi thứ, trên “Kinh Hoa Nghiêm” gọi là 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ, họ đều thuộc về Phần Chứng Phật, đều có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, đều đầy đủ mười hiệu Như Lai. Ngay chỗ này chúng ta cần phải biết rõ trước, cái danh từ này ý nghĩa rất rộng, nói:

Một là “Như Lai định huệ” [Định huệ của Như Lai].

“Định” là thiên định, “Huệ” là trí tuệ. Vậy thì do đây có thể biết, người “kiến tánh” thấy được tánh

rồi, định huệ của họ tuyệt đối không giống như Nhị thừa, Bồ Tát trong mười pháp giới chưa kiến tánh, Phật trong mười pháp giới cũng chưa kiến tánh. Vậy chúng ta muốn hỏi:

Phật của mười pháp giới tương đương quả vị gì của Viên Giáo?

Trên kinh Phật nói với chúng ta A La Hán trong pháp giới bốn thánh, chúng ta gọi là Tiểu thừa A La Hán, Bích Chi Phật, công phu đoạn chúng của họ (cũng chính là năng lực đoạn phiền não của họ) tương đương với Bồ Tát Viên Giáo Thất Tín vị, thế nhưng trí tuệ đức tướng không thể nào so sánh được với Bồ Tát Thất Tín Vị. Bồ Tát Thất Tín trí tuệ cao hơn tiểu thừa A La Hán, Bích Chi Phật rất nhiều, còn về đoạn phiền não thì giống như họ. Do đây có thể biết Phật ở trong Tạng giáo chỉ có thể đến Bồ Tát Cửu tín, Thập tín vị, vẫn chưa đến được Sơ trụ. Như thế cũng chính là nói vô minh của họ chưa phá, vì đến Bồ Tát Sơ trụ là phá một phẩm vô minh, chúng một phần pháp thân, được đại tự tại. Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong pháp giới bốn thánh thì được tự tại nhỏ, không phải đại tự tại. Việc này chúng ta cần phải hiểu rõ, chỗ này là nói Pháp Thân Đại Sĩ đã phá vô minh rồi, chỉ ít cũng phá một phẩm, thiên định của họ, trí tuệ của họ thông thường chúng ta gọi là Giới - Định - Huệ tam vô lậu học.

Hai là “*Cứu sướng vô cực*” [Đã trọn vẹn cùng tột đến vô cực].

“Cứu” là cứu cánh, “Sướng” là hanh thông, “Vô cực” hai chữ này quan trọng cho thấy hai chữ Như Lai này không phải Như Lai thông thường mà là Như Lai cứu cánh viên mãn. Vì sao? Vì phía sau có một câu “Cứu sướng vô cực” này, Pháp Thân Đại Sĩ câu này họ vẫn chưa làm được, nên có câu nói này chúng ta liền biết được đó phải là Như Lai cứu cánh viên mãn mà thị hiện tám tướng thành đạo.

Cho nên Phật Bồ Tát xuất hiện ở thế gian này, đều là thị hiện, cũng giống như trên “Kinh Lăng Nghiêm” nói “*Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*”²⁹. Tâm chúng sanh là cảm, còn Phật là ứng, cảm ứng tương thông không thể nghĩ bàn. Tâm của chúng sanh rất là phức tạp nên mười pháp giới đều đầy đủ, chúng ta khởi tâm động niệm, nên ứng hiện của Phật Bồ Tát cũng rất là biến hoá. Khi Phật Bồ Tát đến ứng hiện thì tùy loại hoá thân, đáng dùng thân gì để độ thì Ngài liền hiện ra thân đó để độ, cảm ứng tương thông không thể nghĩ bàn. Cái đạo lý này chúng ta phải hiểu, lý rất sâu, sự rất rộng rất phức tạp, trong kinh Phật thường hay gọi là “vi diệu” “khó biết”. Chư Phật Bồ Tát thị hiện ở trong sáu cõi, có thể nói không nơi nào không có hiện thân các Ngài, không lúc nào không hiện thân, chỉ cần bạn tỉ mỉ mà thể hội thì bạn liền có thể quan sát được.

Người thông thường chúng ta không thể quan sát được là do vọng niệm quá nhiều, tâm quá thô thiển, sơ sài qua loa nên bạn không thể quan sát được. Người tâm tư cẩn mật, họ liền có thể quan sát ra được. Nếu bạn có thể quan sát ra được thì dụng công mới có thể đắc lực. Chúng ta thường hay nghe có rất nhiều đồng tu nói “Dụng công công phu không có lực”.

Nguyên nhân dụng công không có lực?

Nguyên nhân không có lực bạn phải nên biết, đó là bình thường bạn tâm ý qua loa, không hề y giáo phụng hành, đồng tu học Phật không y như trên kinh đã nói, tu hành không tận lực, cho nên hiệu quả nhỏ. Cũng như đi học vậy không làm ra được thành tích, nguyên chính ngay chỗ này. Cho nên Phật ở trong tất cả kinh khuyên bảo chúng ta muốn có lực trước tiên phải xây dựng tín tâm.

Làm thế nào để xây dựng tín tâm?

Đọc tụng đại thừa, lắng nghe Phật pháp, thân cận thiện tri thức, y giáo tu hành, đó là xây dựng tín tâm.

Sau khi xây dựng tín tâm bạn mới có thể thâm giải nghĩa thú đối với tất cả kinh giáo mà Phật đã nói, ý nghĩa pháp vị của Ngài bạn mới chân thật có thể

thường thức được, ở trong đó có vị chân thật, tuyệt đối không phải là danh vọng lợi dưỡng, năm dục sáu trần của thế gian có thể so sánh. Cái vị này trên kinh Phật thường hay đem nó thí dụ là “Cam lộ”. Phật ví là cam lộ nhưng chúng ta vẫn là không hiểu. Vì sao vậy?

Cam lộ là gì?

Vì cam lộ bạn chưa thấy qua, cũng chưa thường thức qua nên làm gì biết được mùi vị thế nào, bạn mới chỉ nghe nói qua ghi chép trong sách vở mà thôi.

Cam lộ là một loại nước uống bất tử của thiên nhân (nói nước uống mọi người dễ hiểu), uống cam lộ thì trường sanh bất lão, nhưng chúng ta chưa thấy qua. Cam lộ có thể là một loại mỹ vị, một loại thực phẩm rất dinh dưỡng, nếu chân thật như đã nói là uống được cam lộ rồi thì không chết, thì đại khái là hình dung đó không phải chân thật. Vì sao? Vì thật thà mà nói thiên nhân cũng có sanh tử cho dù họ thọ mạng có lâu hơn chúng ta nhiều. Người trời Phi tướng Phi phi tướng xứ thọ mạng khi hết tám mươi đại kiếp, nhưng rồi họ cũng phải chết, họ cũng phải đoạ lạc. Vậy thì do đây có thể biết, cách nói như vậy đó chỉ là một hình dung, là một thí dụ mà thôi, còn đại khái bạn có thể hiểu đó là một loại thức uống rất dinh dưỡng bổ dưỡng trên cõi trời, nói “không chết” chỉ là hình dung không phải là thật.

Ở chỗ này chúng ta không nên hiểu lầm vì đã có sanh nhất định có tử, đã có hợp nhất định có tan, đó mới là chân lý. Trong kinh Đại Tiểu thừa Phật thường hay nhắc nhở chúng ta điều này, đó là nói rõ chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Sau khi hiểu rõ chân tướng rồi, chúng ta mới biết được phải làm người như thế nào, phải sống như thế nào mới có thể trải qua đời sống hạnh phúc mỹ mãn.

Liễu sanh tử là gì?

Bạn biết được chính mình sanh ra từ nơi nào, sau khi chết thì đi đến nơi nào, đó gọi là liễu sanh tử. “Liễu” là tường tận, không một chút mơ hồ đối với chuyện sanh tử, rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, không phải nói liễu sanh tử thì không có sanh tử, bạn lại đem nó giải thích sai rồi. Liễu sanh tử là rất tường tận đối với sự việc sanh tử này, công phu công phu định huệ đạt đến cứu cánh viên mãn.

“Vô cực” không phải là tất cả “nhân vị” có được, Bồ Tát từ sơ phát tâm đến Đẳng giác đều là thuộc về nhân vị, chỉ có Như Lai Phật quả cứu cánh mới là quả vị. Cho nên câu “Cứu sống vô cực” này của Thích Ca Mâu Ni Phật phía trước đã nói, đó là cảnh giới thiên định, trí tuệ trên quả địa cứu cánh, nên không phải là điều mà nhân vị Bồ Tát có thể biết. Cảnh giới của Như Lai thì kể cả Bồ Tát Đẳng Giác đều không thể tường tận, hướng hồ là Bồ Tát Địa

tiền. Cho nên Phật mới phải chính mình tự nói ra. Mục đích nói ra là gì vậy? Giúp chúng ta xây dựng lòng tin, có lòng tin rồi, chúng ta tự nhiên liền sanh khởi lòng tôn kính đối với Phật. Chúng ta ở ngay chỗ này xây dựng lòng tin kiên định đối với Như Lai Thế Tôn, sau đó mới có thể phát tâm y giáo phụng hành, công phu mới có thể được đắc lực.

Hiện tại chúng ta nói tu hành, nhưng trên thực tế ra mà nói “tu hành” của chúng ta cùng với tiêu chuẩn mà Phật dạy chúng ta đã bỏ bớt đi rất nhiều, cắt bỏ đi rất nhiều, không phải là đúng chuẩn. Không đúng chuẩn thì bạn không thể thành Phật, Phật nói ra 100%, chúng ta có thể làm được một phần, con người này cũng đã rất cù khôi rồi, là rất hiếm được rồi. Có rất nhiều người 1% cũng làm không được, nhưng dù cho họ chỉ làm được 1 phần ngàn, làm được 1 phần mười ngàn, thì họ cũng có thể có được lợi ích, lợi ích của Phật pháp chân thật bất hư. Lại xem tiếp đoạn sau câu kinh văn này:

Thứ ba: **“U nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tự tại cố”** [Do với hết thầy pháp đều được tự tại tối thắng]

Đây cũng vẫn là Thế Tôn chính mình tán thán nói ra, vì đây cũng là việc mà không phải là Bồ Tát Tam Hiền, Thập thánh có thể lý giải.

Một là “U nhất thiết pháp” [Do với hết thủy pháp].

Là tất cả pháp, chính là tất cả pháp thể xuất thế gian.

Hai là “Tối thắng, tự tại cố” [Tự tại tối thắng].

Bồ Tát được tự tại không thể gọi là “Tối thắng” mà “Tối Thắng” cùng với ý nghĩa của “Cứu sống vô cực” ở phía trước là như nhau, đây đều là chỉ quả vị cứu cánh mà nói. Tâm lìa khỏi phiền não, lìa khỏi âu lo, lìa khỏi vương bận, như vậy mới tự tại.

Ngày nay chúng ta không được tự tại, vậy thì chính mình phải cố gắng nghĩ lại xem nguyên nhân không tự tại là do đâu? Nguyên nhân tóm lại mà nói là do vọng tưởng quá nhiều, phân biệt quá nhiều, chấp trước quá nhiều, cho nên bạn không được tự tại. Phật nói với chúng ta những thứ này đều là hư vọng, đều không phải là chân thật, đem hư vọng cho là chân thật chính là mê hoặc, rồi bạn lại một lòng một dạ phân biệt “cái chân thật” này, muốn có đầy đủ “cái chân thật” này (trong khi cái chân thật đó là giả), bạn liền khởi lên vô lượng vô biên phân biệt, chấp trước, rồi bạn ở ngay trong đó mà sợ được sợ mất thì bạn làm sao có được tự tại?

Mọi người đều biết cái thế gian hiện tại này, toàn thế giới này động loạn bất an, nguy cơ, người

người tự thấy không có cảm giác an toàn, chân thật là tâm cuồng ý loạn, đau khổ không nói ra lời. Chúng ta xem cái hiện tượng này thấy thật đáng thương, vậy có phương pháp gì để giải quyết hay không? Có! Phương pháp gì vậy? Nếu như bạn có thể đem nó xả bỏ hết, như trên Kinh Kim Cang đã nói: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*”, “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”³⁰ thì làm gì mà không bình an chứ. Nơi nơi đều bình an, bom nguyên tử nổ trên không trung cũng như xem đốt pháo bông vậy, sẽ rất bình an, không việc gì.

Thế nhưng bạn không chịu tin tưởng. Đọc qua Phật kinh thì liền biết được, thân tâm của bạn không an là vì việc gì? Mong muốn bảo hộ cái thân thể này, bảo hộ cái hoàn cảnh sống của bạn. Bạn mong cầu cái thứ này, bạn ở ngay đó phân biệt, bạn ở ngay nơi đó khởi vọng tưởng, bạn ở ngay nơi đó chấp trước. Cho nên tất cả không được bình an đều là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà ra. Chấp trước quá đáng cái thân thể này của chính mình, rồi lại chấp trước quá đáng đời sống của chính mình, không biết được cái thứ này cũng là giả.

Trên Kinh Kim Cang nói rất hay “*Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh*”, không có thứ nào là thật, thân này là giả, thế giới cũng là giả, ngay cả đến Phật pháp cũng còn là giả. Phật nói rất rõ ràng “*Pháp còn nên xả, huống là phi pháp*”. Chữ “pháp”

này là Phật pháp, cái chữ “xả” này chính là không chấp trước, không vọng tưởng, không phân biệt. Không chấp trước, bạn cũng không nên chấp trước Phật pháp. Phật pháp còn không được chấp trước, huống hồ tất cả pháp của thế gian. Đó là Phật dạy cho chúng ta phương pháp được tự tại, lia khỏi tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì liền được đại tự tại.

Bạn thấy rất nhiều người, tất cả đều vì cái gì? Vì để thân thể khoẻ mạnh nên sáng sớm đi thể dục, ra bên ngoài chạy bộ, hoặc là múa quyền, làm rất nhiều loại vận động, mệt đến cả một thân toát mồ hôi. Họ cho rằng làm như vậy thì thân thể được khoẻ mạnh. Những chấp trước của thân thể này, nên họ hy vọng làm như vậy thân thể sẽ khoẻ mạnh, nhưng họ cũng là ngày ngày vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Họ ngày ngày vận động, ngày ngày tâm bỗ, trái lại còn bỗ ra nhiều rắc rối, trong vận động lại co lại uốn, uốn bị bong gân thì phiền phức to, phải bỏ ra nhiều thứ để bù lại.

Nhưng người học Phật mỗi ngày ngồi tĩnh toạ, như như bất động, gần như không có chút vận động nào, vậy mà sao họ rất trường thọ, họ cũng không bị bệnh. Nếu bạn muốn hỏi vì sao được vậy? Vì người chân thật tu hành hiểu rõ được chân tướng sự thật rồi, thấy đều buông bỏ, thân tâm thế giới tất cả buông bỏ thì không bệnh, gốc bệnh đã trừ bỏ rồi, đã nhỏ được

gốc, đó mới là chân thật khoẻ mạnh.

Bạn có xem thấy trong bộ kinh luận nào Phật nói là Phật, Bồ Tát, A La Hán, mỗi ngày phải đi vận động? Không hề xem thấy qua! Bạn có xem thấy Phật Bồ Tát mỗi ngày lo đi tắm rửa hay không? Cũng không hề có! Ngay chỗ này chúng ta đọc kinh học tập quyết định không thể lơ là mà phải chú ý xem Phật Bồ Tát các Ngài trải qua đời sống như thế nào? Các Ngài trải qua đời sống khoẻ mạnh, đời sống tự tại, đời sống hạnh phúc, đời sống an vui, chính là vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

Các vị phải nhớ rõ ràng “Vô tướng” tuyệt nhiên không phải không có cái tướng này, nếu hiểu vậy thì bạn lại hiểu sai đi ý nghĩa.

“Vô tứ tướng” là gì vậy?

Là trong lòng không có bốn cái tướng này. Không phải cảnh giới bên ngoài không có bốn tướng, mà là trong lòng không có bốn tướng. Phật dạy chúng ta đoạn hoặc, chứng chân, là đoạn dứt đi bốn tướng ở trong lòng, nhưng trên hình thức vẫn là có ta, có bạn, có chúng sanh, có thọ giả, mọi thứ đều có, không hề thiếu đi một thứ nào, nhưng trong lòng thì không thể có, trên tướng có thì không ngại gì. Trên “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói với bạn “*Lý sự vô ngại, sự sự vô*

ngại”, chính là ngay chỗ này đã nói “*Với tất cả pháp có được tối thắng tự tại*”. Đó chính là sự sự vô ngại.

Do đây có thể biết chương ngại sanh ra từ chỗ nào vậy? Chương ngại thực tế ra mà nói sanh ra từ ở vọng niệm. Vọng tưởng là vọng niệm, phân biệt cũng là vọng niệm, chấp trước vẫn là vọng niệm. Cái niệm đó của bạn sai rồi, buông bỏ vọng niệm, Phật liền nói với bạn chánh niệm.

Chánh niệm, vọng niệm từ chỗ nào mà phân biệt?

Sự việc này thì phiền phức rồi! Bạn khởi tâm động niệm, lời nói việc làm, nếu như tương ưng với bốn tướng, “Có Ngã tướng, có Nhân tướng, có Chúng sanh tướng, có Thọ giả tướng”, thì thấy đều là vọng niệm, dù bạn học Phật vẫn là vọng niệm.

Khi bạn lạy Phật, ta có thể lạy, Phật là người được ta lạy, ta cung kính đối với Ngài, vậy thì bạn lạy Phật là vọng niệm, thì bạn làm sao có được thành tựu?

Bước vào Niệm Phật Đường niệm Phật, ta niệm Phật, ta niệm A Di Đà Phật, Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là vọng niệm. Cho nên bạn niệm Phật công phu không có lực, cho dù câu Phật hiệu này bạn niệm đã rất lâu, niệm được rất nhiều, nhưng không niệm được tốt. Làm sao biết được bạn không niệm được

tốt? Vẫn là có phiền não, ở ngay trong cuộc sống thường ngày đối nhân xử thế tiếp xúc mọi vật, vẫn là có Tham, Sân, Si, Mạn, phiền não ngày ngày thêm lớn, không nhìn thấy trí tuệ, đây chính là công phu của bạn không có lực.

Nếu như công phu của bạn có lực thì phiền não nhẹ, trí tuệ thêm lớn, thì ở ngay trong quá trình tu học của bạn pháp hỉ tràn đầy. Trong kinh Đại thừa thường hay nói “*Thường sanh tâm hoan hỉ*”, một ngày từ sớm đến tối bạn sống trong hoan hỉ, ngay trong pháp hỉ. Các vị phải nên biết, loại pháp hỉ này nếu dùng cái nhìn của người thế tục mà nói, đó là thứ bổ dưỡng tốt nhất, không có thứ bổ dưỡng nào có thể sánh được với nó. Nghiên cứu của khoa học thế gian này vẫn chưa thể nghiên cứu ra được, bạn thấy hiện tại nghiên cứu ra bao nhiêu thứ dinh dưỡng, nhưng vẫn chưa thể nghiên cứu ra được pháp hỉ, chỉ có trong Phật pháp mới có.

Người xưa Trung Quốc cũng đã từng nói qua: “Người gặp việc vui tinh thần thoải mái”. Khi con người hoan hỉ thì tinh thần lên cao, có thể không cần ăn cơm, có thể không cần ngủ nghỉ. Ở trên kinh Phật nói với chúng ta hoan hỉ từ trời Sơ thiên trở lên thì không cần phải ăn uống, cũng không cần phải ngủ nghỉ, xả bỏ năm dục. Năm dục là “tài, sắc, danh, thực, thụ” (thực là ăn cơm, ăn thức ăn, thụ là ngủ nghỉ), năm thứ này họ đều không có, đều xả bỏ hết, đó là

cõi trời Sơ thiên. Vậy Sơ thiên dùng thứ gì để nuôi dưỡng thân thể của chính mình? “Thiền duyệt vi thực”. “Thiền duyệt” là trong định huệ có một phần an lạc, an lạc chính là phần bổ dưỡng của họ, năm dục họ hoàn toàn không cần đến.

Trời Tứ thiên cũng là như vậy, đời sống ở nhân gian chúng ta cũng như vậy, chỉ cần bạn đối với việc đó sanh ra hứng thú sanh tâm ưa thích, thì bạn liền có được phần bổ dưỡng đầy đủ (hiện tại cũng có người gọi là “Năng lượng”) đều có thể có được. Danh từ thì khác nhau nhưng cái muốn nói chỉ là một sự việc. Cho nên Phật dạy chúng ta đời sống phải ở trong hoan hỉ.

Thế nhưng chúng ta một ngày từ sớm đến tối âu sầu, một ngày từ sớm đến tối khổ não, Phật dạy chúng ta hoan hỉ, chúng ta làm thế nào hoan hỉ lên được? Tại vì sao Phật hoan hỉ đến như vậy? Tại vì sao Bồ Tát hoan hỉ đến như vậy?

Đạo tràng Phật giáo chánh qui xây dựng cái thứ nhất là Điện Thiên Vương nên khi bước vào cửa Phật, là bạn bước vào cửa lớn của Điện Thiên Vương, bạn nhìn thấy vị thứ nhất là Bồ Tát Di Lặc vị ngồi ngay trong đó, một ngày từ sớm đến tối cười thật tươi. Ngài dạy bạn cái gì? Dạy bạn thường sanh tâm hoan hỉ, đem tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thảy đều buông bỏ thì hoan hỉ. Bạn xem thấy sơn hà

đại địa vô số chúng sanh, thì ra những hiện tượng này đều là chư Phật Bồ Tát biến hoá tạo tác ra, đó là thật không phải là giả. Vậy mà bạn xem người này thì ưa thích họ, còn người kia thì bạn chán ghét họ, bạn không hề xem thấy chân tướng sự thật, bạn xem thấy đều là vọng tướng, từ trong những vọng tướng này sanh khởi vọng tâm.

Trong kinh luận của Tướng tông đã nói “Trùng trùng tâm sanh”, trùng trùng tâm là tâm phân biệt, là tâm chấp trước. Trùng trùng tâm sanh thì bạn liền đem hiện tượng bên ngoài chuyển biến, cảnh tùy tâm chuyển, tướng là tùy tâm chuyển, đó là cạn mà dễ thấy, rất là đáng tiếc bình thường chúng ta lơ là qua loa. Bạn thấy người hoan hỷ, bạn thấy khuôn mặt của họ có tướng hoan hỷ, còn khi họ đang nổi giận phẫn nộ, bạn cũng xem thấy cái tướng phẫn nộ đó. Vậy thì tướng không phải là tùy theo tâm bạn chuyển hay sao? Tâm bạn thanh tịnh, hiện ra cái tướng thanh tịnh, tâm địa của bạn ô nhiễm, hiện ra là cái tướng ô nhiễm, rõ ràng dễ thấy.

Cho nên Phật nói: “*Tâm sanh pháp, pháp sanh tâm*”. Tâm sanh pháp, cái tâm đó là chân tâm; Pháp tâm sanh, cái tâm đó là vọng tâm. Phật, Bồ Tát cùng chúng sanh khác nhau ở chỗ này, các Ngài ở trong tất cả cảnh giới có thể làm chủ được, không bị cảnh giới mê hoặc vậy mới gọi là giác ngộ, người giác ngộ mới được tự tại, mới có thể trải qua đời sống bình thường,

đời sống bình thường chính là đời sống của Phật Bồ Tát. Phật, Bồ Tát là ai vậy? Chính là mỗi chúng ta! Cho nên chúng ta học Phật phải học từ chỗ nào vậy? Phải bắt đầu học qua ngay từ đời sống của Phật Bồ Tát.

Trên “Kinh Hoa Nghiêm” nói có “*Mười loại tự tại*”, đó là Như Lai trên quả địa Viên Giác. Ngày nay chúng ta là phàm phu, một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, vậy chúng ta làm thế nào để học tập đời sống tự tại? Việc này phải nên hiểu, trong mười loại tự tại:

Mười loại Tự tại:

Loại thứ nhất: “Mạng tự tại”

Chính là trường thọ! Trường thọ huệ mạng chúng ta có thể có được hay không? Có thể! Trong Phật kinh thường nói “*Cầu trường thọ, được trường thọ*”. Nếu như bạn cầu không được, nhất định là trên lý luận, hoặc là trên phương pháp mong cầu của bạn có sai lầm, còn nếu bạn như lý như pháp mà cầu, không thể không cầu được. Chúng ta cầu với ai vậy? Nếu cho rằng cầu với Phật, vậy thì sai rồi, bạn phải cầu từ trong tự tánh, không phải cầu với Phật. Cho nên nói với bạn cầu với Phật, Phật chính là giác tánh, vị Phật này không phải đại biểu cho một người, là “Tự tánh Phật”, cho nên mới “*Hữu cầu tất ứng*”.

Phật pháp gọi là “Nội học”. Các vị phải nên ghi nhớ nếu như ngoài tâm mà cầu pháp, đó gọi là ngoại đạo, Phật pháp không có việc này. Phật pháp dạy chúng ta phải từ trong nội tâm mà cầu. Một thí dụ rất rõ ràng, bạn cầu trường thọ, thọ mạng của phàm phu là nhất định có hạn, vì sao vậy? Vì bị nghiệp lực xoay chuyển. Cho nên có một số người xem tướng đoán mạng, họ có thể đoán mạng của bạn rất chuẩn xác. Vậy thì bạn thật đáng thương, vì sao vậy? Bạn có mạng nên bị người ta đoán được rất chính xác, vì bạn là phàm phu. Còn Phật Bồ Tát thì những người xem tướng đoán mạng xem không được, tại vì sao vậy? Vì các Ngài không có mạng! Không có mạng mới gọi là trường thọ, còn có mạng đều là đoản mạng. Cho nên bạn xem bói cho người khác đều xem được là đoản mạng, đoán ra được thấy đều là đoản mạng, còn trường thọ thì họ không đoán ra được. Làm thế nào chuyển đoản mạng thành trường thọ? Chỉ có Phật pháp, ngoài Phật pháp ra, bất cứ phương pháp khoa học nào cũng đều không làm được. Phật pháp đích thực có thể chuyển đoản mạng thành vô lượng thọ.

Phương pháp chuyển đoản mạng thành vô lượng thọ ở chỗ nào vậy?

Phương pháp chính ngay trên bộ kinh này. Lý luận, phương pháp, sự thật, chân tướng thấy đều ở trên bộ kinh này, cho nên bộ kinh này gọi là “Kinh Vô Lượng Thọ”.

Bạn muốn thọ mạng bạn được tự tại? Nếu như từ trên sự tướng mà nói thì bạn đem nghiệp lực chuyển biến thành nguyện lực thì tự tại, thì trường thọ rồi.

Người phạm phu sanh đến thế gian này là do nghiệp lực mà đến. Bạn đến cái thế gian này để làm việc gì? Bạn đến là để nhận quả báo, trong đời quá khứ tu thiện nghiệp, thì bạn đến để hưởng phước, còn trong đời quá khứ tạo ra nghiệp bất thiện, thì bạn đến để chịu tội. Cho nên Phật nói rất hay “*Nhân sanh trả nghiệp*”. Nếu bạn muốn hỏi con người vì sao phải đến thế gian này? Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ có bốn chữ này thì giải đáp được rõ ràng tường tận rằng bạn đến chỉ là để nhận và trả nghiệp báo mà trong đời quá khứ mà bạn đã tạo ra, bạn phải đến để làm việc này. Đến để làm việc này mà vẫn còn không trung thực, nên một mặt là thù đáp nghiệp báo cũ, một mặt lại tiếp tục tạo nghiệp mới, bạn nói xem làm sao được chứ? Nghiệp nhân quả báo chèn ép lẫn nhau, đời đời kiếp kiếp không hề ngừng dứt, liền tạo thành hiện tượng nhiều kiếp luân hồi.

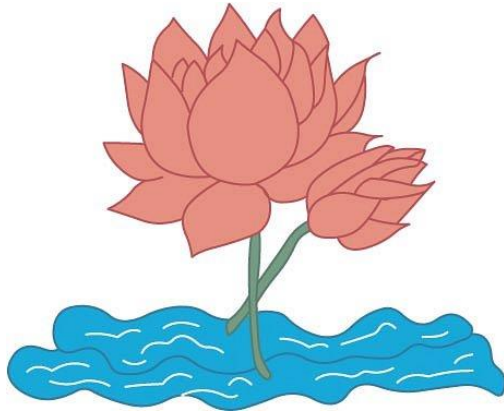
Cái hiện tượng này rất khổ, ai biết được? Phật biết được, cho nên ở trên “*Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện*” chư Phật Như Lai tán thán đối với Thích Ca Thế Tôn rằng Ngài có thể ở trong đời ác năm trược giáo hoá tất cả chúng sanh khổ nạn biết được pháp khổ vui, chính là nói ra sự việc này. Tình hình của

luân hồi như thế nào Phật Bồ Tát biết được một cách quá tường tận. Chúng ta thì mê ở ngay trong đó, tạo nghiệp rồi thọ báo, thọ báo rồi lại tạo nghiệp, ngày ngày làm những việc này, cho nên khổ không nói ra lời. Chúng ta ở ngay trong một đời này được xem là rất may mắn nên gặp được Phật pháp, gặp được pháp môn Đại thừa cứu cánh, liễu nghĩa, một đời nhất định vãng sanh bất thoái thành Phật, hi hữu không gì sánh bằng. Cho nên chỉ cần bạn có thể chuyển biến được ý niệm, tức là bạn đã đem nghiệp lực của bạn chuyển biến thành nguyện lực, vậy thì bạn chính là thừa nguyện tái sanh.

Cách chuyển từ Nghiệp lực sang Nguyện lực như thế nào vậy?

Trước khi chưa chuyển mỗi niệm vì ta, có ta, có nhà của ta, có quyền thuộc của ta, niệm niệm là vì ta, đó là nghiệp lực. Giờ đây bạn đem cái ý niệm này chuyển đổi lại, mỗi niệm vì tất cả chúng sanh, mỗi niệm vì Phật pháp cứu trụ thế gian thì cái ta không còn. Cái ý niệm này vừa chuyển đổi lại chính là thừa nguyện tái lai, cái sinh mạng nghiệp lực trước đây của chúng ta đã kết thúc một giai đoạn, sau đó là nguyện lực tái sanh, nguyện lực tái lai, vậy thì bạn ở cái thế gian này là tùy ý tự tại, bạn muốn ở bao lâu thì ở bấy lâu, không có chướng ngại, muốn lúc nào vãng sanh, muốn đến lúc nào thì đi được rồi, vì nguyện lực làm chủ, then chốt chính là cái ý niệm này.

Phàm thánh chỉ cách nhau ở một niệm, ở trong kinh giáo này Phật nói được rất hay “*Chúng sanh Phật khác biệt ở kẽ tóc*”, chính là chỉ cái ý niệm này, bạn chuyển đổi lại thì liền thành Phật, không chuyển đổi được thì vẫn là phàm phu thôi.



(VCD 058)

Đạo lý chuyển phàm thành thánh bạn hiểu được rồi, vậy thì tại vì sao bạn không chịu chuyển, tại vì sao bạn không làm được? Do tập khí quá nặng, đó là tập khí vọng tưởng, phân biệt, chấp trước từ vô lượng kiếp nó đang khống chế bạn.

Thế nhưng bạn phải nên biết cái tập khí này không phải là thật, vẫn là hư vọng, mà vọng thì quyết định có thể đoạn. Bồ Tát Mã Minh ở trong Khởi Tín Luận nói rất hay “*Bất giác vốn không*”, đã “vốn không” thì đương nhiên có thể đoạn, “*Bổn giác vốn có*”³¹, đã “vốn có” thì nhất định có thể hồi phục. Ý niệm bạn vừa chuyển đổi lại tức là bạn đã chuyển phàm thành thánh. Vậy thì tại vì sao bạn không chịu làm? Đó là ngu si, ngu si đến chỗ cùng tột, người ngu si không phải người nào khác mà chính là chính mình. Cho nên đối với kinh giáo của Như Lai, không thể không nỗ lực phụng hành 100%, nếu như có thể phụng hành 100%, thì bạn liền có thể viên mãn chuyển đổi lại nghiệp lực thành nguyện lực, thì bạn được mạng tự tại.

Cho nên trên quả địa Như Lai những cảnh giới này đối với chúng ta có đại thọ dụng. Vấn đề là phải lý giải thấu triệt đối với sự lý này, chúng ta mới chịu thật tin, mới chịu thật làm. Nếu bạn nói tôi tin rồi,

nhưng tôi làm không được, vậy thì cái tin đó là giả không phải là thật. Còn thật tin quyết định có thể làm được. Cho nên muốn biết lòng tin của bạn là ở mức độ nào, chỉ cần xem cách bạn làm, hành vi việc làm của bạn liền biết được tín tâm của bạn.

Mười loại Tự tại. (tiếp theo)

*Loại thứ hai: “**Tâm tự tại**”*

Loại thứ nhất là nói mạng, cái thứ hai thì nói tâm tự tại. Ngày nay chúng ta tâm không tự tại, phiền não rất nhiều, lo lắng rất nhiều. Còn tâm của Phật Bồ Tát thì tự tại, vì sao vậy? Phật Bồ Tát có trí tuệ, có phương tiện, các Ngài có thể điều phục phiền não, có thể trụ tam muội. Điều này thực tế ra mà nói chúng ta có thể học, nếu bạn chân thật muốn học. Bạn phải đem phiền não, lo lắng, vướng bận trong tâm thấy đều buông bỏ hết, để cho tâm của bạn trụ ở ngay trong niệm Phật Tam muội thì bạn liền được tự tại.

Trên thực tế Kim Cang Bát Nhã ngày trước chúng ta ở nơi đây đã giảng qua, ở cái hội này tôn giả Tu Bồ Đề thấy ra được chân tướng đời sống của Thích Ca Mâu Ni Phật, ông nhìn thấy được Phật vì sao tự tại đến như vậy, an vui đến như vậy. Ông thấy ra được cho nên ông cực lực tán thán đối với Thế Tôn. Thế là ông đến thỉnh giáo với Phật xem chúng ta những người tu hành này (người không tu hành thì

không nói) làm thế nào để hàng phục được tâm mình? An trụ tâm mình ở đâu? Đó chính là hai sự việc quan trọng nhất của người tu hành. Thứ nhất là làm thế nào “*Hàng phục được tâm mình*”? Cái tâm đó chính là vọng niệm, làm thế nào có thể hàng phục được những vọng niệm này? Đó là một vấn đề lớn. Thứ hai là “*Phải trụ tâm như thế nào?*” Tâm của mình phải an trụ ở chỗ nào?

Khi Tôn giả Tu Bồ Đề vừa hỏi Thế tôn thì liền dẫn khởi cái hội Kim Cang Bát Nhã này. Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói ra rất nhiều, vì Tu Bồ Đề mà nói. Tu Bồ Đề không phải là căn tánh nhất đẳng, Thích Ca Mâu Ni Phật dài dòng lời thôi nói ra một đồng, chúng ta nghe cũng nghe không hiểu.

Nếu như là người học Phật chúng ta đem vấn đề này hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật “*Làm thế nào hàng phục được tâm mình*”? Thích Ca Mâu Ni Phật nhất định sẽ chấp tay “**Nam Mô A Di Đà Phật**”. Bạn xem thật đơn giản, vấn đề gì cũng đều được giải quyết rồi. Chúng ta lại hỏi “*Phải nên trụ tâm như thế nào?*” Vẫn là “**A Di Đà Phật**”, trụ ngay trên câu “A Di Đà Phật” thì tốt rồi. Cao minh hơn rất nhiều so với “Kinh Kim Cang” chứ làm gì mà phải phiền phức đến như vậy? Đây gọi là pháp tối thượng thừa.

Cho nên Tu Bồ Đề không phải là người thượng

thừa, còn các vị mọi người là người thượng thừa. Tôi nói với mọi người đây là lời thật, đó chính là tâm tự tại. Chúng ta dùng phương pháp gì? Đó là đem lo lắng vọng tưởng, dính mắc của chúng ta, những thứ xen tạp này thả đều xả bỏ, một câu A Di Đà Phật thay thế nó.

Công phu niệm Phật dùng vào lúc nào vậy? Lúc khởi tâm động niệm, sáu căn chúng ta tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài, ý niệm vừa khởi, thì liền “A Di Đà Phật”, liền đem nó kéo đến A Di Đà Phật, đánh bật đi vọng niệm, đây chính là “Hàng phục tâm mình”. Mỗi niệm trong tâm có A Di Đà Phật, tâm của bạn liền trụ trên câu A Di Đà Phật, tâm trụ ở câu A Di Đà Phật thì làm gì mà không được thấy Phật chứ? Trên “Kinh Lăng Nghiêm” nói được rất hay “*Úc Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*”³².

Cho nên trong lòng không nên có thứ khác, hai đến sáu thời không nên có bất cứ thứ gì, vì sao vậy? Bao gồm tất cả ý niệm đều là nghiệp luân hồi. Bạn thử nghĩ xem từ sớm đến tối, bạn tạo ra nghiệp gì nhiều? Tạo ra nhiều nghiệp luân hồi, trong lòng của bạn có Phật được thời gian bao nhiêu, cho nên công phu của bạn không có lực. Muốn công phu có lực, tất cả thời gian mọi lúc mọi nơi, đối nhân xử thế tiếp vật, thả đều là A Di Đà Phật.

Nếu bạn không làm đến được như vậy thì phiền não của bạn lại đến, vì sao vậy? Xem thấy người kia đến tìm ta, rõ ràng là một người mà mình không ưa, làm cho tâm của ta loạn động lên, vậy thì bạn không biết dụng công. Người biết dụng công là thế nào? Là A Di Đà Phật đến rồi, con người đó chính là A Di Đà Phật, tâm của bạn biến họ thành A Di Đà Phật. Tướng tùy tâm chuyển, bên ngoài này là cảnh giới, bạn có năng lực đem họ chuyển biến thành A Di Đà Phật, họ chính là A Di Đà Phật, bạn xem chẳng phải bạn đã đối diện với A Di Đà Phật rồi sao? Người thiện là A Di Đà Phật, người ác cũng là A Di Đà Phật, thuận cảnh là A Di Đà Phật, nghịch cảnh vẫn là A Di Đà Phật, có vậy bạn mới vào được niệm Phật Tam Muội, bạn mới được tâm tự tại. Nếu bạn phân biệt đây là Phật, đó không phải là Phật, vậy thì bạn hỏng rồi, bạn làm sao có được tự tại? Đó là dạy bạn làm thế nào trải qua đời sống đại tự tại.

Loại thứ ba: “Đời sống vật chất tự tại”

Trong kinh văn nói “*Tự cụ tự tại*”. “*Tự cụ*” chính là trên mặt đời sống của chúng ta cần phải nhờ vào một số vật chất. Việc này thực tế mà nói cũng rất đơn giản. Khi xưa Thế Tôn còn ở đời, đời sống rất là đơn giản, ăn cơm thì nửa ngày ăn một bữa, ăn no thì được rồi, quần áo thì vải thô có thể che được thân thì được rồi, buổi tối ngủ nghỉ, có một chỗ nằm xuống nghỉ ngơi là được. Ngài trải qua đời sống mà ngày

nay chúng ta gọi là mức sống thấp nhất, đời sống vật chất Ngài được đại tự tại.

“*Tri túc thường lạc*”, trong lòng không có chút nào gánh nặng, cái tâm này chính là tâm lý rất khoẻ mạnh. Tâm lý khoẻ mạnh, sinh lý liền khoẻ mạnh nên thân Ngài khoẻ mạnh không bị bệnh. Ngày nay chúng ta tại vì sao bệnh nhiều đến như vậy? Tâm lý không khoẻ mạnh, đồ ăn thì không được sạch sẽ, nghi thần nghi quỷ, cái thứ này trong đó e rằng không được sạch sẽ, ăn rồi sẽ bị bệnh. Ý niệm của họ vừa nghĩ đến bệnh, chỗ này đau chỗ kia đau, quả nhiên bệnh liền đến.

Bệnh từ do đâu mà ra? Do nghĩ mà ra, vọng tưởng mà có. Người tâm lý khoẻ mạnh, ăn no rồi một niệm không khởi, cũng không biết đã ăn những thứ gì, cho nên thân thể của họ vĩnh viễn là khoẻ mạnh, là khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, họ làm sao mà không khoẻ mạnh chứ! Không có chọn lựa, không có một ý niệm vì chính mình, thân thể ư, thân thể này là vì chúng sanh phục vụ, là một công cụ vì chúng sanh phục vụ mà thôi, không liên quan gì với chính ta, chính mình lợi dụng cái công cụ này, vì tất cả chúng sanh phục vụ mà thôi, bạn nói xem họ tự tại an vui dường nào?

Cho nên người học Phật chúng ta, không luận tại gia xuất gia, không luận giàu sang bần tiện, nếu

như thật có đạo tâm mà nói, phải nên trải qua một mức đời sống rất bình thường, quyết không xa xỉ, quyết không cầu hào hoa, quyết không mong cầu nâng cao phẩm chất đời sống của chính mình, không mong cầu.

Bạn muốn trải qua đời sống vật chất tốt, Phật cũng sẽ không phản đối, tại vì sao sẽ không phản đối? Bởi vì Phật không có ý niệm, nếu như Phật phản đối bạn, thì Phật có phân biệt có chấp trước rồi. Cho nên Phật khuyên người, Phật không miễn cưỡng một người nào, tất cả mọi thứ, bạn chính mình xem thấy mà làm, cho nên tâm của Phật mới mãi mãi thanh tịnh. Nếu Phật rơi vào phân biệt chấp trước sẽ còn phiền não hơn so với chúng ta, chẳng phải Ngài đã quan tâm đến quá nhiều việc rồi? Ngài chỉ có khuyên cáo, quyết không miễn cưỡng bất cứ người nào, cho nên Ngài mới có thể được tâm tự tại. Việc này chúng ta phải nên học tập.

Trên đời sống vật chất được tự tại, chúng ta có dư thì phải nên giúp người khác, phước đức của bạn liền lớn, công đức cũng lớn. Bạn tu phước mà không chấp tướng, phước đức liền biến thành công đức, tu phước còn chấp tướng đó là phước đức không phải công đức. Chấp tướng là chấp tướng gì? Chấp ngã tướng, rằng “Ta có thể tu, ta đã làm rất nhiều việc tốt”. Vậy bạn tu là phước đức không phải là công

đức. Còn vô ngã tướng thì tất cả phước đức bạn đã tu đều biến thành công đức. Công đức có thể thoát sanh tử, có thể chứng bồ đề, còn phước đức thì không thể, khác biệt ở chỗ này rất là vi tế. Chính mình nhất định phải rõ ràng, nhất định phải tường tận. Bạn bố thí tài, tài dụng cả một đời của bạn quyết định không hề thiếu kém; Bạn bố thí cúng dường ăn uống thì bạn sẽ không thiếu ăn uống; Bạn bố thí quần áo thì cả đời bạn sẽ không thiếu hụt quần áo. Thông thường chúng ta nói cả đời, còn trong Phật pháp gọi là nhiều đời nhiều kiếp, bạn sẽ không hề thiếu kém. Phàm hề có thiếu kém đều là không chịu bố thí, không chịu trồng nhân thì làm gì có được quả báo?

Loại thứ tư: “Nghịệp tự tại”

“Nghịệp” là tạo tác, người thế gian chúng ta gọi là sự nghịệp. Bạn đã làm những việc gì, thì ngay khi tạo tác thì gọi là sự, sự việc làm xong rồi kết quả về sau thì gọi là nghịệp. Nghịệp rất phức tạp, Phật đem nó quy nạp thành ba loại “*Thiện nghịệp, ác nghịệp, vô ký nghịệp*”. Vô ký chính là không thiện không ác, thiện nghịệp thì có thiện quả, ác nghịệp có ác báo, còn vô ký là đọa ở ngay trong vô minh, đó là tạo nghịệp.

Còn “tạo tác” của Phật Bồ Tát thì sao? (chúng ta là tùy thuận theo cách nói của người thế gian), Phật Bồ Tát cũng tạo tác, tạo tác cũng có kết quả, cách nói

thế nào vậy? Gọi đó là tịnh nghiệp. “Tịnh” là thanh tịnh, quả báo của tịnh nghiệp ở trong sáu cõi thì không có, sáu cõi có quả báo của ba đường thiện, ba đường ác, nhưng không có quả báo của tịnh nghiệp. Cho nên quả báo của tịnh nghiệp là ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, không ở sáu cõi luân hồi.

Vậy thì chúng ta muốn tạo tác thì nhất định phải tạo tác tịnh nghiệp, đem ngay trong cuộc sống thường ngày của chúng ta bao gồm tất cả thiện nghiệp, ác nghiệp, vô ký nghiệp, thấy đều chuyển biến thành tịnh nghiệp. Nếu bạn có trí tuệ, nếu bạn có phương tiện khéo léo sẽ biết chuyển.

Trên “Kinh Lăng Nghiêm” nói bạn nếu có thể chuyển được cảnh giới thì đồng với Như Lai. Cũng có thể nói Bồ Tát cùng phàm phu không hề giống nhau, bản lĩnh của Bồ Tát biết chuyển, chúng sanh không biết chuyển, người có trí tuệ, có phương tiện họ sẽ biết chuyển, thấy đều chuyển thành tịnh nghiệp. Cách nói này của tôi mọi người nghe ra dễ hiểu, còn thuật ngữ trong Phật pháp gọi là “hồi hướng”. Hồi hướng không dễ hiểu! Các vị ngày ngày đọc kệ hồi hướng, hồi hướng như thế nào vậy? “Hồi hướng chúng sanh” “Hồi hướng thực tế”, “Hồi hướng Bồ Đề”.

Người có thể đọc ra được ba câu này thì không nhiều. Ba câu này là ý gì vậy? Người có thể nói ra được thì càng ít. Còn làm thế nào ở ngay trong cuộc

sống thường ngày, mỗi niệm đều có thể đem nó chuyển thành hồi hướng, người có thể làm được như vậy thì càng ít đi.

Cho nên bạn phải biết được cách chuyển, hồi hướng chính là chuyển biến. Ở ngay trong cuộc sống thường ngày, sự việc nhỏ nhất khởi tâm động niệm, chân thật là một sợi lông một hạt bụi một hạt cát một giọt nước, những việc không đáng nói cũng đều có thể chuyển biến được nó, thấy đều chuyển thành tịnh nghiệp, đó chính là bạn chân thật hiểu được hồi hướng. Bạn biết hồi hướng rồi, thấy đều chuyển thành tịnh nghiệp, đem phiền não chuyển thành Bồ Đề, đem sanh tử chuyển thành Niết bàn, chuyển nhiễm thành tịnh, chuyển tà thành chánh, chuyển vọng thành chân, chính ngay bạn biết chuyển.

Như vừa rồi mới nêu ra cho bạn một thí dụ, người ta đến tìm bạn, bạn hoan hỉ cung kính mà nhìn họ, vì họ chính là A Di Đà Phật, ta liền chuyển biến họ thành A Di Đà Phật, đó gọi là hồi hướng. Còn bạn vẫn đem họ xem thành chúng sanh, vẫn đem họ xem thành oan gia, vừa thấy thì liền tức giận, bạn thật không thể vượt qua? Vừa thấy thì phiền não liền khởi hiện hành, nghiệp chướng hiện tiền, lập tức liền đoạ lạc. Bạn vừa chuyển, vừa chuyển thì liền thành Phật, trong khoảng một niệm này.

Đại sư Ngẫu Ích nói rất hay “*Cảnh duyên*

không tốt xấu”. “Cảnh” là hoàn cảnh vật chất, “Duyên” là hoàn cảnh nhân sự, phải bình đẳng, quyết định không có tốt xấu. Tại sao vậy? Duy tâm sở hiện, tâm chính là pháp giới, tâm chính là Như Lai.

Cho nên tôi thường nói, tất cả người, tất cả vật, tất cả việc đều là thị hiện của Chư Phật Như Lai. Các vị nghe rồi không tin tưởng. Tôi nói lời thật, các vị không tin tưởng, còn nói lời giả thì các vị đều tin tưởng. Nói lời giả là “những chúng sanh này quá khứ đã tạo ra nghiệp, thiện nghiệp thiện báo, ác nghiệp ác báo”, thì bạn tin tưởng, đó là gì vậy? Là lời giả không phải chân thật, đó là tùy thuận chúng sanh mà nói. Còn nếu như tùy thuận Phật Bồ Tát đã nói thì không như vậy, son hà đại địa tất cả người, sự, vật, đều là chư Phật Bồ Tát thị hiện, đều là hoá thân của chư Phật Bồ Tát, thấy đều là báo thân của chư Phật Bồ Tát, thấy đều là pháp thân của chư Phật Bồ Tát. Đây là nói lời chân thật với bạn, nói thật thì bạn không tin tưởng, còn nếu bạn có thể tin tưởng, bạn đem cảnh giới chuyển đổi lại, chúc mừng bạn, bạn vào được pháp giới nhất chân rồi.

Thành Phật có gì khó đâu? Chỉ giữa một niệm, vạn pháp nhất như, vạn pháp bình đẳng, bao gồm tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước khói tan mây tán, không gì có được. Vấn đề chính là bạn có nhận biết rõ hay không? Bạn có thấy được rõ ràng hay

không? Bạn có thể chuyển đổi được hay không? Đó là thông thường chúng ta gọi là tạo nghiệp. Bạn nghiệp liền tự tại, vừa chuyển đổi lại thì tự tại.

Loại thứ năm: “Thọ sanh tự tại”

Cái này thì dễ hiểu, thị hiện thọ sanh, như Quán Thế Âm Bồ Tát đã nói, đáng dùng thân gì để độ thì Ngài liền hiện ra thân đó để độ. Thị hiện này có hai loại, một loại là ứng thân thị hiện, một loại là hoá thân thị hiện.

Ứng thân thị hiện thì phải đến đầu thai, phải ở thế gian này một thời gian tương đối dài, giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn, đó chính là ứng thân, thị hiện.

Hoá thân thị hiện là giúp cho một người, giúp số ít người, thời gian rất ngắn, như chúng ta xem thấy ở trong “Hư Vân Lão Hoà Thượng Niên Phở”. Lão Hoà Thượng bá Ngũ Đài, ba bước một lạy, đường dài xa thăm, nhẫn chịu đói lạnh, giữa đường bị bệnh, ở nơi hoang dã ai mà đến giúp cho Ngài, Ngài bị bệnh rồi. Vào lúc này Bồ Tát Văn Thù thị hiện, Bồ Tát Văn Thù biến thành một người ăn xin, dường như là cũng vừa lúc đi ngang qua nơi đó gặp được, xem thấy lão hoà thượng bị bệnh, chăm sóc cho Ngài, giúp đỡ cho Ngài, khi lão Hoà thượng bệnh được thuyên giảm hơn một chút, thì ông liền đi. Loại này gọi là hoá thân thị hiện.

Điều này chúng ta không dễ học được. Chúng ta không có cái năng lực này, thế nhưng chúng ta có cách tu học gần giống, có phương pháp tương tự. Thế gian có vô số những xã đoàn khác nhau, những hoàn cảnh nhân sự khác nhau, chúng ta ở một cái đoàn thể nào, phải nên dùng phương pháp của một đoàn thể đó để nói pháp, cũng xem là tùy loại thị hiện. Chính tôi cũng thường hay gặp phải những sự việc này, hoặc giả là chúng ta đi thăm viếng các tôn giáo khác, cũng có lúc các tôn giáo khác đến thăm viếng chúng ta. Thần phụ của Thiên Chúa Giáo, Mục Sư của Cơ Đốc Giáo, A-Hòng của X-Lam giáo, tôi đã từng gặp qua họ, khi tôi gặp họ, tôi liền chấp tay trước, khi họ đến thăm tôi, tôi liền gọi họ là Bồ Tát, không cần họ gọi tôi trước, tôi liền chấp tay hành lễ với họ trước, xem thấy Thần phụ Bồ Tát của Thiên Chúa Giáo, họ nhìn thấy tôi, tôi rất hoan hỉ cung kính hành lễ đối với họ, họ cũng rất là vui mừng. Tôi đều gọi họ là Bồ Tát. Họ hỏi:

- Tôi làm sao là Bồ Tát?

Tôi nói:

- Bạn chân thật là Bồ Tát.

Khi họ lại truy hỏi vì sao, tôi trả lời:

- Bồ Tát là một người có trí tuệ có giác ngộ,

bạn có phải vậy không? Không sai! Vậy thì bạn không phải thật là Bồ Tát hay sao? Làm gì là giả được chứ?

Đây cũng gọi là tùy loại hiện thân, tùy cơ nói pháp. Sau đó đem Phật pháp giới thiệu cho họ. Phật pháp có chướng ngại gì đối với tôn giáo của họ hay không? Không hề có chướng ngại. Phật giáo là trí tuệ, bạn tín ngưỡng tôn giáo của bạn, tín đồ tôn giáo của bạn có cần học trí tuệ hay không? Thượng Đế có phải mong muốn con cháu của ông mỗi mỗi đều là đầu óc ngu muội hay không, tôi tin tưởng ý Thượng Đế không phải như vậy, Thượng Đế Nhất định hy vọng con cái của Ngài rất thông minh, rất có trí tuệ. Vậy rất thông minh, rất có trí tuệ thì phải làm sao? Phải cùng học tập với vị thầy giáo Thích Ca Mâu Ni Phật này, đến học Thích Ca Mâu Ni Phật thì Phật là thầy giáo của bạn, còn Thượng Đế là cha của bạn. Không hề có xung đột, vấn đề này chẳng phải lập tức được giải quyết rồi hay sao? Dễ giải quyết, họ nghe rồi cũng rất hoan hỉ.

Cho nên khi thọ thân tự tại, chúng ta vận dụng nó ngay trong mỗi mỗi trường hợp khác nhau, chúng ta cũng có thể thị hiện các loại thân phận khác nhau, đến giúp đỡ những chúng sanh cần đến sự giúp đỡ, nên trong đây Phật pháp gọi là “*Thiện xảo phương tiện*”³³. “Phương” là phương pháp, “tiện” là rất thích hợp, cái phương pháp này dùng được rất thích hợp,

thì gọi là phương tiện; “Thiện” là gì vậy? Quyết không trái với nguyên lý nguyên tắc. Nguyên lý nguyên tắc nhất định phải nắm vững, cái nguyên lý nguyên tắc người thế gian gọi là chân lý, Phật pháp gọi là tánh đức, quyết định không trái với tánh đức trong tự tánh vốn đủ, đó gọi là thiện. Đương nhiên loại phương tiện khéo léo này cần phải có sự tu dưỡng tương đương. Sau đó bạn ở ngay trong cuộc sống thường ngày mới có thể làm đến được, làm được rất tự tại, làm được rất tự nhiên, không phải là làm bộ ra vẻ, làm được rất tự nhiên. Cho nên Phật pháp nhất định phải áp dụng ngay trong cuộc sống thường ngày, phải đem kinh giáo của Phật biến thành đời sống của chính mình.

Chúng ta người tu học Tịnh Độ, người đi theo A Di Đà Phật, đời sống của chúng ta phải giống với Phật A Di Đà. Vậy đời sống của A Di Đà Phật như thế nào? Trên Kinh Vô Lượng Thọ đã nói từng câu từng chữ chính là tình hình đời sống của A Di Đà Phật. Chúng ta phải thâm tín, chúng ta phải lý giải, phải làm đến được, vậy bạn chính là hoá thân của A Di Đà Phật, đó mới là đệ tử chân thật của A Di Đà Phật.

Loại thứ sáu: “Giải tự tại”

“Giải” là đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh bạn chân thật thấu hiểu lý giải, thì đây gọi là giải tự tại. Chỉ có chân thật lý giải bạn mới có thể nói, cái

nói ra đó gọi là vi diệu pháp.

Chúng ta nghĩ tưởng năm xưa Thế Tôn ở đời, vì tất cả chúng sanh giảng kinh nói pháp, trước khi giảng giải Thế Tôn có chuẩn bị hay không? Không có! Ở ngay trong đại hội mọi người đều muốn nghe lời giáo huấn của Thế Tôn, bốn chúng đồng tu đều có, không nhất định là một người nào nêu ra vấn đề gì để thỉnh giáo với Thế Tôn, câu hỏi muốn hỏi đều không hề nói trước với Thế Tôn, Thế Tôn cũng không hề chuẩn bị trước, tùy theo hỏi mà trả lời, các đệ tử ghi chép lại thì thành kinh điển, không có chuẩn bị. Ngài vì sao có được trí tuệ lớn đến như vậy? Tại vì sao có được năng lực lớn đến như vậy? Phật nói cho chúng ta biết, trí tuệ năng lực là trong tự tánh của chính chúng ta vốn sẵn có. Điều này Phật đã nói trong “Phẩm Xuất Hiện” của Kinh Hoa Nghiêm: *“Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng Như Lai”*.

Tất cả chúng sanh bao gồm chính chúng ta trong đó, “đức” chính là năng lực, “tướng” chính là tướng hảo, tất cả chúng sanh trí tuệ, năng lực, tướng hảo, không hề khác biệt với tất cả chư Phật. Cho nên tất cả chúng sanh vì sao lại không phải là Phật? Đều là Phật! Bạn thấy tất cả chúng sanh là thấy tất cả Phật, thật chính xác, không hề thấy sai. Tuy nhiên, ở trong đây xảy ra vấn đề đó là “chỉ bởi vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc”, không thể chứng đắc là bởi vì họ có vọng tưởng, phân biệt, chấp

trước nên họ không thể biết được họ chính mình là Phật, họ không hề biết được trí tuệ, năng lực, tướng hảo của chính họ giống y như chư Phật Như Lai, câu nói này chính là có cách nói như vậy.

Cho nên Phật giúp đỡ họ giác ngộ, giúp đỡ họ tường tận, đến một hôm nào đó họ bỗng nhiên tường tận rồi, bỗng nhiên khai ngộ “thì ra là như vậy”. Phật có độ chúng sanh hay không? Ngài không có độ, là họ chính mình ngộ ra, chính mình tường tận. Phật không có năng lực bảo họ tường tận, Phật chỉ có thể dạy, chỉ có thể khai thị, còn ngộ nhập là việc của chính chúng sanh, Phật không làm được.

Cho nên tất cả chúng sanh thành Phật là tự ngộ tự chứng, Phật không phải “công thần”: “*Độ vô lượng vô biên chúng sanh, thật là không có chúng sanh được độ*”. Lời Phật nói mỗi câu đều chân thật. Vậy ai độ bạn? Là chính mình độ chính mình! Phật chỉ là làm một tăng thượng duyên cho chúng ta mà thôi. Bạn xem thấy “thân nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên” đều là chính mình đầy đủ, Phật chỉ là làm tăng thượng duyên mà thôi.

Sau khi “Giải tự tại” bạn mới có thể vì tất cả chúng sanh ứng cơ nói pháp. Cho nên các vị học giảng kinh đương nhiên bước đầu công phu của các vị vẫn chưa vào được cảnh giới này, trí tuệ chưa khai mở nên các vị giảng kinh vẫn còn phải chuẩn bị, vẫn

rất khổ cực. Còn khi các vị vào được cái cảnh giới này rồi thì giảng kinh có cần phải chuẩn bị hay không? Không cần phải chuẩn bị, nhưng cũng không thể không chuẩn bị, phương pháp chuẩn bị để giảng kinh như thế nào vậy? Phương pháp chuẩn bị cũng hoàn toàn cũng giống như các vị, phương pháp chuẩn bị chính là niệm Phật, tâm chính mình cùng tâm Phật tương ưng, nguyện cùng nguyện của Phật tương ưng, đức cùng tương ưng với đức của Phật, hành tương ưng với hành của Phật. Đây là một cách chuẩn bị. Như vậy bạn là từ trong ngôn ngữ lưu xuất ra, tự nhiên liền tương ưng với kinh, vậy còn phải chuẩn bị làm gì chứ?

Thế nhưng nếu như bạn không chuyển đổi được cảnh giới, thì bạn không thể làm được nên bạn sẽ vẫn phải cần cù cố gắng mà chuẩn bị, và nếu bạn không vào được cảnh giới thì công tác chuẩn bị của bạn có làm cả đời cũng làm không xong. Vậy thì rất khổ, nên bạn cần phải hiểu được phương pháp, cái phương pháp này chính là y giáo tu hành, chân thật y giáo tu hành, với loại chuẩn bị kinh giáo này của bạn, theo tôi nhiều nhất là mười năm thì cữ khôi rồi. Nếu sau mười năm mà bạn còn phải chuẩn bị kinh giáo, thì nói cách khác là bạn không có tu hành, còn nếu bạn có tu hành thì hà tất phải chuẩn bị? Nếu bạn tu hành khi mở quyển kinh ra, “oh! thì ra đều là tâm hạnh của chính mình”. Tâm hạnh của chính mình thì làm gì có chuyện không thể nói ra chứ, đều tương ưng ở mọi

lúc. Việc này thông thường chúng ta gọi là “tứ vô ngại biện tài”. Vô ngại biện tài là do đâu mà có, đều là đức năng của tự tánh vốn đủ.

Loại thứ bảy: “Nguyện tự tại”

Cái điều này tôi thấy mọi người nghe rồi đều rất hoan hỷ, “Nguyện tự tại”. “Hữu cầu tắc ứng” thì cái nguyện này mới tự tại, còn nếu như cầu mà cầu không được, vậy thì không tự tại.

Tôi nhớ lại khi tôi vừa mới bắt đầu học Phật, thân cận đại sư Chương Gia, đại sư Chương Gia dạy cho tôi như vậy, ông nói với tôi: “*Phật thị môn trung hữu cầu tắc ứng*”.

Tôi nghe rồi rất hoan hỷ. Sau đó Ngài lại nói với tôi: “*Có lúc chú mong cầu cầu không có được cảm ứng, cầu không ứng, đó là nguyên nhân gì? Bởi vì chính bạn có nghiệp chướng, bạn cần phải tìm ra được nghiệp chướng của chính mình, tiêu trừ đi nghiệp chướng của bạn, thì cảm ứng liền hiện tiền*”.

Mấy câu nói này của đại sư Chương Gia, ngay trong một đời này của tôi được đại thọ dụng, hơn 40 năm đến nay rất có hiệu quả. Cho nên tôi tin tưởng sâu sắc không hoài nghi.

Có rất nhiều người, người niệm Phật, người học Phật, không tin tưởng đối với Phật Bồ Tát, cho là làm

gì có việc “Hữu cầu tất ứng? Làm gì mà đơn giản đến như vậy”, cho nên họ mỗi lần cầu luôn là không tương ứng, luôn là cầu không được, rồi khổ. Họ cho rằng làm gì có được “hữu cầu tất ứng”, nhưng họ không biết được là vì cái mong cầu của họ không đúng pháp. Cầu có đạo lý của cầu, có phương pháp của cầu, hiểu được đạo lý hiểu được phương pháp thì hữu cầu tất ứng.

Các đồng tu ở Singapore, nếu như các vị tử tử mà quan sát một chút, bạn cũng có thể có được chứng minh, đó chính là ở cái đạo tràng này cư sĩ Lý Mộc Nguyên không phải là “Hữu cầu tất ứng” hay sao? Toà lâu bên cạnh từ khi xây dựng, khi ông khởi lên mong cầu quả nhiên có ứng, đúng lý đúng pháp mà cầu. Bạn thấy ông mong cầu giảng đường, thì giảng đường liền có; Cầu Niệm Phật Đường thì Niệm Phật Đường liền có, ông mong cầu cái gì cũng đều có ứng.

Cầu như lý là cầu không vì chính mình, mà cầu vì chúng sanh. Bạn vì chính mình mà cầu thì không có cảm ứng, vì sao vậy? Phật Bồ Tát quyết định sẽ không giúp cho bạn tăng thêm Tham - Sân - Si, nếu để bạn tăng thêm Tham - Sân - Si vậy thì Phật Bồ Tát có lỗi với bạn, có lỗi với người. Nếu bạn cầu không vì chính mình, tức là không có Tham - Sân - Si, bạn vì Phật pháp trường tồn thế gian, Phật pháp là con mắt của trời người, bạn vì tất cả chúng sanh được độ, sự mong cầu này là chuẩn xác, cùng với chư Phật Bồ

Tát, cùng với Long thiên hộ pháp đồng tâm đồng nguyện thì họ làm sao mà không giúp đỡ bạn? Cho nên ở trong đây nếu chỉ có một ý niệm riêng tư tồn tại thì cầu không có cảm ứng, bạn cầu sẽ không được.

Có rất nhiều đồng tu đến nơi đây, từ rất nhiều quốc gia, khu vực, đến Singapore để tham học, khi gặp tôi họ đều yêu cầu tôi bỏ ra một ít thời gian đến chỗ của họ giảng kinh. Đến đó có được cảm ứng hay không? Không có cảm ứng. Do nguyên nhân gì? Họ vì tâm riêng tư của họ, vì thuận tiện cho họ, vì cái đạo tràng nhỏ đó của họ, cho nên họ không có được cảm ứng.

Ngày trước các vị đến tìm tôi, vừa tìm thì tôi lập tức đáp ứng, qua vài ngày thì đi rồi, bay nhảy bốn ba khắp nơi. Đó là do nguyên nhân gì? Vì lúc đó không có đạo tràng để cho tôi giảng kinh, không có chỗ, nên tôi đành phải đến khắp nơi kết pháp duyên, cũng là việc tốt, mục đích là đang kết pháp duyên. Hiện tại đã có một cái đạo tràng ở nơi đó giảng kinh rồi, nếu chạy lung tung nữa thì sai rồi, đặc biệt sai lầm. Cho nên khi chưa có đạo tràng thì được, có thể đi lại nhiều nơi, người mới học thì được, vì sơ học thì phải rộng kết pháp duyên. Cho nên pháp duyên của tôi rất thù thắng, chính là đã bốn ba mấy mươi năm, bốn ba khắp nơi để kết duyên với mọi người. Hiện tại có đạo tràng rồi, phải cố gắng nghiêm túc giảng một bộ kinh. Mọi người yêu cầu, đây là rất nhiều người yêu cầu từ rất nhiều năm đến nay đều yêu cầu tôi

giảng bộ “Kinh Hoa Nghiêm”. “Kinh Hoa Nghiêm” quá dài, không tìm được nơi chốn, không có hoàn cảnh an định. Hiện tại có được hoàn cảnh an định rồi, tôi phải đáp ứng nguyện vọng của mọi người, cố gắng ở nơi đây giảng một bộ kinh. Nếu các vị mời tôi nữa, thì đợi tôi giảng xong bộ kinh này, tôi sẽ đi dạo với các vị. Tiến độ giảng kinh giống như hiện tại vậy, hai giờ đồng hồ giảng hai ba câu. “Kinh Hoa Nghiêm” giảng cũng là như vậy, một bộ kinh lớn như vậy, tôi vốn dĩ dự tính 5 năm thì giảng xong, hiện tại tính thử lại xem, e rằng 15 năm cũng giảng chưa xong. Tôi cũng đã hỏi thử mọi người, mọi người đều thích cách giảng này, vậy thì không còn cách nào khác. Tôi hy vọng mọi người đều là Vô Lượng Thọ, tôi dần dần giảng cho xong bộ kinh này, đây là “Nguyện tự tại”. Có nguyện ắt thành.

Loại thứ tám: “Thần lực tự tại”

“Thần” là giảng “thần thông”: “Thông” là nói thông đạt, đối với tất cả pháp đều có thể thông đạt; “Thần” là thần kỳ siêu việt ngoài thường thức của người thông thường. Loại năng lực này đương nhiên là một người cần phải: Thứ nhất có công phu tu hành, phải khai mở trí tuệ; Thứ hai là phải học rộng nghe nhiều, phải thường hay tiếp xúc đối với tất cả người, sự, vật, bạn mới có thể hiểu rõ, mới có thể ứng phó được.

Thế nhưng khi sơ học thì không thể có được, vì

lúc mới học thì phải một môn thâm nhập. Vì sao vậy? Tương ưng định huệ của chính mình. Khi chính mình có được định rồi, định là có chủ tử, không thể bị cảnh giới bên ngoài dao động, đó là bạn có định, thì bạn có huệ rồi, vậy thì bạn có thể phân biệt rõ chân vọng, tà chánh, phải quấy, thiện ác, có năng lực phân biệt đó là huệ. Khi có được loại năng lực này, liền có thể học rộng nghe nhiều, thế xuất thế gian pháp đều phải lướt qua, đều phải xem qua, phải có sự nhận biết, thì chúng ta ở bên ngoài giảng kinh nói pháp, mới có thể giúp đỡ tất cả chúng sanh.

Giảng kinh nói pháp có rất nhiều người cố ý đến vấn nạn, đến gây phiền phức, nếu bạn có năng lực vì họ giải đáp, không những có thể hàng phục những người này, hơn nữa có thể hoá đạo những người này. Những người này đều rất tự phụ, tự cho là thông minh, thường hay đưa ra đề khó gây phiền phức cho pháp sư, làm cho pháp sư không xuống được giảng đài, họ ở bên dưới cười ngạo. Cho nên thường thức thông thường nhất định phải biết, sau đó bạn mới có thể được thần lực tự tại.

*Loại thứ chín là “**Pháp tự tại**”*

Pháp tự tại thông thường chỉ là biện tài, được đại biện tài, có thể rộng diễn vô lượng pháp môn.

Cái sau cùng, thứ 10: “Trí tự tại”

Bồ Tát trí huệ đầy đủ, có thể ở ngay trong một niệm triển hiện ra loại trí huệ, năng lực đại vô úy.

Mười loại này thấy đều đầy đủ mới gọi là “Tối thắng tự tại”. Tuy là ở nơi đây nói trên quả địa Như Lai tự tại tối thù thắng, nhưng chúng ta phải nên học tập, đem cảnh giới của Như Lai quả địa biến thành cảnh giới đời sống của chúng ta, thì chúng ta mới có thể được thọ dụng. Tuy là chúng ta không thể nào học được trình độ đó của họ, thì trình độ giảng thấp hơn cũng được, không thể nào học tập được viên mãn, thì học tập phần ít cũng được, vậy thì ở ngay trong cuộc sống thường ngày của chúng ta đích thực liền hiển được tự tại.

Tóm lại mà nói “*Nơi tất cả pháp mà được tối thắng tự tại*”, trong khoa chúng ta gọi là “*Giải thoát đức*”, ngay chỗ này ba đức đều hiển lộ ra cho chúng ta.

Các vị xem thấy ở trên kinh, phía trước “*Kỳ trí nan lượng*” là Bát Nhã đức, ngay chỗ này hiện rõ ra là giải thoát đức, trong Bát Nhã giải thoát liền hàm chứa có pháp thân tự tại.

Kinh văn sau cùng vẫn còn một câu, thế nhưng thời gian đã hết rồi, câu này để lần sau sẽ giảng tiếp.

A Di Đà Phật!

(VCD 059)

Tôn giả A Nan khái thỉnh (hiện tại chúng ta gọi là thỉnh pháp), Thế Tôn hứa khả đáp ứng vì ông giảng giải.

CHÁNH KINH: “A Nan đế thính, thiện tư niệm chi, ngô đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết.”

[Dịch nghĩa: A Nan nghe kỹ, khéo nghĩ nhớ lấy, ta sẽ vì ông phân biệt giải nói.]

Thứ nhất: **“A Nan đế thính”** [A Nan nghe kỹ]

Trước khi chưa giảng kinh, Thế Tôn đặc biệt dặn bảo ông “Đế thính”. “Đế thính” chính là nghe tỉ mỉ, chú tâm mà nghe.

Thứ hai: **“Thiện tư niệm chi”** [Khéo nghĩ nhớ lấy]

“Tư niệm” lại thêm một chữ “Thiện”. Trong đây liền có sự khác biệt rất lớn. Người thế gian thông thường “Tư niệm” (nhớ nghĩ) là dùng ý thức, ở đây thêm vào một chữ “thiện” là không dùng ý thức, vậy mới gọi là thiện.

Trong thiền tông nói lìa tâm ý thức mà “tham”, cho nên gọi là “tham cứu”, không gọi là nghiên cứu, nghiên cứu dùng tâm ý thức, tham cứu không dùng

tâm ý thức. Giáo hạ cũng không ngoại lệ. Cho nên ở trên kinh Phật dặn bảo những người đương cơ “*Thiện tư niệm chi*”, cũng là phải không dùng tâm ý thức, nếu bạn không lìa tâm ý thức, bạn sẽ không khai ngộ.

“Thiện tư niệm chi” ngay chỗ này chính là có chỗ ngộ, sau khi bạn nghe rồi, thể ngộ được cảnh giới mà Phật đã nói, không rơi vào trong phân biệt chấp trước, đó mới gọi là thiện tư niệm. Cho nên câu nói này vô cùng là quan trọng, nghiêm khắc mà nói khi nghe kinh phải là nghe như một câu này, không biết nghe thì “*Tư niệm chi*”, còn biết nghe thì “*Thiện tư niệm chi*”, khác biệt rất to lớn, chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý.

“Phân Tựa” đến chỗ này thì giảng xong. Kinh văn phía sau là “Phân Chánh tông” của quyển kinh. Ở ngay trong một đoạn lớn này, chúng ta đã dùng thời gian tương đối dài, đem cái “*Thông tựa, Biệt tựa*” của quyển kinh giảng nói. Hai phẩm phía đầu là thông tựa của bốn kinh, phẩm thứ ba là phân biệt tựa của bốn kinh. Biệt tựa cũng gọi là Phát khởi tựa, phát khởi chánh văn của toàn kinh. Thế là chúng ta rất rõ ràng thấy được ở trong văn tựa, phát khởi của kinh này là Tôn giả A Nan thưa hỏi, Thế Tôn vì ông mà nói. Trong lời tựa phát khởi, người xưa nói ở trong đây có 5 loại ý nghĩa:

Loại thứ nhất: Thế Tôn phóng quang hiện ra tướng lạ.

Đây cũng là để tăng cường tín tâm của chúng ta. Tu học Phật pháp then chốt của thành công là xây dựng ở trên nền tảng tín tâm. Đặc biệt là pháp môn Tịnh Độ.

Đại sư Ngẫu Ích giảng cho chúng ta nghe ba tư lương của Tịnh Độ, ba điều kiện này nếu chỉ thiếu một cũng không được, ba cái điều kiện này là “Tín - Nguyện - Hạnh”. Trong đây “Tín” là đứng đầu tiên, cho nên ở trong cái đoạn này đích thực ra là khiến cho chúng ta kiên định tín tâm. Tại vì sao phải kiên định tín tâm? Xem thấy Thế Tôn niệm A Di Đà Phật, được Di Đà và mười phương tất cả chư Phật Như Lai gia trì, ngày hôm nay sắc tướng Thế Tôn đặc biệt đẹp. A Nan tuy là thị giả của Phật, từ trước đến giờ chưa từng thấy qua sắc tướng Thế Tôn đẹp như ngày hôm nay.

Ngay chỗ này cũng chứng minh cho chúng ta một sự thật về “Tướng tùy tâm chuyển”, cho dù là Thích Ca Mâu Ni Phật cũng không ngoài lệ. Bạn thấy Ngài tướng A Di Đà Phật thì sắc tướng trang nghiêm không gì bằng, nếu Ngài không tướng A Di Đà Phật thì sắc tướng đó sẽ kém một chút, đó là rất rõ ràng. Vậy thì bạn mới biết được, nếu như chúng ta một

ngày từ sớm đến tối niệm Phật, cái dung mạo này dần dần niệm niệm sẽ giống như A Di Đà Phật vậy, đó là đạo lý nhất định, cho nên kiên định tín tâm của chúng ta.

Loại thứ hai: A Nan là đại biểu cho chúng ta, xem thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tướng hảo quang minh; A Nan sanh tâm hoan hỷ, liền bước ra thưa hỏi, thỉnh giáo.

Trong đây cũng lại có hai ý nghĩa.

Cái ý thứ nhất: Ngày nay Phật sắc tướng đặc biệt, nhất định là trong lòng có ý niệm đặc biệt, bởi vì cảnh tuỳ tâm chuyên mà Phật thường hay nói, A Nan và đại chúng đương nhiên đều rất quen thuộc.

Thân thể của chúng ta là một cảnh giới gần nhất trong cảnh giới của chúng ta, cho nên trong lòng của chúng ta có bất cứ ý niệm gì đều không thể giấu được người, đều hiện ra trên khuôn mặt chúng ta. Người tâm ý qua loa thì không thể nhìn ra, nhưng người tâm ý tỉ mỉ vừa nhìn thì sẽ rõ ràng. Đặc biệt là người tu hành, người tu hành có công phu thì sao mà không tường tận? Vừa nhìn thì hiểu rõ, thậm chí không cần nhìn chính người đó, chỉ cần nhìn tấm hình người đó mà bạn đưa mười tám hình cho họ xem. Họ xem trên tấm hình đó bạn khởi ý niệm gì lúc đó, còn tấm hình khác thì bạn khởi ý niệm gì lúc này,

trên khuôn mặt có thay đổi thì làm gì có thể giấu được người.

Cho nên Thế Tôn tâm nhất định “Trụ đặc kỳ pháp” [trụ pháp kỳ đặc] nên Ngài mới hiện ra là tướng đặc biệt.

Cái ý thứ hai: Vì vậy A Nan nghĩ Phật nhất định là đang niệm Phật. A Nan vì sao có thể hỏi được cái ý này? Đây không phải là người thông thường có thể hỏi ra được, nếu như chúng ta xem thấy Thích Ca Mâu Ni Phật hiện ra cái hiện tượng này thì nhiều nhất là trong lòng hoan hỉ, không thể nói ra được một câu nào. Từ ngay chỗ này mà thể hội, A Nan không phải là người thông thường, A Nan cũng là chư Phật Bồ Tát Pháp Thân Đại Sĩ thị hiện, các Ngài đến để hát xướng để biểu diễn, cái đạo lý này phải nên hiểu. Cái hội “Kinh Vô Lượng Thọ” cùng “Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm” không hề khác nhau, đều là chư Phật Như Lai, Pháp Thân Đại Sĩ đến biểu diễn, cho nên A Nan Ngài mới có thể hỏi ra được. Còn nếu như là chúng sanh trong mười pháp giới thì là căn tánh khác biệt với chư Phật Như Lai, rất khó không thể hiểu rõ được chân tướng sự thật thì làm sao có thể hỏi ra được chứ? Đây là cái ý thứ hai.

Loại thứ ba: Khi A Nan vừa hỏi, Thích Ca Mâu Ni Phật đặc biệt tán thán Ngài rằng “Khi ông vừa hỏi thì công đức không thể nghĩ bàn”.

Ồ trong đây Phật nói ra một câu rất là quan trọng, trong nói “*Đương lai nhất thiết hàm linh, giai nhân nhữ vấn, nhi đắc độ thoát*” [Vì trong tương lai, dân các cõi trời, tất cả hàm linh, nhân lời ông hỏi mà đặng độ thoát]. Câu nói này chúng ta quyết không thể xem thường lướt qua, câu nói này vô cùng là quan trọng, nói rõ một sự thật “Chúng sanh chín cõi mười phương ba đời, sẽ nhân pháp môn này mà được độ”.

Các vị tử tử mà nghĩ lại xem câu nói này. Tất cả pháp môn khác tuy nhiên có thể được độ, nhưng không thể nắm chắc, không dám khẳng định, chỉ có pháp môn này hoàn toàn khẳng định, một chút hoài nghi cũng không có, trừ khi những chúng sanh không có được cái phước vận này, không có cái duyên phận này, ngay đời này không thể gặp được, vậy thì không còn cách nào. Chỉ cần có duyên phận gặp được, không luận bạn thiện căn dày mỏng, chỉ cần bạn có thể tin, có thể nguyện, chịu niệm A Di Đà Phật thì bạn quyết định được sanh đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, ngay trong một đời quyết định thành Phật. Bạn thử nghĩ lại xem pháp môn này thù thắng cỡ nào.

Cho nên thời Tùy Đường đại đức xưa nói “Hoa Nghiêm” “Pháp Hoa” đều là chỉ đạo của kinh này. Câu nói này không hề quá đáng, nói câu này đích thực là người tái sanh nói, không phải là người tái sanh thì không thể nói ra được câu này.

Loại thứ tư: Phật lại nói với A Nan “Nhu Lai chi sở dĩ xuất thế, tựu thị vi liễu dục chứng quần minh, huệ dĩ chân thật chi lợi”³⁴.

“Huệ” là cho họ, “Quần minh” là đặc biệt là chỉ chúng sanh sáu cõi, nếu như mở rộng phạm vi này một chút là chúng sanh mười pháp giới. Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới đều chưa kiến tánh, tuy là ra khỏi sáu cõi. Phật làm gì để giúp đỡ họ? Cho họ lợi ích chân thật, lợi ích chân thật là gì vậy? Hồng danh sáu chữ, là “Kinh Vô Lượng Thọ”. Ngày nay chúng ta gọi là pháp bảo, pháp bảo vô lượng vô biên. Kinh này là pháp bảo đệ nhất, cho dù hiện tại còn có một số người không thể tiếp nhận bốn hội tập của Hạ Lão Cư Sĩ. Tại vì sao họ không thể tiếp nhận? Trong đây có hai nguyên nhân, một loại là trí tuệ không đủ nên không thể tiếp nhận; còn một loại là thành kiến quá sâu, tôn trọng nguyên bản dịch, xem thường bốn hội tập, đó là thành kiến quá sâu.

Chúng ta xem thấy trong “*Vãng sanh truyện*”, ban đầu là cư sĩ Vương Long Thu hội tập, cư sĩ Long Thu đứng mà vãng sanh, trong *Vãng sanh truyện* có chuyện về Ngài. Hội tập lần thứ hai là cư sĩ Ngụy Mặc Thâm, trong *vãng sanh truyện* cũng có Ngài. Ngay đến bản tiết hiệu của cư sĩ Bành Tế Thanh, trong *Vãng sanh truyện* cũng có ông. Cư sĩ Hạ Liên Cư là hội tập lần sau cùng này, trong “*Cận Đại Vãng*

sanh truyện” của pháp sư Khoan Luật có Ngài Hạ Liên Cư. Những người này thầy đều vãng sanh, đều đã ở thế giới Cực Lạc. Vậy bạn cực lực bài trừ phản đối, tương lai đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc gặp được ông ấy, thật là cảm thấy rất hồ thẹn, bạn nói xem xấu hổ biết chừng nào. Chỉ sợ là bạn đi không được, còn nếu thật có thể đi được thì khi gặp mặt thật là hồ thẹn, cho nên chúng ta nhất định phải rõ lý. Lão cư sĩ Mai Quang Hi đã viết một lời tựa dài đến như vậy, chính là hy vọng mọi người đều có thể tiếp nhận quyền hội tập này. Trong lời tựa nói rất hay, nói tương lai Phật pháp ở ngay sau 9 ngàn năm nữa, (nói là sau khi Phật pháp hoàn toàn diệt mất), bản kinh Kinh Vô Lượng Thọ này vẫn lưu truyền ở thế gian thêm 100 năm. Cụ Mai cho rằng tương lai quyền kinh Vô Lượng Thọ còn có thể lưu hành nhất định là quyền hội tập này.

Mọi người chúng ta có thể tin tưởng hay không? Còn tôi tin tưởng. Tôi dựa vào cái gì để tin tưởng? Rất nhiều quyền thầy đều mở ra trước mặt, cả chín nguyên bản dịch bày ra trước mắt, bạn chọn lựa cái quyền nào? Cái quyền này thì rất dễ đọc, cái quyền này thì rất dễ hiểu, bạn nhất định sẽ chọn quyền này, chỗ này chính là nói rõ cái quyền này tương lai lưu thông đến pháp diệt tận. Các quyền khác không tệ, cũng rất tốt, nhưng khi đọc thì không dễ đọc, đọc không được thuận miệng, ý nghĩa luôn là cảm thấy xa lạ, không được viên dung như chỗ này,

vừa xem thì liền hiểu rõ, trong khi chỗ này trong nguyên bản dịch thì không rõ nghĩa nên họ đều không có lấy, nhưng bản hội tập của Hạ lão lấy chỗ này để vào thì rất dễ hiểu, hơn nữa ý nghĩa rất hoàn chỉnh, đó là biên tập sắp xếp mới lại, tổng hợp mới lại, thật không dễ dàng. Hạ lão dùng thời gian mười năm, hoàn thành cái quyển hội tập này. Ngày nay ở Đại Lục có rất nhiều người đều tiếp nhận thọ trì đọc tụng cái quyển này, chúng ta xem thấy đều rất là hoan hỉ.

Loại thứ 5: Chư Phật Như Lai đều biết, cái pháp môn này là pháp khó tin ở thế gian, nên không phải là người thông thường nói, mà đó là Phật chính mình nói.

Cho nên Thế Tôn sau cùng tự mình nói ra: “*Như Lai chánh giác, kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại*” [Như Lai Chánh Giác, trí ấy khó lường, không có chướng ngại], “*Như lai định huệ, cứu sống vô cực, u pháp tự tại*” [Định huệ Như Lai, thông suốt rất ráo, được pháp tự tại].

Những lời nói này Thế Tôn chính mình nói ra, quyết không khoa trương, chúng ta vạn nhất không nên nghi hoặc, nếu như nghi hoặc thì cái lợi ích thù thắng không gì bằng để lỡ qua trước mặt, vậy thì thật đáng tiếc. Cho nên khi chúng ta xem thấy phát khởi ở trong kinh này thì đích thực là tăng thêm tín tâm của

chính chúng ta, tăng thêm nguyện tâm của chính chúng ta.

Trong “Di Đà yếu giải”, Đại sư Ngẫu Ích nói với chúng ta ở “Tín-Nguyện-Trì danh”, thì “trì danh” ở đây chính là “hành”, ba điều kiện này không thể thiếu một, còn việc xây dựng tín tâm xếp ở hàng thứ nhất.

Ở trong Phần Tựa kinh này, Phật liền nói ra trước³⁵ “*Khai hoá hiển thị chân thật chi tế*”³⁶. Câu nói này nếu dùng lời hiện đại mà nói chính là khai hoá hiển thị chân tướng của vũ trụ nhân sanh. “*Chân thật chi tế*” chính là chân tướng sự thật. Cho nên bộ kinh này liền có thể tin tưởng, tác dụng của bộ kinh này chính là “*Huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi*”[Ban cho lợi ích chân thật] đều nói ra ở trong Phần tựa, cho nên chúng ta phải nên tin tưởng vì những lời này mỗi câu mỗi chữ đều là lời vàng ngọc.

Chúng ta phải tỉ mỉ mà thể hội, Phần tựa quan trọng nhất là chân tín. Chúng ta ở ngay chỗ này xây dựng tín tâm, tuân theo giáo huấn của Phật. Phật bảo “A Nan lắng nghe”. A Nan là đại diện của chúng ta, trên thực tế chính là bảo chúng ta phải lắng nghe; “Thiện tư niệm chi” chính là bạn phải khéo thể hội, không dùng tâm ý thức, không cần phân biệt nó, càng không nên chấp trước nó, muốn bạn phải dụng tâm

mà thể hội, bạn mới có chỗ ngộ. Cái chỗ ngộ này sẽ giúp cho bạn nhìn thấu buông bỏ, giúp đỡ bạn một lòng chuyên niệm. Một lòng chuyên niệm chính là tu hành, không luận vào bất cứ lúc nào, không luận ở bất cứ trường hợp nào, trong lòng luôn chỉ là một câu A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra buông bỏ vạn duyên. Bạn nhất định phải nên biết, thiện duyên, ác duyên thế gian đều là một mảng không, không phải sự thật.

Trên Kinh Kim Cang nói được rất rõ ràng: *“Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng, nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh”*. Phân biệt mà còn không thể, thì làm sao có thể chấp trước? Lìa khỏi vọng tướng, phân biệt, chấp trước, chân tâm của bạn liền hiện tiền. Chân tâm là tâm Phật, chân tâm chính là bản tánh của bạn, nói chân tâm hiện tiền, chính là trong chân tâm bạn đầy đủ trí tuệ, đức tướng đều hiện bày, bạn mới chân thật được thọ dụng.

Cho nên ở trên kinh điển Thế Tôn nói mỗi câu mỗi chữ chúng ta phải đặc biệt lưu ý, trên kinh Phật không có một chữ nào là lời thừa. Cái đẹp của văn tự kinh điển là tổ chức kết cấu nghiêm mật. Các vị có thể thấy được rõ ràng ở trong “Khoa hội”³⁷, cái “Phán khoa”³⁸ này là ở khoá bồi dưỡng thứ hai chúng ta hướng dẫn cho các đồng tu, chúng ta cùng nhau chế định. Đương nhiên chúng ta không thể nói chúng ta

có thể phân được tốt nhất, đây chỉ là bước đầu nêu ra để mọi người cùng tham khảo.

Bạn thấy “Khoa phán” phân kinh của đại đức xưa, chú giải của mỗi một nhà, cách phân đều không như nhau. Cái quyển Kinh Vô Lượng Thọ này, vào thời trước có “Khoa phán” của Pháp sư Từ Chu. Pháp sư Từ Chu dùng là quyển hội tập của Hạ Lão, đó là quyển hội tập ban đầu. Vào lúc đó cái quyển này tổng cộng phân thành 37 phẩm, cho nên phán khoa của pháp sư Từ Chu là 37 phẩm. Về sau Hạ Lão đem cái quyển này tu sửa bổ sung cho quyển hội tập này đến mười lần, đem nó phân thành 48 phẩm. Theo thiết nghĩ của tôi, ban đầu ông phân nó thành 37 phẩm, đại khái là dùng “37 phẩm trợ đạo”, sau đó lại phân thành 48, đại khái là 48 nguyện của A Di Đà Phật, có thể là loại khái thị này.

Do đây có thể biết “Phán khoa” của một bộ kinh chính là phân đoạn. Phân đoạn lớn, đoạn vừa, đoạn nhỏ, tuyệt nhiên không phải là nhất định. Mỗi một người có cái cách nhìn của chính họ, nên họ đều có thể nói ra được một tràng đạo lý, vậy thì tốt, đó cũng là chứng minh pháp không có định pháp. Cái đạo lý này nhất định phải hiểu. Nhưng quan trọng nhất là phải hiểu được ý nghĩa của nó. Người xưa đã nói giáo lý giáo nghĩa, bạn phải có thể thông đạt giáo lý, thông đạt giáo nghĩa bạn mới có thể được thọ dụng. Đây là điểm ý nghĩa phía trước đã nói ngay chỗ

này tổng kết lại.

Bây giờ chúng ta lại xem tiếp một phẩm phía sau “Pháp Tạng Nhân Đại Đệ Tứ”.

PHẨM THỨ TƯ PHÁP TẶNG NHÂN ĐỊA

CHÁNH KINH: “Phật cáo A Nan: Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp. Thời vị chư thiên cấp thế nhân dân thuyết kinh, giảng đạo.”

[Dịch nghĩa: Phật bảo A Nan: Vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô ương số kiếp trong quá khứ có Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn trụ thế giáo hóa trong bốn mươi hai kiếp. Khi ấy, đức Phật vì chư thiên và người đời nói kinh giảng đạo.]

Phần Chánh tông mở đầu trong “Khoa phán” nói với chúng ta từ Phẩm thứ 4 đến Phẩm 42. Cái đoạn lớn

này là Phần Chánh tông của bốn kinh, chánh thuyết của bốn kinh. Cái phần này chánh thức vì mọi người giới thiệu Y Chánh Trang Nghiêm của Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, nói rõ nhân hạnh của A Di Đà Phật, tu hành của nhân địa, giới thiệu hồng nguyện của A Di Đà Phật. Giới thiệu Y Chánh Trang Nghiêm của Thế Giới Tây Phương Cực Lạc. Đây là giới thiệu hoàn cảnh, hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất.

Sau khi giới thiệu rồi lại nói rõ cho chúng ta Chánh nhân của ba bậc vãng sanh. Mọi người đều biết rõ “Ba bậc chín phẩm” của Thế Giới Cực Lạc, vậy họ làm thế nào để tu học? Làm thế nào vãng sanh? Việc này vô cùng quan trọng.

Sau đó lại giới thiệu cho chúng ta người của Thế Giới Tây Phương Cực Lạc và tình hình đời sống của họ ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Làm thế nào tu hành chứng quả, những việc này đều là những vấn đề mà chúng ta rất quan tâm.

Sau khi giới thiệu những việc này rồi, Thế Tôn vì chúng ta nói ra Thế Giới Tây Phương Cực Lạc vẫn còn một hiện tượng đặc biệt là “*Biên địa nghi thành*”³⁹. Thực tế ra mà nói, vãng sanh Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, sanh đến biên địa nghi thành cũng không tệ, vì đây không phải còn sáu cõi luân hồi, cũng ra khỏi được sáu cõi, cũng ra khỏi được mười

pháp giới, chẳng qua đến Thế Giới Tây Phương Cực Lạc là ở “Biên địa nghi thành”. Ở đây bạn nhất thời vẫn không thấy được Phật, vẫn không cách gì nghe Phật giảng kinh nói pháp, không thấy được các Đại Bồ Tát, pháp hội trang nghiêm bạn không thấy được, cho nên gọi là biên địa. Thực ra không phải thật là biên địa, biên địa đều là tỉ dụ, bởi vì bạn không thấy được Phật cho nên gọi thai sanh. Thai sanh cũng là tỉ dụ, trên thực tế đều là do hoa sen hoá sanh làm gì có thai sanh. Thai sanh khổ, ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc không thấy được Phật, không thể nghe Phật nói pháp, vậy thì rất khổ, đó là do nguyên nhân gì? Ở ngay đây Phật cũng vì chúng ta giới thiệu ra nguyên nhân gì. Tuy nhiên, mọi người yên tâm, biên địa nghi thành nhiều nhất cũng không quá 500 năm, 500 năm là 500 năm của nhân gian chúng ta, không phải nói Thế Giới Cực Lạc. Đại khái chừng 500 năm ở nhân gian, thời gian dài như vậy, bạn không thể nghe được pháp, không thể thấy được Phật. Thực tế mà nói chúng ta ở thế gian này với thời gian này 500 năm thấy rất lâu rất dài, bởi vì thọ mạng của con người rất ngắn, còn 500 năm ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thì không tính bao lâu, thời gian đó không dài, vì người người đều là vô lượng thọ, 500 năm cũng chẳng qua là mười ngày hay nửa tháng, nhiều nhất là như vậy mà thôi. Ngay dù có như vậy, Phật cũng là không mong muốn chúng ta ở biên địa nghi thành, Phật luôn là hy vọng chúng ta, vừa đến Thế Giới Tây

Phương Cự Lạc thì liền thấy được A Di Đà Phật.

Cho nên Phật từ bi đến tột đỉnh nên sau cùng Phật đặc biệt nhắc nhở chúng ta, cảnh cáo chúng ta, cái thế gian này rất khổ, đời ác năm trược. “Trược” chính là ô nhiễm, cái thế gian này ô nhiễm nghiêm trọng. Nếu như Phật không hết lời khuyên bảo nhắc nhở chúng ta, thành thật mà nói chúng ta ở ngay trong ô nhiễm mà quên mất đi chính mình bị ô nhiễm. Nhưng khi mở quyển kinh ra mỗi khi đọc qua một lần thì chính là Thế Tôn nhắc nhở chúng ta một lần rằng nơi đây bạn còn có thể ở hay sao? Ở nơi mà tâm lý bị ô nhiễm, tinh thần bị ô nhiễm, tư tưởng bị ô nhiễm, kiến giải bị ô nhiễm, thậm chí sinh lý bị ô nhiễm, hoàn cảnh đời sống bị ô nhiễm đều đạt đến chỗ cùng tột. Thân tâm ô nhiễm, cho nên cái thân này nhiều bệnh. Bạn thấy thế gian này nhiều thứ bệnh kỳ quái, từ trước chưa từng nghe nói qua. Tại vì sao nhiều bệnh đến như vậy? Do ô nhiễm, tâm lý bệnh rồi, thần kinh không bình thường, sinh lý bệnh rồi. Hiện tại có người nói địa cầu bệnh rồi, vậy thì phiền phức lớn rồi. Đây là nói rõ ác khổ đạt đến cùng tột, cùng Thế Giới Tây Phương Cự Lạc làm một sự so sánh, chúng ta gọi nó là Cự Lạc, ở nơi đây thì cực khổ, hai thế giới đối nhau rất rõ ràng, những giới thiệu khai thị quan trọng này đều ở cái đoạn này.

Đoạn kinh văn này là cương lĩnh quan trọng nhất mà Tịnh Độ tông nương tựa tu học, văn tự tuy là

không quá nhiều, nhưng giới thiệu được rất rõ ràng, cho nên người xưa đem bộ kinh này xem thành đệ nhất kinh của Tịnh Độ là có đạo lý.

Trong đây lại phân làm 2 đoạn lớn:

Đoạn thứ nhất: “Chánh thuyết nhân địa”. Là giới thiệu tình hình nhân địa tu học của A Di Đà Phật. Chỗ này rất đáng được chúng ta tham khảo, trong kinh vẫn là từ Phẩm thứ tư đến Phẩm thứ tám. Ở ngay chỗ này phương pháp của chúng ta không giống như phương pháp của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta đem “Di Đà Nhân Địa” từ Phẩm thứ 4 đến Phẩm thứ 8. Kinh vẫn này phía sau các vị có thể xem thấy được.

Đoạn lớn thứ hai: “Quả đức viên mãn”. Là từ Phẩm thứ 9 đến Phẩm 12. Chúng ta phân từ ngay chỗ này.

Trong đoạn thứ nhất “Chánh thuyết nhân địa” lại phân làm hai đoạn nhỏ. Thứ nhất “Tại gia văn pháp”, đây chính là phẩm thứ tư “Pháp Tạng nhân địa đệ tứ”, nói rõ nhân duyên Ngài phát tâm học Phật. Bây giờ chúng ta có thể xem kinh văn.

Thứ nhất: “**Phật cáo A Nan**” [Phật bảo A Nan]

Là Thích Ca Mâu Ni Phật nói với A Nan.

Thứ hai: **“Quá khứ vô lượng bất khả tư nghì, vô ương số kiếp”** [Vô lượng chẳng thể nghĩ bàn vô ương số kiếp]

Là quá khứ vô lượng không thể nghĩ bàn. “Vô ương số kiếp”: Câu này là nói thời gian, thời gian này nói ra thì rất dài, quá khứ lâu xa về trước, “Vô ương số” cũng là không cách gì tính đếm. Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra, trong lời nói có lời, A Di Đà Phật thành Phật đến ngày nay mới có mười kiếp, vậy thì vì sao nói “Bất khả tư nghì vô ương số kiếp”? Nhiều nhất là nói quá khứ mười một kiếp, quá khứ mười hai kiếp, xem như thời gian A Di Đà Phật tu hành đã dùng hết 5 kiếp, thành Phật đến hiện nay là mười kiếp, là mười lăm kiếp về trước, hoặc giả là 16 kiếp thì chúng ta nghe qua còn hợp lý, vì sao đột nhiên lại nói đến vô lượng vô biên vô số ức kiếp? Làm cho mình bị mê hoặc điên đảo.

Cái ý này là nói rõ A Di Đà Phật nhân địa sớm đã thành Phật rồi, lần này ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc thị hiện thành Phật, cũng giống như Thích Ca Mâu Ni Phật 3.000 năm trước ở thế gian này của chúng ta thị tám tướng thành đạo. Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật lúc nào vậy? Ngài đã nói qua trên Kinh Pháp Hoa rằng Ngài cũng là sớm thành Phật từ vô lượng kiếp, đến thế gian này thị hiện thành Phật giáo hoá chúng sanh. Các vị đọc “Kinh Phạm Võng” sẽ thấy, Phật nói lần này là lần thứ 8.000, vậy thì

không phải Thích Ca Mâu Ni Phật 3.000 năm trước làm một vương tử xuất gia tu hành mới thành Phật, chẳng qua đó là biểu diễn cho bạn xem thôi, mà Ngài nhiều kiếp xa đã sớm thành Phật, đó là lần biểu diễn thứ 8.000.

Cho nên ý nghĩa trong câu nói này nhiều, A Di Đà Phật ở Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, thị hiện ở Tây Phương, xây dựng Thế Giới Cực Lạc, độ hoá tất cả chúng sanh, cũng là thị hiện, chúng ta phải hiểu rõ cái ý nghĩa này.

Thứ ba: **“Hữu Phật xuất thế, danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai”** [Trong quá khứ có Phật xuất thế hiệu là Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai]

Đây là nói vào lúc đó, có Phật xuất thế “Danh Thế Gian Tự Tại Vương”. Thế Gian Tự Tại Vương là Phật hiệu danh hiệu của Phật, gọi là Thế Gian Tự Tại Vương.

“Tự tại” chỗ này thì không cần nói nhiều, phía trước cùng với các vị dùng mười tự tại trên “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói qua, đã giới thiệu qua với các vị rồi. Chư Phật Bồ Tát không có danh hiệu, vậy danh hiệu làm thế nào mà kiến lập? Là vì thuận tiện giáo hoá chúng sanh mà kiến lập, hay nói cách khác danh hiệu chính là tông chỉ giáo hoá ở một khu vực trong một giai đoạn. Vì sao phải kiến lập tông chỉ? Từ do

đâu mà có? Là do chúng sanh ở một khu vực này, họ có những tâm bệnh gì, phải dùng phương pháp gì để thay đổi những tâm bệnh này. Ví như Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, vì sao Ngài không gọi là Thế Gian Tự Tại Vương mà gọi là Thích Ca Mâu Ni Phật? Xin nói với các vị, nếu Thế Gian Tự Tại Vương Phật muốn đến thế gian này của chúng ta, thì Ngài cũng gọi là Thích Ca Mâu Ni Phật. Còn Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, muốn đến thế gian đó của Ngài thì cũng gọi là Thế Gian Tự Tại Vương. Các vị nhất định phải hiểu rõ cái đạo lý này.

Tại vì sao Phật ở thế gian này xưng là Thích Ca Mâu Ni?

Cái bệnh lớn thứ nhất: Bởi vì chúng sanh của thế gian này thiếu kém tâm từ bi, tự tư tự lợi, Phật muốn đem tâm bệnh của chúng sanh tu sửa lại, thì phải thiết lập tông chỉ giáo học. Cái tông chỉ này là “Thích Ca”. Thích Ca là tiếng Phạn, dịch thành ý Trung văn là “Năng Nhân”, là nhân từ. Chúng ta không có tâm nhân từ, thiếu kém nhân từ, cho nên Thích Ca hai chữ này chính là Nhân từ, đề xướng nhân từ.

Cái bệnh lớn thứ hai: Chúng sanh ở thế gian này tâm không thanh tịnh, vọng tưởng tạp niệm quá nhiều, cho nên trong danh hiệu có chữ “Mâu Ni”. Mâu Ni dịch thành ý nghĩa Trung Văn là “Tịch Diệt”: “Tịch” là ý nghĩa tịch tịnh thanh tịnh, “Diệt” là diệt

tất cả vọng tưởng tạp niệm.

Cho nên danh hiệu của Phật là nhằm bệnh căn của chúng sanh vào thời này chốn này mà xây dựng. Cho nên bạn xem danh hiệu của Phật Bồ Tát, liền biết được Ngài độ là loại chúng sanh nào, cái danh hiệu này nó liền khởi tác dụng. Cũng giống như thầy thuốc đưa ra phương thuốc, thuốc đến thì bệnh khỏi, ý nghĩa ở ngay chỗ này.

Thế là ngày nay chúng ta ở ngay đây xem thấy Thế Gian Tự Tại Vương, nghĩ lại những chúng sanh ở thời đại đó của Ngài, đại khái là bị những tâm bệnh gì? Nhất định rất là bảo thủ, rất là chấp trước, cho nên Phật phải dùng phương pháp này để giúp đỡ cho họ, phá trừ quan niệm bảo thủ của họ, đả phá vọng niệm chấp trước của họ, dùng cái danh hiệu như vậy. “Tự Tại” lại thêm vào chữ “Vương”, vương cũng là ý của tự tại, đặc biệt cường điệu tự tại, đây là biệt hiệu của Phật, biệt hiệu đều là vì chúng sanh mà kiến lập.

Danh hiệu của Bồ Tát cũng là vì độ chúng sanh mà kiến lập, chỗ này các vị đồng tu nhất định phải biết. Cho nên danh hiệu công đức không thể nghĩ bàn, đó là biểu pháp.

Người xưa đối với việc đặt tên cho con cái đều là rất có ý nghĩa, cái ý nghĩa này đều rất sâu. Cho nên chúng ta đọc được ở trong “Lễ ký” thấy tên một

người là cha mẹ ban cho bạn cái mệnh, một con người ở ngay trong một đời, bạn muốn thay đổi tên của mình là đại bất hiếu. “Tự” thì có thể thay đổi, “Danh” cùng “Tự” là hai tên, tự thì có thể thay đổi. Vì sao vậy? Không phải cha mẹ mệnh danh cho bạn, mà “Tự” là vào khi bạn thành niên, bạn đồng lứa của bạn tặng cho bạn. Thế nhưng hiện tại cái tự này phần nhiều là chính mình ưa thích dùng tên gì thì dùng tên đó. Trong lễ xưa là bạn tặng cho anh em đồng lứa của bạn, đồng học bạn bè tặng cho bạn, chỗ này gọi là tự. “Danh” sau khi trưởng thành thì không có người nào gọi đến danh của bạn, gọi đến danh của bạn, đó là rất không cung kính đối với bạn. Con trai 20 tuổi đội mũ lễ thành niên, đội mũ lễ là gì vậy? Là đội nón, khi đội cái nón này là người lớn rồi không còn là trẻ nhỏ nữa, phải tôn trọng đối với họ, phải có lễ, gọi tự không gọi tên. Con gái 16 tuổi trưởng thành, chải tóc, cũng phải tôn trọng đối với cô ấy, cũng là gọi tự không gọi tên. Ngay trong một đời gọi tên chỉ có hai người, việc này phải nên biết, người thứ nhất là cha mẹ, cha mẹ cả đời gọi tên của bạn, người thứ hai là thầy giáo, thầy giáo cả đời gọi tên bạn. Cho dù bạn làm quan ở triều đình, ngay đến Hoàng Đế cũng tôn trọng đối với bạn, không gọi tên của bạn, cũng chỉ gọi tự của bạn. Nếu như Hoàng Đế gọi tên của bạn, thì bạn có tội rồi, bạn phạm pháp rồi, phạm tội rồi, vậy thì gọi tên bạn.

(VCD 060)

Mãi đến hiện tại danh hiệu ở trong nhà Phật vẫn còn tuân thủ cái nguyên tắc này. Thế nhưng trong thế pháp đã xảy ra thay đổi rất lớn, những việc này chúng ta không cần bàn luận đến, biết được một chút thường thức thì tốt rồi. Phía sau đó là thông hiệu từ “Nhu Lai” đến “Phật Thế Tôn”.

Thứ tư: **“Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế gian giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn”** [Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn]

Đây là thông hiệu, mỗi một vị Phật đều có mười hiệu chung này. Cái hiệu chung này là ý nghĩa gì vậy? Chúng ta cần phải hiểu được, đây hoàn toàn là lưu xuất từ tánh đức, đây là tên của tánh đức. Xã hội có một số người không cầu hiểu sâu, nói đến Phật dường như họ hiểu được rất nhiều, Phật Như Lai là lớn nhất trong các Phật, nói lời này là không hiểu gì. Phật Như Lai lớn nhất, đại khái thấy nhiều trong “Tây Du ký”, Tôn Ngộ Không bản lĩnh như vậy cũng không vượt khỏi bàn tay của Phật Như Lai, họ đã

hiều sai đi ý nghĩa. Cho nên Như Lai là tên chung của Phật, mỗi một vị Phật đều có mười hiệu, đầy đủ mười hiệu vậy mới gọi là Phật.

Đức hiệu thứ nhất: “Như Lai”

“Như” là ý nghĩa gì vậy? “Như” là chân như, chân như chính là chân tâm, chính là bản tánh, có ai mà không có? Tất cả chúng sanh mỗi mỗi đều có đầy đủ, tuy có mà hiện tại bị mê rồi, mê mất không phải thật đã mất đi, là mê mất. Vậy muốn hỏi bạn chân như của bạn có khởi tác dụng hay không? Khởi tác dụng! Tuy là khởi tác dụng nhưng bạn chính mình không hề biết, vậy lúc nào thì khởi tác dụng? Khi khởi tâm động niệm cái niệm thứ nhất, cái niệm thứ nhất là chân tâm, cái niệm thứ nhất là như như, cái niệm thứ nhất là Phật tri, Phật kiến. Tâm bệnh của phàm phu ở chỗ nào vậy? Không thể giữ được cái niệm đầu tiên, nếu như có thể giữ được cái niệm đầu tiên, con người này liền thành Phật, thì gọi là Phật, thì gọi là Như Lai. Phàm phu cái niệm thứ nhất rất ngắn, một sát na.

Cái niệm thứ hai thì liền rơi vào trong ý thức, cái niệm thứ hai là gì vậy? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều khởi lên, vậy thì liền biến thành phàm phu.

Thí dụ chúng ta mở mắt nhìn thấy tất cả đại

chúng, bạn vẫn chưa có phân biệt, vẫn chưa có chấp trước, vẫn chưa khởi vọng tưởng, tâm địa bạn rất thanh tịnh, thấy được rất rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, là Phật tri Phật kiến, đó là kiến tánh, kiến sắc tánh.

Thế nhưng cái niệm thứ hai thì phiền phức rồi, đây là Trương Tam kia là Lý Tứ, con người này là người tốt, người kia là người xấu, thì phiền phức lớn rồi, hoàn toàn rơi vào trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bỗng chốc liền rơi xuống phàm phu. Đến lúc nào mà bạn có thể giữ cho cái niệm đầu tiên này không thay đổi thì bạn liền thành công.

Trong nhà Phật nói rất nhiều phương pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, nói ra hết chỉ là một sự việc làm thế nào giữ được cái niệm đầu tiên này không thay đổi, chỗ này gọi là nhất niệm, Tịnh Độ tông chúng ta gọi là nhất tâm. Ý niệm mới vừa khởi, hai tâm ba tâm liền biến thành nhiều tâm. Hai tâm, ba tâm, nhiều tâm là phàm phu, cái ý niệm đó vọng tưởng càng nhiều càng đáng lo, càng nhiều càng hướng xuống đọa lạc. Cho nên trong tất cả pháp môn, pháp môn niệm Phật là thù thắng nhất, một ngày từ sớm đến tối không có ý niệm nào khác, khởi tâm động niệm A Di Đà Phật.

Tôi dạy mọi người câu Phật hiệu này làm thế nào niệm được có lực? Bạn phải xem tất cả mọi

người đều là A Di Đà Phật, thì niệm Phật của bạn mới có thể niệm được tốt, công phu mới được có lực, không cần phải thấy đây là Trương Tam kia là Lý Tứ, vậy thì phiền, đây là A Di Đà Phật, kia là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật thấy đều là A Di Đà Phật. Bạn xem bạn vĩnh viễn là A Di Đà Phật, bạn liền thành Phật rồi, không chỉ tất cả mọi người là A Di Đà Phật, tất cả mọi vật cũng là A Di Đà Phật, tất cả mọi việc cũng là A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật thì không có bất cứ thứ gì, đều là A Di Đà Phật biến hoá ra hết.

Bạn xem Thế Giới Tây Phương Cực Lạc, “bảo thọ” (cây báu) thành hàng, các chim nói pháp. Bảo thọ, các chim đều là A Di Đà Phật biến hoá ra. Thế Giới Tây Phương như vậy, vậy thế giới trước mắt này của chúng ta không là như vậy hay sao? Cũng là như vậy, chẳng qua chỉ là bạn chính mình không chịu thừa nhận, bạn nhất định phải vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, vậy thì còn cách nào đâu? Cho nên làm thế nào chuyển đổi được cảnh giới, then chốt chính ngay chỗ này.

Hôm nay Phật thất viên mãn, thời gian đi qua rất nhanh, các vị từ hải ngoại các nơi đến nơi đây, ở nơi đây niệm Phật bảy ngày, thiết nghĩ mọi người cũng có cảm giác đến nơi đây niệm Phật rất thù thắng. Kỳ thật tôi xin nói với các vị, bảy ngày Phật thất này, các vị ở nơi đây niệm Phật, tình hình này vẫn là không bằng bình thường chúng ta niệm Phật ở

nơi đây nên tôi không hề bước vào Niệm Phật Đường. Vì sao Niệm Phật Đường trong những ngày Phật thất này tình hình lại không bằng ngày thường ở đây niệm Phật? Tôi biết rất rõ ràng do nguyên nhân gì?

Chúng ta bình thường niệm Phật, từ thứ hai đến thứ năm, sáng sớm mỗi ngày 6 giờ sáng thức dậy đến 6 giờ tối, niệm 12 giờ đồng hồ, tổng cộng là 60 giờ niệm Phật trong 5 ngày này, nhưng riêng từ thứ bảy đến chủ nhật, hai ngày này niệm 36 tiếng đồng hồ. Như vậy một tuần lễ chúng ta niệm Phật 96 giờ đồng hồ, nên tâm của mọi người là bình lặng. Chúng ta gọi là sóng tư tưởng, bức sóng động đó không lớn, rất gần với mức độ trung bình, cho nên cái đạo tràng này cùng các đạo tràng khác là không như nhau, đạo tràng này thù thắng không gì bằng.

Các vị từ nơi hải ngoại đến, bình thường không có loại huấn luyện này, khi vừa đến hơn 160 người, mỗi một người sóng tư tưởng cao thấp đều không như nhau, cho nên khi họ bước vào Niệm Phật Đường, đương nhiên làm cho Niệm Phật Đường sẽ loạn lên. Cho nên đồng tu ở bản địa, bạn nghe lời của tôi, bạn sẽ thấy có cảm giác không như nhau, còn người bên ngoài đến họ không biết được tình hình Niệm Phật Đường bình thường niệm Phật thù thắng hơn rất nhiều so với Phật thất, đó là bởi vì bình thường họ không có tiếp xúc.

Cho nên hoan nghênh các đồng tu thường đến niệm Phật, tham gia bình thường. Chúng ta niệm Phật thù thắng hơn rất nhiều so với Phật thất, cho nên cái đạo tràng này hy hữu khó gặp. Chủ yếu chính là bước vào Niệm Phật Đường thân tâm thanh tịnh, tất cả buông bỏ, lại không còn tạp tâm vọng tưởng. Cái tiêu chuẩn này chính là chân như, tuy là không đạt đến cái trình độ này, đến gần được cái trình độ này thì được thọ dụng rồi.

Thế còn “Lai”, “Như Lai” người xưa giải thích “*Thừa như thật chi đạo lai thành Chánh giác*”⁴⁰, liền gọi là Như Lai. Cái gì là “*Thừa như thật chi đạo lai thành Chánh giác*”? Thực tế mà nói, tương ưng với “Như” mà đến. Đến để làm cái gì? Đến hiện thân, đến nói pháp. Đây là nói với chúng ta ứng thân Phật, báo thân Phật. Như Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa xuất hiện ở thế gian, Ngài là người tái lai, Ngài không phải là phạm phu, đáng dùng thân gì để độ thì Ngài liền hiện ra thân đó để độ, Ngài liền thị hiện tám tướng thành đạo, con người này là “Thừa như thị đạo” mà đến ứng hoá, họ là Như Lai.

Chúng ta thì đến như thế nào? Chúng ta là do nghiệp mà đến, do nghiệp báo mà đến. Bạn tạo tác thiện nghiệp ác nghiệp, chúng ta là thừa nghiệp báo mà đến, cho nên không tự tại. Như Lai tự tại, còn chúng ta do nghiệp đến thì không tự tại. Hai chữ này

có rất nhiều cách nói, chỉ riêng giảng hai chữ này, mười ngày cũng giảng không hết. Chúng ta không cần phải phiền phức như vậy, hiểu được chút ý nghĩa của nó thì được rồi.

Trên Kinh Kim Cang còn có một giải thích, cũng giải thích được rất hay, Phật nói: “*Như Lai giả, chư pháp như nghĩa*”⁴¹. Chỗ này giảng rất hay, cách nói này là cách nói nghĩa rộng, đối với người tu học chúng ta có sự giúp đỡ rất lớn. Như vừa rồi tôi dạy các vị niệm Phật ở Niệm Phật Đường hãy xem thấy tất cả mọi người, tất cả mọi việc, tất cả mọi vật, đều là A Di Đà Phật, đây chính là “Chư pháp như nghĩa”. Chúng ta đem Kinh Kim Cang thực hiện câu kinh văn này, tất cả mọi người, tất cả mọi việc, tất cả mọi vật, không chỉ ở đạo tràng của chúng ta, mà thậm chí đến cả bên ngoài đạo tràng của chúng ta, cả thầy thế giới, tất cả chúng sanh, tất cả nhân sự, tất cả vạn vật đều là như vậy, đó chính là “Chư pháp thật nghĩa”. Vì sao vậy? Tất cả pháp đều là tự tánh biến hiện, tự tánh là chân như, chân như biến hiện mọi vật, cho nên nó từ chân như mà đến.

Cái ý nghĩa này nếu như các vị nghe rồi vẫn không thể tường tận thì chúng ta dùng thí dụ mà nói. Chúng ta dùng vàng ròng thí dụ cho chân như, chúng ta dùng đồng vàng ròng tạo thành một tượng của Bồ Tát Địa Tạng, tượng Bồ Tát Địa Tạng này bằng vàng, tượng vàng, đó là từ vàng làm ra, vàng thí dụ cho

chân như, vị Bồ Tát này là từ chân như mà có, ý nghĩa là như vậy. Cho nên trên “Kinh Hoa Nghiêm” Phật nói với chúng ta, vạn sự vạn pháp của vũ trụ này đều là “Duy tâm sở hiện”. Cái tâm đó chính là chân như, chính là nói vạn sự vạn pháp đều chân như hiện ra, cũng giống như khi nói về các món đồ, đều từ vàng ròng mà tạo thành, lấy vàng làm món đồ thì mỗi món đồ đều là vàng. Mười pháp giới Y Chánh Trang Nghiêm đều là từ nơi chân như mà có. Cho nên Phật mới nói “Chư pháp như nghĩa”, câu nói này giảng mới được chân thật viên mãn, chân thật là nói đến chỗ cùng tột. Cho nên trong kinh Phật mới nói khi chúng sanh thành Phật, xem thấy chúng sanh đại địa đều thành Phật đạo, chính là cái ý nghĩa này. Đến hôm nào bạn xem thấy tất cả chúng sanh đều là Phật A Di Đà, chúc mừng bạn, bạn thành A Di Đà Phật rồi. Vậy thì cái Niệm Phật Đường này của chúng ta, chỗ khác nhau với các Niệm Phật Đường khác chính ngay chỗ này. Mỗi một người ngoài chính mình ra, thấy người khác đều là chư Phật Như Lai.

Khi nói đến ba thân của Phật thì “Pháp thân”, “Vô khứ, vô lai”⁴². Pháp thân là Tỳ Lô Giá Na mà trên “Kinh Hoa Nghiêm” đã nói. Tỳ Lô Giá Na Phật là tiếng Phạn, ý nghĩa là khắp tất cả mọi nơi, tận hư không khắp pháp giới là pháp thân. Bạn phải nên biết trong Phật pháp thường nói: “*Mười phương ba đời tất cả chư Phật cùng đồng một pháp thân*”, pháp thân chính là chân như, không đến, không đi, chỉ có thị

hiện, nơi nào có cảm, thì nơi đó liền có ứng, việc thị hiện này thật không dễ hiểu.

Hiện tại chúng ta dùng khoa học kỹ thuật để thí dụ thì sẽ dễ hiểu hơn nhiều. Thí dụ như máy truyền hình, hiện tại mọi người đều rất quen thuộc, những sắc tướng của toàn thế giới, bạn mở một kênh đài nào, cái sắc tướng đó không phải là lập tức xuất hiện hay sao? Thử hỏi cái tướng đó có phải từ bên đó truyền đến hay không? Không hề có! Không luận ở bất cứ nơi nào, khi vừa mở đúng kênh đài, hình ảnh liền lập tức hiện ra, không có đến, cũng không có đi, không muốn xem nữa, tắt máy đi thì sẽ không còn, không đến cũng không đi.

Chư Phật Bồ Tát ứng hoá ở thế gian này của chúng ta nói pháp cũng là không đến không đi. Vậy chúng ta chính mình hiện tại có đến hay không? Xin nói với các vị cũng là không đến, không đi, còn bạn chính mình cho rằng có đến có đi thì sai rồi, đó là bạn đã hiểu sai, là cách nghĩ sai lầm của bạn, cách nhìn sai lầm của bạn. Hiện tại bạn ngồi ở nơi đây, ngay lúc này hiện thân, bạn rời khỏi cái bước đó, bạn ở ngay một bước này hiện thân, cái bước này diệt rồi cái bước kia hiện, chẳng phải đã nghe trên Kinh Kim Cang đã nói “*Như lộ diệt như điện*”⁴³. “*Như lộ như điện*” là thí dụ cái gì? Là thí dụ thời gian của hiện tượng này tồn tại rất là ngắn, ngắn ngủi đến không cách gì quan sát được, cho nên gọi là không sanh

không diệt. Không sanh không diệt là cái ý gì vậy? Nếu như nó thật không có sanh diệt thì nói ra không sanh không diệt, vậy thì đó là lời thừa, nên có sanh diệt mà gọi nó là không sanh không diệt là vì thời gian của sanh diệt quá ngắn ngủi, nói sanh thì nó đã diệt rồi, nói diệt thì nó lại sanh, chính là cái ý này, chính là như trên Kinh Kim Cang đã nói “*Như lộ diệt như điện*”, đó mới là chân tướng sự thật.

Chư Phật Như Lai ứng hoá ở thế gian, chúng ta lại chẳng phải là ứng hoá ở thế gian hay sao? Vì sao không như nhau vậy? Họ tương ứng với chân như, chúng ta tương ứng với phiền não. Kém là kém ngay chỗ này, thế nhưng phiền não vẫn nương vào chân như, không có chân như thì làm gì có phiền não? Mê mất chân như khởi phiền não, nhưng không hề lìa khỏi chân như, nhất định phải hiểu được những chân tướng sự thật này. Người xưa nói:

“Vô lai vô khứ”. Đây gọi là “*Pháp thân*”.

“Đệ nhất nghĩa đế”⁴⁴ gọi là “Nhu”, “Chánh giác” gọi là “Lai”. Đây gọi là “*Báo thân*”.

“*Thừa như thật chỉ đạo lai thành Chánh giác*”. Đây gọi là “*Ứng thân*”.

Nói được cũng không tệ, cũng được, có thể nói được thông, thế nhưng không thể chấp trước, vừa

chấp trước thì sai rồi. Cho nên đọc kinh nghe pháp đích thực là phải lìa tướng “Tức tướng lìa tướng”, “Ly, tức đồng thời” thì chúng ta mới có chỗ vào, mới có chỗ ngộ, chỉ sợ chấp trước, vừa chấp trước thì chết ngay trong đó, thật không bằng chân như hoạt bát, chân như biến hiện tất cả pháp mà cũng là hoạt bát linh động.

“Pháp thân” là “chân như” lý thể. Hiện tại trong triết học đã nói bản thể của vũ trụ vạn hữu, bản thể trong nhà Phật gọi chính là chân như, chính là tự tánh chân tâm, nó có thể biến, có thể sanh, mười pháp giới Y Chánh Trang Nghiêm là sở sanh sở biến.

“Báo thân” là cái gì? Báo thân là tự thọ dụng của thị hiện, thị hiện cái thân này, tự thọ dụng đều là báo thân. Báo thân của Phật là báo thân của trí tuệ, báo thân của phàm phu là báo thân của phiền não, bạn thọ báo mà đến.

“Ứng thân” là tha thọ dụng. Phật có ứng thân lợi ích tất cả chúng sanh, còn cái thân này của chúng ta nếu là vì xã hội phục vụ, vì nhân dân phục vụ, vì đại chúng phục vụ, thì cái thân này của chúng ta cũng là ứng thân. Ở đạo tràng của chúng ta mỗi ngày ở nơi đây làm nghĩa công, là ứng thân, vì đại chúng phục vụ. Còn chính mình thọ dụng, cảm thọ của chính mình, đó gọi là “Báo thân”. Cách nói này của tôi các vị dễ dàng thể hội.

Cho nên Phật có ba thân, phàm phu chúng ta cũng có ba thân, ba thân của Phật tương ứng với chân như, còn cái thân này của chúng ta không tương ứng với chân như. Không tương ứng là phải trách chúng ta mê mất đi tự tánh, chúng ta có pháp thân, nguyên bản cùng chân như là tương ứng, chỉ là một sự việc, nhưng lại hoàn toàn biến thành vô tri, lỗi lầm chính ngay chỗ này. Cho nên Phật rất từ bi giúp chúng ta hồi phục, cách hồi phục thế nào vậy? Trừ mất đi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì liền hồi phục. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là bạn chính mình khởi lên, người khác không cách gì giúp bạn trừ bỏ. Cho nên có câu là “*Giải linh hoàn tu hệ linh nhân*”⁴⁵, do chính bạn khởi lên, thì bạn chính mình trừ bỏ nó, không có người nào có thể giúp đỡ được. Chư Phật Bồ Tát từ bi, chỉ là đem cái chân tướng này nói cho chúng ta nghe rõ ràng tường tận, chúng ta rõ ràng tường tận rồi, biết được nguyên nhân chúng ta bị là do cái này, trừ bỏ thì tốt rồi.

Có rất nhiều người nói: “Rất khó! Trừ không hết được”. Làm gì có chuyện trừ không được, chẳng qua là bạn không chịu trừ thì còn cách nào chứ? Tại vì sao không chịu trừ chứ? Tham luyến cái sắc thân, tham luyến thọ dụng trước mắt, không hề lìa khỏi Tham-Sân-Si, cho nên bạn sống ở ngay trong phiền não, không phải bạn sống ở ngay trong chân như.

Chư Phật Bồ Tát không như chúng ta, các Ngài sống ở ngay trong chân như, cho nên họ được đại tự tại, loại đời sống trí tuệ cứu cánh viên mãn đó là Phật. Phật là đời sống trí tuệ cứu cánh viên mãn; Bồ Tát là đời sống đại trí tuệ, đại trí tuệ chưa viên mãn; Phạm phu là đời sống vô lượng vô biên Tham, Sân, Si-Mạn, cái này quyết định chuyển biến đều ở chính mình, không ở người khác, cho nên nếu chính mình muốn thành Như Lai, thì lặc mình một cái thì liền biến thành Như Lai. Vậy thì tại vì sao không vứt bỏ đi phiền não tập khí? Cái điểm này rất quan trọng, vứt bỏ đi phiền não tập khí thì chính là vứt bỏ đi sáu cõi luân hồi, chính là vứt bỏ đi vô lượng kiếp sanh tử thì bạn liền bất sanh bất tử. Sanh tử là giả, không phải là thật, then chốt chính ngay một niệm mê ngộ. Ngày nay bạn chưa thể vứt bỏ được, bạn vẫn đang mê, bạn không giác ngộ. Vậy Niệm Phật Đường chính là nơi huấn luyện bạn định, còn Giảng Đường giúp cho bạn khai trí tuệ. Cái đạo tràng này định huệ đều học.

Bạn hỏi nếu như không nghe kinh chỉ dựa vào niệm Phật để thành tựu có được không?

Ngày trước lão sư Lý đã làm một thí dụ, nếu chỉ dựa vào niệm Phật, tức là chỉ dựa vào tu định để thành tựu, gần như là cần phải mười năm thì bạn mới có thể thành tựu, mới có thể minh tâm kiến tánh; còn nếu như bạn ngoài niệm Phật lại có thể nghe kinh, lại có thể nghiên giáo, thì liền có thể rút ngắn được thời

gian 3 năm 5 năm thì bạn liền khai ngộ. Đây chính là nói lợi ích của định, huệ đều học, là công đức của định huệ đều học.

Bởi vì bạn ở Niệm Phật Đường niệm Phật, dùng Phật hiệu đề Tham - Sân - Si - Mạn xuống, dùng đá cuội đề cỏ, liềm mạng mà đề, đề đến mức bão hoà khi đề không xuống nữa thì xong, liền bạo phát lên.

Thế nhưng bạn nghe kinh nghe pháp, cái trí tuệ này là gì? Bạn một mặt dùng định đề xuống, một mặt dùng trí tuệ hoá giải nó, đem nó hoá giải hết, thì không còn nữa. Phương pháp này tốt, cho nên người chân thật biết dụng công, nhất định là định huệ đều học, hiệu quả rất là thù thắng.

Cho nên chúng ta xem thấy đức hiệu của Phật (đức hiệu thực tế mà nói chính là đức của của tự tánh), xem thấy Như Lai hai cái chữ này thì chúng ta làm thế nào thực tiễn được? Làm thế nào để học tập được? Nghĩ đến ta ngay một đời này không phải đến cái nhân gian này hay sao? Làm thế nào tương ứng với “Như” thì chúng ta gọi là Như Lai, nếu không tương ứng với Như, thì không phải Như Lai.

“Như” là cái gì vậy?

“Như” là chân tướng của vũ trụ nhân sanh,

chân tướng là cái gì vậy? Trên “Kinh Bát Nhã” nói rất hay, có thể nói 600 quyển “Đại Bát Nhã”, Thế Tôn đã nói 22 năm, quy nạp lại hai câu nói: “*Bất khả đắc, vô sở hữu*”⁴⁶. Hai câu nói này ở trong “Kinh Bát Nhã” lập lại hơn mấy trăm lần, đây là nói thật với bạn.

Tại vì sao “Vô sở hữu, bất khả đắc”?

“Vô sở hữu” là giảng hiện tướng, “Bất khả đắc” là giảng thọ dụng. Trên Kinh Kim Cang nói với bạn “*Mộng huyễn bào ảnh, như lộ như điện*”, chỗ này chẳng phải đã nói rõ “Bất khả đắc, Vô sở hữu” hay sao? Không thể được nếu bạn muốn được, không thể có mà bạn cho là có, vậy thì bạn hoàn toàn tương phản với Như, bạn không Như, bạn Lai, bạn là không Như Lai. Nếu như hiểu rõ cái đạo lý này, vậy thì đối với người với việc với vật chân thật hiểu được tùy duyên. Thông thường giảng hai chữ tùy duyên này ai hiểu được? Tùy duyên ý nghĩa hai chữ này quá sâu quá rộng, chân thật hiểu rõ “Bất khả đắc, Vô sở hữu” mới biết tùy duyên.

Những người nào tùy duyên? Chư Phật Như Lai ứng hoá ở thế gian này tùy duyên. Phạm phu chúng ta làm gì có thể làm đến được? Phạm phu là tùy thuận phiền não, không phải tùy duyên. Chư Phật Như Lai tùy duyên là tùy thuận chân như, vậy thì làm sao như nhau được? Danh hiệu thứ hai, đây đều là

đức hiệu của tự tánh “Ứng Cúng”.

Đức hiệu thứ hai: “Ứng Cúng”

Là nói người này tu hành của họ viên mãn thành tựu rồi. Tướng viên mãn thành tựu là thế nào? Lý viên mãn thành tựu! Đó chính là hoàn toàn thông đạt tường tận đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh. Không có chút nghi hoặc nào, không hề có chút mê hoặc. Không mê, không hoặc, biểu hiện ở trên sự tướng là phước huệ đầy đủ, hiện ra trí tuệ vô lượng, phước đức vô lượng.

Trí tuệ cùng phước đức đều không dễ hiểu, nhất là phước đức. Người thế gian luôn cho rằng ở trong xã hội có tiền tài, có địa vị, có sản nghiệp thì gọi là phước đức. Cái quan niệm này hoàn toàn sai rồi, đó không phải là phước đức chân thật, phước đức chân thật không ở những thứ này.

Thích Ca Mâu Ni Phật cùng với những học trò của Ngài (chúng ta thường xem thấy ở trên kinh có 1250 người), họ thị hiện ra chính là phước huệ viên mãn. Nhưng bạn xem đời sống của họ rất là kham khổ, ra bên ngoài khát thực, ba y một bát, dưới gốc cây ngủ một đêm, giữa ngày ăn một bữa. Ở vào cái nhìn của phàm phu chúng ta, họ có phước báo gì nào, nghèo đến mức như vậy, phải xin ăn, còn có phước gì chứ? Nhưng khi bạn tỉ mỉ quan sát, trong lòng của họ

không có vọng tưởng, không có phiền não, không có lo lắng, không có vương bận, thân tâm thanh tịnh. Thế gian bất cứ người nào đều không cách gì so sánh được với họ, đời sống của họ được đại tự tại, biết được sanh ra từ nơi đâu mà đến? Chết sẽ đi về đâu? Rõ ràng tường tận, thông suốt thấu đáo, đó mới gọi là phước huệ chân thật. Còn như chính mình có phước quyết không phải chính mình thọ dụng, mà để mọi người cùng hưởng.

Tôi ở ngay trong một đời này thấy được hai vị Bồ Tát, ở nơi đây Lý Mộc Nguyên là Bồ Tát, Trung Quốc đại lục còn có một vị Thôi Bồ Tát. Tôi xem thấy hai vị Bồ Tát, ở trong xã hội họ có địa vị, có tiền của, nhưng họ trải qua đời sống như thế nào vậy? Trải qua là một đời sống rất thanh khổ, những tiền của đó của họ để cho xã hội đại chúng cùng nhau hưởng, chính mình không hề hưởng thụ, đó là Bồ Tát thật không phải là Bồ Tát giả. Người thế gian thông thường không thể làm được, nhưng họ có thể làm được, họ làm được rất là an vui, mà còn nói với tôi, họ rất muốn xuất gia, qua mấy năm họ phát tâm, họ muốn thế phát xuất gia, ăn trường chay, chính mình công tác rất bận rộn, trong nhà cũng dùng hai người, mời hai người giúp đỡ, họ mời người nào vậy? Tàn tật, người tàn tật không tìm được công việc, không người nào dùng họ, ông ấy dùng người tàn tật, người tàn tật đầu óc kém cỏi, ông chân thật là rất tùy duyên. Làm cơm không được ngon vẫn cứ ăn, giặt quần áo

cũng giặt không được sạch, bảo họ mang quần áo đến thương y cùng hạ y màu sắc không như nhau ông ấy cũng mặc, không nói một lời nào, cũng không sợ người cười, chân thật Bồ Tát. Đó mới gọi là tuý duyên, ngay trong tuý duyên được đại tự tại, được đại hoan hỷ, xem thấy người khác an vui, chính mình an vui, xem thấy người khác đau khổ, trong lòng rất khó chịu. Họ dường như cả đời không vì chính mình mà sống, vì chúng sanh mà sống, đó là Bồ Tát. Đây là chân thật đầy đủ phước huệ “*Nhiêu ích hữu tình*”. “Nhiêu” là “Phong nhiêu” là giúp đỡ đối với tất cả chúng sanh, tận tâm tận lực giúp đỡ người khác. Họ buôn bán là Bồ Tát thương nhân, Bồ Tát chân thật, không có người nào có thể so sánh được với họ, đó là thị hiện, đó là hiện thân nói pháp. Người như vậy ở trên Kinh Phật nói: “*Ứng thọ nhân thiên cúng dường*”⁴⁷, là họ đáng được tiếp nhận, cái họ tiếp nhận xin nói với các vị chỉ là thứ họ cần dùng, rất dễ dàng vừa lòng.

Thích Ca Mâu Ni Phật năm xưa ở đời, mỗi ngày ra ngoài khát thực một lần, bát đã đựng đầy đủ đồ ăn rồi thì sẽ không cần nhiều nữa. Một bộ quần áo chưa rách, vẫn còn có thể mặc, mặc rách rồi vá lại một chút, vẫn có thể mặc tiếp. Còn người hiện tại thì sao? Nếu các vị mặc quần áo vá đi ra ngoài, vậy thì sẽ rất ngượng ngùng, vì sợ người bên ngoài xem thấy cười ngạo. Tôi nói với bạn, tốt! Đi nhiều hơn nữa, họ cười mệt sẽ hết cười. Người hiện tại đều là Tham -

Sân - Si - Mạn, mặc như vậy để cho họ thấy mà tỉnh ngộ ra thì có gì không tốt chứ, họ cười họ chết, ta không chết, ta không chết họ chết, đó là trí tuệ.

Chúng ta xem thấy những người chân thật hành Bồ Tát đạo, chân thật không sợ người cười, không chỉ trong xã hội không có người cười họ, mà kính trọng họ bội phục họ, không người nào có thể làm được, cho nên họ đáng được trời người cúng dường. Ta hỏi buôn bán của họ như thế nào? Tiền của quá nhiều, không ngừng mà đến. Họ nói với tôi tiền rất dễ kiếm, càng ngày càng nhiều, đến nhiều thì thế nào? Họ bó thí, càng thí càng nhiều, chân thật là tu đại bố thí, họ muốn xuất gia đem hết tất cả sự nghiệp của họ thấy đều bố thí hết, chân thật là khó làm đáng quý, đó là “ứng cúng”.

Đức hiệu thứ ba: “Đẳng chánh giác”

“Đẳng chánh giác” cũng có chỗ gọi là “Chánh biến tri”. Chánh Biến Tri cùng ý nghĩa Đẳng chánh giác là như nhau. “Đẳng” là bình đẳng, “Chánh” là không có tà, không có sai lầm, “Giác” là giác ngộ. Giác ngộ của họ là chính xác, là bình đẳng với tất cả chư Phật Như Lai, đó gọi là Đẳng chánh giác.

Nếu như dịch thành Chánh biến tri. Chữ “Chánh” trong “Đẳng chánh giác” cũng cùng có chữ “Chánh”; “Biến” chính là ý nghĩa của “Đẳng”, biến là

không gì không biết không gì không thể, đó mới gọi là biến; “Tri” chính là ý nghĩa của “Giác”. Cho nên Chánh Biến Tri chính là ý nghĩa của Đẳng Chánh Giác, cái danh hiệu này trong Phật kinh dùng được rất phổ biến. Thế nhưng trong tiếng Phạn gọi là “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề” mà thông thường dịch thành “Vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Ngay chỗ này dùng từ đã đơn giản đi nên tỉnh lược đi 2 chữ “Vô thượng”, vậy thì “Đẳng” bằng với chữ Phật Như Lai, đó chính là ý nghĩa của “Vô thượng”, cái đức hiệu này rất quan trọng.

Tu học của Phật pháp là học cái gì? Ngay trong tất cả đức hiệu Phật không nêu ra thứ khác, đặc biệt đưa ra một câu “A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề”. Chúng ta phải nên biết chúng ta học Phật là học chánh giác, chân thật giác ngộ, học Đẳng chánh giác, bình đẳng chánh giác với chư Phật Như Lai, lại còn thêm vào hai chữ Vô Thượng.

Chư Phật Như Lai chỉ cần phá một phẩm vô minh chứng một phần pháp thân, đó chính là chánh giác Như Lai. Mọi người thấy giảng nghĩa “Kinh Kim Cang” của cư sĩ Giang Vị Nông, bạn thấy trong giải thích kinh văn ông giảng nghĩa hai chữ “Chư Phật” cái danh tướng này, ông giải thích “Chư Phật” chính là dùng để chỉ 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ, “Chư” chính là 41, 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ là chư Phật. Cách giải thích này rất hay, Bồ tát Viên Giác Sơ Trụ liền

có trí tuệ, có đức năng, có thần thông, thị hiện tám tướng thành đạo cái thân Phật này, cũng chính là nói “Đáng dùng thân gì để độ” thì Bồ Tát Viên Giác Sơ Trụ liền có thể thị hiện thân Phật giáo hoá chúng sanh, cho nên ông giải thích 41 phẩm vị pháp thân đại sĩ này là Chư Phật, rất chính xác.

Còn nếu như thêm vào “Vô Thượng” thì chẳng phải là 41 vị Pháp Thân Đại Sĩ nữa mà là quả giác cứu cánh viên mãn. “Vô thượng” chỉ có một vị, “Chánh Đẳng Chánh Giác” có 41 vị, “Chánh giác” thì càng nhiều, ở trong Phật pháp gọi đó là các vị A La Hán, Bích Chi Phật đều gọi là Chánh giác.

Do đây có thể biết trong mười pháp giới có Chánh giác, không có Chánh Đẳng Chánh Giác, không Đẳng Chánh Giác. Đẳng Chánh Giác nhất định là siêu việt mười pháp giới, trong nhất chân pháp giới mới là Đẳng chánh giác. Trong mười pháp giới đạt đến cao nhất đó là Chánh giác. Còn người nếu như đạt được Đẳng chánh giác? Đó chính là không gì không biết, không gì không thể, Viên Giác Sơ Trụ Bồ Tát liền có loại trí tuệ năng lực này.

Cho nên gọi là Đẳng Chánh Giác, cái danh hiệu này làm thế nào thực tiễn? Vậy bạn nhất định phải xác định mục tiêu học Phật của chính mình, chúng ta học Phật không cầu phước báo trời người, hướng hồ phú quý của nhân gian, các vị phải nên biết, những

thứ này rất dễ dàng mê hoặc người, nếu như bạn không chịu xả, nhưng bạn lại muốn có được thành tựu thì không dễ. Còn nếu như vậy mà vẫn có thể thành tựu thì đó là người như thế nào vậy? Là Chư Phật Như Lai hoá thân thị hiện, thì được, họ có thể hưởng thọ năm dục sáu trần, mà không nhiễm trước năm dục sáu trần, cao minh, vậy thì được. Nếu như chúng ta hưởng thọ năm dục sáu trần, ở trong năm dục sáu trần khởi lên một ý niệm tham sân, (hợp với ý của chính mình là tham ái, không hợp với ý của chính mình thì chán ghét), chỉ cần có chút xíu ý niệm như vậy, bạn là phàm phu, bạn bị đoạ lạc rồi. Căn bản Phật pháp tuyệt nhiên không chủ trương người nhất định phải tu khổ hạnh, thế nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật rất tán thán khổ hạnh, đạo lý chính ngay chỗ này. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện cũng là thị hiện khổ hạnh, tại vì sao Ngài không thị hiện hưởng thụ? Bởi vì đại đa số chúng sanh, tuyệt đại đa số chúng sanh vừa hưởng thụ thì liền bị mê hoặc, vừa hưởng thụ thì tạo nghiệp, cho nên Ngài làm ra gương mẫu “*Phản kỳ đạo nhi hành chi*”⁴⁸, để sau khi mọi người xem rồi có chỗ lĩnh ngộ, chân thật buông bỏ được. Buông bỏ liền được đại tự tại, không chỉ thế gian pháp phải buông bỏ, xuất thế gian pháp cũng không nhiễm trước bạn mới có thể có thành tựu. Thế gian pháp buông bỏ rồi, xuất thế gian pháp vẫn không thể buông bỏ, vẫn không ích gì, vẫn không thoát khỏi sáu cõi luân hồi.

Phật là dạy chúng ta buông bỏ, không phải là đối đối tượng, nếu bạn buông bỏ thế gian pháp rồi lại nắm lấy Phật pháp, đó là bạn đối đối tượng, vậy chưa phải là buông bỏ. Triệt để buông bỏ, tâm địa thanh tịnh không nhiễm một trần thì mới được tự tại, đó mới là hưởng thụ chân thật. Các vị chưa có buông bỏ, nên cái kinh nghiệm hưởng thụ “cái chân” này các vị chưa có, dù có nói rồi bạn cũng không thể hội được, chỉ có người chân thật buông bỏ họ mới có thể hiểu được. Đời sống của chư Phật Như Lai, đời sống này mới được đại tự tại, đại viên mãn, hạnh phúc chân thật.

Chúng ta phải nên học tập, phải cầu chánh giác, đem chánh giác, tất cả chương ngại nhất định phải viễn ly, phải xả bỏ, chỉ cần chương ngại giác đạo thì phải đem nó xả bỏ hết, như vậy thì đúng rồi.

Tốt rồi hôm nay thời gian đã hết chỉ giảng đến đây thôi. A DI ĐÀ PHẬT.

(HẾT TẬP 6)

Chú giải:

¹ “**Ba A Tăng Kỳ kiếp viên mãn thành Phật**”: A tăng Kỳ Kiếp thứ nhất là hoàn thành ba mươi cấp bậc: thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, còn gọi là Tam hiền. A tăng kỳ kiếp thứ hai là tu bảy cấp bậc: từ Sơ địa đến Thất địa. A tăng kỳ kiếp thứ ba là tu ba cấp bậc: Bát địa, Cửu địa, Thập địa.

² “**Bồ Tát Pháp Vân Địa**”: Phẩm vị thứ 50

³ “**Tà kiến**”:

- 1- *Thân kiến*: Chấp thân ngũ ấm tứ đại giả hiệp này làm ta;
- 2- *Biên kiến* (là thiên kiến): Chấp một bên, có hai lỗi chấp sai lầm lớn nhất là: a) Thường kiến: Chấp rằng khi chết rồi cái Ta vẫn tồn tại mãi, b) Đoạn kiến: Chấp rằng chết rồi là mất hẳn;
- 3- *Kiến thủ*: Chấp chặt sự hiểu biết sai lầm của mình, có hai phương diện: a) Kiến thủ vì không ý thức được sai lầm của mình: b) Kiến thủ vì tự ái hay vì cứng đầu;
- 4- *Giới kiến thủ*: Là làm theo lời răn cấm của ngoại đạo tà giáo;
- 5- *Tà kiến*: Chấp theo lối tà, không chơn chánh, trái với sự thật, trái với luật nhân quả.

Còn nói rộng ra, cả bốn món chấp trên, đều thuộc và Tà kiến cả

(Phật học phổ thông- HT. Thích Thiện Hoa)

4“**Bất học lễ, vô dĩ lập**”: Không học lễ thì lấy gì để lập thân (không thể đứng vững ở đời).

5“**Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng**”: Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng.

6“**Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh**”: Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bào bọt;

7“**Na Già thường tại định, vô hữu bất định thời**”: Na Già thường trong Định, chẳng lúc nào bất định. (www.niemphat.net)

Na Già (Nāgá) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Long (rồng), hoặc Tượng (voi).

8“**Nhất thiết giai tùng chân thật tâm trung tác**”: Tất cả phải từ trong tâm chân thật mà làm.

9“**Tam bất thoái**”: Tam bất thoái đó là Vị bất thoái. Hành bất thoái và Niệm bất thoái.

1. *Vị bất thoái* : Vị thứ đã tu được không bị thoái mất. Được quả vị nào thì trụ chắc quả vị đó rồi tinh tấn thêm nữa.
2. *Hành bất thoái* : Chẳng bị thoái mất đối với các pháp đã tu hành, tức là tu càng ngày càng tăng trưởng.
3. *Niệm bất thoái* : Chẳng bị thoái chuyển, về chánh niệm.

Nếu phá Kiến tư được gọi là Vị bất thoái thì vĩnh viễn chẳng mất địa vị siêu phàm, lại đoạn được Trần sa hoặc, thì được gọi là Hành bất thoái, vĩnh viễn chẳng mất hạnh Bồ Tát. Nếu đã phá Vô

minh được gọi là Niệm bất thoái, thì chẳng mất chánh niệm Trung đạo “ Quán Kinh Diệu Tông Sao”. Theo *TĐPH Hán Việt*.

¹⁰ **“Kiền thành chuyên chú”**: Chân thành cung kính, tập trung vào việc gì một cách bền bỉ.

¹¹ **“Tướng tùy tâm chuyển”**: Tướng chuyển theo tâm

¹² **“Phân biệt cũng không phải ý”**: “Phân biệt diệc phi ý”.

¹³ **“Phật thị môn trung bất xả nhất nhân”**: Trong nhà Phật, không bỏ dù chỉ một người.

¹⁴ **“Phật thị chân ngữ giả”**: Phật là bậc nói lời chân thật.

“Phật thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả”: Phật là bậc nói lời chân thật, nói đúng như sự thật, nói đúng với bản chất của các pháp, chẳng nói lời dối gạt, đã nói ra là quyết định như nhau, không thể nào có hai cách nói.

¹⁵ **“Học vi nhân sư, hành vi thế phạm”**: Học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu (mô phạm) cho cõi đời.

¹⁶ **“Bốn Trung kiếp là một Đại kiếp**: Bốn trung kiếp là: Thành, Trụ, Hoại, Không (1.347.000.000 năm) - *Từ điển Phật học Việt Nam (Thích Minh Châu-Minh Tri NXB Khoa học xã hội 1991)*

¹⁷ **“Phàm thánh tề thâm, lợi độn tất bị, hoành siêu tam giới, kinh đặng tứ độ”**: Thâm trọn phàm thánh, lợi độn đều hợp, vượt ngang tam giới, mau lên bốn cõi.

¹⁸ **“Nan tín chi pháp”**: Pháp khó tin.

¹⁹ **“Nhất thừa liễu nghĩa, vạn thiện đồng qui, bất khả tư nghì”**:

“Nhất thừa” là pháp để thành Phật, là giáo pháp tối cực viên đôn. “Liễu nghĩa: Cứu cánh; “Thừa” là cỗ xe, thường được ví với giáo pháp của Phật. Giáo pháp có khả năng chuyên chở hành nhân đến được bờ kia Niết Bàn, nên gọi là Thừa. “Nhất Thừa” là đạo cùng tột, không hai, là Đệ Nhất Nghĩa thừa, nên gọi là Nhất. Hết cả các thiện pháp thế gian, xuất thế gian đều quy vào A DI ĐÀ PHẬT, không thể nghĩ bàn.

²⁰“**Ngôn nhi hữu tín**”: Lời nói phải có độ tin cậy. “*Dữ bằng hữu giao, ngôn nhi hữu tín*”. (Luận ngữ) (Quan hệ với bè bạn, lời nói phải có độ tin cậy)

²¹ “**Một bát cơm, một ngụm nước đều do tiền định**”: ‘Nhất âm nhất trắc, mạc phi tiền định’”

²² “**Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân**”: Trong cửa Phật không bỏ một ai.

²³ “**Chư Phật sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bản nguyện hải**”: Sở dĩ chư Phật xuất thế là chỉ để nói biển bản nguyện của Di Đà

²⁴“**Duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu cánh chư pháp Thật Tướng**”: Chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo Thật Tướng các pháp”

²⁵“**Tri vô lượng kiếp thị nhất niệm, tri nhất niệm tức vô lượng kiếp**”: Biết vô lượng kiếp là một niệm, biết một niệm tức là vô lượng kiếp.

²⁶“**Thập vạn ức cõi Phật, bất cách hào đoạn**”: Mười vạn ức cõi Phật ở ngay trước mặt

²⁷“**Chỉ Phật cùng Phật mới có thể cứu cánh**”: “Duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh”

²⁸“**Lục Túc Phật**”: Lục tức Phật gồm có: Lý tức Phật, Danh-tự tức Phật, Quán-hạnh tức Phật, Tương-trợ tức Phật, Phần-chứng tức Phật, Cứu-kính tức Phật.

- 1- *Lý tức Phật*: Lý tức là nghĩa lý. Hiểu rõ được nghĩa lý của Đức-Phật đã dạy trong câu "Chúng sanh vốn đủ Phật tánh, cùng các đức Như Lai không hai không khác"; hay trong câu: "Hết thầy chúng sanh đều là Phật"; hiểu rõ được lý ấy tức là Phật.
- 2- *Danh tự tức Phật*: Danh tự ở đây tức là những kinh điển, hay những lời thuyết pháp mà mình đã học hay đã nghe được, và đã hiểu được thông suốt rằng: "Hết thầy các pháp đều là Phật pháp". Danh tự tức Phật nghĩa là lãnh hội được lý tánh của vũ trụ, vạn hữu qua kinh điển, văn tự tức là Phật.
- 3- *Quán hạnh tức Phật*: Quán hạnh là quán tưởng. Hạnh là tu hành, hành động; nói một cách tổng quát: quán hạnh tức Phật nghĩa là thực hành đúng theo lời Phật dạy tức là Phật.
- 4- *Tương trợ tức Phật*: Chữ tương trợ ở đây có nghĩa là trong lúc mình tu hành, tuy chưa có thể thực chứng được lý tánh, nhưng tâm mình đã được yên lặng, nơi lý đã mường tượng như tuồng

đã chứng được, nên gọi là tương trợ tức Phật. Đến đây tức là Phật thập tín, thuộc về nội phàm (phàm phu trong nội giáo).

- 5- *Phân chứng tức Phật*: Theo Thiên-thai tôn, thì vô minh như là tấm màn dày đặc, gồm có 41 lớp; mỗi khi nhờ công phu tu hành, phá được một lớp, tức là chứng được một phần Trung đạo. Đó là ý nghĩa của phân chứng tức Phật. Đến nay tức là đã lên đến các bậc Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác.
- 6- *Cứu cánh tức Phật*: Cứu cánh tức là đạt đến bậc cuối cùng, chứng được chỗ màu nhiệm cực điểm, nghĩa là đến bậc Diệu giác, Chứng trí đều viên mãn. Đến đây tức là đến bậc Diệu giác hay Phật.

Chúng ta nên nhớ rằng "Lục tức Phật" này có phân biệt Lý và Sự khác nhau. Về lý thì mới bắt đầu bước lên bậc thứ nhất và vị đã đến từng bậc thứ sáu, đều bình đẳng như nhau, không hơn không kém, vì thể tánh vẫn là một và mọi chúng sanh đều là Phật. Cái Lý này đem lại cho hành giả và sự phấn khởi, trên đường tu hành, không sanh lòng chán nản, không buồn trách mình chậm thành đạo quả mà thối tâm.

Nhưng về sự thì vị thứ cao thấp đều có trật tự, kẻ mới tu hành và vị đã chứng quả Phật, không thể như nhau và ngang nhau được. Người tu hành hiểu rõ như thế mới không sanh lòng tăng-thượng-mạn, tự xưng là Phật là Thánh trên bước đường tu hành của mình.

(Phật học phổ thông – tập II- HT. Thích Thiện Hoa).

²⁹“**Tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng**”: Thuận theo tâm chúng sanh, mà ứng hiện phù hợp với khả năng nhận biết của họ.
(Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa - Phần 56 - Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không - Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa - Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong)

³⁰“**Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng**”, “**Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng**”: Phàm những gì có hình có tướng, đều là hư vọng. Không có tướng ta, không có tướng người, không có tướng chúng sanh, không có tướng thọ giả”

³¹ “**Bổn giác vốn có**» : Gốc giác vốn có

³²“**Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật**”: Nhớ Phật, niệm Phật hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật.

³³“**Thiện xảo phương tiện**”: Phương tiện khéo léo.

³⁴“**Như Lai chi sở dĩ xuất thế, tựu thị vi liễu dục chủng quần minh, huệ dĩ chân thật chi lợi**”: Như Lai sở dĩ xuất hiện ở đời, là muốn cứu bạt quần sanh, đem lợi ích chân thật.

³⁵Ở trong Phần Tựa kinh này, Phật liền nói ra trước: Đây chính là Phần “ĐỨC TÔN PHỔ HIỀN”.

³⁶“**Khai hoá hiển thị chân thật chi tế**”: Khai thị thật tướng của vũ trụ.

³⁷“**Khoa hội**” (Phán khoa): Khoa Phán là nghiên cứu kết cấu

chương pháp của kinh; là giải thích kinh.

Bởi thế, quý vị đồng học muốn học giảng kinh thì quan trọng nhất là phải biết lập khoa phán. Quý vị nắm chắc được một bộ kinh, có thể nắm từ đầu đến cuối là nhờ biểu giải: Biểu giải (biểu đồ) là chia nội dung của một văn bản thành những đoạn (gọi là khoa mục), lập tựa đề cho từng đoạn (khoa đề) nhằm nói lên những ý nghĩa chính của đoạn đó, rồi vẽ thành biểu đồ. Nói cách khác, lập biểu giải trong khoa phán giống như lập một sườn bài ghi những chủ đề chính yếu cho một văn bản, nhằm thể hiện kết cấu của văn bản ấy. Nhìn vào biểu giải, người giảng kinh sẽ dễ dàng nắm được ý nghĩa của toàn bộ bản kinh cũng như tùy ý nói rộng hay hẹp mà không sợ lạc đề, quên mất ý chính. Để lập biểu giải, phải nghiên ngẫm ý kinh, tìm ra được những ý tưởng chính yếu trong từng đoạn cũng như ý chính tổng quát của bản kinh.

Cho nên lão pháp sư mới nói: Chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy. Chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy. Thông đạt kết cấu, chương pháp trên mặt văn tự, ắt hẳn cũng thông đạt nghĩa lý, chẳng bị giảng lầm.

Chưa biết văn tự trong bộ kinh này thuộc loại thể tài nào, nghĩa lý là như thế nào, đều phải dùng Khoa Phán để phân tích, đây chính là Chương phân cú giải.

Người đời sau chia sách của cổ nhân thành chương cú (phân đoạn thành từng chương, từng câu). Hiện thời, mọi người đọc Tứ Thư, quá nửa tuân theo cách phán định chương cú của Châu Hy. Nói đơn giản, chương cú là chia thành từng đoạn, tức các đoạn lớn, đoạn vừa, đoạn ngắn, nhìn vào sẽ hiểu rõ ràng minh bạch. [Cách phân định] chương cú xuất phát từ khoa phán trong kinh Phật. Vì thế, biết rằng Kinh Phật có ảnh hưởng rất lớn đối với văn học Trung Quốc. Nho gia dùng phương pháp khoa phán trong kinh Phật để phân tích Tứ Thư, Ngũ Kinh, mười ba kinh.

Trong văn chương cổ nhân Trung Quốc, văn chương nào hay thì cũng đúng là như thế. Phổ biến nhất, được mọi người thích đọc nhất là sách Cổ Văn Quán Chi, là bản hợp tuyển tinh tế của những bản văn chương trứ danh trong hơn hai ngàn năm của Trung Quốc, gồm hơn ba trăm thiên. Đây là những tác phẩm tiêu biểu của văn học Trung Quốc, thiên nào cũng đều là những áng văn chương hay, đều có thể dùng phương pháp Khoa Phán của kinh Phật để phân tích thật mạch lạc. [Những thiên văn chương ấy] thứ tự phân minh, dùng phương pháp Khoa Phán liền phán định được.

Lại xem văn chương, sách vở của người hiện tại viết, văn chương trong tạp chí, báo chí, dùng Khoa Phán phán định chẳng ra. Từ đây quý vị mới hiểu rõ văn chương rốt cục là hay hoặc dở thì tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn nằm ở chữ Quán (“*Quán*” là “*Quán xuyên*” (xuyên suốt), có phải là từ đầu đến cuối hoàn toàn xuyên

suốt hay không, khoa phán xuyên suốt hay không!

Khoa phán trong kinh Phật phân tích vô cùng tinh vi, chặt chẽ, người hiện đại nói cách [phân tích ấy] là khoa học, có thứ lớp, có hệ thống, chẳng rối loạn tí nào. Dẫu là một bộ kinh lớn, quý vị xem Biểu Giải kinh Hoa Nghiêm; đây chính là khoa phán, từ đầu đến đuôi, một bộ kinh lớn dường ấy mà một câu là một ý nghĩa, hai câu là một ý nghĩa khác, Ngài (Thanh Lương đại sư) đã phán định rõ ràng, rành mạch. Bề ngoài là phân tích kết cấu văn chương, nhưng cũng đồng thời trình bày những nghĩa lý [hàm tàng] trong văn chương.

Do vậy, khoa phán chính là chú giải kinh. Hiểu khoa phán, nhất định sẽ hiểu rõ kinh. Vì thế, học giảng kinh, trước hết phải học khoa phán. Trước hết, đem bộ kinh này từ đầu đến đuôi chia ra thành ba phần Tự Phần, Chánh Tông Phần, Lưu Thông Phần. Trong Tự Phần lại có ba phần, tức là trong Tự Phần lại có Tự, có Chánh Tông, có Lưu Thông, dùng phương pháp này để chia ra dần dần. Càng chia ra càng tinh tế, quý vị sẽ thấy kinh văn rõ ràng, rành mạch.

Trong kinh Phật, như trong bản in cuốn kinh này, những chỗ phía trước có hình tròn, những chữ ghi sau hình tròn đều là khoa phán (Đây là cách phân đoạn bản chú giải thuở xưa. Chẳng hạn phân đoạn thứ nhất là Giáp, trong phân đoạn đó có ba đoạn nhỏ, thì mỗi đoạn nhỏ được đánh số là Ất. Trong mỗi đoạn Ất, lại chia

thành nhiều ý nhỏ thì mỗi ý nhỏ được đánh số là Bính v.v...); trong kinh Phật, [cách khoa phán như vậy] gọi là Bán Khoa. Bán Khoa là gì? Là [khoa phán] được ghi kèm vào phía trước mỗi đoạn kinh văn. Toàn Khoa là gì? Vẽ cả bản kinh thành biểu giải, đặt đầu cuốn kinh, đó là Toàn Khoa. Có kinh có, có kinh không, như phần Khoa Văn Biểu Giải trong kinh Hoa Nghiêm Kinh do chúng tôi đã in chính là Toàn Khoa (*trích A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa - Phần 51-Chủ giảng Lão pháp sư Thích Tịnh Không - Chuyển ngữ - Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa- Giáo duyệt Minh Tiến, Huệ Trang và Đức Phong*)

Đọc thêm:

Quý vị xem kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm, khoa phán, biểu giải cả một cuốn sách to! Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm to lớn dường ấy, nhưng nó có mạch lạc, có thứ lớp, chẳng loạn một điểm nào. Kinh lớn nhất trong những kinh Phật là kinh Đại Bát Nhã, gồm sáu trăm cuốn, có khoa phán hay chăng? Có! Khoa phán gồm mười mấy cuốn, tôi đã từng thấy rồi, cũng là dùng biểu đồ vẽ ra, công sức của cổ nhân thật phi thường. Bởi thế, quý vị đồng học muốn học giảng kinh thì quan trọng nhất là phải biết lập khoa phán. Quý vị nắm chắc được một bộ kinh, có thể nắm từ đầu đến cuối là nhờ biểu giải; chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì là quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy. Thông đạt kết cấu, chương pháp trên mặt văn tự, thì ắt hẳn cũng thông đạt được

nghĩa lý, chẳng bị giảng lầm.

Trước kia tôi học kinh giáo ở Đài Trung, thầy Lý Bình Nam thường bảo chúng tôi: “Khoa Phán là một môn học vẫn không thể không hiểu”. Bắt đầu học bằng cách nào? Bắt đầu bằng việc học nơi người khác. Tôi học Khoa Phán tại thảo am của Sám Vân pháp sư. Sám Vân pháp sư (tôi ở thảo am của Ngài năm tháng rưỡi) giao cho tôi ba cuốn sách, A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư, A Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, và A Di Đà Kinh Viên Trung Sao của U Khê đại sư, đều là kinh A Di Đà, là ba tác phẩm chú giải đầy thắm quyền trong lịch sử.

Trong bản chú giải Sớ Sao có khoa phán, đại sư phân chia rất kỹ, nhưng dùng Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân (1) để phân chia. Đương nhiên, nếu đọc cổ thư đã quen thì chẳng có vấn đề gì, đầu óc rất sáng suốt rồi, nhưng đối với người hiện tại thì rất khó khăn! Bởi thế, Sám Vân pháp sư dạy tôi vẽ thành biểu giải (biểu đồ). Cách vẽ biểu giải ra sao? Theo cách của Hoàng Nhất đại sư. Hoàng Nhất đại sư soạn rất nhiều chú sớ, đều có vẽ biểu đồ. Pháp sư Sám Vân dạy tôi dùng phương thức đó, dựa theo phương thức đó vẽ biểu giải của ba bản chú giải. Vẽ xong biểu giải rồi, tôi vui sướng khôn cùng, vì sao? Ý nghĩa kinh vừa nhìn là thấy rõ rệt ngay, hết thấy rõ ràng cả. Sau này, đến Đài Trung học với thầy Lý, cách này rất hữu ích. Học kinh giáo với thầy Lý mấy năm, tự tôi soạn được mấy bộ khoa phán, rất đáng tiếc là nhiều năm dọn nhà,

lúc dọn nhà đi các nơi, những bản ấy bị mất hết.

Bản khoa phán của bộ kinh dài nhất tôi viết bằng bút lông, hình như viết hơn bốn mươi trang giấy, mỗi trang mười hàng, đó là khoa phán của kinh Phật Thuyết Vị Tăng Hữu Nhân Duyên, kinh này gồm hai quyển. Bản khoa phán ấy rất tỉ mỉ, gần như câu nào cũng chia nhỏ ra, chia thành từng tầng lớp gần như hơn hai mươi tầng. Phối hợp cả Thiên Can lẫn Địa Chi (2) thành hai mươi hai chữ vẫn không đủ; tôi phải dùng số Ả Rập (3), dùng mẫu tự Anh văn. Tôi nhớ hình như đến hơn hai mươi tầng. Khoa Phán là giải thích kinh, vì thế, nếu quý vị biết sử dụng Khoa Phán, biết viết Khoa Phán, tự mình soạn được Khoa Phán thì quý vị thông đạt được kinh ấy, hiểu rõ ý nghĩa chính. Số và Số Sao là giải thích ý nghĩa, nhằm giải thích ý nghĩa một đoạn, một câu kinh nào đó, còn giải thích toàn kinh là khoa phán.

Khi nền học vấn Phật pháp truyền đến Trung Quốc, Nho Gia có lối học chương cú; thật ra, có người nói cách học chương cú là học theo cách lập Khoa Phán của Phật pháp. Chúng tôi biết rõ cách phan âm (pinyin) của Trung Quốc đúng là học từ Hoa Nghiêm tự mẫu mà ra (4), bởi lẽ Phạm văn là phan âm (có nghĩa là mỗi chữ Phạn được ghép bằng các mẫu tự). Đây là nói về sự ảnh hưởng của kinh Phật đối với văn học Trung Quốc, truyền rất nhiều chỉ dạy hữu ích cho các văn học gia Trung Quốc khiến họ có những phát minh. Chữ Quán là xuyên suốt, tức là văn chương đến mức hay

khéo, ba chữ sau không có nghĩa như vậy. (Trích: Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm, Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký, phần 2, Lão pháp sư Thích Tịnh Không giảng tại Úc Châu Tịnh Tông Học Viện, Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa).

³⁸ **“Phán khoa”**: Là Khoa Hội

³⁹ **“Biên địa nghi thành”**: Sách Lược Luận còn viết: “Biên Địa là ý nói trong năm trăm năm chẳng được nghe đến Tam Bảo, giống như cái nạn [sanh nơi] biên địa, hoặc cũng là ở tuốt ngoài bìa cõi Cực Lạc. Thai Sanh là ví như người sanh trong thai, lúc sơ sanh nhân pháp chưa thành. Chữ Biên chỉ cho cái nạn ấy, chữ Thai chỉ sự tối tăm. Hai danh từ này đều là mượn tình huống nơi đây để ví cho tình trạng nơi kia (Ý nói: chữ Biên và Thai đều là thí dụ mà thôi), chứ chẳng phải là biên địa trong tám nạn, cũng chẳng phải là kiểu Thai Sanh bằng thai bào. Do đâu biết thế? Cõi nước An Lạc thuần một bề là hóa sanh, cho nên biết là chẳng thật có Thai Sanh. Do năm trăm năm sau lại được thấy nghe Tam Bảo, nên chẳng phải là nạn biên địa trong tám nạn”.

Lại nữa, “Nghi thành” là nếu ai trong lòng nghi ngờ, niệm A Di Đà Phật thì sanh trong cung điện bảy báu nơi biên địa cõi Cực Lạc, trong năm trăm năm chẳng được nghe đến danh hiệu Tam Bảo. Do chôn đó là nơi kẻ nghi ngờ cư ngụ nên gọi là “Nghi thành”

⁴⁰ **“Thừa như thật chi đạo lai thành Chánh giác”**: Noi theo đạo

như thực (Chân lý) mà đến và thành Chánh giác” (*HT. Tuyên Hóa*)

Như Lai: Phạm, Pali: **Tathagata**. Cũng gọi Như khứ.

Tiếng Phạm **Tathagata** có thể được chia làm 2 là: **Tathagata** (*Như khứ*) và **Tatha-agata** (*Như lai*). Nếu theo cách thứ nhất thì có nghĩa là noi theo đạo Chân như mà đến quả Phật Niết bàn, cho nên gọi là *Như khứ*; còn nếu theo cách thứ hai thì có nghĩa là từ chân lý mà đến (*như thực mà đến*) và thành Chánh giác, cho nên gọi Như lai. Vì đức Phật theo Chân lý mà đến và từ Chân như mà hiện thân, nên tôn xưng Ngài là Như Lai. (*Phật Quang Đại Từ Điển*).

⁴¹ **“Như Lai giả, thị chư pháp như nghĩa”:** Như Lai là chân như của vạn pháp (*Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật kinh. Sđd., tr.751*).

Pháp thân Như Lai là nghĩa chân như của vạn pháp (*Như Lai giả thị chư pháp như nghĩa*) thì không thể là tướng ở trong tướng đối đãi. Thế cho nên nếu bằng vào tướng để thấy pháp thân Như Lai thì không thể thấy được, mà phải bằng vào tướng siêu việt đối đãi, hay nói khác là thấy tướng trong phi tướng, thấy tướng vô tướng mới thấy pháp thân Như Lai.

⁴² **“Vô khứ, vô lai”:** Không đến, không đi.

⁴³ **“Như lộ diệt như điện”:** Như sương cũng như điện.

⁴⁴ **“Đệ nhất nghĩa đế”:** Tục đế (chân lý thế tục) và chân đế (chân lý tối hậu, đệ nhất nghĩa đế, hay thắng nghĩa đế.. .).

⁴⁵ **“Giải linh hoàn tu hệ linh nhân”:** Cởi chuông càn người buộc

chương.

Câu thành ngữ muốn nói, ai là người gây ra chuyện thì chỉ có người đó mới giải quyết được.

⁴⁶ “**Bất khả đắc, vô sở hữu**”: Chẳng thể đạt được, chẳng thể có được

⁴⁷ “**Ứng thọ nhân thiên cúng dường**”: Xứng đáng thiên nhân cúng dường

⁴⁸ “**Phản kỳ đạo nhi hành chi**”: Ngược lại đạo mà đi (hành động theo phương pháp trái ngược)

HÒI HƯỚNG

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh độ
Trên đền bốn on nặng
Dưới cứu khổ ba đường
Nếu có ai thấy nghe
Cùng phát tâm bồ đề
Hết một báo thân này
Đồng sanh về Cực Lạc quốc.

NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT!

Cẩn dịch: Vọng Tây cư sĩ - Email: Vongtaycusi@gmail.com

*Phát tâm cúng dường: Da giới “Thuyết giảng Phật Thuyết Đại
Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác
Kinh” - thành tâm cúng dường.*

HOAN NGHÈNH BẠN ĐỌC ÁN TỔNG SÁCH
(Tải file mềm tại www.niemphatvangsinh.com)

PHẬT DẠY ÁN TỔNG KINH ĐƯỢC MƯỜI CÔNG ĐỨC

1. Đã lỡ phạm tội, nếu tội nhẹ thì liền được tiêu tan, nếu tội nặng thì được chuyển thành nhẹ.
2. Thường được thiện thần ủng hộ, tránh khỏi tất cả ôn dịch, đao binh, giặc cướp, tù tội, lửa cháy, nước trôi v.v...
3. Nhờ chánh pháp mà những kẻ oán thù với mình trong kiếp trước được giải thoát nên tránh được sự khổ sở về tội báo thù.
4. Ác Quỷ Dạ xoa không thể xâm phạm, cọp đói, rắn độc không hại được.
5. Tâm được yên ổn, ngày không có sự nguy hiểm, đêm không có ác mộng, nhan sắc sáng sủa tươi tắn, khí lực dồi dào, việc làm tốt, lợi.
6. Hết lòng phụng sự chánh pháp, tuy không mong cầu nhưng cơm ăn áo mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận phước thọ miên trường.
7. Lời nói và việc làm, trời, người đều hoan hỷ; đến nơi nào cũng được nhiều người kính mến.
8. Nếu ngu si thì chuyển thành trí huệ, bệnh tật chuyển thành lành mạnh, nguy hiểm chuyển thành yên ổn, nếu là đàn bà sau khi chết sẽ chuyển thành đàn ông.
9. Xa lìa các đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), được sanh vào các cõi thiện (người, trời) tương mạo đoan chánh, thông minh, xuất chúng phước lộc hơn người.
10. Dù năng lực để gây căn lành cho chúng sanh, lấy tâm chúng sanh làm ruộng phước và sẽ thu hoạch được nhiều quả tốt. Sanh vào chỗ nào cũng được thấy Phật, nghe pháp; ba thứ trí huệ (Văn, Tu, Tu) mở rộng, chứng được sáu thần thông (thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc và lậu tận thông).

Hòa Thượng Thích Trí Thủ

